

Uktagava

tuyển tập
truyện ngắn



n h à x u ấ t b à n h ộ i n h à v ấ n

AKUTAGAVA

TUYỂN TẬP
TRUYỆN NGẮN

PHONG VŨ *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

CỔNG THÀNH RAXIÔMÔN

Chuyện xảy ra vào lúc sẩm tối. Một tên đầy tớ trú mưa ở cổng thành Raxiômôn.

Dưới chiếc cổng thành rộng ngoài hần ta ra chẳng có một ai. Chỉ còn độc một con đế mèn ngồi trên chiếc cột to, tròn đã đôi chỗ bị róc lớp sơn đỏ. Vì cổng thành Raxiômôn nằm ở khu phố đông người Xudodaku nên có thể có một vài người đàn bà, đàn ông trẻ đội mũ *itimégaxa*⁽¹⁾ và *mômiêbôxi*⁽²⁾ cũng trú mưa tại đây. Thế nhưng, ngoài bọn đầy tớ ra, chẳng còn ai khác vào đấy nữa.

Có chuyện đó là vì vào khoảng vài ba năm gần đây tai họa cứ lần lượt tấn công vào Kiôtô, nào động đất, nào bão, nào cháy, nào đói. Thế là kinh đô vắng vẻ đến lạ thường. Như biên niên sử thời cổ kể thì đến mức người ta bắt đầu đập phá cả tượng Phật chất thành đống ở rìa đường, cả gỗ sơn son thiếp vàng rồi cũng bán làm củi đốt.

Chuyện xảy ra ở kinh đô là như vậy, do đó

(1) (2) Là kiểu mũ đan của phụ nữ và nam giới thời cổ.

chẳng còn ai chăm sóc giữ gìn cổng thành Raxiômôn nữa. Lợi dụng sự bỏ rơi đó, lũ cáo, chồn đến ở. Và bọn trộm cắp cũng trú ngụ tại đây. Rốt cuộc thành cái lệ là người ta mang đến và quăng vào cổng thành những xác chết không được ai thu dọn. Khi mặt trời lặn thì ở đây có một điều gì đó kinh khủng khiến không một ai dám bén mảng đến cổng thành.

Thế nhưng, chẳng biết từ nơi nào vô số quạ tụ lại đây. Ban ngày, chúng vừa kêu la vừa lượn lơ tít trên cao. Đến chiều tối, khi bầu trời trên cổng thành đỏ rực lên vào lúc hoàng hôn thì chúng nổi bật lên trên đó y như những hạt vừng rải rác. Dĩ nhiên bọn quạ bay đến là để rỉa các xác chết ở trong cánh gà của cổng thành. Thêm vào đó, đến lần này vì vào giờ khuya nên không nhìn rõ cái gì cả. Chỉ ở trên những bậc cầu thang đã sứt lở nhô lên vài ngọn cỏ cao ở các kẽ nứt, và đây đó rải rác những bãi phân quạ khô bạc phếch.

Tên đầy tớ vận bộ quần áo xanh đã được giặt giũ ngồi trên bậc thang thứ bảy, bậc thang cao nhất, thỉnh thoảng lấy tay sờ vào chiếc nhọt phồng lên ở má phải và bồi hồi nhìn mưa rơi.

Tác giả đã viết ở trên là: "Tên đầy tớ trú mưa".

Song giá như mưa đã tạnh, tên đầy tớ cũng chẳng có nơi nào để mà đi tới nữa. Ví thử vào lúc bình thường dĩ nhiên hắn đã phải trở về với nhà chủ. Tuy nhiên, ông chủ mới vài ngày trước đây đã thải hồi hắn.

Như đã nói, vào thời gian này Kiôtô vắng vẻ lạ

thường. Và cái chuyện ông chủ thả hồi tên đầy tớ đã hầu hạ ông ta nhiều năm cũng chỉ là biểu hiện riêng về sự vắng vẻ nói chung. Do đó, có lẽ nói cho hợp lý hơn thì không phải "tên đầy tớ trú mưa" mà là "tên đầy tớ bị mưa đuổi ở dưới cổng thành đang ngồi như một kẻ không còn biết dọn thổ đi đâu cho được". Thêm vào đó, cả thời tiết cũng góp phần không nhỏ vào nỗi u uất của tên đầy tớ thời Hây-an⁽¹⁾. Cũng không có dấu hiệu gì là trận mưa trút xuống từ cuối giờ thân rồi cuộc cũng sẽ tạnh. Và thế là tên đầy tớ một lần nữa, một lần nữa sắp xếp lại những ý nghĩ mông lung, lộn xộn về việc làm thế nào để có thể sống được cho dù chỉ là một ngày mai nữa thôi - nói khác đi nghĩa là bằng cách nào đó để sắp đặt cái không thể nào sắp đặt nổi. Hấn vung tay ra tứ phía mà chẳng nghe, cũng chẳng nghe thấy tiếng mưa rơi trên phố Xudodaku. Tiếng mưa dai dẳng từ xa kéo đến bao phủ lấy cổng thành. Bóng đêm ụp xuống mỗi lúc một thấp hơn và nếu ngược nhìn lên trên đường như mái cổng thành đã phải chống đỡ những đám mây đen nặng nề bằng mép mái ngói của nó.

Để sắp đặt điều không thể sắp đặt được bằng cách nào đó thì cũng chẳng phải phân tích cho đến đâu đến đâu làm gì cả. Nếu phân tích chẳng nữa, về cơ bản cũng chỉ còn lại độc một điều - chết đói bên hàng rào hoặc trên đường phố. Rồi sau đó người ta sẽ mang xác tới đây và quăng đi như quăng một con

⁽¹⁾ Tên một thời kỳ trong lịch sử Nhật Bản (794-1192).

chó. Nếu không phân tích... thì những ý nghĩ của tên đây tớ cũng đã nhiều lần đi qua con đường ấy và cũng chỉ dựa vào mỗi một điều ấy thôi. Song cái từ "nếu như" rất cục vắn như trước chỉ còn lại "nếu như" ấy mà thôi. Khi thừa nhận có thể không cần phân tích cho đến đâu đến đâu, trên thực tế tên đây tớ đã không đủ dũng cảm thừa nhận rằng có thể rút ra từ cái việc "nếu như" ấy là dù muốn hay không cũng chỉ còn một điều - làm kẻ trộm.

Tên đây tớ hát hơi rõ to và mệt mỗi trèo lên trên. Ở Kiôtô vào cái giờ mát mẻ chiều tối lại lạnh đến mức người ta mơ tưởng đến cái bếp lò. Gió cùng bóng tối tự do len lỏi giữa các hàng cột ở cổng thành. Con đế mèn ngồi trên chiếc cột sơn đỏ cũng đã biến đi đâu mất rồi.

Rút cổ lại, nhô vai lên trong bộ kimônô màu xanh mặc ngoài chiếc gilê vàng bó sát người, tên đây tớ nhìn ra xung quanh. Hắn nghĩ rằng nếu có một chỗ có thể ngủ yên tĩnh, tránh được mưa và không sợ những cặp mắt người đời thì cũng đáng trú đêm ở đây. May thay vừa chợt nghĩ thế hắn nhận thấy ngay một bậc cầu thang rộng cũng được sơn màu đỏ dẫn lên ngọn tháp của cổng thành. Ở trên đấy nếu có người thì chỉ là những người chết thôi. Vừa giữ thanh kiếm đeo bên mình cho khỏi tuột ra khỏi vỏ, tên đây tớ đi giày rơm, đặt chân vào bậc cầu thang bên dưới.

Một vài phút trôi qua. Ở giữa bậc cầu thang rộng dẫn lên ngọn tháp của cổng thành Raxiômôn có một người nào đó ngồi thu lu y như một con mèo

đang nín thở và nhìn lên tầng thượng. Ánh sáng yếu ớt từ trên tháp tỏa xuống bên mà phải hắn ta. Chính là cái má mà ở giữa có chòm lông ngắn với chiếc nhọt mừng mủ đồ lựng lên. Tên đây lúc đầu hoàn toàn tin rằng ở bên trên có một số người chết. Song sau khi lên được hai ba bậc thang, hắn mới phát hiện thấy trên ấy có một kẻ nào đó với ngọn đèn - thêm vào đó, ngọn đèn lúc đưa sang bên này, lúc lại đưa sang bên kia. Điều đó đập vào mắt hắn ngay tức khắc bởi vì cái ánh sáng vàng đục rung rinh lướt trên trần nhà bị mạng nhện chăng đầy bốn góc. Nếu như vào cái buổi chiều tối mưa như thế này mà trên tháp của cổng thành Raxiômôn có ánh lửa sáng hắt không phải là chuyện ngẫu nhiên.

Như một con thần lẩn, gần như bò đi, rút cuộc tên đây tổ đã lên tới bậc thang cao nhất, không gây một tiếng động nào. Sau đấy, càng ép sát thân thể được vào bậc cầu thang bao nhiêu tên đây tổ lại vươn dài cổ ra bấy nhiêu và rụt rè nhìn vào bên trong tháp.

Theo lời đồn đại, ở trong tháp có vô số xác chết nằm vương vãi, nhưng vì ánh sáng chỉ cho phép nhìn thấy được một khoảng không gian hẹp hơn nhiều so với điều người ta giả định, nên ở đây có bao nhiêu xác chết tên đây tổ không biết được. Duy chỉ có một cái tuy là lò mờ, nhưng có thể nhìn được, đó là trong số ấy có những cái xác trần truồng và những xác chết mặc quần áo. Dĩ nhiên xác đàn ông và xác đàn bà nằm lẫn lộn với nhau. Tất cả các xác lẫn lóc hỗn độn trên sàn, miệng mở, tay giang ra: y

như những con búp bê bằng đất sét đến mức có thể ngỡ rằng liệu có phải những xác chết đó đã từng là những con người sống một thời. Những phần nhô lên của thi thể như vai hoặc ngực được cái ánh sáng mờ đục chiếu vào chẳng hiểu sao cái bóng của chúng trên những chỗ hõm xuống như đen hơn, lạng lã như những người câm, một sự câm lặng vĩnh hằng.

Bất giác tên đầy tớ bịt mũi lại vì mùi xác chết. Nhưng khoảnh khắc sau đó hần quên mất là cần phải bịt mũi: một ấn tượng quá mạnh gần như đã tước mất hoàn toàn khứu giác của hần.

Đó chính là giây lát đôi mắt hần nhận thấy một hình người ngồi chồm hõm giữa đồng xác chết. Đó là một cụ già tóc bạc, thấp bé, gầy đét như con khỉ vận bộ *kimônô*⁽¹⁾ màu vỏ cây *hinôki*⁽²⁾. Tay phải cầm chiếc đóm gỗ thông đang cháy, cụ chăm chăm nhìn vào mặt một trong số các xác chết. Xét theo mớ tóc dài hần đấy phải là xác một người đàn bà.

Vì sợ hãi và tò mò, tên đầy tớ như quên cả thở. Dùng cách diễn đạt cổ của nhà viết sử biên niên thì hần cảm thấy "da đầu căng phồng lên". Trong khi đó, sau khi cầm chiếc đóm gỗ thông vào kê hở ván sàn, cụ giang cả hai tay về phía đầu xác chết mà

⁽¹⁾ Kimônô: tên gọi bộ quần áo Nhật Bản thời cổ cũng như hiện nay dùng cho cả nam lẫn nữ dưới dạng như bộ áo choàng.

⁽²⁾ Hinôki: một loại cây trắc bá, màu vỏ cây Hinôki như màu sôcôla sáng.

cho mãi đến tận lúc ấy mẹ vẫn nhìn và giống y hệt một con khỉ tìm rận ở khỉ con, mẹ nhổ từng sợi tóc dài một. Rõ ràng những sợi tóc đó ngoan ngoãn vâng theo sự nỗ lực của mẹ.

Cứ nhìn cung cách mẹ già nhổ từng sợi tóc một thì nỗi sợ hãi trong tim tên đầy tớ cũng đã vơi đi được một ít. Và đồng thời trong người hắn lòng căm ghét mẹ già lại cũng nâng lên một chút. Không, nói "căm ghét mẹ già" có lẽ không hoàn toàn đúng. Đúng ra, cứ mỗi lúc người hắn lại tăng thêm sự kinh tởm đối với bất cứ điều ác nào. Nếu như vào lúc ấy, một người nào đó lại đặt ra cho hắn câu hỏi mà hắn đã từng nghĩ đến lúc còn ở dưới kia trên bậc thang của cổng thành - chết đói hay là làm kẻ trộm - chắc chắn không đắn đo gì hắn sẽ lựa chọn cái chết. Lòng căm ghét điều ác bùng cháy trong hắn ta mạnh mẽ như ngọn chiếc đóm thông được cắm vào khe hở ván sàn.

Dương nhiên tên đầy tớ không hiểu vì sao mẹ già lại nhổ tóc của xác chết. Do đó, xét về mặt lôgic hắn không thể biết việc làm đó là điều thiện hay điều ác. Song với hắn thì có một điều: trong đêm mưa ở trên tháp của cổng thành Raxiômôn việc nhổ tóc xác chết là một điều ác không thể cho phép được. Tất nhiên hắn cũng quên bẵng mất rằng vừa mới đây thôi chính hắn đã nghĩ đến việc làm kẻ trộm.

Và thế là sau khi co chân lấy đà, bằng một cú nhảy, tên đầy tớ đã băng mình từ bậc cầu thang vào bên trong tháp. Rồi vừa nắm đốc kiếm, hắn vừa

bước những bước dài đến chỗ mù già. Mù già sợ hãi đến mức nào, thiết nghĩ cũng chẳng có gì để mà nói.

Ngay khi cái nhìn của mù vấp phải tên đầy tớ, mù đã nhảy lên y như bị cung nỏ bắn vào người.

- Đứng lại! Đi đâu ? - Tên đầy tớ hét lên giận dữ, chặn đứng mù trong lúc mù vấp phải xác chết đang bối rối muốn tháo chạy. Dù sao thì mù cũng cố sức đẩy tên đầy tớ. Còn hấn, hấn cũng đẩy lại mù. Họ cứ cầm lạng thế mà đánh nhau, bám chặt lấy nhau một hồi giữa các xác chết. Còn chuyện ai thắng thì đã rõ từ đầu rồi. Kết cục tên đầy tớ trối tay mù lại và ẩy mù ngã xuống sàn. Đôi tay mù da bọc xương chẳng khác gì đôi cẳng gà.

- Mù vừa làm gì vậy ? Nói đi, nếu không, sẽ phải hối hận đó.

Sau khi đẩy mù ra, tên đầy tớ rút kiếm và đưa lưỡi kiếm sáng loáng lên trước mặt mù. Sang mù già nín lặng. Đôi bàn tay run cầm cập, thở không ra hơi, mắt tròn trũng tưởng có thể trườn ra khỏi hốc mắt, mù vẫn ngoan cố nín lặng như một kẻ câm. Chỉ đến lúc này tên đầy tớ mới nhận thức rõ được rằng mạng sống của mù già hoàn toàn ở trong tay hấn. Nhận thức ấy chẳng hiểu sao lại làm người đi cơn thịnh nộ trong lòng hấn. Chỉ còn lại cảm giác yên tĩnh thoả mãn bình thường sau khi kết thúc thắng lợi bất cứ công việc nào. Nhìn mù già từ trên xuống dưới, hấn đã nói nhẹ nhàng hơn:

- Ta không phải là quán cảnh vệ của thành phố. Ta là một lũ khách chỉ vừa mới đi qua dưới cổng

thành. Vì vậy ta không định bắt mụ đâu. Hãy nói cho ta biết xem mụ làm gì vừa mới đây ở trong chiếc thạp này.

Mụ già giương đôi mắt vốn không cần làm thế đã quá to với cặp mí đỏ và nhìn trừng trừng vào mặt tên đầy tớ. Một cái nhìn nhợt sắc của một con ác quỷ. Sau đó, dường như lẩm bẩm điều gì, mụ nhấp máy đôi môi nhẵn nhúm vì những nếp nhăn gần như hòa lẫn vào cả chiếc mũi. Cả cục yết hầu nhợt trên chiếc cổ khẳng khiu của mụ đang di động cũng nổi rõ lên. Từ cổ họng mụ vang lên đến tai tên đầy tớ một giọng nói đứt quãng, chói tai, giống như tiếng quạ kêu:

- Nhổ tóc... nhổ tóc để làm tóc giả.

Tên đầy tớ thất vọng vì câu đáp dường như quá tầm thường của mụ già trái với sự mong đợi của hắn. Cùng với nỗi thất vọng trong trái tim hắn, cơn thịnh nộ mới đây quay trở lại xen lẫn một đôi chút khinh bỉ. Chắc hẳn mụ già nhận thấy điều đó. Vẫn cầm trong tay những sợi tóc dài vừa nhổ được, mụ nói ôm ồm:

- Đó là sự thật, nhổ tóc của người chết có thể là một việc làm xấu xa. Nhưng vì những người chết ở đây tất thấy đều xứng với điều ấy. Như người đàn bà tôi vừa nhổ tóc ở đây chẳng hạn: mụ ta cũng đã từng chặt con rắn thành từng khúc bốn *xun*⁽¹⁾ một tối sấy khô và sau đó đem bán cho đội canh vệ triều

⁽¹⁾ Xun: đơn vị đo chiều dài, xấp xỉ 3,3 mét.

đình giả làm cá khô. Mụ đã sống bằng cách đó. Ví như mụ không chết vì dịch hạch hẳn bây giờ mụ vẫn còn sống. Người ta còn bảo cá khô mụ bán ngon và bao giờ quán cấm vệ cũng mua nó để làm thức nhắm. Có điều tôi không nghĩ mụ ta làm điều xấu. Không làm thế chắc mụ đã chết đói, thế có nghĩa là mụ làm một cách vạn bất đắc dĩ thôi. Và vì mụ ta biết rõ làm một cách vạn bất đắc dĩ là thế nào hẳn mụ ta sẽ không lên án tôi.

Mụ già đã nói như vậy đấy.

Tên đây tớ lạnh lùng nghe câu chuyện của mụ, thanh kiếm đã được tra vào vỏ, còn tủy trái hắc nắm đốc kiếm. Dĩ nhiên trong lúc đó tay phải hắc còn phải sờ lên chiếc nhọt mừng mủ ở trên má. Tuy vậy khi lắng nghe mụ nói, hắc đã cảm thấy can đảm hơn lên. Chính là sự can đảm mà trước đó khi ở dưới cổng thành, trên bậc cầu thang hắc chưa có được.

Và dẹp lòng can đảm đó sang một bên, cái bên đối lập trực tiếp với sự hứng khởi mà vừa đây đã giúp hắc trèo lên tháp, hắc đã tóm lấy mụ già. Hắc không còn phải đắn đo xem nên chịu chết đói hay là làm kẻ trộm; hơn nữa, vào giây phút ấy thật ra hắc đã quá xa vời với ý nghĩ về chuyện chịu chết đói đến mức như là ý nghĩ đó không thể nào vào được đầu óc hắc.

- Thế có nghĩa là thế nào, hả ? - Hắc cười mai mỉa khi câu chuyện của mụ già kết thúc. Sau đấy hắc bước lên phía trước và đột nhiên bỏ tay khỏi chiếc nhọt để tóm lấy cổ áo mụ già và gầm gừ. -

Vậy thì đừng có trách ta nếu ta tước đoạt của mụ. Bởi nếu làm khác đi thì ta cũng buộc phải chết đói.

Tên đầy tớ lột bộ *kimônô* khỏi người mụ già. Rồi hấn xô mụ già đang cố kéo lấy vạt áo của hấn cho ngã xuống đồng xác chết. Chỉ dăm bước chân là ra tới bậc cầu thang thối. Kẹp bộ *kimônô* màu vỏ cây *hinôki* đoạt được của mụ già vào dưới nách, trong chớp mắt, tên đầy tớ đã chạy xuống cầu thang dốc đứng biến vào bóng đêm.

Thoạt đầu mụ già nằm yên như chết, nhưng chẳng bao lâu sau lúc tên đầy tớ ra khỏi cửa, mụ trần truồng nhổm dậy từ đồng xác chết. Chằng ra kêu, chằng ra khóc, dưới ánh sáng chiếc đèn gỗ thông còn cháy, mụ bò ra cửa. Uốn cong người đến mức những sợi tóc bạc ngắn cũn buông xuống lòa xòa trên trán, mụ nhìn xuống phía dưới. Xung quanh cổng thành chỉ thấy đêm tối mịt mùng.

Từ lúc ấy tên đầy tớ mất hút không còn dấu tích.

Tháng Tư 1915

KÈXA VÀ MÔRITÔ

1

Đêm. Ở phía trong bờ rào, Môritô nhìn lên vầng trăng tròn vành vạnh và bước đi trên đám lá rụng mà lòng mình chứa nặng nỗi ưu tư.

Chàng tự nói với mình.

"Thế là trăng đã lên. Thường thường thì ta đợi, đợi chờ đến non nao lúc trăng mọc, vậy mà hôm nay ta lại sợ sáng trăng! Chỉ riêng một ý nghĩ là con người ta cho tới lúc này đây vẫn là một con người như thế, vậy mà sau một đêm ta biến mất và từ sáng ngày mai ta sẽ trở thành kẻ giết người - chỉ một ý nghĩ ấy đã làm cả người ta run lên. Ta hình dung đôi bàn tay này sẽ nhuộm máu đỏ. Và ngay trước mắt mình, ta cũng đã là một kẻ đáng nguyên rủa rồi! Hẳn là ta sẽ không bị giày vò đến thế này, nếu như ta sẽ giết một con người mà ta căm ghét. Nhưng đêm hôm nay ta phải giết một người mà ta không hề thù ghét gì.

Ta đã biết về con người đó từ lâu. Thế nhưng,

tên anh ta - Vataru Xuêmôn-nô-dogiô - thì mãi đến hiện nay ta mới biết, ta không nhớ rằng từ lâu ta đã quen với khuôn mặt trắng trẻo, rất diu dằng dặt, dài, ông như thế nào nữa. Khi ta biết anh ta là chồng Kêxa, ta cảm thấy ghen - đó là sự thật.

Nhưng sự ghen tuông đó bây giờ đã mất đi không còn dấu vết nào trong trái tim ta. Và mặc dù Vataru là tình địch của ta, ta không hề thấy căm ghét hoặc ác cảm gì. Không, thậm chí ta còn thông cảm là đáng khác. Khi được nghe thấy rằng bao nhiêu khổ sở đã trút vào Vataru để chinh phục Kêxa ở cửa sông Kôrômôgavô, thậm chí ta còn nghĩ tới anh ta với mối thiện cảm. Trừn đầy một ước vọng duy nhất là làm cho Kêxa thành vợ mình, thậm chí anh ta còn dám học cả lăm thơ *tanka*⁽¹⁾ cũng nên? Khi ta hình dung tới những vần thơ *tanka* do nhà võ sĩ thực thụ viết ra, ta không sao kìm được nụ cười. Nhưng đó hoàn toàn không phải là nụ cười giễu cợt. Chỉ giản đơn là con người động chạm đến ta lại là con người đã có công làm đẹp lòng một người đàn bà đến như vậy. Cũng có thể nhiệt tình ấy đã mang lại cho ta niềm thỏa mãn đặc biệt bởi vì anh ta đã cố làm đẹp lòng người đàn bà ta yêu.

Nhưng liệu có phải ta yêu Kêxa đến mức có thể nói như vậy được không? Tình yêu của ta đối với Kêxa chia ra làm hai thời kỳ: hiện nay và trước kia.

⁽¹⁾ *Tanka*: thể thơ phổ cập nhất trong thơ ca cổ điển Nhật.

Ngay từ trước khi Kêxa gán bó số phận mình với Vataru, ta đã yêu nàng. Hoặc là ta nghĩ rằng ta yêu. Nhưng bây giờ ta thấy khi đó trong trái tim ta có nhiều điều không trong sáng. Ta muốn gì ở Kêxa vậy? Ta hãy còn chưa biết đàn bà và ta chỉ muốn chiếm đoạt thân thể nàng. Sẽ không phải là cường điệu quá đáng khi nói rằng tình yêu của ta đối với Kêxa chỉ là một sự đa cảm, đa tình tô điểm cho mong muốn ấy của ta. Và đây sẽ là bằng chứng khẳng định điều đó: đã thôi gặp gỡ Kêxa vậy mà suốt ba năm thật tình ta không thể nào quên nàng; nhưng vì tất ta nhớ nàng đến thế nếu khi đó ta đã biết được thân thể nàng? Dù cho có hổ thẹn đến đâu, ta cũng không đủ anh thần để trả lời. Vâng, vì tất là ta đã nhớ nàng đến thế. Và sau đó, tình yêu của ta đối với Kêxa phần lớn lại là nỗi nuối tiếc vì ta vẫn chưa biết thân thể nàng. Bị kích động bởi những tình cảm như thế, cuối cùng ta đã có quan hệ với nàng. Mỗi quan hệ mà ta sợ đến thế và cũng mong đến thế. "Thế còn bây giờ thì sao? - ta lại tự hỏi mình. - Có thật là ta yêu Kêxa không?"

Nhưng trước khi trả lời câu hỏi này, cho dù có khó khăn đến thế nào, ta cũng buộc phải nhắc tới một vài chi tiết. Sau khi tình cờ gặp Kêxa sau ba năm trời xa cách vào hôm lễ cầu siêu ở cầu Vatanabê, thì suốt nửa năm ròng bằng mọi cách ta muốn gặp gỡ bí mật với nàng. Ta đã đạt được điều đó. Không, không chỉ được gặp gỡ mà còn chiếm được cả thân thể nàng, cứ y như thể là trong mơ mới có được ấy. Nhưng cái điều đẩy ta đến chuyện

ấy thì không chỉ là nỗi luyến tiếc trước kia là chưa được biết thân thể nàng. Ngồi với Kêxa trên tám chiếu của một căn phòng ở ngôi nhà ven sông Kômôrôgavô, ta nhận thấy nỗi luyến tiếc ấy đối với ta đã yếu hản đi. Có thể là vì vào thời gian ấy ta đã biết đàn bà. Song có một nguyên nhân quan trọng hơn: Kêxa đã xấu đi rồi. Quả thật Kêxa bây giờ không còn bà Kêxa của ba năm trước. Nước da nàng đã mất vẻ óng ả, dưới mắt đã xuất hiện những quầng đen. Cái vẻ mềm mại yêu kiều của đôi má, của cằm nàng đã biến mất cứ y như đó là chuyện tưởng tượng. Duy nhất có một thứ không biến đổi, đó là đôi mắt đen táo bạo và đầy quyền lực. Tất cả sự biến đổi ấy là một đòn khủng khiếp giáng vào mong ước của ta. Cho đến bây giờ ta vẫn nhớ rõ rằng, khi gặp Kêxa lần đầu tiên sau ba năm xa cách, ta xúc động đến mức không dám nhìn vào nàng.

Vậy thì không còn đăm đuổi với nàng như xưa nữa mà ta vẫn cứ dăn dúi với nàng để làm gì?

Trước hết, do niềm mong muốn kỳ lạ của ta là chinh phục nàng đã thúc đẩy ta. Gặp ta, Kêxa đã cố tình cường điệu khi kể cho ta nghe mỗi tình của nàng với Vataru. Thế nhưng không hiểu sao mà ta chỉ thấy đó là sự giả dối.

"Chỉ có một thứ tình cảm gắn người đàn bà này với chồng, đó là tính hiếu danh" - Ta nghĩ như vậy. "Nàng có thể kháng cự lại, nhưng chỉ là vì sợ ta tỏ ra thương hại chăng?" - ta lại nghĩ. Thế là ở trong ta bùng cháy một khát vọng thật mãnh liệt là phải vạch trần sự giả dối này. Nếu như người ta hỏi ta vì

sao ta lại cho đó là sự giả dối, và sẽ nói với ta rằng nếu thế, cái tính tự phụ của ta dường như cũng mang ý nghĩa như vậy thì ta sẽ không thể nào phản bác được. Đầu có thể đi chàng nữa, ta vẫn tin rằng đó là sự giả dối. Và cho đến nay ta vẫn tin như vậy.

Thế nhưng lòng mong muốn chinh phục nàng không phải là tất cả những thứ xâm chiếm ta khi đó. Ngoài ra,... cứ nghĩ phải nói ra điều này ta cảm thấy như tay đã nhúng chàm. Ngoài ra, cái khát vọng thoãn túy nhục dục đã xâm chiếm ta. Đó không còn là nỗi nuối tiếc chưa được biết tới thân thể nàng. Không, đó là một thứ tình cảm còn hèn hạ hơn, hoàn toàn không thiếu gì ở chính người đàn bà này, đó là lòng mong muốn vì mong muốn. Đến ngay như một gã đàn ông mua một mụ đàn bà trác táng, có lẽ cũng không phải là tí tiệp đến mức như con người ta khi đó.

Dù sao chẳng nữa thì dưới ảnh hưởng của tất cả những thứ thúc đẩy ấy ta đã dạn dĩ với Kêxa. Hoặc đúng hơn, ta đã làm nhục Kêxa. Bảy giờ quay lại với vấn đề mà ta đã đặt ra cho mình từ lúc đầu... Không, ta không việc gì phải: một lần nữa tự hỏi mình xem liệu ta có yêu Kêxa không. Qua thời gian, đúng hơn là ta đã căm ghét nàng. Đặc biệt là sau khi mọi chuyện đã xong xuôi, khi nàng nằm khóc, còn ta nâng nàng dậy, ôm chặt lấy nàng - Khi đó đối với ta thì nàng còn tro trên hơn cả ta là một kẻ tro trên! Mái tóc nàng rơi tung, khuôn mặt đỏ hồng lấm lấm mồ hôi - tất cả đều chứng tỏ sự xấu xa của thân thể nàng, của tâm hồn nàng. Nếu như trước

kia ta đã yêu nàng, thì ngày hôm nay sẽ là ngày cuối cùng - tình yêu đã vĩnh viễn biến mất. Hoặc nếu trước kia ta không yêu nàng thì từ ngày hôm nay trong tâm hồn ta đã nảy sinh lòng căm ghét. Có thể nói như vậy được.

Vậy mà... Ôi! Chẳng phải ngày hôm nay vì cái người đàn bà ta không yêu ấy mà ta lại sẵn sàng giết người đàn ông ta không hề oán ghét hay sao?

Trong vấn đề này không ai có lỗi cả. Chính ta đã thốt ra từ cửa miệng điều đó. "Giết chết Vataru nhé!" - Ta đã kê sát môi mình vào tai nàng mà lẩm bẩm. Khi nhớ lại điều này, ta cảm thấy như lúc ấy mình là một thằng điên. Nhưng ta đã lẩm bẩm điều đó. Ta đã bấm môi lại với ý nghĩ sẽ không lẩm bẩm mà lẩm bẩm như vậy. Vì sao mà ta lại muốn lẩm bẩm thế thì ngay cả đến bây giờ ngoảnh nhìn lại, ta cũng không cảm thấy hối hận với. Song, nếu nghĩ cho cùng thì ta cũng không hối hận, oán giận, càng căm ghét nàng bao nhiêu thì ta lại càng muốn lẩm bẩm nàng bấy nhiêu. Mà không có một cái gì lại gần gũi với mục đích ấy của ta hơn là những từ mà ta nói lên: "Giết chết Vataru!", giết chết người chồng mà Kêxa đã từng khoe tình yêu của mình với anh ta, và buộc nàng phải tán đồng điều đó.

Và thế là, với ý đồ ác độc mà chính ta cũng không muốn ấy, đã gọi ra việc giết người. Nhưng nếu như ngay cả những thứ thúc đẩy mà vì thế ta nói "Giết chết Vataru" hãy còn chưa đủ thì sau đấy, một sức mạnh vô hình nào đó (chắc chắn đúng là quỷ dữ) đã chế ngự lương tri ta và hướng ta vào con

đường tội ác. - Giải thích điều này khác đi là không thể được. Hoặc là thế này, hoặc là thế khác, nhưng quả là ta đã ghé miệng lăm bắm vào tai Kêxa chỉ độc một điều như thế.

Khi ấy, chỉ một vài giây phút sau đó Kêxa bỗng ngẩng mặt lên và trả lời rằng nàng bằng lòng với ý định đó của ta. Đối với ta thì điều này không chỉ là sự nông nổi của câu trả lời mà ta hoàn toàn không ngờ tới.

Khi ta nhìn vào khuôn mặt nàng thì trong đôi mắt nàng như ẩn nấp một tia sáng lạ lùng mà ta chưa bao giờ thấy ở nàng. Con dĩ thập thành! - ngay lập tức ý nghĩ ấy đến với khối óc ta. Và một thứ tình cảm giống như nỗi tuyệt vọng trong khoảnh khắc trải ra trước mặt ta tất cả vẻ kinh hãi của cái điều ta nghĩ ngợi.

Tất nhiên chẳng cần phải nhắc lại rằng khi đó một nỗi kinh tởm đối với khuôn mặt trác táng của nàng sáng lên đã làm cho ta thấy đau đớn. Ví như có thể được thì ta đã phá lời hứa của mình ngay tại chỗ. Ta có thể vui người vợ bội tình này xuống đáy sâu như nhuộm nhất. Có thể là khi đó - cho dù ta đóng vai người đàn bà ấy - lương tâm ta có thể đã ẩn nấp sau nỗi bất bình chính đáng.

Nhưng ta đã không có khả năng làm điều ấy. Khi khuôn mặt nàng đột nhiên thay đổi, và như thể đi guốc trong bụng ta, nàng nhìn chằm chằm vào mắt ta thì ta phải công khai thú nhận: ta buộc phải hứa sẽ giết chết Vataru và định hãm cả ngày giờ, bởi

vì ta sợ: nếu như ta không bằng lòng thế Kêxa sẽ trả thù ta. Và cho đến bây giờ nỗi sợ hãi đó vẫn đè siết lấy trái tim ta.

Nếu một ai đó chế giễu ta như chế giễu một kẻ nhát gan thì xin cứ việc cười chế giễu. Chỉ có kẻ nào không nhìn thấy Kêxa lúc đó mới dám cười như thế. "Nếu ta không giết Vataru thì Kêxa - dù không phải chính bàn tay nàng - thế nào cũng sẽ giết ta. Thế chẳng thà bản thân ta sẽ giết Vataru có hơn không!" Ta tuyệt vọng nghĩ thế và nhìn lên đôi mắt đang khóc mà không ra nước mắt của nàng.

Ta đã thế, và khi nhìn thấy đôi mắt nàng cúi xuống và cười lên sáng sặc đến nỗi trên đôi má xanh xao lộ ra lúm đồng tiền thì phải chăng cơ sở của nỗi sợ hãi của ta đã không đứng vững nữa?

Ôi, vì cái lời thề đáng nguyên rủa ấy ta đã phải chấp nhận tội giết người làm hoen ố, hoen ố đến hai lần tâm hồn ta! Nếu như đêm nay ta phản lời thề... Không, ta cũng không thể nào chịu nổi điều đó. Trước hết là vì ta đã thề với con người ấy. Và thêm vào đó, ta đã nói là ta sợ bị trả thù. Và đó không phải là điều giả dối. Nhưng vẫn có một điều gì đó.

Điều gì vậy? Chắc đó phải là điều gì vĩ đại để thúc đẩy ta, một kẻ nhát gan như vậy đi đến chỗ giết một con người vô tội chẳng? Ta không biết. Ta không biết, nhưng đôi khi... Không, không thể được! Ta khinh bỉ người đàn bà ấy. Ta sợ. Ta căm thù. Nhưng dù sao... và dù sao... có lẽ là ta vẫn còn yêu nàng...".

Vẫn tiếp tục đi đi lại lại. Môritô không nói thêm một lời nào nữa. Trăng sáng. Đâu đó vang lên tiếng người ca bài *Imanô*⁽¹⁾.

*Ôi, tâm hồn, ôi trái tim
của con người!*

*Người như thể bóng đêm
tôi tắm kín mít.*

*Người chỉ sáng lên một ngọn lửa
là dục vọng thấp hèn,
Rồi lại tắt đi không còn dấu vết nào
Đó là tất cả cuộc sống của người.*

2

Đêm. Sau khi ở giường nhổm dậy, Kêxa quay lưng về phía ánh đèn nhấm cánh tay áo và lòng nóng trêu sự sợ hãi.

Nàng tự nói với mình:

"Liệu chàng có đến không? Hay chàng sẽ không đến? Không thể nào chàng không đến được. Thế nhưng trăng đã sắp lặn rồi mà vẫn chưa thấy tiếng chân chàng - có thể chàng đã nghĩ lại rồi chăng? Và bỗng nhiên chàng sẽ không tới nữa chăng? Ôi, lúc đó thì ta lại sẽ phải hổ thẹn nhìn lên mặt trời, như một ổ đàn bà trác táng! Làm sao mà ta chịu nổi sự

⁽¹⁾ Imanô: hình thức thơ phổ biến vào thế kỷ XI-XIII gồm hai đoạn tứ tuyệt xen kẽ những dòng thơ - 7 âm tiết.

hèn mặt, sự dẽ tiện như thế được? Lúc đó ta sẽ chỉ như một xác chết lả lốc trên đường.

Một ả đàn bà nhục nhã, bị giầy xéo, rồi đáng phải chết đi cho xứng với tội ác vẫn phơi bày cả nỗi nhục nhã của mình ra ánh sáng, mà dù thế, ta vẫn phải lặng thinh như kẻ câm người điếc. Nếu như chuyện đó xảy ra thì hãy để cho ta chết đi - cho dù cái chết cũng không làm giảm bớt nỗi đau đớn của ta! Không, không, nhất định chàng sẽ đến! Ta không thể nghĩ khác được kể từ lúc chia tay ta nhìn lên đôi mắt chàng. Chàng sợ ta. Chàng căm thù ta, chàng khinh bỉ ta, song dù sao chàng vẫn sợ.

Quả thực; nếu ta chỉ dám trông cậy vào mỗi bản thân mình thôi, thì chắc ta không thể nào nói rằng nhất định chàng sẽ đến. Không, ta còn hy vọng vào nỗi sợ hãi thấp hèn sinh ra bởi tính ích kỷ của chàng. Đó là lý do vì sao ta có thể nói như vậy. Nhất định chàng sẽ mò tới đây...

Ta không còn khả năng hy vọng ở chính bản thân mình nữa - ta thật là một con người đáng thương làm sao!

Ba năm trước, ta trông cậy hơn hết ở ta, ở sắc đẹp của ta. Ba năm trước... có lẽ, để gần với sự thật hơn có thể nói trước cái ngày hôm ấy. Ngày hôm ấy, khi gặp chàng trong căn phòng ở ngôi nhà nhỏ của bà cô ngay từ cái nhìn đầu tiên ta đã thấy cái xấu xa của ta trong trái tim chàng. Khuôn mặt chàng điềm tĩnh và như chưa hề có chuyện gì xảy ra, chàng đã nói với ta những lời âu yếm để quyến rũ

ta. Nhưng phải chăng những lời nói ấy có thể làm siêu lòng trái tim người đàn bà đã một lần hiểu ra sự xấu xa của mình!

Ta chỉ thấy đau khổ. Ta sợ. Ta buồn. Ta nhớ lại, ta hoảng sợ như thế nào khi vào tuổi ấu thơ ở trong tay người nhũ mẫu, ta nhìn thấy nguyệt thực - Nhưng điều đó vẫn tốt đẹp hơn bây giờ biết bao nhiêu! Tất cả mọi ước mơ tan đi ngay tức khắc. Một nỗi buồn bao phủ lấy ta như lớp bình minh mưa. Run lên vì buồn bã, rốt cuộc ta đã hiến cái thân thể đang nào cũng đã chết rồi cho con người ấy. Con người mà ta không yêu, mà ta căm ghét, mà ta khinh bỉ, con người dâm dăng ấy...

Có lẽ ta sẽ không chịu nổi nỗi buồn xâm chiếm lấy ta khi ta nhìn thấy sự xấu xa của mình chẳng? Và ta muốn đánh lừa tất cả khi ta ngã đầu vào ngực chàng cứ y như là lúc xúc cảm mạnh mẽ nhất ấy chẳng? Hoặc là chỉ cái thú nhục cảm bản thủ đã xô đẩy ta cũng như chàng chẳng? Chỉ riêng một ý nghĩ ấy thôi đã làm ta thấy hổ thẹn. Thật là hổ thẹn! Thật là hổ thẹn! Nhất là cái lúc ta thoát khỏi vòng ôm của chàng, ta mới khinh bỉ chính bản thân ta làm sao!

Dù ta muốn kìm nước mắt, vì giận dữ và buồn bã nó vẫn cứ chảy ra hoài. Nhưng đó không phải là nỗi buồn về sự bội tình. Điều đau đớn nhất là sau khi bắt ta phá vỡ sự chung thủy của mình, người ta còn sỉ nhục ta, còn căm thù ta như một con chó hủi và người ta còn hành hạ ta nữa. Còn sau đấy, ta đã

làm gì vậy? Bây giờ đối với ta, điều đó thật lờ mờ chẳng khác nào một ký ức xa xôi.

Ta chỉ còn nhớ là ta đã khóc nức nở và đột nhiên râu chàng chạm vào tai ta, và chàng vừa thở hổn hển vừa thì thầm: "Giết chết Vataru nhé?" Sau khi nghe thấy những lời này, ta cảm thấy có một tình cảm lạ lùng mà chính ta cũng không hiểu nổi là được trở về với cuộc sống. Nhưng cái cuộc sống ấy mới khác ánh sáng mặt trời làm sao! Cho dù thế đi nữa, phải chăng những lời khủng khiếp ấy đã không an ủi ta đó sao? Ôi, phải chăng ta, phải chăng người đàn bà có thể vui mừng bởi tình yêu của người đàn ông khác đến mức có thể sẵn sàng giết chồng mình?

Cảm thấy được quay trở về với cuộc sống, một cuộc sống buồn thảm như ánh trăng đêm hôm nay, ta chỉ khóc và khóc. Thế rồi sau đó? Sau đó? Khi ta đã bắt chàng thể giết chồng ta thì sao nhỉ? Chỉ khi chấp nhận lời thể, lần đầu tiên ta mới nhớ tới chồng. Ta nói thật lòng - đó là lần đầu tiên. Trước đó ta chỉ nghĩ về ta thôi, về cả nỗi nhục của ta. Và chỉ đến lúc ấy ta mới nhớ tới chồng, một người chồng hiền lành...

Không, không phải là nhớ tới chồng. Trước mắt ta khuôn mặt chồng bừng sáng sống động vừa mỉm cười, vừa nói với ta điều gì đó. Chắc hẳn mưu đồ của ta lay động trong trái tim ta đúng vào lúc ta nhớ tới khuôn mặt ấy. Bởi vì đúng vào lúc đó, ta quyết định chết. Ta vui mừng vì ta đủ sức để quyết định thế.

Nhưng sau khi khóc, ta ngẩng mặt lên nhìn vào Môritô thì lại một lần ta đọc được trong trái tim chàng rằng ta thật là hèn mạt, và tất cả niềm vui của ta tắt ngấm. Ta lại nhớ tới cái bóng đen hôm nguyệt thực mà người nhũ mẫu bế ta. Dường như trong khoảnh khắc tất cả những ý nghĩ độc ác ẩn nấp trong đáy sâu niềm vui mừng của ta lao vút ra. Nếu như ta phản bội chồng ta thì điều đó có nghĩa là ta thật sự yêu chàng chăng? Không, không, ta chỉ muốn mượn cớ ấy để chuộc tội lỗi của mình - tội ta đã hiến thân cho con người ấy. Ta không đủ dũng cảm để kết liễu đời mình mà.

Ta, một con người tràn đầy những dục vọng thấp hèn đã bộc lộ mình trước mọi người trong ánh sáng rực rỡ nhất! Song điều đó vẫn có thể thay đổi được. Ta còn ti tiện hơn thế kia! Ta còn hèn hạ hơn, hơn thế nữa kia ! Với cái cố thay chồng liệu có phải ta không muốn trả thù con người ấy, trả thù vì sự căm ghét của chàng, vì sự khinh bỉ của chàng, vì sự dâm ô bán thú của chàng mà chàng muốn biến ta thành đồ chơi, trả thù vì tất cả?

Và đây là điều để khẳng định: Khi ta nhìn lên khuôn mặt chàng thì sự sôi nổi lạ lùng cũng giống như ánh trăng đã tắt trong ta và đột nhiên nổi buồn như thất lại cả trái tim ta. Ta sẽ chết không phải vì chồng. Ta muốn chết vì chính bản thân ta. Ta muốn chết vì nỗi đau khổ là người ta đã làm cho trái tim ta thương tổn, vì sự độc ác lằng nhục thân thể ta. Đó là lý do vì sao ta muốn chết. Ôi! Cuộc sống của

ta chẳng có nghĩa lý gì. Và chẳng có ý nghĩa gì là cái chết của ta!

Song cho dù cái chết chẳng có nghĩa lý gì đi nữa thì ta vẫn mong muốn nó hơn là cuộc sống. Che giấu nỗi buồn, ta buộc phải mỉm cười và lại một lần nữa ta bắt chàng thể giết chồng ta.

Chàng đồng ý, và qua lời nói của ta, chàng đoán được rằng ta sẽ làm bậy nếu như ta thấy chàng phá lời thề.

Nếu như vậy chàng phải đến, sau khi thề, chàng không thể không đến...

Cái gì thế này, ngọn gió chẳng? Khi ta nghĩ rằng những nỗi khổ sở của ta bắt đầu từ ngày ấy đến đêm hôm nay cuối cùng sẽ chấm dứt, trái tim ta cảm thấy thanh thản hơn. Ngày mai mặt trời sẽ cho choàng ánh sáng lạnh lùng lên thì thể đã mất đầu của ta. Khi mà chồng ta nhìn thấy cảnh ấy... Không, không nên nghĩ đến chồng, chồng ta yêu ta. Nhưng ta lại không cần đến tình yêu ấy. Thời xa xưa ta chỉ có thể yêu mỗi một người. Và con người duy nhất đó đêm hôm nay sẽ đến giết ta. Thậm chí dưới ánh đèn đỏ leo lét này ta cũng cảm thấy mình như rực sáng lên. Ta đã quá mệt mỏi vì người tình của mình..."

Kêxa tắt đèn. Chẳng bao lâu trong bóng đêm có tiếng khép cửa sổ nhẹ nhàng. Và ánh trăng xanh đã lọt qua khe cửa.

SỢI TƠ NHỆN

1

Hôm ấy một mình Đức Phật đi dạo ven bờ đầm trên Niết Bàn.

Cả đầm toàn là sen trắng trong như ngọc, và nhị sen vàng tỏa ra xung quanh một mùi thơm ngọt ngát ngào.

Lúc đó là buổi sáng trên Niết Bàn.

Đức Phật dừng lại đầm chiêu suy nghĩ và bỗng nhiên Người nhìn thấy qua ô cửa sổ nước lấp lánh giữa các tàu lá sen to bản tất cả những gì diễn ra phía dưới ở tận đáy Đầm Sen.

Chiếc đầm trên Niết Bàn sâu hút mãi cho tới tận âm phủ.

Qua lớp nước trong suốt như pha lê, ngọn núi Kim và dòng sông Xandôdu⁽¹⁾ hiện rõ mồn một y như nhìn qua con mắt ống nhòm vậy.

⁽¹⁾ Sông Xandôdu: dòng sông mà các phạm nhân sau khi chết, phải đi qua trước khi rơi xuống địa ngục.

Ở tận dưới đáy âm phủ hằng hà sa số phạm nhân chen chúc nhau. Và rồi Đức Phật đã đưa mắt nhìn và dừng lại ở một phạm nhân tên là Kandata.

Kandata này là một tên cướp hung bạo. Hắn đã phạm rất nhiều tội ác: giết người, cướp của, đốt nhà, nhưng dù sao tính sổ thì hắn cũng còn có được một việc thiện.

Có lần đi qua rừng hắn nhìn thấy ở ven con đường mòn một con nhện nhỏ tí xíu. Kandata đã đưa chân ra định giẫm nát nó, nhưng rồi hắn tự nhủ: "Không, cho dù nó bé thật, song nói gì thì nói chứ nó vẫn là một sinh vật. Giết chết nó một cách vô ích thì thật đáng tiếc".

Và hắn đã tha chết cho con nhện đó.

Ngắm nhìn cảnh tượng dưới âm phủ, Đức Phật nhớ ra rằng tên cướp Kandata có lần đã giành sự sống cho một con nhện và Người muốn, nếu có thể thì sẽ cứu tên phạm nhân này ra khỏi địa ngục để đền bù cho dù chỉ là một việc thiện nhỏ. May thay, đúng lúc ấy một chú nhện trời sa xuống trước mặt Đức Phật. Nhện nhả ra một sợi tơ bạc tuyệt đẹp rủ xuống đất như một sợi ngọc thạch chạm vào lá sen.

Đức Phật cẩn thận lấy tay cầm sợi tơ cực mảnh đó rồi thả nó xuống khoảng nước giữa các cây sen trắng như ngọc. Sợi tơ nhện bắt đầu buông thẳng xuống mãi cho đến tận đáy sâu âm phủ.

2

Ở đó, dưới đáy địa ngục, Kandata cùng với các phạm nhân khác đang phải chịu nỗi đau đớn kinh khủng, tại Hồ Máu, lúc thì dềnh lên trên, lúc thì chìm sâu xuống.

Nhìn vào đâu cũng chỉ thấy độc bóng tối mịt mù. Chỉ một đôi lúc mới thấy thấp thoáng mờ nhạt một cái gì đó trong bóng đêm. Đó chính là những chiếc kim nhọn hoắt lấp lánh trên núi Kim khủng khiếp. Chẳng có lời nào có thể miêu tả nỗi sợ kinh hãi rùng rợn của cảnh tượng ấy. Xung quanh tịch mịch như trong một nấm mồ. Chỉ đôi lúc nghe thấy tiếng thở dài nào nuốt của phạm nhân.

Những linh hồn tội lỗi bị quật ngã sau bao nhiêu nhục hình ở tận đáy sâu thẳm nhất của âm phủ không còn đủ sức để khóc than rên rỉ nữa.

Thành thử ngay một tên cướp khét tiếng như Kandata, sặc lên trong Hồ Máu cũng chỉ còn co rúm lại như con ếch lúc hấp hối mà thôi.

Đột nhiên Kandata ngẩng đầu lên và nhìn vào bóng đêm treo lơ lửng trên Hồ Máu. Từ cái bóng đêm hoang vu ấy, từ tí trên bầu trời xa thẳm thẳm, một sợi tơ nhện ánh bạc, lấp lánh như một tia sáng cực mảnh đang buông xuống chính chỗ hắn ta mà dường như tất cả các phạm nhân khác không nhìn thấy.

Kandata nắm chặt lòng bàn tay vì sung sướng. Cần phải nắm lấy sợi tơ nhện này và leo lên nó, lên

mỗi lúc một cao hơn. Khi ấy, chắc hẳn là sẽ vượt ra khỏi được âm phủ.

Và biết đâu được, nếu gặp may sẽ lên tới tận Niết Bàn. Người ta sẽ không tốn mi lên đỉnh núi Kim, không quẳng mi xuống Hồ Máu một lần nữa.

Thấy khoan khoái hẳn vì niềm hy vọng ấy, hắn bám cả hai tay rất chắc vào sợi tơ nhện và bằng cả sức mình leo lên trên.

Đối với hắn, một tên cướp giàu kinh nghiệm thì đó là một việc rất quen thuộc.

Song từ âm phủ đến được nơi trú ngụ ở cõi Niết Bàn phải xa tới hàng vạn dặm. Cho dù hắn có cố đến thế nào chăng nữa thì lên được đến đỉnh núi cũng không phải dễ dàng. Leo mãi, leo mãi, nhưng cuối cùng Kandata, một lực sĩ như vậy cũng thấy thấm mệt. Hắn không thể nào trèo một mạch không nghỉ lên tận bầu trời.

Không thể nào làm khác được, hắn phải nghỉ. Thế là hắn dừng lại ở nửa đường, vẫn bám lấy sợi tơ nhện và bỗng nhiên hắn cúi nhìn xuống phía dưới, xuống cái khoảng trống sâu thẳm.

Không phải ngẫu nhiên mà Kandata kiên trì leo lên theo sợi tơ nhện mảnh này. Cái Hồ Máu, nơi mà vừa mới đây hắn phải chịu những nỗi đau đớn hãi hùng như đang chìm trong bóng tối mịt mù. Chỉ còn đỉnh ngọn núi Kim khỉnh khiếp lấp lánh mờ mờ ảo ảo trong bóng đêm của đáy địa ngục như đã ở phía dưới chân hắn rồi. Nếu như hắn vẫn tiếp tục leo khéo léo như vậy thì có lẽ chắc chắn là hắn sẽ thoát khỏi gánh nặng ở âm phủ.

Bám chắc lấy sợi tơ nhện, Kandata lần đầu tiên sau nhiều năm lại tìm thấy được giọng nói của con người và hắn vừa cười to vừa hét lên:

- Ta thoát nạn rồi! Thoát nạn rồi!

Và bỗng nhiên hắn nhận thấy cả một đoàn những phạm nhân khác không sao đếm xuể đã bám đầy vào sợi tơ nhện như đàn kiến leo theo sau hắn ngày một lên cao hơn.

Trước cảnh tượng đó, vì sợ hãi và sững sốt, một lúc lâu Kandata chỉ còn biết đảo mắt nhìn và há hốc miệng ra như một thằng ngốc.

Một sợi tơ nhện mảnh thế này khó khăn lắm mới chịu nổi một mình hắn, thì làm sao nó có thể đủ sức chịu đựng số người nhiều đến thế này!

Ví như sợi tơ nhện đứt thì chính hắn ta - hắn nghĩ - đã lên cao đến chừng này rồi sẽ ngã lộn nhào xuống địa ngục. Thế là phải vĩnh biệt niềm hy vọng được thoát nạn!

Trong lúc hắn tự nhủ thế thì những phạm nhân cả một đàn một lũ đã leo lên khỏi đáy đen tăm tối của Hồ Máu. Hàng trăm, hàng nghìn phạm nhân giăng ra một hàng như một dây chuyền dài đang vội vã leo lên theo sợi tơ nhện lấp lánh như một tia sáng mảnh. Cần phải làm một điều gì đó thật mau, nếu không thì chắc chắn sợi tơ nhện sẽ đứt và hắn sẽ ngã lộn nhào xuống âm phủ.

Và Kandata gào lên thật to:

- Này, lũ phạm nhân các người! Đây là sợi tơ

nhện của ta! Ai cho phép các người leo lên thế? Hãy tụt cả xuống dưới! Tụt cả xuống dưới, mau lên!

Nhưng điều gì đã xảy ra trong khoảnh khắc ấy?

Sợi tơ nhện cho đến trước lúc đó vẫn nguyên vẹn không sây sát gì bỗng nổ đánh tách một tiếng và đứt phụt ở đúng chỗ mà Kandata bám vào.

Hắn không kịp kêu lên một tiếng "ối" thì hắn đã ngã lộn nhào như con quay quay tít trong gió và ngày một xuống thấp hơn, thấp hơn, cho mãi tới đáy sâu thẳm tối mịt mùng của âm phủ.

Và chỉ còn lại mỗi một đoạn tơ nhện ngắn ngủi vẫn treo lơ lửng và lấp lánh như một tia sáng yếu ớt trong bầu trời không trăng sao dưới âm phủ.

3

Đứng trên bờ Đầm Sen, Đức Phật nhìn thấy mọi chuyện xảy ra từ đầu đến cuối. Và khi Kandata giống như một hòn đá bị quăng xuống chìm ngấm tận đáy Hồ Máu, Đức Phật với vẻ mặt buồn bã tiếp tục cuộc đi đạo của mình.

Trái tim của Kandata không có lòng trắc ẩn, hắn chỉ nghĩ làm sao một mình hắn thoát khỏi âm phủ, và vì điều đó mà hắn bị trừng phạt đích đáng: lại một lần nữa bị nhấn chìm xuống đáy địa ngục.

Trước mặt Đức Phật cảnh tượng đó mới nhục nhã và đáng thương làm sao!

Những bông sen trong Đầm Sen trên Niết Bàn vẫn thờ ơ hồ hững.

Những đài hoa lấp lánh như ngọc vẫn bình thản rung rinh bên chân Đức Phật.

Và mỗi bước chân Người đi thì những nhị sen vàng lại toả ra xung quanh mùi thơm ngạt ngào.

Lúc đó ở Niết Bàn đã sắp đến giữa trưa.

16 tháng Tư 1918

NHỮNG NỖI THỐNG KHỔ CỦA ĐỊA NGỤC

1

Một người thứ hai như Cự Lớn Khôrikava, trước đó tất nhiên là không có rồi, và sau đó vị tất sẽ có nữa. Tương truyền rằng trước khi Cự ra đời, trên đầu giường thân mẫu Cự đức thánh Đạiiốt⁽¹⁾ đã đến. Dầu thế nào đi nữa thì ngay từ lúc ra đời, người ta bảo rằng Cự đã không giống với những người bình thường. Và do đó chúng tôi không ngạc nhiên trước bất cứ việc làm nào của Cự Lớn. Chỉ cần ngắm nhìn cung điện của Cự Lớn bên dòng sông thì chẳng đã thấy đúng như người ta nói là nó "uy nghi" lắm đó sao? Quả thật là với sự hiểu biết đơn sơ của mình, chúng tôi không hiểu được điều đó. Không biết sao mà khi kể về Cự Lớn người ta đã so

⁽¹⁾ Thánh Đạiiốt: một trong năm vị thánh được kính trọng của đạo Phật. Thánh có sáu mắt, sáu tay được thể hiện là một người ngồi trên con bò đực trắng, chiến thắng cái ác.

sánh với Hoàng đế Sư Huân Đì⁽¹⁾ và Ian Đì⁽²⁾, và điều đó có lẽ cũng giống như câu tục ngữ là thăng mù sờ voi. Tuy nhiên, Cự Lớn không chỉ nghĩ đến mình, không chỉ nghĩ đến ánh hào quang và niềm vinh quang của mình. Không, Cự còn bị lôi cuốn vào những thứ thấp kém hơn kia. Như người ta nói thì Cự hân hoan với cả thế giới - trái tim Cự mới cao thượng làm sao.

Đó là lý do vì sao ngay cả lúc Cự Lớn có mặt ở điện Nidgiô khi vô số các hung thần ban đêm nường nấu chúng cũng không dám làm điều gì hại Cự. Chính cả linh hồn đức Ngài Tôru mà người ta đồn rằng, hết đêm này sang đêm khác xuất hiện ở điện Kavarain, trên phố Phương Đông Thứ Ba - thì ở điện này cũng đã hiện hình thành Xiôgama - có nghĩa là ngay cả cái bóng ma ấy cũng biến mất chưa cần phải Cự Lớn lên tiếng. Sức mạnh của Cự Lớn, lớn đến mức chúng ta không phải ngạc nhiên khi dân chúng cả kinh đô - từ già đến trẻ, nam đến nữ, mỗi khi nói về Cự, cứ như là nói đến đức Phật sống. Thậm chí có tin đồn rằng sau khi đi dự ngày Hội Hoa mạn từ Cung điện trở về, những con bò được thắng vào cỗ xe chở Cự Lớn đã giẫm vào một cự già khi cự ta đi qua, vậy mà cự già chỉ còn biết chấp tay lại cảm ơn vì những con bò của Cự Lớn đã giẫm qua bản thân mình.

⁽¹⁾ ⁽²⁾ Sư Huân Đì thế kỷ III trước Công nguyên và Ian Đì thế kỷ IV trước Công nguyên, là các hoàng đế Trung Quốc.

Đấy, các chuyện cứ như thế, do đó sẽ có biết bao nhiêu thứ để kể về Cự Lớn ngay cả vào thời kỳ mai sau nữa. Chẳng hạn trong bữa yến tiệc Cự Lớn đã tặng quý khách hẳn cả ba chục con bạch mã, chẳng hạn khi dựng cầu Nagara, Cự Lớn đã hiến "làm vật tế" ngay cả cậu ấm vị thành niên yêu dấu của mình, chẳng hạn cụ đã bảo cho vị tu sĩ Trung Hoa biết thuật chữa bệnh, thuật mổ ung nhọt ở bắp vế... Nếu cứ tách riêng ra từng thứ mà nói thì chẳng bao giờ nói hết được. Song từ tất cả vô số các câu chuyện có lẽ câu chuyện kinh khủng nhất là cái tấm bình phong vẽ cảnh thống khổ của địa ngục⁽¹⁾ đã xuất hiện như thế nào, mà cho đến bây giờ trong ngôi nhà của Cự Lớn nó vẫn được coi là thứ của cải lớn nhất. Bởi vì đến ngay Cự Lớn, người chẳng có một thứ gì trên đời này làm Cự hoảng loạn cả, vậy mà khi đó Cự cũng phải động lòng. Còn chúng tôi, những kẻ hâu hạ Cự cũng dở sống dở chết, khi nhắc tới chuyện đó. Ngay cả tôi đã hâu hạ Cự Lớn suốt ba chục năm trời mà cũng chưa bao giờ nhìn thấy cái cảnh rùng rợn đến như thế cơ mà.

Song trước khi nói cho quý vị biết chuyện ấy, trước hết cần phải kể tới Họa sĩ Bạc Thầy Iôixikhidê người đã vẽ lên tấm bình phong: Nỗi thống khổ của địa ngục.

⁽¹⁾ Trong lịch sử nghệ thuật Nhật Bản từ cổ xưa cho đến nay các họa sĩ lớn nhất đã vẽ tranh trên lụa, trong đó có tranh trên các tấm bình phong bằng lụa, có hai đến nhiều cảnh.

2

Iôixikhiđê... chắc hẳn ngay đến bây giờ vẫn còn người nhớ tới ông ta. Đó là một họa sĩ danh tiếng đến mức vị tất vào thời đó có một ai cầm bút vẽ trong tay có thể so sánh được với ông ta. Hồi ấy có lẽ ông cũng tới gần năm mươi tuổi. Hãy nhìn lên ông ta - một con người loắt choắt, gầy còm, da bọc xương, một ông già cau có. Ông ta thường đến lâu đài của Cụ Lớn trong bộ áo dài *karigina* vàng khè, trên đầu đội chiếc mũ *mômiêbôxi*. Tính tình ông rất cục cằn, đôi môi ông chẳng hợp gì với tuổi tác cứ đỏ chót, giống một cách thảm hại đôi môi của súc vật. Người ta nói rằng hình như ông liếm bút vẽ do đó màu sơn đỏ bám vào, còn thực hư thế nào thì ai mà biết được? Những kẻ ác khẩu nói rằng bằng tất cả bộ điệu của mình Iôixikhiđê giống như con khỉ, thậm chí người ta còn gán cho ông cái tên tục là: "Xarukhiđê"⁽¹⁾.

Vâng, một khi đã nói đến "Xarukhiđê" thì luôn tiện tôi sẽ kể thêm điều này nữa. Đạo ấy trong lâu đài của Cụ Lớn, người ta đã đưa thêm vào làm hầu phòng cô con gái mười lăm tuổi độc nhất của Iôixikhiđê, một cô gái dễ thương, hoàn toàn không giống với người cha đẻ của mình. Hơn nữa, có lẽ vì mồ côi mẹ từ sớm, nên cô bé trầm tư, thông minh hơn với lứa tuổi của mình, rất quan tâm đến mọi

⁽¹⁾ Xaru: con khỉ.

người, do đó vị quản gia và tất cả kẻ hầu người hạ của Cụ Lớn đều yêu mến cô bé.

Không hiểu vào dịp nào đó, người ta mang đến biếu Cụ Lớn một con khỉ được thuần hóa từ tỉnh Tamba, và cậu ấm của Cụ Lớn, một đứa trẻ nghịch ngợm đủ trò đã gọi con khỉ đó là Iôxikhidê. Chính con khỉ trông cũng ngồ ngộ, mà lại thêm cái tên lóng như vậy nên không một ai trong lâu đài là nén được tiếng cười. Song, nếu chỉ cười không thôi thì cũng chẳng sao, đằng này lại xảy ra chuyện mỗi khi con khỉ trèo lên cây thông trong vườn hoặc bơi bần lên chiếu thì người ta lại thích chí hét rầm lên: "Iôxikhidê, Iôxikhidê" và dĩ nhiên điều đó còn làm cho họa sĩ râu ruột hơn nữa.

Có lần cô con gái của Iôxikhidê mà tôi vừa nói trên đi dọc theo hành lang dài, mang theo một cành mạn và bức thư⁽¹⁾ thì từ phía cửa đối diện, con khỉ Iôxikhidê khập khiễng lao vào phía cô - có lẽ vì nó què chân không leo được lên cột như mọi khi. Và phía sau con khỉ - quý vị biết gì không - một ngài trẻ tuổi vung roi đuổi theo nó và hét:

- Quân ăn trộm xấu xa! Đứng lại, đứng lại!

Nhìn thấy thế, cô con gái Iôxikhidê bối rối, nhưng đúng lúc đó thì con khỉ đã đến chỗ cô, bám vào vạt áo cô và kêu ư ử. Cô gái thấy thương con khỉ hết sức và không kìm nổi mình. Cùng với cảnh

⁽¹⁾ Theo nghi thức trong giới quý tộc cổ xưa ở Nhật Bản, các bức thư thường được mang kèm theo với một cành hoa nào đó.

mặt trong tay, cô giơ ống tay áo sực mùi hoa tím âu yếm ôm lấy con khỉ, cúi người trước ngài trẻ tuổi nói với anh ta rất rành rẽ:

- Em đánh bạo thưa với ngài rằng, dù sao đây cũng là con vật. Xin ngài tha cho nó.

Nhưng ngài trẻ tuổi đó đã đứng trước mặt cô gái và con khỉ. Anh ta cau có giậm chân:

- Lại còn bệnh nó à! Con khỉ đã ăn cắp quýt đấy!

- Nhưng nó là con vật mà... - Lấy hết can đảm cô nhắc lại điều ấy, rồi sau đó với một nụ cười buồn bã, cô nói thêm: - Hơn nữa nó lại tên là Iôixikhiê. Ngài làm thế cứ y như là ngài bực bội với cha em, và em không thể đành lòng nhìn thấy cảnh ấy.

Lúc này, dĩ nhiên, ngài trẻ tuổi đó tự chủ được mình.

- À ra thế!... Vì người cha mà ta sẽ bớt giận và tha cho. - Anh ta miễn cưỡng phải nói thế, rồi quăng bỏ cây roi và đi qua chính chiếc cửa vừa rồi anh ta hiện ra.

3

Tình bạn của cô con gái Iôixikhiê với con khỉ bắt đầu từ dịp đó. Cô gái đã đeo vào cái giải bằng đồ rất đẹp ở cổ nó một quả chuông nhỏ bằng vàng là món quà tặng, của quý bà trẻ tuổi, và con khỉ đã không rời cô gái. Còn có lần cô con gái Iôixikhiê bị cảm nằm trên giường con khỉ đã ngồi túc trực bên

cạnh cô, - và dường như là - với cái miệng rất buồn rầu, lúc nào cũng chỉ gặm móng chân.

Từ bấy trở đi, - thật lạ lùng! - không một ai hành hạ con khỉ như trước kia nữa. Ngược lại, dần dần người ta vuốt ve nó, thậm chí ngay ngài trẻ tuổi đôi khi cũng quăng cho nó lúc thì trái quýt, lúc thì hạt dẻ. Có lần, một ai đó đá con khỉ đã làm ngài trẻ tuổi nổi giận và người ta nói rằng sau đấy chẳng bao lâu Cụ Lớn đã cho phép cô con gái Iôxikhiê ra mắt Cụ với con khỉ ôm trên tay, chính là do Cụ đã biết chuyện ngài trẻ tuổi nổi giận thế nào. Tiện đây cũng xin nói thêm chuyện vì sao mà cô gái lại yêu thích con khỉ đến như vậy cũng đã đến tai Cụ.

- Cháu bé ơi, cháu là đứa con hiếu thảo. Ta có lời khen.

Và như vậy, do ý muốn của Cụ Lớn, cô gái đã nhận được phần thưởng một bộ quần áo *akômê*⁽¹⁾ đồ thắm. Còn đến khi con khỉ cung kính cầm bộ quần áo đó trong tay làm ra vẻ nó đang chiêm ngưỡng, lại càng làm cho Cụ Lớn hết sức thích thú. Thế có nghĩa là Cụ Lớn đã có cảm tình với cô con gái Iôxikhiê chính bởi vì cụ tán đồng sự kính trọng và yêu quý của cô gái đối với người cha được thể hiện qua tình yêu đối với con khỉ, và hoàn toàn không phải là Cụ Lớn hiếu sắc như người ta nói. Thật ra thì lời đồn đại như vậy không phải là không có cơ sở, nhưng tôi sẽ không kể vội mà xin khát lần khác.

⁽¹⁾ Akômê: quần áo phụ nữ thời cổ.

Hiện thời có thừa cơ sở để nói rằng Cụ Lớn không phải là người chiêm ngưỡng dung nhan của một cô gái nào đó con ông họa sĩ.

Vậy là cô con gái Iôixikhiê đã tránh được Cụ Lớn một cách danh dự, song bởi vì cô là một cô gái thông minh nên đã không gây ra sự đổ kỵ của các cô gái hầu phòng khác. Ngược lại, từ bấy trở đi, cô gái và con khỉ được chiều chuộng và thường thường cô đã đi hộ tống quý bà trẻ tuổi trong các buổi ngao du, và có thể nói gần như là không rời bà ta nửa bước.

Song tôi tạm gác chuyện cô gái và kể thêm chuyện về người cha cô ta, họa sĩ Iôixikhiê. Vâng, thế là chẳng bao lâu mọi người đều yêu thích con khỉ, còn chính bản thân Iôixikhiê thì vẫn không chịu nổi ở đằng sau lưng người ta gọi mình là Xarukhiê. Và chuyện đó không phải chỉ ở trong toà lâu đài. Thực ra thì ngay cả cha tu viện trưởng xứ Iôkôgava khi phải nói đến cái tên Iôixikhiê cũng biến sắc mặt như gặp phải con quỷ và hoàn toàn thấy căm ghét ông ta. Người ta bảo nguyên nhân là do Iôixikhiê đã vẽ bức tranh vui về cha tu viện trưởng nhưng bọn tôi tố hèn mọn kháo nhau chuyện đó thì tôi không dám chắc có đúng như thế không. Dẫu sao thì hỏi bất cứ ai ở khắp nơi người ta đều nói xấu về ông. Nếu có ai không nói xấu thì họa may chỉ có đôi ba bạn hữu của họa sĩ. Và có thêm những người xem tranh của ông mà không hề biết chính bản thân ông.

Tuy nhiên, Iôixikhiê không chỉ có cái vẻ ngoài

xấu xí mà tính tình ông ta cũng khả ố, và không thể không nói rằng người ta quả trách ông ta cũng là phải.

4

Còn tính tình ông ta thì thế nào: Ông là người keo kiệt, nhẫn tâm, lười biếng, tham lam và tệ nhất là kiêu kỳ, ngạo mạn. Ra điều ông là họa sĩ số một của đất nước mà. Và điều đó cứ hiện ra lồ lộ trên nét mặt. Giá như đó chỉ là ở cái việc vẽ vời thì cũng đã đành một nhẽ, đằng này, ngay ở cả lĩnh vực khác ông cũng không chịu nhường ai, thậm chí còn nhạo báng cả phong tục, tập quán. Một môn đồ cũ của Iôixikhiđê đã kể lại cho tôi biết rằng có lần một vị thần đột nhập vào ở trong nhà một bậc quyền quý, nhà nữ tằng ni Khigaki, và khi vị này loan tin bằng cái giọng rất khùng khiếp thì Iôixikhiđê đã chẳng thèm nghe mà lại còn vớ lấy cây bút vẽ có sẵn ở đấy và diêm nhiên vẽ lên cái bộ mặt gớm ghiếc của vị đó. Cứ y như thể cuộc xâm nhập của vị thần trong con mắt ông là trò bịp bợm trẻ con.

Con người ông thật kỳ khôi, và do đó khuôn mặt đức Phật Kixiôtên mà ông vẽ cũng chỉ với những nét đơn giản nguệch ngoạc, còn Phật Phudô thì lại như một tên tù khổ sai trần truồng, và ông còn làm nhiều điều không cần thiết nữa. Ấy vậy mà vì thế người ta quả trách thì ông ta chỉ khe khẽ huýt sáo mồm: "Tại sao các thần, Phật được Iôixikhiđê vẽ mà

rồi người ta lại trừng phạt ông ta vì điều đó? Kỳ quặc thật!" Nhưng lời nói ấy làm cả các môn đồ của ông cũng phải sợ và khá nhiều người trong số họ vì tương lai của mình đã vội vàng bỏ ông. Dù thế đi chăng nữa, ông vẫn nghĩ rằng một con người xuất chúng như ông thì vào thời ông không ở đâu trên thế gian này là có cả.

Chẳng cần phải nói trong nghệ thuật hội họa Iôixikhiđê đạt đến đỉnh cao như thế nào. Quả thật là vì tranh của ông vẽ hình nét và màu sắc tất cả đều khác các tác phẩm của những họa sĩ khác nên trong số những kẻ thiếu thiện chí và các đồng nghiệp của ông đã nói rằng ông là tên bịp bợm. Theo lời họ, các bức tranh của Kavanari, hoặc Kanaôka, hoặc của các bậc thầy lão thành danh tiếng khác có khá nhiều chuyện kỳ lạ nói tới: chẳng hạn, hình như bức vẽ trên cánh cửa vào những đêm trăng lại thấy cây mận tỏa hương thơm ngào ngạt, hoặc người ta nghe thấy tiếng những người hầu trong triều đình được vẽ trên bức bình phong đang thổi tiêu. Còn về các bức tranh của Iôixikhiđê thì người ta chỉ nói tới những điều kỳ quặc và gớm ghiếc. Chẳng hạn về bức tranh "Sự tuần hoàn của cuộc sống và cái chết" mà Iôixikhiđê vẽ ở cổng vào ngôi chùa Riugaidi thì người ta kể rằng nếu vào lúc đêm hôm khuya khoắt mà anh đi qua cổng đó, anh sẽ nghe thấy tiếng rên rĩ và tiếng khóc nức nở của ma quái. Hơn nữa, có những người lại quả quyết rằng họ cảm thấy cả mùi hôi thối của các xác chết đang rửa ra. Còn những bức chân dung những

người đàn bà mà ông ta vẽ theo lệnh của Cụ Lớn thì sao? Người ta bảo đúng là chưa đầy ba năm sau những người được vẽ ấy lăn đùng ra ốm như là bị rút mất hồn và rồi họ chết. Cứ nghe những người ác khẩu ấy thì điều đó là bằng chứng tin cậy nhất chứng tỏ trong tranh của Iôixikhiê có ma thuật.

Song bởi vì Iôixikhiê như tôi đã nói, là một con người đặc biệt nên ông ta lại hãnh diện về điều ấy, và có lần Cụ Lớn đã nói đùa ông ta: "Hình như là người yêu thích cái kỳ quái phải không?" - thì ông ta, nhếch đôi môi đỏ hỏn không hợp với tuổi tác của mình cười khẩy rồi trả lời một cách tự đắc: "Vâng, tất cả bọn họa sĩ nông nổi kia không hiểu được vẻ đẹp của cái kỳ quái!" Cho dù ông ta có là họa sĩ số một của đất nước thì trả lời như vậy cũng là ngạo mạn trước sự hiện diện của Cụ Lớn... Không phải ngẫu nhiên một môn đệ mà tôi vừa nhắc tới ở trên, đã ngầm đặt cho ông cái tên lóng là "Tiraâydrư" nhạo báng ông ta vì chuyện ông ta kiêu ngạo. Chắc hẳn các vị biết: Tiraâydrư là tên gọi con quỷ mà hồi cổ xưa từ Trung Hoa sang nước ta.

Song ngay ở Iôixikhiê, ngay ở con người không thừa nhận ai, không thừa nhận điều gì cũng có một thứ tình cảm chân chính của con người.

của mình, tức chính là cô gái hầu phòng của Cụ Lớn. Tôi đã nói rằng cô gái đó dịu dàng, hiếu thảo, nhưng tình yêu của người cha đối với cô cũng không thua kém gì tình cảm của cô đối với ông: và nếu như nói rằng con người ấy chẳng bao giờ cũng vái chầu chiên cá, không bao giờ bỏ một đồng tiền sắm cho cô con gái một chiếc áo hoặc đồ trang sức cho mái tóc thì có thể nói đó là điều nói láo.

Thêm vào đó, tình yêu của Iôixikhiê với cô con gái lại chỉ là sự nâng niu chiều chuộng, còn như việc kiếm cho cô một tấm chồng tốt thì quả là ông không bao giờ nghĩ đến. Lại thế đấy! Nếu như một người nào đeo đuổi cô gái, thì ngược lại, ông không chịu chùn bước dù đó là kẻ đầu trộm đuôi cướp có thể đánh, thậm chí giết chết ngay cả một con người dũng cảm. Do vậy khi theo lời của Cụ Lớn, người ta đưa cô gái làm hầu phòng thì người cha đó rất bất bình, thậm chí dấm cau mặt ngay trước mặt Cụ Lớn. Có lẽ từ đó mà có tin đồn rằng Cụ Lớn mê nhan sắc của cô gái và đã giữ cô ta lại ở trong lâu đài bất kể nỗi bất bình của người cha.

Vả lại, mặc dù những lời đồn đại đó là sai, song Iôixikhiê xuất phát từ tình yêu đối với đứa con gái, đã thường xuyên cầu xin thả con ông ra, đó là sự thật. Một lần khi vẽ cậu ấm Môndôdiu theo lệnh của Cụ Lớn ông đã thể hiện khuôn mặt rất dặt, Cụ Lớn rất hài lòng và đã nói sẽ ban ơn huệ:

- Ta sẽ thưởng cho người cái gì người muốn. Cứ nói nguyện vọng của mình đi đừng ngại!

Khi ấy Iôixikhiđê - quý vị có đoán được không? - đã mạnh bạo nói:

- Xin cụ làm ơn thả đứa con gái của con ra!

Ở trong các lâu đài khác thì đó là chuyện lạ, nhưng những người hầu hạ Cụ Lớn đã được chiếu chuông đến thế, thử hỏi có ai lại dám thô bạo đòi hỏi như vậy chưa? Đến ngay Cụ Lớn, một con người hào hiệp đến như vậy, có lẽ cũng phật lòng. Cụ lặng lẽ nhìn lên khuôn mặt Iôixikhiđê một hồi, sau đó nghiêm khắc nói: "Không được!" rồi Cụ đứng dậy. Và câu chuyện như thế lặp đi lặp lại một vài lần. Nếu nhớ lại, thì cứ mỗi lần như vậy Cụ Lớn lại nhìn lên Iôixikhiđê một cách lạnh lùng hơn. Và chắc hẳn cô gái lo lắng cho người cha nên thường chạy vào các buồng của chị em hầu phòng vừa gặm ống tay áo, vừa đau khổ khóc lóc. Khi đó những lời đồn đại rằng Cụ Lớn mê cô con gái của Iôixikhiđê lại càng mạnh hơn. Một vài người còn nói rằng dường như tấm bình phong vẽ cảnh những nỗi thống khổ của địa ngục xuất hiện là do cô gái đã cưỡng lại những mong muốn của Cụ Lớn: song điều ấy dĩ nhiên là không thể có.

Như tôi hiểu thì Cụ Lớn không muốn thả cô con gái của Iôixikhiđê là bởi vì Cụ thương cho số phận cô gái trẻ. Cụ rất nhân hậu mà cho rằng nếu để cô gái vào tay người cha ương ngạnh như vậy, thì tốt hơn là cứ giữ cô ta trong lâu đài của mình, nơi cô ta có thể sống khoáng đạt hơn. Dĩ nhiên là Cụ có cảm tình với cô gái dễ thương đó. Nhưng bảo rằng Cụ có những ý muốn sắc dục thì đó chỉ là sự bịa đặt của

những kẻ ăn không ngồi rồi. Vâng, không phải thế, có thể nói rằng đó là điều hoàn toàn sai, chẳng có một cơ sở nào cả.

Nhưng dù sao khi Iôxikhiđê gần như bị hất hủi về chuyện cô con gái thì Cụ Lớn - Cụ nghĩ gì tôi không biết - bỗng nhiên cho gọi họa sĩ đến chỗ mình và bảo ông ta vẽ lên tấm bình phong nổi thống khổ của địa ngục.

6

Chỉ cần nói: "Tấm bình phong vẽ cảnh thống khổ của địa ngục" là y như rằng cái bức tranh khủng khiếp ấy cứ hiện lên trước mắt tôi.

Nếu như so với cách thể hiện nổi thống khổ của địa ngục ở những bức khác, thì cần phải nói rằng: Cái mà Iôxikhiđê vẽ không giống với các bức tranh của những họa sĩ khác, trước hết, nếu có thể nói được như vậy, là ở chỗ bố cục bức tranh. Tại một góc của cánh cửa là một chục vị quân vương dưới địa ngục được vẽ nhỏ li ti, còn cả khoảng trống còn lại là ngọn lửa hung dữ cuộn cuộn đến mức có thể nghĩ rằng dường như cả Núi - Gươm, Rừng - Dao bùng cháy. Chỉ có một đôi chỗ loáng thoáng những đốm màu vàng, màu xanh bộ quần áo Trung Hoa của bảy tôi tớ nơi địa ngục mà rồi nhìn vào đâu cũng chỉ thấy ngọn lửa đỏ rực dày đặc, và giữa những lưỡi lửa, đám khói đen quán lại như cây

thánh giá Mandoli và những tia bụi vàng tung tóe đang tan đi.

Chỉ nội trong một bức này sức mạnh ngòi bút đã làm cái nhìn của ta sững sốt, nhưng cả những phạm nhân quần quai trong lửa - hầu như cũng chẳng hề thấy trong các bức tranh vẽ địa ngục bình thường khác. Trong vô vàn các phạm nhân, Iôixikhidê vẽ đủ loại người - từ những bậc thế phiệt cao sang nhất cho đến kẻ hành khất hèn hạ nhất, những quan chức quan trọng trong bộ quần áo triều đình, những quý bà trẻ trung kiều diễm trong những bộ cánh bằng lụa sang trọng, các tu sĩ đạo Phật với chuỗi tràng hạt, bọn tôi tớ trẻ, những nữ hài đồng trong những bộ áo dài bó, những vị bói toán với đồ nghề của họ - Cứ liệt kê, tất cả thì chẳng bao giờ hết được...

Ở những ngọn lửa và đám khói sôi cuộn ấy, bọn tôi tớ đầu trâu mặt ngựa ấy tra tấn làm những phạm nhân quần quai vật vã tứ tung như những cành lá bị gió cuốn đi. Chỗ kia thì một người đàn bà, có lẽ, là một nữ tăng ni tóc treo trên chiếc nạng co rúm tứ chi y như con nhện vậy. Chỗ này một người đàn ông, chắc hẳn phải là một viên tướng nào đó, thanh kiếm xuyên qua ngực treo lủng lọng đầu xuống dưới y như thể con dơi. Người thì bị roi sắt quất vào, kẻ thì bị tảng đá hàng ngàn người đẩy không được đè nặng lên, kẻ thì bị mổ mảnh điều móc xẻ, người thì bị răng con rồng độc ác cắn phập vào - các hình phạt tra tấn cũng như các phạm nhân ở đó thì không kể sao cho xiết.

Song điều khủng khiếp nhất - đó là cỗ xe rơi từ trên cao xuống tận giữa Rừng Dao nhô lên nhọn hoắt như răng nanh con mãnh thú. Ở phía sau tấm rèm bằng tre bị những cơn gió nơi địa ngục tung lên, một người đàn bà ăn mặc lộng lẫy đến mức có thể coi như một mệnh phụ phu nhân với mái tóc đen dài tung bay trong lửa, đang vật vã đau đớn, ngật chiếc cổ trắng về phía sau và hể cứ nhớ tới người đàn bà này, nhớ tới cỗ xe này thì tất cả và tất cả cứ gọi lên trước mắt tôi một địa ngục bốc lửa. Đường như nổi hải hùng ghê gớm của cả bức tranh tập trung trong một con người này. Cái nghệ thuật tàn nhẫn đến mức khi nhin vào bức tranh thì dường như trong chính tai tôi vang lên tiếng la hét rừng rợn.

Để vẽ được một người đàn bà như vậy cũng đã phải xảy ra một chuyện rừng rợn. Bởi vì nếu không như vậy thì đến ngay cả Iôixikhiđê chưa chắc đã có thể vẽ lên nổi thống khổ của nơi âm phủ sinh động đến như vậy. Để sáng tạo ra bức tranh này, ông ta phải trải qua những nỗi đau đớn đến mức chính cuộc sống đã làm ông chán ngấy. Có thể nói cái địa ngục này trên bức tranh là cái địa ngục mà chính Iôixikhiđê, họa sĩ số một của nước mình sẽ phải rơi xuống.

Có lẽ do vội nói cho quý vị về bức bình phong lạ lùng vẽ cảnh thống khổ của địa ngục, tôi đã kể cóc nhảm. Song bây giờ tôi sẽ tiếp tục câu chuyện theo thứ tự và nói tới Iôixikhiđê vào thời kỳ ông ta được lệnh của Cụ Lớn vẽ bức tranh về nổi thống khổ của địa ngục.

Khoảng sáu tháng lôixikhiđê không tới tòa lâu đài và chỉ miệt mài với bức tranh của mình. Lạ lắm kia, lúc nào ông cũng tự nhủ: "Nào, bắt tay vào việc nào!" và thế là một người cha yêu con như ông ta mà rồi quên cả đứa con gái đẻ của mình. Cái cậu học trò mà tôi nhắc tới ở trên kể cho tôi nghe rằng khi nào lôixikhiđê làm việc y như thể có con cáo nhập vào người ông ta. Và quả đúng là thời gian ấy có tin đồn rằng hình như lôixikhiđê muốn nổi danh trong hội họa bởi vì ông đã thể trước Thần Hạnh Phúc. Để xác nhận điều này, một số người nói rằng chỉ cần nhìn trộm xem lôixikhiđê làm việc, lúc đó nhất định ta sẽ nhìn thấy xung quanh ông ta - cả ở phía trước lẫn phía sau, và tứ phía đều có những bóng hồ tinh vây quanh. Quả đúng là một khi cầm bút vẽ trong tay thì ông ta đã quên mất mọi chuyện trên đời ngoài bức tranh của mình. Suốt ngày, suốt đêm, ông giam mình và rất ít khi ra ngoài ánh sáng. Còn khi vẽ trên tấm bình phong những nỗi thống khổ dưới địa ngục thì ông ta hoàn toàn như kẻ điên.

Hơn nữa trong căn phòng của mình mà cả ban ngày cũng buông rèm, dưới ánh sáng cây đèn nhỏ ông ngồi tán bột màu bằng những phương pháp bí mật, hoặc là ông mặc áo *xuikan* hay *karigina* cho các học trò rồi cẩn thận vẽ phác từng người riêng biệt. Ông chẳng bao giờ chịu từ bỏ những chuyện kỳ

cục ấy trong bất cứ công việc nào, từ ngay trước khi bắt đầu vẽ lên tấm bình phong những nổi thống khổ dưới địa ngục. Khi ông vẽ trong ngôi chùa Riugaidđi bức tranh "Vòng tuần hoàn của sự sống và cái chết" (Luân hồi) thì ông đã thản nhiên ngồi bên cạnh những cái xác đã thối rữa ở trên đường mà bất cứ người nào cũng cố tình quay mặt đi, để vẽ một cách chính xác những tay, những chân, những mặt mũi đã gân như thối rữa.

Bằng cách nào mà ông ta lại tìm thấy ở đó cái chất thơ, thì có lẽ không phải ai cũng hiểu. Kể từ những điều đó bây giờ không đủ thời gian, nhưng nếu nói cho các vị cái điểm chủ yếu nhất thì nó là thế này:

Một lần, khi một trong số các học trò của ông (chính cái cậu mà tôi đã nói tới trên) đang nghiền bột mầu thì đột nhiên ông họa sĩ tiến lại gần mà nói với cậu:

- Ta muốn chộp mắt một lát. Chỉ có điều gần đây ta hay mơ những giấc mơ dữ.

Trong chuyện này không có gì đặc biệt, và cậu học trò không ngừng việc nói gọn lỏn:

- Thầy cứ ngủ đi ạ!

Song Iôixikhiđê - nào ai ngờ! - với vẻ mặt rầu rĩ lạ thường bối rối yêu cầu:

- Trong lúc ta ngủ, con hãy ngồi gần chỗ ta được không?

Cậu học trò lấy làm lạ vì chuyện các giấc mơ nào đó mà thầy gặp, song cái yêu cầu trên của thầy

chẳng có gì là vất vả, nêu cậu bằng lòng. Khi đó họa sĩ lại lo lắng và bối rối nói tiếp:

- Nếu vậy thì con hãy đi sang phòng phía sau. Nếu các trò khác đến thì không cho chúng vào chỗ ta.

Đó chính là căn phòng ông vẽ tranh, và tại đó trong căn phòng cửa đóng im lìm tối như đêm, dưới ánh sáng mờ mờ của cây đèn nhỏ có một tấm bình phong với bức tranh mới được phác thảo bằng mực. Nhưng khi các học trò tới đó thì Iôxikhidê đã gối đầu tay ngủ rất say như sau khi làm việc mệt lử. Song chưa đầy nửa giờ sau thì cậu học trò ngồi bên ông như nghe thấy những tiếng rên rĩ khó hiểu nào đó.

8

Những tiếng rên rĩ ngày một to hơn rồi biến thành những lời đứt đoạn - y như người sắp chết đuối la hét trong lúc đang sặc nước.

- Mi nói gì: "Hãy đến chỗ tôi à?" Đến đâu? - "Hãy tới địa ngục. Hãy tới địa ngục lửa!" - Mi là ai? Mi là ai hồi kẻ đang nói với ta? Mi là ai - "Thế người nghĩ rằng ta là ai nào?"

Cậu học trò đành tạm dừng việc nghiên bốt màu sỡ sệt nhím trộm họa sĩ: Khuôn mặt cau có của ông già tái đi, những hạt mồ hôi to đọng trên đó, chiếc miệng răng lưa thưa với đôi môi khô khốc há hoác ra, cứ y như người ngạt thở. Còn trong miệng

có cái gì đó cứ bậm bậy rất nhanh và đó chính là chiếc lưỡi của ông ta. Những lời nói đứt đoạn được thốt ra từ cái lưỡi ấy.

- "Thế người nghĩ rằng ta là ai nào?" - Vâng, đó là mi. Ta nghĩ rằng đó là mi. Mi đi theo sau ta phải không? "Ta nói với người rằng, người hãy đến đi! Hãy đến chốn địa ngục ấy!". Ở địa ngục, ở địa ngục con gái ta đang đợi.

Cậu học trò kinh hãi và đột nhiên cảm thấy hình như từ tấm bình phong có những cái bóng kỳ dị, rung rinh nào đấy đang trườn ra. Dĩ nhiên lúc này cậu học trò đưa tay vào lôixikhiê lay lay đánh thức ông ta, song họa sĩ vẫn nói với chính mình như ở trong cơn mê sảng không thể nào tỉnh dậy được. Cậu học trò cố lấy lại bình tĩnh, vẩy nước - thứ nước để bên cạnh để rửa bút lông - vào mặt ông ta.

- "Cô ấy đang chờ, hãy ngồi vào cỗ xe đi... Hãy ngồi vào cỗ xe này và hãy đi xuống địa ngục!..."

Vào giây phút này thì những lời nói ấy lại biến thành tiếng rên rĩ dường như người đang nói bị chẹn cổ, và lôixikhiê, sau khi bừng mắt, nháy phắt một cái cứ y như ai vừa mới đâm vào ông ta. Chắc hẳn những bóng ma kỳ dị trong giấc mơ hãy còn chập chờn trước mắt ông. Một hồi lâu, ông sợ sệt nhìn thẳng phía trước mặt mình, mồm há hốc, và cuối cùng khi tâm hồn tỉnh lại, đột nhiên ông ra lệnh rất thô lỗ:

- Ta đã tỉnh táo hẳn rồi, thôi đi đi!

Biết rằng không thể trái ý họa sĩ, bởi làm khác

đi thì nhất định bị quở trách, cậu học trò vội vã ra khỏi phòng và khi thấy ánh sáng mặt trời rực rỡ, cậu đã thở phào nhẹ nhõm như chính cậu tỉnh dậy sau một giấc mơ dữ dần.

Song chuyện đó là vật vãnh, khoảng gần một tháng sau, Iôixikhidê gọi một cậu học trò khác vào phòng: họa sĩ đang nhấm nhấm bút vẽ, ngồi dưới ánh sáng mờ mờ của cây đèn nhỏ, quay phắt lại phía cậu học trò bước vào, và nói:

- Này, ta yêu cầu mi điều này: hãy cởi trần truồng ra! - Bởi vì trước kia cũng đã từng có lúc họa sĩ ra lệnh như vậy, nên cậu học trò cởi hết quần áo ra. Lúc ấy Iôixikhidê chẳng hiểu sao, cong môi lên một cách lạ kỳ:

- Ta muốn được nhìn thấy một người bị xiềng xích đến mức dù ta có thương mi đến đâu chẳng nữa, thì mi cũng hãy thực hiện yêu cầu của ta, - ông ta nói điều đó một cách điềm nhiên.

Cậu học trò này là một chàng trai tráng kiện ra dáng là con người cầm kiếm hơn là cầm bút, vậy mà lúc đó cậu cũng thấy sợ. Sau này khi kể điều đó, bao giờ cậu cũng nhắc lại: "Tôi nghĩ không khéo thầy mất trí, và thầy muốn giết chết tôi cũng nên". Song sự do dự của cậu học trò chắc hẳn cũng chẳng làm cho ông họa sĩ nản lòng. Lấy chiếc xiềng sắt nhỏ trong tay, ông ta chăm chú quàng vào đôi vai cậu học trò như vào một kẻ thù địch rồi ông đã xiềng hết cả thân hình cậu học trò, sau đó giật mạnh và cậu học trò không giữ được thăng bằng nữa, đã ngã chổng kênh xuống sàn.

9

Vào giây phút đó thì cậu học trò giống như cái chai *xakê* bị đổ. Cả chân lẫn tay đều bị siết chặt xuống không thương xót, đến mức chỉ có cái đầu là có thể cử động được. Hơn nữa, chiếc xiềng như xiết cả thân hình cậu ta đến mức máu cũng như ngừng chảy, và không chỉ trên mặt, mà cả ở ngực, ở tất cả thân thể cậu ta nước da đỏ lựng lên. Nhưng Iôixikhiê thì hoàn toàn không một chút bận tâm. Cứ đi đi lại lại xung quanh thân thể giống như cái chai đổ nhào xuống, ông ta nhìn ngắm nó từ một phía rồi lần lượt phác thảo từng thứ một. Còn cậu học sinh phải xiềng kia đau đớn đến mức nào thì khỏi cần phải nói.

Chắc chắn là chuyện đó sẽ tiếp diễn như vậy lâu nữa nếu như không có sự cố gì bất ngờ. May thay (có lẽ nói cho đáng hơn - rủi thay) từ chậu cây cảnh đặt ở góc phòng bỗng nhiên có một dải nhỏ uốn khúc chảy ra, có một cái gì đó giống như cái dòng mỡ đen. Lúc đầu nó chậm chạp tiến về phía trước như một thứ chất lỏng dính dính, nhưng sau đó nó trườn nhanh hơn, lấp lánh và chảy đến tận mũi cậu học trò. Lúc này cậu ta mới sợ quỳnh lên và kêu thất thanh: "Con rắn, con rắn!". Sau này khi kể lại, cậu ấy bảo rằng lúc ấy cậu cảm thấy tất cả máu trong người như đông lại mà chẳng biết vì sao. Con rắn suýt nữa thì đã thè cái lưỡi lạnh lẽo của nó vào cổ cậu ta, lúc cậu còn đang bị xiềng thít chặt.

Sự can thiệp bất ngờ ấy đã làm ngay cả con người nhân tâm như Iôixikhiđê cũng phải sợ. Ông vội vã quẳng bút vẽ, cúi người xuống và trong nháy mắt đã tóm được đuôi con rắn và dốc ngược đầu nó xuống. Con rắn giãy giụa, ngóc đầu lên và cuộn quanh mình, nhưng không thể nào chạm được vào tay ông ta.

- Vì mi mà bức vẽ của ta hỏng, - vừa khàn khàn, vừa giận dữ, ông nói lảm bảm thế và quẳng con rắn về phía chậu cây cảnh ở góc phòng và tức bực cởi xiềng đang siết chặt cậu học trò. Ông chỉ làm vậy thôi chứ chẳng thêm nói lấy một câu nào tử tế với cậu học trò. Hẳn là ông bực bội vì bức vẽ bị hỏng hơn là lo cho cậu học trò có thể bị rắn cắn. Sau này mới biết là cả con rắn ấy ông cũng chủ tâm giữ ở trong phòng để vẽ nó.

Có lẽ chỉ nói một chuyện đó để quý vị có thể hình dung sự say mê công việc của ông ta như thế nào, say đến rồ dại, điên cuồng. Song tiện thể tôi sẽ kể thêm chuyện một cậu học trò khác trạc mười ba - mười bốn tuổi vì cái tấm bình phorê vẽ cảnh thống khổ của địa ngục đã phải trải qua nỗi kinh hoàng gần như là sắp mất mạng ấy. Cậu học trò này có nước da trắng như da con gái. Một hôm, vào buổi chiều, họa sĩ gọi cậu ta vào phòng mình, và không có gì nghi ngại, cậu đã tới. Cậu nhìn thấy - Iôixikhiđê dưới ánh sáng cây đèn nhỏ đang cho một con chim mà cậu chưa bao giờ được nhìn thấy, mấy miếng thịt sống. Có lẽ nó to cỡ con mèo. Và lông

dựng ngược lên ở hai bên, như hai cái tai, còn đôi mắt to tròn, mầu hổ phách - tất cả hình hài đó làm ta nhớ tới con mèo.

10

Iôixikhiê thường không chịu để một ai thò mũi vào công việc-của ông ta. Chẳng hạn đến ngay như con rắn mà tôi vừa kể, và nói chung ông làm gì ở trong phòng không khi nào ông nói cho học trò biết. Lúc thì trên bàn ông có chiếc sọ người, lúc thì có những quả cầu nhỏ bằng bạc, hoặc những chiếc khay nhỏ đánh vécnì: chính bởi vì ông vẽ nên trong phòng ông thường xuất hiện những đồ vật bất ngờ nhất. Còn sau đấy ông xếp những cái đó vào đâu thì không ai biết cả. Có lẽ từ đó mà có tiếng đồn là Thần Hạnh Phúc đã giúp đỡ ông.

Do vậy cậu học trò cho rằng cái con chim dị thường ấy cần cho họa sĩ vẽ bức tranh nổi thống khổ của địa ngục, cậu ta đã đứng trước họa sĩ và lễ phép hỏi:

- Thầy cần gì con ạ?

Song Iôixikhiê như không nghe thấy tiếng câu hỏi đã dẫu đôi môi đỏ của mình hất hàm chỉ vào con chim:

- Nó hoàn toàn được thuần hóa rồi phải không nào?

- Nó là con gì ạ? Con chưa bao giờ thấy con vật

như thế này! - Cậu học trò nói và sợ sệt nhìn lên con chim to giống như con mèo.

- Sao, chưa nhìn thấy bao giờ à? - Iôixikhidê cười khẩy. - Theo người thị thành thì đây là tai họa. Nó là con chim cú mà mấy ngày trước đây một anh thợ săn ở Kurama biếu ta. Chỉ có điều loại chim này đã được thuần hóa thì ít khi gặp lắm.

Vừa nói những lời ấy, ông vừa chậm rãi đưa tay về phía con chim mới ăn xong và nhẹ nhàng vuốt lưng nó từ đuôi lên đến đầu. Các vị biết thế nào không? Vào đúng lúc ấy thì con chim phát ra một tiếng kêu chói tai, rồi bỗng nhiên bay khỏi bàn, đuổi thẳng móng vuốt và đâm bổ về phía cậu học trò! Nếu như cậu không kịp lấy tay áo che thì con chim đã rĩa vào mặt cậu. Sau khi kêu lên một tiếng "ối" hãi hùng, cậu học trò lại vùng tay cố xua đuổi nó, song con chim lập bập chiếc mỏ và lại xông vào cậu ta. Lúc ấy cậu ta như không cảm thấy người họa sĩ còn ở đây: cậu quyết định đứng lại kháng cự, rồi ngồi xuống xua đuổi nó và chạy quanh quần trong căn phòng chật chội, vậy mà con chim hoang dại ấy vẫn bám theo cậu, lúc thì cao hơn, lúc thì hạ xuống thấp hơn và cứ nhè vào tất cả những gì mắt nó nhìn thấy. Đồng thời nó lại vỗ cánh kêu xoàn xoạt và vì thế mà cậu học sinh không hiểu sao lại cảm thấy một cái gì đó không hẳn là mùi lá rừng, không hẳn là bọt nước của dòng thác đổ, cũng không hẳn là mùi ôi thối của những hoa quả đã lên men mà bọn khỉ cất giấu trong các hốc cây.

Nói rằng "kinh hãi" cũng còn là ít. Tim cậu

thót lại và dưới ánh sáng mờ đục của cây đèn nhỏ, cậu cảm thấy như đó là ánh trăng xanh, còn cái phòng của thầy thì như một hang động xa ngái đầy quỷ dữ.

Song cậu học trò kinh hãi không chỉ vì con cú xông vào mình. Không, cậu sợ sồn tóc gáy khi họa sĩ Iôxikhiđê thản nhiên nhìn vào tất cả sự náo động ấy, ung dung mở rộng giấy bút vẽ ra và vẽ lại cái bức tranh hãi hùng ấy - cái cảnh con mãnh cầm rĩa vào một chàng trai có cái vẻ con gái ấy. Chỉ cần nhìn thấy thế thôi, cậu đã sợ đến rụng rời chân tay và thậm chí cậu nghĩ là họa sĩ định giết chết cậu cũng nên.

11

Mà thực ra thì không thể nói là ông họa sĩ không có khả năng làm điều đó. Bởi vì cũng giống như chuyện ông chủ tâm gọi cậu học trò tới để xuyt con mãnh cầm tấn công nhằm giúp ông vẽ cảnh cậu học trò đó hoảng sợ như thế nào. Do vậy, khi cậu học trò nhìn thấy họa sĩ làm gì thì cậu như quên mất mình cúi đầu vào ống tay áo, kêu lên một tiếng hãi hùng và co rúm người lại trên sàn nhà bên cửa sổ ở góc phòng. Không hiểu sao lúc đó Iôxikhiđê la hét hốt hoảng và nhảy bắn người lên, nhưng con chim còn vỗ cánh mạnh hơn, và vào khoảnh khắc ấy thì một tiếng ầm ầm văng óc vang lên như thể một

cái gì đó rơi xuống và vỡ tan. Cậu học trò sợ chết khiếp ấy bất giác buông tay áo, ngẩng lên nhìn thì thấy trong phòng tối om, và chỉ nghe độc tiếng họa sĩ giận dữ quát đám học trò.

Cuối cùng có tiếng đáp lại từ xa của một cậu học trò nào đấy, và cậu ta vội vã mang cây đèn tới. Dưới ánh sáng ngọn lửa bốc khói mới rõ ra là cây đèn đã bị đổ vỡ, sàn và chiếu dính đầy dầu, con cú nằm vật trên sàn, sợ hãi vẩy mỗi một cánh. Iôixikhidê đứng chờ người ra sau khi nâng con vật lên bàn, với vẻ mặt sững sốt lắm bấm một điều gì đó thật khó hiểu. Không có gì ngạc nhiên: con rắn đen đã quấn quanh đầu và nửa thân con cú. Hẳn là vào lúc cậu học trò co rúm người bên ngưỡng cửa, cậu ta đã làm đổ chậu cây cảnh. Con rắn bò ra, con cú muốn mổ nó, và thế là bắt đầu trận ẩu đả tới bời. Các cậu học trò liếc nhìn nhau và chỉ còn biết ngạc nhiên trước cảnh tượng lạ lùng trước mắt mình; sau đó chúng lặng lẽ cúi chào họa sĩ và mau chóng ra khỏi phòng. Còn chuyện gì xảy ra với con chim và con rắn tiếp sau đó thì không ai biết.

Những câu chuyện tương tự thế đếm không xuể. Tôi quên nói - cái tấm bình phong vẽ những nỗi thống khổ của địa ngục, Cụ Lớn đặt họa sĩ vẽ vào đầu mùa thu. Và từ đấy cho mãi đến tận cuối mùa đông, bao giờ các cậu học trò cũng sống nơm nớp hãi hùng vì những việc kỳ cục của thầy. Song vào cuối mùa đông, công việc của thầy có cái gì đó không trôi chảy, vẻ mặt của ông càng sầu não hơn, và động nói

gì là ông lại nổi cáu. Còn bức tranh trên tấm bình phong đã phác thảo được tới ba phần tư mà rồi ông không tiếp tục vẽ thêm được nữa. Thêm vào đó, thỉnh thoảng họa sĩ lại còn xóa bỏ cái đã vẽ trước, thì ai mà biết được đến bao giờ mới xong.

Những cái điều không trôi chảy đó là gì thì không ai biết. Và vị tất đã có ai cố gắng tìm hiểu điều đó: các cậu học trò đã thấm cái kinh nghiệm cay đắng, cảm thấy mình như ngồi trong lồng với hổ hoặc sói, chỉ cốt làm sao tránh được mắt thầy.

12

Trong thời gian đó không xảy ra chuyện gì đáng phải kể ra. Chỉ có điều... cái ông già ương ngạnh chẳng hiểu sao đôi mắt lúc nào cũng ướt đầm, hễ cứ có một mình là ông khóc. Một cậu học trò đã nói với tôi - có lần chẳng hiểu cậu ta ra vườn để làm gì, cậu đã nhìn thấy: họa sĩ đứng ở hành lang nhìn lên bầu trời mùa xuân và đôi mắt đầm lệ. Cậu học trò thấy bối rối thế nào ấy, đã lặng lẽ quay lại và rồi mau chóng ra khỏi nơi đó. Mà cũng lạ kỳ thật đấy, cái con người đầy đủ tự tin ấy đã vẽ bức "Tuần hoàn của sự sống và cái chết", đã có gan ngồi vẽ các xác chết lẩn lóc ở đường lại khóc như đứa trẻ chỉ vì ông ta chưa vẽ được bức tranh như ông ta muốn.

Nhưng trong khi Iôixikhidê như kẻ cuồng dại

miệt mài với bức tranh của mình như hoàn toàn mất trí, thì cô con gái ông ta chẳng hiểu vì sao đó ngày một buồn rầu hơn, thậm chí chúng tôi còn nhận thấy đôi khi cô ta phải nuốt nước mắt. Cô ta bao giờ cũng dăm chiêu, lặng lẽ, mí mắt nặng trĩu, mắt hờn vào - hoàn toàn sâu nào. Lúc đầu chúng tôi đoán rằng hoặc giả là cô nghĩ tới cha, hoặc giả là cô buồn về tình ái, nhưng sau đó có tiếng xì xào là Cụ Lón đã muốn cô phải chiều theo ước muốn của Cụ và sau đấy mọi câu chuyện cứ như bị một nhát dao chặt đứt và bỗng nhiên mọi người như quên mất cô.

Có một đêm trống đã sang canh, một mình tôi đi dọc theo hành lang. Đột nhiên không hiểu từ đâu con khỉ Ióxikhiđê chạy đến kéo gấu váy tôi. Đêm ấm áp, ánh trăng yếu ớt và dường như có mùi hoa mạn thoang thoảng. Dưới ánh trăng tôi nhìn thấy - quý vị có biết gì không? Con khỉ nhe hàm răng trắng ra, chun mũi lại, và kêu lên như một con khỉ diên. Tôi cảm thấy khó chịu, bực bội vì nó kéo chiếc váy mới, tôi đẩy nó ra và muốn tiếp tục đi nữa, nhưng tôi đã nghĩ lại: bởi vì đã có trường hợp một anh đẩy tổ trêu tức con khỉ, và bị ngài trẻ tuổi quở mắng. Vả lại, rõ ràng là con khỉ hành động như vậy hẳn là có chuyện gì. Lúc ấy tôi quyết định phải xem xem chuyện gì vậy và miễn cưỡng bước đi vài bước nữa về phía con khỉ kéo tôi đi.

Như vậy là tôi ở cái chỗ mà rẽ hành lang quanh góc và từ đó ở phía sau những cánh thông cong queo rủ xuống ta thấy một chiếc đầm hơi có

ánh nước lấp lánh dù trong cảnh mờ mờ ảo ảo của một đêm trăng mờ. Và bỗng nhiên tôi hoảng sợ khi nghe thấy từ căn phòng cạnh đấy một tiếng ồn nhẹ vừa lo âu lại vừa kỳ lạ của một cuộc cãi cọ nào đấy. Xung quanh thì mọi vật vẫn lặng ngắt như tờ, chẳng thấy một tiếng người nào cả, chỉ có tiếng cá đớp tí tách không hẳn là cá đớp trắng cũng không hẳn là đớp bóng đêm - tôi không hiểu. - Do đó, sau khi nghe thấy những âm thanh ấy, tôi miễn cưỡng phải dừng lại. "Hừ, nếu kẻ nào đó mà nghịch ngợm thì ta sẽ cho biết tay!" Nghĩ thế rồi tôi nín thở nhẹ nhàng nép vào cánh cửa.

13

Chắc hẳn con khỉ tưởng là tôi trùng trình. Nó chạy rồi rít quanh chân tôi, sau đó rên rĩ thở than y như bị ai bóp cổ và đột nhiên nhảy lên vai tôi. Tôi miễn cưỡng né đầu sang một bên để tránh nó, và con khỉ để khỏi rơi xuống, đã bám chặt ống tay áo tôi - vào lúc đó như thể quên bằng ý định của mình, tôi lắc người và thế là cả thân tôi đập vào cửa. Không thể kìm lại được rồi. Tôi mau chóng đẩy toang cửa ra và muốn xông vào tận phía sâu của căn phòng không có ánh trăng rọi vào, song tôi sợ hãi và dừng lại ngay vì từ đó, có một người đàn bà lao vút ra theo dầm cầu thang cứ y như là một mũi

tên vậy. Tôi của ra vào suýt nữa người đó va vào tôi. Và rồi khi ra tới phía ngoài người đó bỗng nhiên quì xuống, thở hổn hển, nhìn chằm chằm vào tôi như thể nhìn thấy trước mặt mình một cái gì đó thật khủng khiếp.

Tôi nghĩ chẳng cần phải nói để làm gì vì đó là cô con gái của Iôixikhidê. Nhưng cái bữa tối hôm ấy thì tôi cảm thấy cô ta khác quá đi mất. Đôi mắt mở to. Đôi má ửng hồng. Thêm vào đó bộ quần áo xốc xếch lại tạo cho cô ta sức hấp dẫn lạ thường trong cái vẻ bao giờ cũng trẻ trung của cô. Liệu có đúng thật đây là cô con gái dịu dàng, nhút nhát của Iôixikhidê? Tôi tựa người vào cửa và nhìn lên thân hình cô gái trẻ đẹp, bừng sáng dưới ánh trăng và chỉ về phía có tiếng bước chân vội vã của ai đó đi xa dần và hồi bằng mắt: Ai đấy?

Song cô gái cắn môi, lặng lẽ lắc đầu. Trông cô mới buồn phiền làm sao!

Lúc đó tôi đã cúi xuống ghé sát môi vào tai cô ta, thì thầm "Ai đấy?" song cô gái vẫn chỉ lắc đầu không đáp gì cả. Hơn nữa, trên hai hàng lông mi dài ngắn nước mắt, cô ta còn cắn chặt môi hơn nữa.

Vì bản tính ngốc nghếch nên ngoài những thứ đơn giản nhất mà ai cũng hiểu thì tôi chẳng suy nghĩ điều gì cả. Cho nên tôi hoàn toàn không biết nói gì thêm và đứng im một lúc lâu như thể lắng nghe tiếng đập của trái tim cô gái. Và việc hỏi cô ta thêm nữa, không hiểu sao tôi cảm thấy không hay...

Tôi không biết chuyện đó tiếp tục trong bao lâu.

Cuối cùng, tôi đẩy cửa và nhìn lên cô gái có lẽ đã hoàn hồn đôi chút, rồi nói về cô thật nhẹ nhàng: "Thôi về phòng của em đi!". Sau đấy, trong tôi có vẻ gì đó lo âu như thể tôi nhìn thấy một điều gì mình không được phép nhìn, tôi cảm thấy bối rối - nhưng bối rối trước ai thì tôi không biết - tôi đã đi đến chỗ mà tôi định đi. Nhưng đi chưa đầy mười bước thì lại có một ai đó rụt rè kéo vạt áo đằng sau tôi. Tôi sợ hãi nhìn. Các vị có biết đó là ai không?

Tôi nhìn - thì hóa ra dưới chân tôi con khỉ Iôixikhiđê khoan tay lại như người, quả chuông vàng nhỏ xinh hơi rung lên, nó lễ phép cúi chào tôi.

14

Sau cái chuyện xảy ra tối hôm đó đã qua đi được khoảng hai mươi ngày. Một hôm Iôixikhiđê bất ngờ đến lâu đài và xin gặp Cụ Lớn: họa sĩ là con người hạ lưu, song từ lâu đã được Cụ Lớn có cảm tình. Và Cụ Lớn không phải mỗi chốc lại dễ dàng tiếp bất cứ ai, song lần này lại sẵn lòng đồng ý và cho gọi ông họa sĩ vào chỗ mình. Iôixikhiđê vắn vắn bộ *karigina* màu vàng thẫm như mọi khi và chiếc mũ *mômiêbôxi* nhàu nát. Khuôn mặt còn cau có hơn bình thường, ông cung kính phủ phục trước Cụ Lớn và nói giọng khàn khàn:

- Thưa Cụ Lớn, con muốn nói tới bức bình

phong vẽ những nỗi thống khổ của địa ngục mà từ lâu Cụ Lớn lệnh cho con vẽ. Với tất cả niềm nhiệt huyết, suốt ngày đêm con đã miệt mài cầm bút vẽ và đã đạt được kết quả. Phần lớn công việc của con đã làm xong.

- Tuyệt lắm, ta hài lòng.

Tuy nhiên giọng của Cụ Lớn khi nói điều này không hiểu sao uể oải không hào hứng.

- Dạ, không có gì tuyệt lắm đâu ạ! - Iôixikhiê hơi bực dọc cúi mặt xuống. - Phần lớn đã làm xong nhưng còn một thứ nữa bây giờ con không thể nào vẽ được.

- Cái gì vậy? Nhà người không vẽ được à?

- Vâng, con không thể vẽ được. Con không thể vẽ cái mà con không nhìn thấy. Còn nếu như cứ vẽ con không hài lòng. Do đó, chẳng nào thì con cũng không thể.

Sau khi nghe những lời này, Cụ Lớn mỉm cười mai mỉa:

- Thế có nghĩa là vẽ tám bình phong với cảnh những nỗi thống khổ của địa ngục, người cần nhìn thấy địa ngục phải không?

- Vâng ạ, xin Cụ Lớn cho phép con thú thực. Một vài năm trước đây, trong thời gian đại hỏa tai, chính mắt con đã nhìn thấy ngọn lửa điên cuồng như vậy, có thể nói giống với ngọn lửa của địa ngục. Còn ngọn lửa ở bức tranh "Iôdiri-Phudô" con đã vẽ là nhờ con nhìn thấy đám cháy ấy. Chắc Cụ Lớn cũng đã biết bức tranh đó.

- Thế còn những phạm nhân thì sao? Cả bọn tôi tớ dưới địa ngục, vị tất người đã nhìn thấy?

Cụ Lớn hỏi hết câu này đến câu khác cứ y như thể những lời nói của Iôixikhiđê hoàn toàn không đến tai cụ.

- Con đã nhìn thấy một con người bị xiềng. Con đã vẽ được hoàn chỉnh một con mãnh cầm rĩa vào một người khác. Như vậy không thể nói là con hoàn toàn không biết những nỗi đau đớn của các phạm nhân. Còn những kẻ tôi tớ dưới địa ngục. - Iôixikhiđê cười gằn - thì đã nhiều lần tới chỗ con, không hẳn là mơ mà cũng không hẳn là thực. Bọn ma quỷ mồm bò đầu ngựa hoặc ba mặt sáu tay, vỗ tay không thành tiếng, há hốc mồm không có tiếng kêu, có thể nói chúng đã đến hành hạ con hàng ngày, hàng đêm... Không: Cái điều con muốn mà lại không thể vẽ được - không phải là những cái đó.

Những lời nói như vậy hẳn làm cho ngay đến Cụ Lớn cũng phải ngạc nhiên. Một lúc lâu Cụ Lớn nhìn lên Iôixikhiđê không bằng lòng, và sau đó Cụ chau mày dữ dội và ném ra những lời nhất gừng:

- Hãy nói xem, cái gì mà nhà người không thể vẽ được?

Con muốn ở chính giữa tấm bình phong vẽ một cỗ xe ngựa từ trên cao rơi xuống.

Sau khi nói điều đó, Iôixikhidê lần đầu tiên đưa mắt nhìn như thể xuyên qua mặt của Cự Lớn. Tôi nghe thấy rằng, hễ nói về các bức tranh ông ta cứ như thể cuồng dại, và vào phút này thì cái nhìn đó của ông ta sẽ kinh khủng thật sự.

- Còn trong cỗ xe đó, - họa sĩ tiếp tục, - là một vị phu nhân triều đình kiều diễm, mớ tóc đen đang bị ngọn lửa thiêu đốt và bà ta đang quần quai đau đớn. Bị nghẹt thở vì khói, đôi lông mày nhú lại, bà ta ngửa mặt lên trời. Tay thì cố giật tung tấm rèm bằng trúc như để tháo chạy khỏi đám mưa bằng tia lửa đang ập tới. Và phía trên bà, hàng chục, hai chục con mãnh cầm hoang dã đã đang châu mỏ xuống và lượn vòng quanh. Vâng, chính người đàn bà trong cỗ xe ấy là con không thể nào vẽ lên được!

- Thế thì sao nào? - Không hiểu sao mà Cự Lớn lại tỏ vẻ hài lòng ra mặt và khích lệ ông họa sĩ.

Còn Iôixikhidê run cầm cập như lên cơn sốt rét, đôi môi đỏ chót lại một lần nữa nhấc lại như trong giấc mơ:

- Chính người đàn bà đó là con không tài nào vẽ nổi... - Rồi đột nhiên, rất đột nhiên như ông ta lao thẳng vào một ai đó, ông đã thốt lên: - Con xin Cự Lớn hãy đốt cỗ xe ngựa trước mắt con. Và ngoài ra, nếu có thể thì...

Khuôn mặt của Cự Lớn tối sầm lại, nhưng tự nhiên Cự cười âm lên. Và sau khi nén tiếng cười, Cự nói:

- Ta sẽ làm tất cả mọi điều người cầu xin. Còn chuyện có thể hoặc không thể thì chẳng có gì bàn cả.

Khi nghe thấy những lời nói ấy, trái tim tôi thất lại và bỗng nhiên tôi thấy kinh hoàng. Và quả thật là vẻ mặt của Cụ Lớn cũng khác thường - bọt mép sùi ra, trên đôi lông mày như có đông bão, và có thể cho rằng sự rối rắm của Iôixikhiđê đã làm cho Cụ choáng váng. Cụ Lớn yên lặng, rồi đột nhiên đứng như có một cái gì bùng nổ ở trong người Cụ, và lại một lần nữa Cụ cười rộ lên như không dứt được, và Cụ nói:

- Ta sẽ đốt cỗ xe ngựa! Ta sẽ đưa vào cỗ xe một người đàn bà kiểu diêm, ăn mặc như một phu nhân trong triều lộng lẫy. Và người đàn bà trong cỗ xe bị lửa và những làn khói đen thốc vào, và sẽ giãy chết trong cơn đau đớn hãi hùng. Cái người nghĩ ra chuyện về như vậy đích thực là họa sĩ số một trên trần gian này! Ta có lời khen, ừ ta có lời khen!

Sau khi nghe những lời đó của Cụ Lớn, Iôixikhiđê tái mét người, chỉ có đôi môi ông ta bậm bầy cứ y như là ngoáp khí trời, và đột nhiên hình như thân thể ông quá yếu ớt, ông chống tay xuống sàn nói những lời cảm ơn lí nhí.

- Đây là niềm hạnh phúc vĩ đại a!

Chắc hẳn qua những lời của Cụ Lớn, ông ta như chính mắt mình nhìn thấy tất cả nỗi kinh khủng trong ý đồ của ông. Suốt đời mình, đây là lần duy nhất tôi thấy thương hại ông.

ngày. Cụ Lớn, theo lời hứa của mình, đã gọi Iôxikhidê tới để cho ông ta được nhìn bằng mắt mình cỗ xe ngựa cháy như thế nào. Tất nhiên việc này không phải xảy ra ở toà lâu đài bên dòng sông Khôrikava. Người ta đốt cỗ xe ngựa ở một biệt thự ở ngoại ô mà trước kia hình như bà chị của Cụ Lớn sống ở đó. Biệt thự này gọi nôm na là "Lâu đài Jukighê".

"Lâu đài Jukighê" từ lâu đã không có người ở, và một khu vườn lớn bỏ không hoàn toàn hoang vắng. Người ta chọn địa điểm này chắc hẳn là theo đề nghị của những người đã nhìn thấy nơi ấy hoang vắng. Có đủ loại đồn đại về bà chị của Cụ Lớn qua đời ở đây: chẳng hạn như bây giờ trong những đêm không trăng dọc theo hành lang dường như chiếc áo dài đỏ thắm của bà ta vẫn như bí ẩn lướt qua mà không hề chạm mặt đất. Nơi đây ngay ban ngày cũng u ám nhưng khi mặt trời vừa lặn thì tiếng kêu róc rách của các con ngòi ở trong vườn lại vang lên to hơn, và dưới ánh sao, ta như thấy những sinh vật hoang dại nào đó đang điên cuồng uống nước.

Đêm ấy đúng là một đêm tối không trăng. Dưới ánh sáng những ngọn đèn dầu, có thể nhìn thấy Cụ Lớn trong bộ quần áo triều đình màu vàng, tấm *xakama* tím thẫm cùng với các mề đay. Cụ ngồi bắt chân chữ ngũ tựa vào chiếc gối viền nhiều trắng ở cuối hành lang phía ngoài. Xung quanh Cụ là những người thân cận ngồi rất cung kính. Trong số đó, đặc biệt đập vào mắt ta là một lực sĩ, mà người

ta kể rằng mới đây vào thời kỳ chiến tranh ở Mitinóc, vì đói, ông ta đã ăn thịt người và rồi từ đó, ông có thể bề gây sừng hươu sống. Với dạng điệu bề vệ, ông ngồi ở một góc, thất chiếc thất lưng to bản, đeo kiếm chuỗi ở phía dưới. Ngọn gió làm những cây đèn dầu rung rinh và những hình người lúc thì nhô ra ánh sáng, lúc lại lùi vào bóng tối, và tất cả những cái đó giống như một giấc mơ và không hiểu sao gây cho người ta sợ hãi. Còn ở trong vườn thì lấp lánh những thứ trang trí vàng như những ngôi sao trên cỗ xe không thắng ngựa với hai càng xe đặt nằm nghiêng trên bề đỡ. Bên trên nóc xe cao là bóng tối đầy đặc, khi nhìn vào cỗ xe thì cái lạnh như chạy suốt xương sống và mùa xuân đã bắt đầu rồi cũng chẳng ích lợi gì. Tấm rèm bằng trúc màu da trời với những đường viền hoa văn buông rủ xuống tận dưới che lấp những gì ở bên trong cỗ xe. Xung quanh cỗ xe là bọn đầy tớ đang đứng chực sẵn, cầm những ngọn đuốc thông trên tay, rất cẩn thận để khói khói bay về phía hành lang.

Bản thân Iôixikhidê thì ngồi xồm ở phía xa đối diện với hành lang. Trong bộ *karigina* muôn thuở của mình và chiếc mũ *mômiêbôxi* nhàu nát, ông ta dường như hết sức bé nhỏ, tội nghiệp, giống như cả cái sức nặng của bầu trời sao đè lên ông ta. Phía sau ông cũng với bộ quần áo như vậy chắc hẳn là cậu học trò hộ tống ông. Bởi vì cả hai người đều ở xa và trong bóng tối nên từ chỗ tôi đứng trên hành lang không thể phân biệt được đến ngay cả màu áo của hai người.

Sắp đến nửa đêm. Bóng tối bao phủ khu vườn với cây cối và những con ngò nhỏ như nuốt chửng mọi âm thanh, và trong cảnh tĩnh mịch dường như có thể nghe thấy hơi thở của mình, chỉ có tiếng gió nhẹ nhàng xào xạc, và mỗi làn gió ấy như mang theo cả cái mùi bồ hóng và mùi khói của những cây đuốc. Cụ Lớn lặng lẽ một hồi lâu nhìn vào bức tranh kỳ dị ấy, sau đó Cụ cúi về phía trước, gọi bằng giọng rất đanh:

- Iôixikhiê?

Hình như họa sĩ trả lời một điều gì song vang đến tai tôi chỉ còn như một tiếng than rên rĩ khó hiểu.

- Iôixikhiê! Hôm nay ta sẽ làm theo lòng mong muốn của nhà ngươi là đốt cỗ xe ngựa.

Sau khi nói điều đó Cụ Lớn liếc nhìn những người thân cận. Vào giây phút ấy, dường như họ nhìn nhau và mỉm cười đầy ý nghĩa, mà rất có thể, là do tôi cho rằng như thế. Iôixikhiê ngược đầu cung kính nhìn lên gác thượng nhưng không nói gì cả.

- Người hãy nhìn cho kỹ! Đây là cỗ xe mà trước kia ta đã từng đi. Chắc hẳn nhà ngươi còn nhớ nó. Bây giờ ta muốn đốt cỗ xe ấy và chỉ cho người thấy tận mắt địa ngục lửa - Cụ Lớn lại yên lặng và đưa mắt nhìn những người thân thuộc. Sau đó đột nhiên cụ nói sảng: - Ở bên trong cỗ xe có một nữ phạm nhân. Và như thế có nghĩa là khi đốt cỗ xe thì thân thể người đó sẽ bị thiêu đốt, xương cốt sẽ thành

than và người đàn bà đó sẽ chết trong nỗi đau đớn khủng khiếp. Đối với bức tranh của nhà người thì đây là một mẫu thực không bao giờ lặp lại! Chớ có bỏ lỡ cơ hội, hãy nhìn cho kỹ xem lớp da trắng nõn bị cháy lên như thế nào. Hãy nhìn cho kỹ xem sau khi bốc cháy, mái tóc đen sẽ tung tóe như những tia lửa thế nào.

Cụ Lớn im lặng lần thứ ba, nhưng sau đó như nhớ tới một điều gì. Cụ cười - song lần này cười không ra tiếng, chỉ có đôi vai run rẩy - và nói:

- Cảnh tượng như vậy thì cho đến lúc chết, người cũng sẽ không nhìn thấy nữa đâu. Ta cũng sẽ nhìn xem nó. Nào, hãy vén tấm rèm lên, và hãy chỉ cho Iôixikhiđê xem ai ngồi trong đó!

Sau khi nghe lệnh, một tên gia nhân với ngọn đuốc giơ lên cao đã tiến đến cỗ xe ngựa, đưa tay ra và bằng một động tác, đã đẩy tấm rèm lên. Ngọn lửa của cây đuốc đang cháy tỏa ánh sáng lung linh đỏ rực đã chiếu rọi vào bên trong cỗ xe ngựa chật hẹp. Người đàn bà bị xiềng lại rất tàn nhẫn. Ôi, mà làm sao có thể nhầm được! Mái tóc đen nhánh với những chiếc trâm vàng gài xiên lấp lánh buông rủ xuống rất duyên dáng lên bộ áo lụa lộng lẫy thêu hoa anh đào. Cứ nhìn bộ quần áo thì không nhận ra cô ta, nhưng nhìn cái thân hình mảnh dẻ, chiếc cổ trắng và khuôn mặt nhỏ xinh buồn bã - rứt rứt thì... Đó chính là cô con gái của họa sĩ Iôixikhiđê. Suýt nữa thì tôi buột miệng thét lên.

Song lúc đó... viên lục sĩ ngồi đối diện với tôi

đứng dậy nắm lấy đốc kiếm và ném cái nhìn đe dọa lên Iôixikhidê. Tôi hoảng sợ khi nhìn thấy Iôixikhidê gần như mất trí. Cho đến lúc đó ông ta vẫn ngồi xồm ở phía dưới, nhưng bây giờ ông đã nhảy phắt lên, đưa cả hai tay ra phía trước, và như quên mất mình, muốn đâm bổ về phía cỗ xe ngựa. Tiếc thay vì ông ta xa chỗ tôi, trời lại tối, nên tôi không nhìn thấy được vẻ mặt ông ta. Nhưng tôi chưa kịp tiếc cho điều đó thì như có một sức mạnh vô hình nào thúc đẩy đã chọc thủng bóng đêm và đột nhiên trước mắt tôi hiện lên rõ mồn một cái khuôn mặt tái mét không còn một giọt máu nào của Iôixikhidê - Không, không chỉ khuôn mặt mà cả thân hình ông ta. Đó chính là lúc tuân theo lời Cụ Lớn "nổi lửa!" bọn gia nhân ném đuốc vào cỗ xe ngựa trong đó có cô con gái họa sĩ đã bùng cháy.

18

Ngọn lửa mau chóng trùm lên nóc cỗ xe. Những chiếc ngù màu tím nhạt treo trên mép thành xe rung rinh như bị gió thổi, từ phía dưới bốc lên những đám khói trắng toát trong bóng đêm, những tia lửa tung tóe như mưa, không hẳn do cháy bức rèm, cũng không hẳn do cháy bộ quần áo thêu của người đàn bà, không hẳn là đồ trang sức bằng vàng cùng một lúc tung tóe, bay ...ng... Không có gì khủng khiếp hơn là chuyện đó cả! Còn ngọn lửa mà

lưỡi lửa của nó vươn dài ra đã quấn chặt lấy thân cỗ xe và vượt cao như đến tận trời - biết miêu tả nó như thế nào được? Hình như chính mặt trời rơi xuống và chính ngọn lửa trên trời ập xuống trái đất. Trong khoảnh khắc đầu tiên suýt nữa thì tôi thét lên, song lúc này hồn xiêu phách lạc, tôi há hốc mồm kinh hãi nhìn vào cảnh rừng rợn ấy. Nhưng người cha Iôixikhiê...

Khuôn mặt Iôixikhiê cho đến tận bây giờ tôi cũng không thể quên. Ông ta rất muốn lao mình vào cỗ xe ngựa, song vào lúc ngọn lửa bùng cháy ông dừng lại đưa hai tay ra phía trước nhìn chăm chăm vào nơi mà cái đám khói trùm lấy cỗ xe như cuốn hút ông ta. Cái khuôn mặt cau có, xấu xí của ông rõ mồn một đến chân tơ kẽ tóc. Đôi mắt mở to, cặp môi méo xệch, đôi má giãn giật... tất cả nổi khủng khiếp, tuyệt vọng, hãi hùng như lần lượt 'hay thế nhau, như xâm chiếm cả tâm hồn Iôixikhiê, rồi hiện lên trên khuôn mặt ông ta. Một tên trộm trước lúc bị hành hình, một tội nhân phạm hàng chục tội lỗi tàn ác, đang đứng trước các quan dưới âm phủ - vị tất ngay đến những kẻ ấy đã có một khuôn mặt đau khổ đến như vậy! Cả gã lực sĩ cũng tái người lại sợ sệt nhìn lên Cụ Lớn.

Song Cụ Lớn vẫn cắn môi, chỉ thỉnh thoảng cười cay độc và không rời mắt khỏi cỗ xe. Còn ở chỗ ấy... tôi đã nhìn thấy gì ở chỗ ấy - thì tôi không còn hồn vía nào mà kể điều đó. Đây là khuôn mặt ngật ra của người đàn bà đang cố thoát khỏi đám khói, đó

là mái tóc dài đen rối bung mà ngọn lửa đang liếm vào, đó là chiếc áo dài đẹp thêu hoa anh đào mà trước mắt mọi người đang biến thành ngọn lửa... Những cái đó mới kinh khủng làm sao ! Đặc biệt vào đúng lúc cơn gió đêm nổi lên như xua đuổi các đám khói đi, ngọn lửa bùng ra, trong cái ráng hồng rực đỏ lấp lánh bụi vàng mới thấy rõ mồn một người đàn bà cố cắn dải băng bịt miệng lại, giãy giụa, quần quai vùng vẫy như làm cho xiềng xích có thể đứt ra - ôi, vào lúc ấy thì tất cả mọi người, từ bản thân tôi cho đến gã lục sĩ đều dựng tóc gáy cứ y như chính mắt chúng tôi nhìn thấy những nỗi thống khổ của địa ngục!

Và lại một lần nữa, một làn gió đêm lướt qua trên các ngọn cây... Chắc hẳn là mọi người đều nghĩ như vậy. Và ngay khi cái âm thanh ấy vừa lan đi trong bầu trời tối om thì thật đột nhiên, một vật gì đó đen đen, không chạm đất, mà cũng không phải bay lượn trên không trung - như một trái bóng đang rơi về thành một vệt thẳng vọt ra từ nóc tòa lâu đài đâm bổ vào cỗ xe đang bốc cháy. Và ở phía sau cái khung lửa cháy xém bốc khói ấy nó bám vào vai cô gái và thốt lên một tiếng chói tai như tiếng xé lụa... đó là tiếng kêu than ngân vang não nùng của cô gái bị ép sát vào cỗ xe đang bốc cháy như ru lên kinh hoàng. Ở trong lòng ngọn lửa dựng đứng như bức tường, cái vật ép sát vào cô gái đang quần quai đó lại chính là con khỉ mà ở lâu đài bên dòng sông Khôrikava có cái tên lóng là Iôxikhidê.

Nhưng con vật ấy chỉ hiện rõ lên trong khoảnh khắc. Những chùm tia lửa vàng bốc lên bầu trời, và ngay lập tức không chỉ con khỉ mà cả cô gái chìm trong những đụn khói đen. Bấy giờ trong khu vườn chỉ còn tiếng chối tai của cỗ xe bốc cháy. Không, có lẽ nói cho đúng hơn thì không phải là cỗ xe cháy, mà là một cột lửa vút lên bầu trời sao.

Iôixikhiđê như hóa đá trước cột lửa đỏ... Nhưng có một điều thật lạ lùng: cho đến lúc như đã phải chịu đựng cảnh tra tấn nơi địa ngục, ông đứng đó, hai tay khoanh trước ngực như quên cả sự hiện diện của Cụ Lớn, và khuôn mặt nhăn nheo rạn ngời lên thật khó tả - cái vẻ rạn rõ của niềm khoái cảm đến tột độ. Có thể nói rằng đôi mắt của ông ta không nhìn thấy cô con gái mình đang chết một cách đau đớn như thế nào. Vẻ đẹp của ngọn lửa đỏ hồng và thân hình người đàn bà quần quai trong lửa đã làm trái tim ông thán phục vô hạn và đã như nuốt chửng lấy ông ta không còn dấu vết gì.

Và cái nhìn của ông khi ngấm nhìn nỗi đau đớn tột cùng của đứa con gái độc nhất không phải chỉ bừng sáng. Vào giây phút đó ở Iôixikhiđê có một sự kiêu hùng bí ẩn gần như là tàn nhẫn, giống như sự kiêu hùng của một con báo đang giận dữ mà ông ta có thể nhìn thấy trong giấc mơ. Và đến ngay vô số những con chim ăn đêm hải hùng trước ngọn lửa ấy kêu râm rôi, đến ngay chúng - có thể đó chỉ là do

tưởng tượng - cũng không dám tới gần chiếc mũ nhàu nát của ông ta. Có lẽ ngay cả những cặp mắt của những con chim hững hờ kia cũng nhìn thấy sự kiêu hùng lạ lùng bao quanh lấy đầu lôixikhiđê cái ánh hồng vàng.

Đến ngay cả chim chóc... Vả lại chúng tôi - tất cả chúng tôi, kể cả những gia nhân, đều nín thở, toàn thân rung lên tràn đầy một niềm vui khó hiểu nhìn mãi vào lôixikhiđê như nhìn vào đức Phật mới hiện hình. Ngọn lửa của cỗ xe đang bốc cháy, tiếng kêu vang động dưới bầu trời và lôixikhiđê như hóa đá trước sức quyến rũ của những cái đó. Ôi! Mới kiêu hùng làm sao ! Mới khoái cảm làm sao! Chỉ có mỗi một người - đó là Cụ Lớn ở hành lang trên gác kia đôi tay bám chặt vào đầu gối phủ tấm lụa màu tím nhạt của mình, như con thú cháy khó cổ họng đang há mồm đón khí trời...

20

Về cái đêm Cụ Lớn đốt cỗ xe ngựa ở "tòa lâu đài Jukighê" chẳng hiểu sao mà khắp nơi đều biết, và có đủ các thứ tin đồn đại. Trước tiên là vì sao mà Cụ Lớn lại đốt cháy cô con gái của lôixikhiđê? Phần lớn người ta giải thích rằng, đó là Cụ trả thù khi tình yêu bị cự tuyệt. Tuy nhiên, những suy tư của Cụ Lớn thì lại theo một chiều hoàn toàn khác. Cụ muốn dạy một bài học cho người họa sĩ độc ác, chỉ vì

bức tranh của mình mà sẵn sàng đốt cháy cỗ xe ngựa và giết người.

Quả thực là tôi đã được nghe điều đó từ chính miệng Cụ Lớn.

Còn Iôixikhiê, người chứng kiến tận mắt đứa con gái đứt ruột của mình bị cháy mà vẫn giữ cái ước vọng rắn chắc như đá của mình là vẽ bức tranh, thì ngược lại, ước vọng đó không hiểu sao lại được củng cố hơn trong ông ta. Nhiều người nguyên rủa ông, gọi ông là kẻ hung ác mặt người dạ thú, vì bức tranh mà quên mất tình phụ tử. Chính vị cha xứ vùng Iôkôgava cũng vẫn giữ ý nghĩ như vậy nên đã nói rằng:

"Dù ông ta có tuyệt vời đến đâu trong nghệ thuật và kỹ xảo của mình, song nếu ông không hiểu phép tắc của năm mối quan hệ⁽¹⁾ đã có từ xa xưa thì ông ta cũng đáng xuống địa ngục".

Một tháng sau, tám bình phong vẽ bức tranh về những nỗi thống khổ của địa ngục rút cuộc đã được hoàn thành, Iôixikhiê mang nó đến tòa lâu đài và cung kính đón sự phán xét của Cụ Lớn. Cũng vào ngày hôm đó, một cơn bão tuyết dữ dội đã nổi lên. Sau khi đưa mắt nhìn bức tranh, dĩ nhiên là ông phải cảm thấy sốt vì cơn bão lửa kinh khủng đang cuộn cuộn ở phía âm phủ đã được thể hiện trên tám bình phong. Nhưng bao giờ ông cũng nhìn Iôixikhiê với vẻ hân học. Nhưng lúc này ông cũng phải thốt lên: "Tuyệt vời!".

⁽¹⁾ Năm mối quan hệ: Quân - Thân; Phụ - Tử; Phu - Thê; Huynh - Đệ; Bạn bè thân hữu.

Đến bây giờ tôi vẫn không thể quên Cụ Lớn nhếch mép cười thế nào khi nghe thấy những lời đó.

Từ đấy không một ai, chỉ ít thì cũng là ở trong lâu đài, còn nói xấu gì nữa về Iôixikhiê. Có lẽ bởi vì rằng mặc dù có sự căm ghét trước kia, song bây giờ bất kỳ ai khi nhìn tấm bình phong với sức mạnh lạ lùng của nó, đều như chính mình nhìn thấy trước mắt mình những nỗi thống khổ vĩ đại của địa ngục bốc lửa.

Song đến lúc này thì Iôixikhiê đã gắn với con người không còn nữa. Sau khi vẽ xong bức tranh trên tấm bình phong thì đến đêm hôm sau ông đã thắt cổ trên xà ngang ở căn phòng của mình. Chắc hẳn mất đứa con gái độc nhất, ông không đủ sức để sống ở trên đời thêm nữa. Thi thể ông cho đến nay vẫn mai táng ở mảnh đất xưa kia vốn là ngôi nhà của ông. Thêm vào đó, tấm bia mộ đơn sơ bằng đá trải bao năm tháng dai dẳng lăn lóc với mưa gió, nó đã mọc rêu lên đến mức chẳng còn người nào biết đó là nấm mồ của ai.

Tháng Tư 1918

VỤ ÁN MẠNG THẾ KỶ "ÁNH SÁNG"⁽¹⁾

Các bạn sắp đọc dưới đây bức thư trước lúc chết của vị bác sĩ quá cố tên là Kitabatakê Hittirô, mà trước đây tôi được một người - trong truyện này nấp dưới cái tên tưởng tượng ra là bá tước Hônđa - cho tôi đọc. Theo ý tôi, gọi tên thật của bác sĩ Kitabatakê chẳng có ý nghĩa gì, bởi vì hiện nay vị tất đã có ai nhớ tới ông ta. Chính bản thân tôi cũng chỉ mới biết về ông ta sau khi gần gũi với bá tước Hônđa, người đã kể cho tôi nghe không ít những câu chuyện hết sức kỳ thú xảy ra trong những năm đầu thời Mâyđôda. Con người đó thế nào, tính cách và hành động ra sao, thì chắc hẳn sau khi đọc hết bức thư trước lúc chết này, các bạn sẽ có được một vài khái niệm nhất định. Tôi chỉ thêm vào một vài điều mà tình cờ tôi nghe được thôi. Vào thời mình, bác sĩ Kitabatakê là một chuyên gia nổi tiếng về các bệnh nội khoa, và đồng thời lại có tiếng là một

⁽¹⁾ Thế kỷ "Ánh sáng" ở Nhật vào những năm 70-80 của thế kỷ XIX, tức là mười năm đầu tiên của triều Mâyđôda, khi mà nước Nhật Âu hóa mạnh.

người am hiểu nghệ thuật sân khấu, người ủng hộ những quan điểm cấp tiến trong lĩnh vực cải cách sân khấu. Thậm chí người ta còn nói rằng bản thân ông đã viết vở hài kịch hai màn dựa trên cơ sở sự kiện thời Tônkugáp, cải biên một vài chương từ tác phẩm "Candich" của Vonte. Nhìn vào bức ảnh Kitabatakê do hiệu ảnh Kitanip Txukup chụp, các bạn sẽ thấy ông ta là một người có cơ thể vạm vỡ, với khuôn mặt có bộ râu quai nón để theo kiểu Ăng-lê. Theo như bá tước Hônđa nói thì bác sĩ Kitabatakê về mặt thể chất còn vượt cả người Âu châu và ngay từ thuở tráng niên, đã tỏ ra có những khả năng xuất chúng trong bất cứ công việc nào mà ông ta làm. Một vài đặc điểm trong tính cách ông ta có thể thấy được qua nét chữ: Bức thư của Kitabatakê viết lối chữ tượng hình thấu, to theo kiểu bút thiếp Trần Bành Tiếu.

Tôi phải thừa nhận rằng khi công bố bản tự thú này, tôi cũng đã cho phép mình được tự do đôi chút. Chẳng hạn như, mặc dù vào thời bấy giờ chưa có các phẩm tước mà tôi lại gọi Hônđa là bá tước. Đồng thời tôi cũng có thể quả quyết khẳng định rằng tất cả tinh thần của bức thư hầu như được giữ lại hoàn toàn trong những điều mà các bạn sắp đọc dưới đây.

"Kính thưa bá tước Hônđa cùng bá tước phu nhân!

Trước lúc từ giã cuộc đời, tôi quyết định thú nhận trước quý vị điều bí mật đáng hổ thẹn mà suốt ba năm trời nay tôi giữ kín tận đáy lòng, và tôi phan phui trước quý vị hành động dè tiện không có gì biện minh nổi của tôi. Ví thử như khi đọc bản

tự thú này, quý vị có động lòng trắc ẩn đối với tôi, một con người đang cảm thấy cái giá lạnh của năm mồ thì đó cũng đã là một niềm hạnh phúc mà tôi chưa hề biết tới. Song tôi sẽ không nói một lời nào trong trường hợp quý vị cho rằng tôi là con người không bình thường đáng phải lên án ngay cả sau khi chết rồi. Tuy nhiên, các sự việc mà tôi muốn thú nhận trước quý vị vượt ra khỏi khuôn khổ bình thường, và điều đó quả thật có thể gây ra cho quý vị cái ý nghĩ tôi là con người mất trí. Chỉ mong quý vị đừng nghĩ về tôi như thế. Sự thật thì một vài tháng gần đây tôi rất mệt vì mất ngủ, nhưng đầu óc tôi vẫn minh mẫn, và tôi vẫn điều khiển mọi chuyện xảy ra rất chu đáo. Tôi cầu xin quý vị, bằng hai mươi năm trời quen biết nhau (tôi không dám nói là bạn hữu với nhau) đừng ngờ vực gì về việc tôi là một con người hoàn toàn khỏe mạnh xét theo mặt tâm lý! Nếu ngược lại, thì bản tự thú mà trong đó tôi muốn phanh phui tất cả nỗi nhục nhã của đời mình, sẽ chỉ trở thành những mẩu giấy vụn thảm thương chẳng cần cho ai cả.

Thưa bá tước cùng bá tước phu nhân! Tôi là một con người đê tiện đã giết người trong quá khứ và đã định phạm tội ác như thế trong tương lai. Thêm vào đó, tới lần này (quý vị chắc sẽ hết sức ngạc nhiên) không những tôi dự định mà tôi đã sẵn sàng sát hại một người gần gũi nhất đối với một trong hai quý vị. Ở đây, lại một lần nữa cho phép tôi nói trước quý vị rằng, tôi viết với một ý thức hoàn hảo và tất cả những gì tôi viết là sự thật, và

chỉ là sự thật mà thôi. Hãy tin tôi và đừng cho rằng một vài trang thư trước lúc chết này - một kỷ niệm duy nhất về đời tôi - là lời nói mê sảng vô nghĩa lý của một kẻ điên.

Tôi chỉ còn được sống trên đời rất ít thời gian nữa thôi, và chính điều đó bắt tôi phải kể ngay những duyên cớ thúc đẩy tôi giết người, việc đó tiến hành ra sao, và trạng thái tâm lý lạ lùng siết chặt tôi như thế nào sau khi việc đó kết thúc. Tuy nhiên, ôi, tuy nhiên ngay cả lúc này đây tôi vẫn cảm thấy rõ ràng bằng hơi thở của mình, tôi đã hăm nóng lớp mực đặc quánh lại như thế nào và với nỗi sợ hãi tôi đã đặt trước mặt mình tờ giấy và cố gắng tự trấn an mình một cách vô hiệu quả. Lại một lần nữa tôi đổi theo quá khứ của mình và trình bày nó lên trang giấy - đối với tôi điều đó có nghĩa là sống lại một lần nữa. Tôi lại phải nghĩ đến việc giết người, lại làm việc đó, và lại phải trôi qua nỗi thống khổ của cái năm cuối cùng này. Liệu tôi có đủ sức lực không, liệu tôi có đứng vững không? Tôi lại phải cầu nguyện Đức Chúa Giê-xu mà tôi đã từ bỏ nhiều năm về trước. Lạy Chúa, con xin nguyện cầu Người! Hãy cho con sức mạnh...

Từ hồi niên thiếu, tôi đã yêu người em họ của tôi, người mà thời con gái mang tên là Kanrôtdi Akikô, và hiện nay là phu nhân của bá tước Hônđa (thứ lỗi cho tôi vì tôi dùng cách xưng hô trang trọng khi nói về Bà tôi đã gọi là Bá tước phu nhân, ngôi thứ ba). Liệu tôi có cần phải kể ra những giờ phút hạnh phúc tôi đã được trải qua cùng Akikô hay

không? Tôi nghĩ không nên làm phiền quý vị vì điều đó, bởi quý vị sẽ thấy khó xử trong trường hợp đọc bức thư của tôi cho đến hết. Tôi chỉ không thể nào bỏ qua được một hồi ức rất trong sáng đã vĩnh viễn in đậm trong đáy sâu tâm hồn tôi. Hồi đó tôi tròn mười sáu tuổi, còn Akikô chưa đầy mười tuổi. Vào một ngày đẹp tuyệt vời của tháng Năm, tôi và Akikô chơi trên thảm cỏ dưới giàn cây hoàng đậu trong sân nhà nàng. Akikô đã hỏi xem liệu tôi có đứng một chân được lâu không. Tôi đã đáp rằng tôi hoàn toàn không biết làm trò chơi ấy. Lúc đó Akikô bèn nhắc chân lên, dùng một tay giữ đầu bàn chân lại, giữ mình thẳng bằng, rồi giơ tay kia lên cao thật duyên dáng và đứng như vậy khá lâu. Ở phía trên giàn cây hoàng đậu màu tím nhạt rung rinh như lọc những tia sáng mặt trời mùa xuân chiếu xuống, còn ở phía dưới, Akikô đứng yên lặng như một pho tượng tuyệt đẹp. Cho đến tận bây giờ bức tranh sống động ấy như đứng trước mắt tôi. Trong thâm tâm khi ngược nhìn về quá khứ, tôi ngạc nhiên nhận thấy rằng ngay từ hồi ấy, trong ngày hôm ấy, khi nhìn Akikô đứng dưới giàn cây hoàng đậu màu tím nhạt, tôi đã yêu nàng bằng cả trái tim tôi. Tình yêu ấy ngày một cuốn hút tôi mạnh mẽ, mọi ý nghĩ của tôi đều qui tụ về nàng, và hầu như tôi hoàn toàn bỏ học. Thế nhưng tôi lại không đủ tinh thần để thổ lộ lòng mình với nàng. Và cứ thế nhiều năm qua đi, lúc thì tôi như đắm chìm trong bóng tối, lúc thì tôi thấy ánh sáng chiếu vào tôi, khi thì tôi khóc vì nỗi buồn tuyệt vọng, khi thì tôi cười

vì niềm vui mừng lớn lao. Và rồi khi tôi tròn hai mươi một tuổi, bỗng nhiên cha tôi báo cho tôi biết rằng sẽ gửi tôi đi Luân Đôn xa xôi học nghề y - nghề truyền thống của gia đình tôi. Tôi muốn khi tạm biệt, tôi sẽ thổ lộ tình yêu của mình với Akikô, nhưng trong gia đình chúng tôi vốn giữ tập quán nghiêm ngặt không chấp nhận việc biểu lộ công khai tình cảm của mình, và thế là chính bản thân tôi được giáo dưỡng theo tinh thần Khổng giáo, đã sợ bị trừng phạt do hành động vi phạm phép lịch thiệp ấy, nên bước chân tôi thủ đờ nước Anh xa xôi mà vẫn mang trong trái tim nỗi buồn chia ly vô hạn.

Trong ba năm trời ấy, mỗi khi dạo chơi ở công viên Haidô, đã không biết bao nhiêu lần tôi nhớ tới Akikô lúc nàng đứng yên lặng như pho tượng dưới giàn cây hoàng đậu màu tím nhạt. Có cần phải nói rằng khi lang thang ở nơi nào đó trên phố Pênmen, tôi đã như chết đi vì cô đơn ở đất nước xa lạ này không? Chỉ có những giấc mơ hồng về tương lai, về cuộc sống chung sau này của chúng tôi mới ít nhiều làm vơi nỗi đau khổ của tôi.

Thế rồi, khi trở về Tổ quốc, tôi mới biết Akikô đã lấy viên giám đốc nhà băng Mixumura Kiôhêia. Tôi đã toan tự tử ngay, nhưng vì sự nhu nhược và cả tín ngưỡng của người công giáo mà tôi tiếp nhận ở nước Anh, cho nên thật bất hạnh là tôi đã không dám thực hiện ý định ấy. Giá như quý vị biết được điều đó đối với tôi là nỗi đau khổ đến thế nào! Tôi bèn quyết định tới nước Anh một lần nữa, dám chịu cơn giận dữ của người cha trút lên tôi. Trong thâm

tâm tôi, nước Nhật mà thiếu Akikô thì cũng sẽ thành mảnh đất hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Tôi nghĩ rằng thà mang theo mình tập sách "Sain-Harôn"⁽¹⁾ đi tới những miền xa ngái, lang thang khắp thế gian với nỗi cô đơn và rồi gửi nắm xương tàn của mình nơi đất khách quê người còn hơn là kéo lê cuộc sống của con người đã tan vỡ cả tâm hồn tại cái tổ quốc đã trở nên xa lạ đối với tôi. Thế nhưng hoàn cảnh gia đình đã buộc tôi phải từ bỏ ý định quay sang nước Anh. Tôi bắt đầu phải khám bệnh trong nhà thương của cha tôi không biết bao nhiêu là bệnh nhân, những người kính nể tôi hơn các thầy thuốc khác bởi vì tôi mới ở ngoại quốc trở về, và thế là hết ngày này sang ngày khác, suốt từ sáng đến tối, tôi bị cột vào phòng làm việc của mình.

Khi ấy tôi lại hướng tới Chúa trời, cầu nguyện Người chữa lành cho trái tim tôi khỏi tình yêu tan vỡ. Vào thời gian đó, ở vùng Txukitdi, tôi có chơi thân với nhà truyền giáo người Anh Henri Toanxen. Chính ông ta đã đọc và giảng giải cho tôi ý nghĩa của một số chương trong Kinh Thánh và tôi biết ơn ông vì tình yêu của tôi với Akikô sau những thử thách lâu dài dần dần đã chuyển thành tình anh em vừa nồng nàn, vừa thanh thản. Tôi còn nhớ là tôi đã nói với Toanxen về Chúa trời, về tình yêu thần thánh và tình yêu con người. Những cuộc tranh luận ấy đã kéo dài tới quá nửa đêm và tôi đã nhiều lần phải cô đơn trở về nhà đọc theo khu

⁽¹⁾ Trường ca nổi tiếng của G.Bai-rôn (Anh).

Txukitdi rất vắng người. Có lẽ, tính đa cảm của tôi sẽ làm cho quý vị mỉm cười hạ cổ, nhưng, quả đúng là rất nhiều lần đi trên đường phố trong đêm, tôi đã ngược nhìn mảnh trăng lưỡi liềm và thăm cầu nguyện đức Chúa trời ban hạnh phúc cho cô em họ Akikô của tôi. Thế nhưng cũng không biết bao nhiêu lần không đủ sức kìm nén tình cảm ập tới, tôi đã òa lên khóc nức nở không gì an ủi nổi!

Tôi không đủ dũng cảm, không đủ sức lực để phân tích nổi xem liệu có được bước ngoặt mới trong tình yêu của tôi bằng cái mà tôi gọi là "tuân theo số mệnh", hoặc bằng một lý do nào đó hay không. Tôi chỉ dám tin chắc chắn một điều: tình anh em sinh ra trong tôi đã chữa lành vết thương lòng của tôi. Thời gian đầu khi trở về Tổ quốc, tôi tìm mọi cách để tránh Akikô và chồng nàng, thậm chí tôi hoảng sợ khi nghe chuyện về họ: ngược lại đến lúc này, tôi bắt đầu muốn gần gũi họ. Ôi! Thật là nông nổi biết bao nhiêu khi hy vọng rằng tất cả mọi nỗi đau khổ của tôi sẽ chấm dứt, niềm thanh thản sẽ đến khi chính mắt tôi nhìn thấy cuộc sống hạnh phúc của họ.

Chính niềm hy vọng ấy rồi cuộc đã dẫn tôi gần gũi với chồng của Akikô là Mixumura. Cuộc gặp gỡ đã diễn ra vào ngày mồng ba tháng Tám năm thứ mười một thời Mâyđôda. Vào lúc có cuộc bắn pháo hoa lớn ở gần cầu Riôgốpku, một người bạn đã giới thiệu chúng tôi với nhau, và lần đầu tiên chúng tôi dự dạ hội tại tiệm ăn Manbati trong hội của một vài cô gái làng chơi, ăn uống, chơi bài, tiêu khiển... Liệu

tôi có chơi bời, tiêu khiển được không? Không. nỗi buồn còn đậm hơn niềm vui.

Trong nhật ký tôi đã viết:

"Khi tôi nhớ Akikô là vợ của cái gã Mixumura trác táng ti tiện này, trái tim tôi như muốn vỡ tung ra vì tức giận và buồn rầu. Thượng đế đã dạy tôi phải nhìn Akikô như người em gái, nhưng làm sao mà tôi lại có thể trao người em gái của mình vào tay con quái vật này được? Ôi, không, tôi không đủ sức chịu đựng nổi những mưu mô của đức Chúa tàn ác và giả dối này. Làm sao lại có thể ngược mắt lên trời kia, cầu xin Thượng đế, khi mà người vợ, người em gái phải ở trong tay tên cường bạo bẩn thỉu được! Từ nay tôi không trông cậy vào Chúa trời, mà chính bản thân tôi sẽ giết lấy cô em gái Akikô của tôi khỏi bàn tay con quỷ âm dục".

Tôi đang viết bản tự thú này, vậy mà trước mắt tôi vẫn cứ hiện lên một cách nghiệt ngã bức tranh của cuộc hội hè đáng nguyên rủa đó! Lại một lần nữa tôi nhìn thấy màn sương mờ ảo trên mặt nước với hàng nghìn chiếc đèn lồng đỏ, và vô số những du thuyền trang hoàng sắc sỡ. Lẽ nào tôi có thể quên được những đốm lửa lóe lên rồi lại tắt đi của cuộc bắn pháo hoa làm náo động cả bầu trời, lẽ nào tôi có thể quên được cái con lợn béo núc ních no say phê phờn Mixumura gào rống lên những bài ca tục tằn mà người ta chỉ muốn bịt tai lại, trốn đi bất cứ đâu, lẽ nào tôi có thể quên được cái gã trác táng ti tiện ấy đã hành lạc trên chiếc chiếu khi một tay hấn quơ lấy một ả gái giang hồ già, còn tay khác thì là một

cô gái măng tơ chỉ như nụ hoa vừa mới nở... Lạy chúa! Chính khi đó, vào tối đó, lúc chúng tôi ngắm nhìn cuộc bắn pháo hoa từ tiệm ăn Manbati, tôi đã cảm thấy phải giết chết hắn ta. Tôi biết rằng không chỉ đơn giản là do lòng ghen tuông thúc đẩy tôi giết Mixumura, - không, nỗi bất bình đã chi phối tư tưởng tôi, bàn tay tôi, bởi vì tôi muốn trừng phạt sự truy lạc, phục hồi công lý.

Từ dạo ấy tôi bắt đầu bí mật theo dõi Mixumura. Tôi cần phải khẳng định xem có thật hắn ta là một kẻ dâm dục trác táng đến như vậy trong buổi tối hôm đó không. May thay, một vài vị ký giả quen thuộc đã giúp tôi vấn đề này. Họ cho tôi biết những trường hợp kinh tởm như vậy chứng tỏ sự sa đọa tội lỗi của Mixumura đến mức thật khó mà tin nổi. Chính trong những ngày ấy, một người bạn và đồng chí của tôi là Naruxima Riôkhôku đã kể cho tôi nghe chuyện Mixumura trong tiệm cô đầu "Hiôn" ở Kiôtô đã quyến rũ một ca sĩ ở tuổi vị thành niên để đến nỗi rốt cuộc cô ta phải thiệt mạng. Và con quái vật này còn dám đối xử với vợ mình như đối với con sen, nàng hầu với cái vẻ giả nhân giả nghĩa thật dịu dàng, chung thủy. Cái bệnh dịch hạch trút xuống đầu nhân loại - đó mới là cái tên hợp với hắn. Tôi hiểu rằng sự tồn tại của hắn đang phá hoại đạo đức, đang đe dọa luân thường đạo lý, còn tiêu diệt hắn là để giúp đỡ cho người già và mang lại sự yên tĩnh cho người trẻ. Và lúc đó, ở trong tôi, quyết tâm giết Mixumura dần dần đã thành kế hoạch cụ thể.

Thế nhưng tôi vẫn cứ băn khoăn do dự không biết cái kế hoạch này có thực hiện được không? Không biết là may mắn hay rủi ro khi mà vào đúng những ngày nặng nề ấy, số mệnh đã run rủi tôi gặp người bạn trẻ của mình là bá tước Hônđa. Có một lần, vào lúc chiều tối tại quán trà nhỏ Kaxivaia ở khu phố Hôkutdô, tôi đã được nghe từ miệng Hônđa câu chuyện buồn về mối tình của ông ta. Lần đầu tiên tôi biết Hônđa và Akikô làm lễ đính hôn, và Mixumura nhờ sự hỗ trợ của đồng tiền, đã phá được lễ đính hôn ấy. Câu chuyện này còn làm tôi xúc động hơn. Lúc đó tôi run lên vì phần nộ khi nhớ tới tất cả sự đố kỵ của Mixumura mà bá tước Hônđa kể cho tôi nghe buổi chiều hôm ấy trong căn phòng của tiệm ăn có bức rèm bằng lau rủ xuống dưới ánh sáng yếu ớt của một cây đèn nhỏ duy nhất. Và đồng thời tôi còn nhớ, y như lúc này đây, rằng một nỗi buồn không sao tả xiết đã trùm lấy tôi, khi tôi lên xe đẩy về nhà và nhớ tới chuyện Hônđa cùng Akikô đã đính hôn. Xin phép quý vị, một lần nữa tôi lại xin được viện đến nhật ký của mình:

"Sau cuộc gặp gỡ buổi chiều hôm nay với bá tước Hônđa, tôi đã quyết định dứt khoát sẽ giết chết Mixumura trong những ngày gần đây nhất. Qua câu chuyện của bá tước, tôi hiểu rằng Hônđa và Akikô chẳng những đã đính hôn, mà rõ ràng là yêu nhau thật sự. (Đó là lý do vì sao mà bá tước không muốn thay cuộc sống độc thân của mình!). Như vậy, nếu tôi giết Mixumura thì hẳn là bá tước và Akikô sẽ gắn bó được với nhau mà không có khó khăn đặc

biệt nào. Ngay cả tới trời cao kia cũng như đã giúp tôi thực hiện những kế hoạch của mình - bởi vì Akikô trong suốt thời gian chung sống với Mixumura đã không có con với hắn. Tôi không thể nén được nụ cười khi nghĩ rằng sau khi giết con quái vật Mixumura, tôi sẽ giúp bá tước bạn tôi và Akikô bắt đầu cuộc sống hạnh phúc'. Nhật ký của tôi đã viết như vậy đây.

Và thế là tôi bắt tay vào thực hiện kế hoạch của mình. Sau khi nghĩ suy rất lâu, cân nhắc tỉ mỉ tất cả những điều "nên" và "không nên", rốt cuộc tôi đã chọn được địa điểm thích hợp cho việc ám sát. Tôi cũng đã tìm ra được cách để trừ khử hắn ta. Thiết nghĩ trong bức thư này tôi không cần miêu tả chi tiết tất cả những chuyện đó được tiến hành ra sao.

Liệu quý vị có nhớ buổi chiều tối ngày 12 tháng 6 năm thứ mười hai thời Mâyđoda, khi cháu đích tôn của Hoàng đế Đức viếng thăm rạp hát Ximtômida không? Liệu quý vị có nhớ rằng cũng buổi chiều ấy khi từ rạp hát trở về biệt thự của mình, Mixumura đột ngột qua đời ngay trên chiếc xe ngựa không? Vì thế tôi nghĩ rằng đối với quý vị, tôi chỉ cần nói rằng một vị thầy thuốc đứng tuổi nào đó lưu ý tới khuôn mặt tái nhợt đi của Mixumura và đề nghị hắn ta uống thuốc viên... Ôi, giá như quý vị có thể hình dung được điều gì nảy sinh trong tâm lòng của người thầy thuốc đó! Dưới ánh sáng đỏ rực màu máu của những ngọn đèn lồng, chàng ta đứng bên cửa lối ra của rạp hát Ximtômida và đưa mắt dõi theo chiếc xe ngựa của Mixumura đi xa dần dưới

trời mưa. Trong tâm hồn chàng ta, sự căm thù của ngày qua và nỗi hân hoan của hôm nay như quện lấy nhau trong một điệu vũ hoang sơ. Từ cổ họng chàng ta lúc phát ra tiếng cười khàn, lúc thì tiếng rên rỉ chua chát, còn chàng ta hoàn toàn quên bản thân mình đang ở đâu và thời gian đã trôi qua bao lâu rồi. Quý vị phải biết rằng vừa cười vừa khóc y như kẻ mất trí, chàng ta bước đi trên đám bùn lầy trở về nhà mà hai môi chàng cứ liên hồi lẩm bẩm lúc nào cũng chỉ một cái tên: Akikô...

Đêm hôm ấy tôi đã không ngủ được dù chỉ trong giây phút. Lúc thì tôi vùng dậy đi đi lại lại trong phòng làm việc của mình, lúc thì tôi ngồi xuống. Tôi vui mừng ư? Tôi buồn bã ư? Chính bản thân tôi cũng không thể phân tích nổi. Có một thứ tình cảm nào đó gay gắt, mạnh mẽ không sao diễn tả được bao trùm cả con người tôi và không một khoảnh khắc nào cho phép tôi được yên lòng. Trên bàn có một chai sâm banh. Bên cạnh đó là lọ hoa cắm hoa hồng. Và cũng ngay ở đấy là cái hộp đựng chính những viên thuốc ấy. Dường như cả quỷ lẫn thần đã quyết định chia sẻ cùng tôi cái bữa ăn bất bình thường ấy của tôi.

Chưa bao giờ tôi lại cảm thấy hạnh phúc đến thế vào một vài tháng sau đấy. Như tôi đã dự liệu trước, các bác sĩ của Sở cảnh sát xác nhận cái chết đó là do bệnh xuất huyết não, xương cốt của Mixumura đã nằm sâu dưới đất, và bây giờ trong bóng tối mịt mù, chúng đã làm mỗi cho côn trùng. Từ nay vị tất đã có ai có thể ngờ vực tôi ám

hại. Hơn nữa, tôi biết rõ ràng sau cái chết của chồng, lần đầu tiên Akikô mới được sống và cảm thấy mình là một con người. Điều đó làm cho tôi thấy lòng mình tràn ngập niềm vui mừng. Tôi tiếp tục công việc chữa bệnh cho các bệnh nhân, còn những lúc thư rỗi lại cùng với bá tước Hônđa sung sướng tới xem rạp hát Ximtômida chỉ bởi độc một lòng mong muốn kỳ lạ kích động tôi là một lần nữa, lại một lần nữa được nhìn thấy ánh đèn viên quanh trước sân khấu, nhìn thấy lớp vải đỏ bọc ghế lô rạp hát và nhìn thấy cái chiến trường vinh quang mà ở đấy tôi đã giành chiến thắng cuối cùng.

Nhưng tôi chỉ vui mừng và hài lòng vền vẹn được vài tháng. Và khi chúng qua đi thì dần dần một sự căm dỗi khủng khiếp, sự căm dỗi trở thành nỗi tủi hổ của cả đời tôi, đã bắt đầu xâm chiếm lấy tôi. Không, tôi không đủ can đảm, không đủ nghị lực để kể cho quý vị là tôi đã phải chịu đựng đến thế nào cuộc đấu tranh khốc liệt ở trong lòng và dần dần cuộc đấu tranh ấy bắt tôi phải tự tử. Thậm chí lúc này đây, khi viết những dòng này, từng phút một tôi buộc phải bước vào trận đánh quyết tử với con thủy tức căm dỗi này. Nếu như quý vị muốn hình dung cho dù chỉ là ở một chừng mực nào đấy những đau khổ của tôi, xin quý vị hãy đọc một vài đoạn trích trong nhật ký của tôi:

"... *Tháng Mười*. Akikô không có con với Mixumura, nàng đã rời khỏi nhà hần ta. Lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau sáu năm về trước. Tôi quyết định sẽ cùng với bá tước Hônđa đến thăm

nàng. Kể từ khi ở nước Anh trở về, tôi không hề gặp Akikô, thoát đầu vì tôi sợ chính bản thân tôi, sau đó vì tôi ngại cuộc gặp gỡ sẽ làm cho nàng thêm khó xử và cứ thế kéo dài cho tới tận ngày hôm nay. Liệu đôi mắt Akikô có vẫn còn ngời sáng lạ lùng như sáu năm về trước không?

... *Tháng Mười*. Hôm nay tôi ghé lại chỗ bá tước Hônđa để cùng ông tới thăm Akikô. Tôi kinh ngạc khi biết ra rằng họ đã gặp gỡ nhau không có tôi một vài lần rồi. Vì sao mà bá tước Hônđa lại lẩn tránh tôi như vậy? Tôi không vừa lòng và viện cớ có cuộc thăm bệnh nhân không thể dừng được rồi vội vã rời khỏi nhà Hônđa. Chắc hẳn sau khi tôi đi rồi bá tước thăm Akikô một mình.

... *Tháng Mười Một*. Cùng với bá tước tới thăm Akikô. Sắc đẹp của nàng có phai phai đi đôi chút, song nhìn nàng chẳng khó khăn gì mà vẫn hình dung được cô gái đứng dưới giàn cây hoàng đậu màu tím nhạt. Ôi! Thế là cuối cùng tôi cũng đã gặp được Akikô. Nhưng vì sao mà một nỗi buồn thương khó tả siết chặt lấy ngực tôi? Vì sao vậy? Tôi không biết nguyên nhân và do đó tôi càng đau khổ hơn.

... *Tháng Chạp*. Rõ ràng là bá tước dự định cưới Akikô. Thế là cái mục đích tôi đặt cho mình khi giết chồng Akikô sắp được thực hiện. Nhưng mà... cái cảm giác giầy vò lạ lùng không chịu buông tha tôi, cứ y như thể lại một lần nữa tôi mất Akikô.

... *Tháng Ba*. Người ta nói rằng đám cưới bá tước và Akikô được ấn định vào cuối năm nay. Cầu

mong sao cho điều đó được thực hiện càng sớm càng tốt. Nói khác đi, không bao giờ tôi thoát khỏi được cái cảm giác giày vò tôi là mất Akikô.

... *Tháng Sáu, ngày mười hai.* Tôi có mặt ở rạp hát Ximtômida. Nhìn lên sân khấu, tôi không kìm được nụ cười mãn nguyện khi nhớ đến nạn nhân mà tôi đã trừng phạt vào chính ngày này của năm trước. Song trên đường về nhà, tôi kinh ngạc xiết bao khi trong óc tôi lóe lên ý nghĩ về những nguyên cớ của vụ giết người một cách bất ngờ khiến tôi quên cả chuyện tôi định đi về đâu. Tôi đã giết Mixumura vì ai vậy?! Vì bá tước Hônđa ư? Vì Akikô ư? Thế có thể là vì chính bản thân tôi không? Tôi có thể trả lời điều đó như thế nào đây?

... *Tháng Bảy.* Chiều tối nay bá tước, Akikô và tôi đi xem người ta đốt đèn lồng trên sông Xumida. Trong vệt sáng lọt qua cửa cỗ xe ngựa, đôi mắt của Akikô dường như còn đẹp hơn nhiều, và tôi nhìn đắm đuối đến mức quên mất rằng bá tước đang ngồi bên tôi. Nhưng lúc này không phải là lúc để viết về cái đó. Khi bá tước đột nhiên kêu đau dạ dày, tôi cho tay vào túi và sờ phải hộp thuốc viên. Tôi chết lặng đi như bị sét đánh. Bởi vì đó chính là cái hộp đựng thuốc viên ấy. Vì sao nó lại có ở trong người tôi vào chiều hôm ấy? Tình cờ chăng? Ôi! Tôi hết sức hy vọng rằng đó chỉ là sự tình cờ. Nhưng thực ra có phải đúng như vậy không?

... *Tháng Tám.* Tôi mời bá tước và Akikô đến dùng bữa tối. Suốt tối ấy tôi không thể quên những viên thuốc đã nằm trong túi tôi. Giống như một con

quái vật tôi không sao hiểu được đang nung nấu trong đáy sâu tâm hồn tôi.

... *Tháng Mười Một.* Cuối cùng bá tước và Akikô đã tổ chức hôn lễ. Tôi cảm thấy cơn giận dữ ở trong tôi sôi sục đã trút lên chính bản thân tôi. Cũng giống như người lính rút khỏi chiến trận phải trải qua nỗi giận dữ vì đã có lần hèn nhát...

... *Tháng Chạp.* Theo yêu cầu của bá tước, tôi đã khám bệnh cho ông ta. Bên cạnh là Akikô. Nàng nói rằng về đêm nhiệt độ ông tăng vọt lên dữ dội. Sau khi khám xong, tôi đã trấn an Akikô và cho nàng biết rằng đó chỉ là do bị cảm lạnh rồi về nhà ngay để chuẩn bị thuốc men cho bá tước. Trong vòng hai tiếng đồng hồ khi tôi chuẩn bị thuốc, thì cái thứ thuốc viên ấy đã cuốn hút tôi bằng một sức mạnh không sao kiềm chế nổi.

... *Tháng Chạp.* Đêm qua tôi đã trải qua một cơn ác mộng dường như là tôi đã giết bá tước. Suốt ngày, một nỗi buồn không sao nén nổi đã bóp chặt lấy ngực tôi.

... *Tháng Hai.* Ôi! Rút cục đến bây giờ tôi hiểu rằng: để không giết bá tước, tôi phải giết chính bản thân tôi. Thế còn Akikô thì sao?"

Thưa bá tước cùng bá tước phu nhân! Đó chỉ là một đoạn nhỏ trong nhật ký của tôi, mặc dù vậy, tôi vẫn tin rằng qua nó, quý vị sẽ hiểu nỗi đau đớn như thế nào mà tôi phải trải qua trong nhiều đêm ngày. Để không giết bá tước Hônđa thì chính bản thân tôi phải chết. Tôi có thể giết ông ta để cứu bản thân

mình. Nhưng nếu thế thì cái gì có thể cắt nghĩa những nguyên nhân mà tôi đã giết chết Mixumura? Có thể tôi đã đầu độc Mixumura khi muốn đạt được tới những mục đích ích kỷ của mình một cách vô ý thức chăng? Trong trường hợp như vậy thì "cái tôi" của tôi, đạo đức của tôi, những nguyên tắc của tôi, danh dự của tôi bị sụp đổ. Điều đó thì tôi không thể nào chịu nổi. Theo quan điểm của tôi thì thà tự tử còn hơn là chịu sự phá sản tâm hồn. Do đó, để khẳng định cá nhân mình, tôi quyết định đêm hôm nay sẽ chia sẻ số phận với nạn nhân mà xưa kia đã ngã xuống do tay tôi bằng cách tôi lại dùng chính hợp đồng thuốc viên ấy.

Kính thưa bá tước Hônđa; kính thưa bá tước phu nhân! Bây giờ thì quý vị đã biết điều gì thúc đẩy tôi tự sát. Khi quý vị nhận bản tự thú của tôi thì tôi đã thành cái xác lạnh ngắt. Khi nhìn vào đôi mắt tử thần, tôi quyết định thổ lộ thật chi tiết trước quý vị điều bí mật trong cuộc đời đáng nguyên rủa của tôi, chỉ cốt sao trong một chừng mực nhất định biện hộ cho bản thân mình trước quý vị. Song nếu như theo quý vị, tôi là con người đáng để người ta căm ghét thì xin quý vị hãy căm ghét tôi, nếu đáng được thông cảm thì xin quý vị hãy thương cảm! Tôi, một con người căm ghét và thương hại chính bản thân mình sung sướng mà nhận cả sự căm ghét lẫn sự thương cảm của quý vị. Và tôi xin kết thúc.

Một vài phút nữa, tôi ra lệnh thắng cho tôi chiếc xe ngựa và vào rạp hát Ximtômida. Và khi xong được một nửa chương trình biểu diễn, tôi sẽ

nuốt một vài "viên thuốc ấy" và lại ngồi vào cỗ xe ngựa. Dĩ nhiên bây giờ là mùa khác, nhưng trận mưa phùn lấm tấm cũng gợi cho tôi nhớ tới trận mưa rơi khi mà những trái mận đã đến kỳ chín mọng. Và rồi tôi cũng như con lợn béo núc ních Mixumura, tôi sẽ nhìn vào những đốm sáng lướt qua cỗ xe ngựa và lắng nghe tiếng động của những hạt mưa trong trận mưa chiều tối gõ trên nóc cỗ xe. Tôi chưa kịp ra khỏi rạp hát thì giây phút cuối cùng của đời tôi đã đến.

Chắc hẳn quý vị nhận được bức thư của tôi sau khi buổi sáng quý vị đọc trong báo: Bác sĩ Kitabatakê Hiitirô qua đời trong cỗ xe ngựa trên đường từ rạp hát về nhà, cái chết đột ngột vì bệnh xuất huyết não.

Vĩnh biệt. Với tất cả tấm lòng mình, xin chúc quý vị hạnh phúc và mạnh khỏe.

Kẻ tôi tớ vĩnh viễn trung thành với quý vị.

Kitabatakê Hiitirô".

Tháng Bảy 1918

NGƯỜI CHỒNG CÓ VĂN HÓA

Cách đây ít lâu, Viện bảo tàng Uenô khai mạc cuộc triển lãm về nền văn hóa thời kỳ đầu tiên dưới triều Mâyđơda. Hôm ấy vào lúc gần tối, trời u ám, tôi tới triển lãm, đi vòng quanh hết gian này đến gian khác chăm chú xem các hiện vật được trưng bày. Khi bước vào gian cuối cùng, tôi chú ý thấy một người đang ngắm nhìn các bức tranh in tay đã mờ nhạt đi vì thời gian. Đó là một ngài luống tuổi, người cân đối, thậm chí ăn mặc khá bảnh bao, với bộ comlê đen đẹp không chê vào đâu được và chiếc mũ dất tiên. Mới thoạt nhìn, tôi đã nhận ra đó là bá tước Hônđa, mà tôi đã làm quen vài ngày trước đây trong một buổi dạ hội lớn. Trước kia tôi cũng đã biết bá tước thích cô độc, do đó tôi lảng ngay sang một bên suy nghĩ xem liệu có nên chào ông ta hay không. Lúc ấy, chắc hẳn bá tước Hônđa nghe thấy bước chân tôi và đã thông thả quay về phía tôi. Phút sau đấy, trên đôi môi ông bị chòm râu bạc che đi mất một nửa, tôi thấy phảng phất bóng dáng một nụ cười. Ông nhẹ nhàng lật mũ và bằng một giọng nói mềm mại chào tôi. Ngay lập tức tôi cảm thấy

minh thoải mái hơn đôi chút tôi lễ phép cúi đầu chào và chậm rãi tiến về phía ông.

Bá tước Honda thuộc loại người mà cái đẹp của tuổi già làm khuôn mặt rạng rỡ lên, như ánh hồi quang của ráng chiều. Đồng thời những nỗi đau khổ tâm hồn sâu lắng cũng in dấu ấn trầm tư khác thường đối với người đại diện cho tầng lớp quý tộc trong con người ông. Tôi còn nhớ hồi mới quen cũng như bây giờ, tôi đã chú ý đến cái kim với viên ngọc trai to lấp lánh một cách buồn bã trên cái nền đen tuyền của bộ comlê của ông. Tôi nhìn lên nó và tôi cảm thấy như mình nhìn vào tận trái tim bá tước...

- Ông thấy những bức tranh in tay này thế nào? Hình như đây là những bức miêu tả khu cư dân mới ở Xukidi. Các bản khắc phải là người có trình độ bậc thầy mới làm được, có phải không ông? Sự kết hợp tối sáng thật là thú vị.

Bá tước vừa nói nhỏ nhẹ, vừa lấy đầu can bít bạc chỉ lên một trong số những bức tranh in tay treo ở phía sau lớp kính của giá trưng bày. Tôi gạt đầu xác nhận.

- Vịnh Tôkiô tung bọt sóng, những con tàu trang trí bằng những lá cờ của các quốc gia khác nhau, những người đàn ông, đàn bà châu Âu dạo chơi trên phố xá, một cây dừa đơn độc theo phong cách Hirôxighe⁽¹⁾ phủ cảnh lá xuống ngôi nhà châu

⁽¹⁾ Hirôxighe Andô (1797-1858) họa sĩ Nhật Bản, nghệ sĩ bậc thầy về tranh khắc gỗ, nhà vẽ tranh phong cảnh lớn nhất.

Âu, có sự hòa trộn giữa Nhật Bản và châu Âu cả ở trong việc lựa chọn đề tài, lẫn phương pháp thể hiện - chính sự hoà trộn đó đã tạo nên vẻ hài hòa kỳ diệu vốn có trong nghệ thuật thời kỳ đầu Mâydoda. Từ đó, vẻ hài hòa này đã bị nền nghệ thuật của chúng ta đánh mất vĩnh viễn. Nó biến mất ngay cả trong thành phố Tôkiô quê hương của chúng ta.

Sau khi nghe bá tước, lại một lần nữa tôi gạt đầu tán thưởng và nói rằng, bức khắc gỗ thể hiện khu cư dân mới đó thú vị không chỉ vì chính bản thân nó. Nó gọi lại cái thế kỷ ánh sáng đã lui vào dĩ vãng không bao giờ quay trở lại với cỗ xe hai chỗ ngồi của người phu xe được trang trí bằng những con báo đã được cách điệu hóa và bằng hình chụp kiểu cổ các vũ nữ ăn mặc lộng lẫy nhìn vào chúng ta. Bá tước mỉm cười nghe tôi nói rồi chậm rãi tiến về khung kính đối diện có treo những bức khắc gỗ Ukiôê⁽¹⁾ do Taixô Iôxítôxi⁽²⁾ sáng tác.

- Ông hãy xem những bức khắc gỗ này của Iôxítôxi, - bá tước nói. Kikugôrô⁽³⁾ mặc âu phục và Khanxirô trong mớ tóc giả theo kiểu Itiôgaêxi⁽⁴⁾ đang

⁽¹⁾ Ukiôê: là phong cách tranh khắc gỗ nổi tiếng của các nghệ sĩ Nhật Bản thế kỷ 18 và nửa đầu thế kỷ 19.

⁽²⁾ Taixô Iôxítôxi (1839-1892): một trong những họa sĩ cuối cùng của phong cách này.

⁽³⁾ Kikugôrô thứ năm (1815 - 1903) và Ivan Khanxirô thứ tám (1829 - 1882) là những diễn viên danh tiếng thời đó.

⁽⁴⁾ Itiôgaêxi: kiểu tóc của các thiếu nữ bình dân. Trong rạp hát Kabuki các vai nữ cho đến nay vẫn do nam đóng.

diễn vở bi kịch dưới ánh trăng sân khấu. Nhìn cảnh đó trước mắt ta sẽ hiện lên một thời đại xa xôi khi mà kinh đô cũ Êđô đã mất các đường nét của nó song chưa biến thành Tôkiô khi mà - nếu có thể diễn đạt như vậy - ngày và đêm còn chưa tách biệt nhau.

Tôi được nghe nói rằng chỉ mới gần đây bá tước Hônđa mới thích cô độc như thế, chứ xưa kia khi mới từ châu Âu về sau cuộc du lịch ông có tiếng là một con người thế tục và nổi tiếng không chỉ ở các giới chức sắc mà cả trong đám công chúng bình thường. Và tại đây, trong gian phòng triển lãm vắng vẻ, giữa những bức tranh khắc gỗ cổ những lời nói của Hônđa vang lên như một chân lý không thể tranh cãi được. Song chính vì sự không thể tranh cãi được ấy đã gây ra trong tôi một sự phản kháng nào đó, và sau khi nghe ông xong, tôi định chuyển câu chuyện sang đề tài về sự phát triển của thể loại Ukiôê nói chung. Nhưng bá tước vừa chỉ lên những bức khắc gỗ của Iôxitôxi vừa tiếp tục bằng giọng nói nhỏ nhẹ, thiết tha:

- Ông cứ hình dung mà xem, những con người như tôi, ngắm nhìn các bức khắc gỗ này tôi cứ có cái cảm giác dường như những sự kiện của ba bốn chục năm trước, chỉ vừa mới xảy ra hôm qua, chẳng khác nào khi mở số báo mới ngay lập tức ta gặp tin về hội khiêu vũ trá hình ở câu lạc bộ Rôkumâykan⁽¹⁾. Thú

⁽¹⁾ Câu lạc bộ Rôkumâykan: toà nhà mang tên này xây dựng năm 1883 ở Tôkiô, quận Tiôđa. Nơi đây chỉ có các danh gia thế phiệt và các quan chức sứ quán ngoại quốc được tới.

thực kể từ khi vào đây, tôi không thể nào thoát khỏi được cái cảm giác lạ lùng là, dường như những con người của thời ấy sống lại và những kẻ vô hình đối với con mắt chúng ta đang đi dạo trong gian triển lãm này. Và dường như thỉnh thoảng những bóng ma ấy dừng lại bên cạnh và bắt đầu thì thầm vào tai tôi những câu chuyện của những năm dĩ vãng. Xin ông hãy nhìn xem bức chân dung Kikugôrô trong bộ Âu phục. Anh ta giống một người bạn tôi đến lạ lùng. Khi tôi đứng trước bức chân dung này thì cái cảm giác về sự có mặt của anh bạn tôi cuốn hút đến mức tôi muốn hỏi thăm sức khoẻ anh ta và biểu lộ sự luyến tiếc vì đã lâu lắm chúng tôi không gặp nhau. Nếu như ông không phản đối, tôi sẽ kể cho ông nghe về anh ta.

Trong giọng nói của Hônđa có vẻ không yên tâm và ông đã đưa mắt sang phía bên như thể không tin là tôi bằng lòng nghe ông. Tôi còn nhớ vài ngày trước đây, khi lần đầu tiên làm quen với Hônđa, bạn tôi, người lĩnh trách nhiệm khó khăn là giới thiệu tôi, đã nói với bá tước: "Anh ấy là nhà văn, và nếu ông có nhớ điều gì đó lý thú rất nên kể cho anh ta". Nhưng ngay cả khi bạn tôi không giới thiệu như thế, tôi cũng sẵn sàng ngay lúc này thuê một cỗ xe ngựa và cùng với Hônđa đi trên đường phố đẹp của "những ngôi nhà gạch" đang bị phủ bởi một lớp sương mù quá khứ. Hồi ức của bá tước về những ngày đã qua xa xưa mới hấp dẫn tôi làm sao. Vì thế, tôi vui mừng bằng lòng nghe câu chuyện của ông.

- Chúng ta lại chỗ ấy đi. - Honda đề nghị.

Chúng tôi đến chỗ chiếc ghế dài đặt ở gian triển lãm. Khắp gian chẳng có một ai. Vây quanh chúng tôi là những giá trưng bày mà phía sau lớp kính là những bức tranh in tay, những bức khắc gỗ đã mờ đi vì thời gian và được chiếu sáng bởi cái ánh sáng lạnh lẽo của một ngày u ám. Tỳ cầm vào đầu can bit bạc, bá tước Honda nhìn một hồi khắp gian phòng như để lục lại trong ký ức, sau đó quay sang nhìn tôi và bắt đầu bằng một giọng nói rất nhỏ nhẹ:

- Bạn tôi tên là Miura Naôki. Tôi tình cờ quen anh ấy trên con tàu khi từ Pháp về tổ quốc. Anh ấy hai mươi lăm tuổi. Lúc ấy tôi cũng cỡ tuổi anh ấy. Anh ấy giống như bức chân dung Kikugôrô của Iôxitôxi, có khuôn mặt trắng, hẹp và mái tóc dài rẽ đường ngôi thẳng viền quanh. Trên cả gương mặt của anh ấy có dấu vết của nền văn minh thời kỳ đầu thời đại Mâyđôda! Trong thời gian dài đi trên tàu, mối cảm tình lẫn nhau của chúng tôi tự nhiên nảy nở rồi trở thành tình bạn gần gũi đến mức khi trở về Nhật Bản gần như hàng tuần chúng tôi đều gặp gỡ nhau. Theo lời Miura thì cha mẹ anh ấy là đại diện chủ vùng Xitai và rồi cả hai người lần lượt bước sang thế giới bên kia khi anh ấy đi sang Pháp. Miura là con trai độc nhất và sau khi cha mẹ qua đời là chủ nhân một gia sản lớn. Vào thời mà tôi quen với Miura thì anh ấy đã sống rất sung túc, cho phép anh thả cửa chơi bời mà chẳng phải lo lắng gì, và việc anh ta làm cho một chủ nhà băng cũng chỉ là việc làm lấy lệ mà thôi. Về nước

chẳng bao lâu, Miura đã chán chĩnh lại phòng làm việc của mình trong toà biệt thự cổ của cha mẹ ở gần Riôguku theo kiểu Âu và sống cuộc đời hoàn toàn phong lưu.

Tôi kể cho ông nghe điều này mà trước mắt tôi cứ hiện ra quang cảnh phòng làm việc của Miura rõ ràng y như hình vẽ được thể hiện trên bức tranh in tay ấy. Những chiếc cửa sổ theo kiểu Pháp trông ra sông Xumida, trần trắng viền vàng, những chiếc ghế bành và đi văng phủ da Marocanh đỏ, chân dung Napôlêông đệ nhất treo trên tường, chiếc tủ sách trạm trổ bằng gỗ gụ, chiếc lò sưởi bằng đá cẩm thạch có gương, một cây dừa cần cỗi đặt trên bệ lò sưởi mà người cha quá cố của Miura ưa thích - sự bố trí mang đặc tính của thời đó trong căn phòng làm việc gây cho tôi cái cảm giác lạ lẫm về một thứ đồ mới cổ, hơi loè loẹt, làm cho tôi nhớ tới - nếu như cho phép tôi dùng một sự so sánh - cái âm thanh của một thứ nhạc cụ đã mất âm hưởng.

Miura thường mặc bộ *kimônô* lụa đắt tiền, bao quanh là những đồ vật ấy, anh ngồi phía dưới bức chân dung Napôlêông đệ nhất và đọc một cái gì đó đại loại như "Những môtip phương Đông" của Huygô. Sự bài trí ấy hoàn toàn có thể làm đề tài cho bất cứ tranh in tay nào được trưng bày tại đây. Tôi còn nhớ, bằng một thứ tình cảm kỳ quặc, tôi đã nhìn những con thuyền trôi trên sông và thỉnh thoảng lại phải đóng những chiếc cửa sổ theo kiểu Pháp của phòng làm việc anh ấy để tránh cái ánh sáng của những cánh bướm trắng to lớn.

Mặc dù Miura sống trong nhung lụa, song không giống với những chàng trai trẻ cùng lứa tuổi mình, anh ấy không lai vãng tới các cuộc vui chơi tiêu khiển ở Xinbaxi hoặc Ianaghibaxi. Ngày ngày anh ấy ở ẩn trong căn phòng làm việc được bài trí lại như vậy và mãi mê đọc. Nói tóm lại, anh ấy sống một cuộc sống của một tu sĩ trẻ ẩn dật hơn là cuộc sống của một ông chủ nhà băng. Cái lỗi có lẽ là ở chỗ cơ thể anh ấy ốm yếu không cho phép mình có những hành động làm phương hại đến sức khoẻ. Song cũng còn nguyên nhân khác nữa. Về mặt bản tính - đối lập với xu thế duy vật thời đó - anh là một nhà duy tâm thuần túy. Do đó, anh thích cô độc. Anh là mẫu mực của một trang hào hoa công tử của thời đại mà văn minh phương Tây thâm nhập vào Nhật Bản mặc dù với cái bản tính duy tâm của mình, nó làm ta nhớ tới những nhà mơ mộng về chính trị đã sống ở thời kỳ còn trước đó nữa. Bằng chứng cho điều này là cuộc nói chuyện của chúng tôi vào hôm đi xem vở kịch về vụ nổi loạn Xanhpurên⁽¹⁾. Tôi nhớ là sau cảnh Ô-nô Têppây tự tử, đột nhiên Miura quay về phía tôi vẻ nghiêm trang hỏi:

- Liệu anh có thể đồng cảm với họ được không?

Bởi vì hồi đó mới qua chuyển sang châu Âu về nước tôi hoàn toàn không chịu nổi với tất cả những

⁽¹⁾ Cuộc nổi loạn Xanhpurên nổ ra ngày 24 tháng 10 năm 1887 và ngày hôm sau bị trấn áp. Xanhpurên: "Đội quân gió thiêng".

gì sắc mùi cổ, nên tôi đã rất lạnh lùng đáp lại: "Không, tôi hoàn toàn không có một chút đồng cảm nào với họ. Tôi nghĩ, đối với những ai nổi loạn, chiếu theo sắc lệnh cấm mang gươm⁽¹⁾ thì một cái chết như thế là hoàn toàn đáng đời".

Miura lắc đầu phản đối:

- Có thể những đòi hỏi của họ là sai lầm. Nhưng tôi nghĩ rằng cái ý nguyện của họ hy sinh thân mình để thực hiện đòi hỏi của mình xứng đáng một cái gì đó hơn cả sự đồng cảm.

- Như vậy thì anh cũng giống những kẻ nổi loạn này và không còn nghi ngờ gì nữa anh sẵn sàng đoạn tuyệt với một cuộc sống duy nhất không lặp lại vì mơ ước ngày thơ là quay cuộc sống hiện đại của chúng ta trở về thời kỳ Mâyđơda, và thậm chí trở về thời kỳ cổ đại của các vị thánh thần, - tôi cười phản đối.

Để đáp lại, anh vẫn tỏ vẻ nghiêm trang như cũ và làm như thể vấn đề đã được giải quyết, và nói:

- Đối với tôi, chỉ cần con người sẵn sàng hiến dâng cuộc sống cho cái mà anh ta tin là đủ. Cho dù điều đó có là những niềm mơ ước ngày thơ đi chăng nữa.

Lúc ấy đối với tôi, dường như tất cả điều đó chỉ là những lời thuần túy hoa mỹ và tôi không cho nó

⁽¹⁾ Sắc lệnh cấm mang gươm: quyền được mang hai gươm thuộc giới quân sự và quý tộc. Luật xóa bỏ quyền đó ra đời tháng 3-1876.

có một ý nghĩa đặc biệt nào. Bây giờ đây, khi đối chiếu với tất cả những điều biết rõ, mới hiểu ra rằng cái số phận buồn bã mà anh ấy gặp phải trong những năm gần đây đã in dấu ấn dù còn là mờ ảo, và mới mẻ trên những lời nói ấy. Sau khi nghe tôi kể hết câu chuyện, ông sẽ tin vào điều đó.

Miura giữ những nguyên tắc của mình trong mọi chuyện. Do đó, về chuyện hôn nhân thì anh ấy đã cự tuyệt thẳng thừng vô số đám rất hay. Anh ấy tuyên bố:

- Tôi chỉ cười vì tình yêu mà thôi.

Vả lại khái niệm tình yêu của anh ấy khác thường, và đến ngay cả một cô gái anh ấy thích, Miura cũng tìm mọi cách để không dẫn tới chuyện hôn nhân, anh nói:

- Trong tình cảm, tôi còn nhiều điều chưa hoàn hảo.

Nhìn nhận điều đó từ một phía thật không làm sao chịu nổi và đôi khi tôi đã can thiệp vào.

- Nếu cứ phân tích những tình cảm của mình tỉ mỉ đến như anh đã làm thì cuộc đời sẽ biến thành cơn ác mộng. Do đó, cần phải hoà dịu với chuyện thế giới phát triển không phù hợp với lý tưởng của anh và dù ít dù nhiều cũng phải hài lòng với cô gái có thể chấp nhận được.

Tuy nhiên Miura đã không chịu nghe lời khuyên nhủ đó, anh nhìn lên tôi với vẻ thương hại và đáp:

- Nếu thỏa mãn với cái điều anh đưa ra ấy

thì tôi đã kết thúc cái cảnh sống độc thân này từ lâu rồi.

Và nếu như tôi, bạn của Miura, lặng lẽ nghe quan điểm của anh ấy thì những người thân thuộc khi nghĩ tới tạng người yếu ớt của anh và lo anh mất kẻ nối dõi cũng đã khuyên anh chi ít phải kiếm lấy một nàng hầu. Tuy nhiên, Miura không phải là loại người lưu tâm đến những lời khuyên như thế. Hơn nữa, anh ấy cực kỳ kính tởm chính cái từ "nàng hầu". Thường thường anh cười chua chát mà nói với tôi:

- Chúng ta bây giờ được coi là một đất nước văn hóa, ấy vậy mà chúng ta, ở nước Nhật Bản này, các nàng hầu vẫn hoàn toàn tồn tại công nhiên y như xưa kia.

Đó là vì sao mà sau khi trở về Nhật trong vòng hai ba năm trời, Miura kiên trì đọc sách và ngồi một mình ở nhà đối mặt với chân dung Napôlêông đệ nhất, và chúng tôi - những bạn bè của anh - hoàn toàn mất hy vọng là đến một khi nào đó anh ấy sẽ cưới vợ vì tình yêu.

Lần ấy vì công việc của công sở tôi quyết định sang thành phố Xêun của Triều Tiên. Ông có tưởng tượng được là chưa đầy một tháng bỗng nhiên tôi nhận được một bức thư của Miura thông báo cho tôi biết về lễ đính hôn của anh ấy. Hãy hình dung xem là tôi ngạc nhiên đến thế nào. Đồng thời cái tin đó không thể không làm cho tôi phải mỉm cười: rút cuộc thì anh ấy cũng đã có một người bạn đời. Bức

thư hết sức ngắn. Anh ấy chỉ báo cho tôi biết là đã đính hôn với Phuddi Kaxumi - con gái của một nhân viên tiếp phẩm. Qua các bức thư tiếp sau, tôi biết rõ thêm một vài chi tiết cụ thể. Một lần Miura đến chùa Khaghiđêra trên hòn đảo Ianagixima và tình cờ gặp viên chủ tiệm đồ cũ, một vị khách thường xuyên trong toà biệt thự của anh ấy. Cùng với ngài Phuddi và con gái ông ta, anh ấy đã đến chùa làm lễ. Và thế là trong lúc dạo chơi quanh vườn chùa, Miura và Kaxumi đã đem lòng yêu nhau. Khởi phải nói, ngôi chùa Khaghiđêra mái lợp rơm, hai bên cửa có tượng, với những hàng bia ở giữa các bụi hoa Khaghi⁽¹⁾, có khắc những câu nổi tiếng của Baxiô⁽²⁾ với vẻ đẹp tinh tế, hiển nhiên là một chỗ lý tưởng cho "những cuộc gặp gỡ kỳ diệu của trai tài gái sắc". Tuy nhiên, đối với một trang công tử một trăm phần trăm của thời đại ánh sáng như Miura, người bước chân ra đường bao giờ cũng vận kiểu Pari chứ không thể khác thì tình yêu mới thoát tiên xuất hiện theo một sơ đồ cực nổi; và nếu như thông báo đầu tiên của anh ấy về việc hôn nhân làm cho tôi mỉm cười, thì bây giờ tôi không thể nào kìm được tiếng cười to hơn. Chẳng cần phải tinh ý lắm cũng có thể hiểu được vai trò mai mối của viên chủ hiệu đồ cổ. Mọi chuyện được sắp đặt

⁽¹⁾ Khaghi: cánh hoa hai màu, một trong những hình tượng yêu thích nhất của thơ ca Nhật Bản.

⁽²⁾ Baxiô (1644-1694): nhà thơ danh tiếng viết loại thơ 3 câu.

hoàn hảo hết chỗ nói. Chẳng khó khăn gì, cái vị mai mối được cử đến và ngay mùa thu ấy lễ thành hôn được tổ chức. Tất cả chuyện đó nói lên rằng giữa cặp vợ chồng mới cưới có quan hệ với nhau hoàn hảo không chê vào đâu được. Thực ra có một điều vừa làm cho tôi ngạc nhiên lại vừa làm cho tôi thấy ghen tị: đến ngay cả những bức thư Miura nói cho tôi biết tỉ mỉ về cuộc sống vợ chồng của mình, ta cũng có thể hiểu ra rằng cái con người có lý trí và lạnh lùng của một kho kiến thức đã biến chất hoàn toàn thành một con người vui vẻ và xởi lởi.

Cho đến bây giờ tôi vẫn còn giữ tất cả thư từ của anh ấy, và khi đọc lại, trước mắt tôi lại xuất hiện một khuôn mặt vui vẻ, tươi cười không thay đổi. Với vẻ hồn nhiên ngây thơ, anh ấy đã kể cho tôi biết chi tiết về cuộc sống thường ngày của mình: rằng trong năm nay giậu bìm bìm anh ấy trồng thế nào cũng lớn lên, rằng anh đã hiến tiền cho nhà trẻ Uenô; rằng do độ ẩm cao sách vở của anh bị ẩm và lên mốc, rằng gã xà ích anh thuê mắc bệnh uốn ván, rằng anh đã xem ảo thuật của một tay người Âu làm trò ở nhà hát Miiakôđô, rằng ở Kuramae có đám cháy, - có thể liệt kê không bao giờ hết những tin tức như thế mà anh ấy thông báo cho tôi biết. Song với niềm hân hoan đặc biệt, Miura thông báo cho tôi biết việc sau: anh ấy đã đặt họa sĩ Gôtdêta Khôbao vẽ bức chân dung vợ. Napôlông đệ nhất bị tháo ra khỏi tường và thay vào chỗ đó là chân dung vợ anh. Sau đấy, tôi đã nhìn thấy bức

chân dung ở chỗ đó. Phu nhân Kaxumi được vẽ theo hình nhìn nghiêng, đứng trước tủ gương. Mái tóc chải theo kiểu Âu, chiếc áo dài đen có thêu len kim tuyến vàng, trong tay có bó hoa hồng. Tôi có niềm hạnh phúc được nhìn tận mắt bức chân dung ấy, nhưng thế là từ bấy đến giờ không bao giờ tôi thấy anh ấy sống động và vui vẻ nữa.

Bá tước Honda thở dài và im lặng hồi lâu. Bị cuốn hút bởi câu chuyện của ông, tôi ngồi nghe thật yên và đến khi ông dừng lại tôi hoảng sợ nhìn lên ông và không kịp được về lo âu. Không hiểu sao tôi cho rằng Miura không còn sống nữa khi bá tước từ Xêun trở về. Chấn hấn đoán được nỗi lo âu của tôi, bá tước lắc đầu diêm tĩnh tiếp tục:

- Không, trong thời kỳ tôi đi vắng Miura không chết. Nhưng một năm sau, khi tôi về nước, anh ấy lại diêm tĩnh lạnh lùng và dường như có điều gì đó buồn bã. Tôi cảm thấy điều đó khi sau một thời gian gián đoạn dài, chúng tôi siết tay nhau trên bến tàu Xinxaxi, nơi Miura đến đón tôi. Hay đúng hơn tôi lo lắng vì sự lạnh đậm lạnh lùng của anh ấy hơn là chuyện cảm thấy điều đó. Sau khi nhìn lên khuôn mặt anh, tôi thấy lo lắng đến mức phải thốt lên:

- Anh có chuyện gì thế? Ốm hay sao?

Anh nhìn lên tôi ngờ vực và trả lời rằng không chỉ anh mà cả vợ anh hoàn toàn khỏe mạnh: "Vâng: - tôi nghĩ, - tất nhiên là phải thế. Tính cách của anh vẫn như vậy. Anh không thể nào

thay đổi hẳn sau một năm "cưới nhau vì tình". Tôi quyết định sẽ không nói tới chuyện đó nữa và chỉ cười mà nhận xét:

- Có lẽ tại ánh sáng. Trông nước da trên mặt anh có vẻ không được khỏe.

Để hiểu được những nỗi đau khổ mà anh ấy giấu dưới lớp mặt nạ lãnh đạm và để nhận rõ cái cười của tôi thật hết sức không đúng chỗ thì phải một vài tháng sau đó kia. Tuy nhiên để câu chuyện được liên tục tôi sẽ kể một đôi lời về chị vợ anh ta.

Chẳng bao lâu sau khi từ Xêun về, lần đầu tiên tôi gặp cô ta tại tòa biệt thự ở Ôkavabata, nơi Miura mời tôi đến ăn cơm. Cô ta cũng trạc tuổi với Miura, song có lẽ, do vóc người nhỏ, nên có vẻ như trẻ hơn anh ấy vài ba tuổi. Trên khuôn mặt tròn với nước da tươi rói nổi bật lên cặp lông mày rậm. Buổi tối ấy cô ta vận bộ *kimono* bằng vải chất liệu cổ có thêu hình bướm, chim và một dải thắt lưng bằng lụa tuyệt diệu. Biết ăn mặc theo một thời đó, có thể nói rằng, cô ta đã gây cho ta ấn tượng một phụ nhân "giới thượng lưu". Về ngoài của cô ta có một cái gì đó mâu thuẫn với khuôn mặt người bạn đời của Miura mà tôi đã vẽ lên trong trí tưởng tượng của mình. Nhưng chỉ là "cái gì đó", chứ còn là cái gì thì chính bản thân tôi cũng không rõ. Và sau đấy nhiều lần tôi thấy có một cái gì đó giống như là sự thất vọng. Song lúc bấy giờ ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua trong tôi rồi biến mất. Nói chung tôi cho rằng không có cơ sở nào để không mừng vui cho cuộc hôn nhân của Miura.

Ngược lại, khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn, dưới ngọn đèn thấp bằng dầu kim ngân, tôi hoàn toàn chịu cái vẻ sinh động và tài ba trong tính cách vợ Miura. Cô ta xưng hô rất tế nhị, biết hiểu ngay lập tức không cần phải nhiều lời, và có lẽ có thể xác định bằng một thành ngữ hơi có vẻ thông tục là: động đến là thấy tiếng ngân lên. Cuối cùng, không kìm được, tôi đã nói một cách hoàn toàn nghiêm túc:

- Thưa bà, một phụ nữ như bà cần phải được sinh ra không phải ở nước Nhật này mà phải ở nước Pháp kia.

- Đúng! Đúng quá! Bao giờ tôi cũng khẳng định chính điều ấy đấy. - Miura ngắt lời tôi và khích vợ. Trong một khoảnh khắc nào đó, tôi hơi cảm thấy trong những lời nói đó có chứa một giọng nói khó chịu nào đấy. Có thể bổ sung thêm cho một điều ngờ vực duy nhất đó mà tôi cảm thấy được, ấy là đôi mắt của phu nhân Miura đã ném ra một cái nhìn đầy căm ghét về phía Miura rất không hợp với tất cả vẻ yếu điệu hết sức của cô ta. Dù sao thì cái cảnh rất ngắn ngủi như một tia chớp cũng đã rọi chiếu cho tôi thấy cả cuộc đời của họ. Bây giờ khi suy ngẫm về điều đó, tôi đi đến kết luận là, ngay từ đầu cái bi kịch của tất cả đời Miura đã có mặt rồi. Còn lúc đó nỗi lo âu của tôi chỉ thoáng qua như một chiếc bóng, có thể thôi. Sau đấy làm như không có chuyện gì xảy ra, tôi tiếp tục trò chuyện với Miura, thỉnh thoảng lại rót thêm *xakê* cho đầy cốc. Chúng

tôi rất vui vẻ trong phần còn lại của bữa tối, và đến khi từ giả tòa biệt thự, đi trên chiếc xe tay, tôi đã ngã cái đầu ngà ngà say, đón ngọn gió thổi từ phía sông lên và nhiều lần tôi chúc thầm Miura đã đạt được chuyện "cưới nhau vì tình".

Kể từ bữa đó, một tháng trôi qua, nhiều lần tôi tới thăm vợ chồng Miura và tiếp họ ở nhà tôi. Một lần ông bạn bác sĩ của tôi mời tôi đến rạp Xintommida xem vở kịch "Ôden nô Kavabumi". Nhìn những khán giả ngồi ở ghế lô phía đối diện, tôi thấy vợ Miura ở đó. Hồi ấy bao giờ tôi cũng mang theo chiếc ống nhòm. Và thế là lần đầu tiên trong tầm nhìn của nó, tôi đã thấy quý bà Kaxumi ở phía sau tấm barie ở ghế lô phủ vải đỏ rực. Trên mái tóc của cô ta hình như có cài bông hồng, chiếc cằm trắng trẻo nằm yên trong chiếc cổ áo dài bằng thứ vải có mầu rất nền nã. Hình như cảm thấy người ta nhìn mình: quý bà Kaxumi đã dành tặng cho tôi một cái nhìn rất yếu điệu và nháy mắt ra hiệu rất rõ. Tôi hạ ống nhòm xuống, và đến lượt mình, tôi chào cô ta. Nhưng ngay lúc ấy bỗng nhiên tôi lại thấy cô ta xúc động đáp lại lời chào. Mà lần này thì lại còn cung kính hơn lần đầu. Cuối cùng tôi hiểu ra rằng cái nhìn yếu điệu ấy và cả cái nháy mắt hẹn hò ấy không phải dành cho tôi mà cho một người nào đó khác. Tôi bắt đầu đưa mắt nhìn khắp lô hy vọng tìm thấy cái người khác đó.

Tôi chú ý đến một chàng trai trẻ trong bộ quần áo kẻ sọc rất mốt. Dường như anh ta cũng đang tìm

ai đó để gửi lời chào. Ngâm diều thuốc sang anh ta nhìn chăm chăm về phía tôi. Trong khoảnh khắc những cái nhìn của chúng tôi gặp nhau. Trên khuôn mặt ngăm ngăm của anh ta, có một cái gì đó như có sức đẩy và tôi mau chóng đảo mắt đi, nâng ống nhòm lên và lại nhìn về hướng ghế lô của quý bà Kaxumi. Bên cạnh cô ta, tôi thấy một chiến sĩ nổi tiếng ủng hộ sự giải phóng phụ nữ tên là Naraiama, mà có thể là ông cũng đã nghe nói tới. Là vợ của một trạng sư khá nổi tiếng hồi ấy bà ta tích cực đấu tranh cho bình quyền của phụ nữ, song thanh danh bà ta thì lại rất đáng ngờ vực. Quý bà Naraiama ngồi, uốn thẳng vai, trong bộ *kimono* đen gắn đầy huy hiệu, với tất cả bộ điệu của mình gọi cho người ta nghĩ tới cái chân phụ tá trên sân khấu. Và việc bà ta ngồi cạnh vợ Miura không hiểu sao gây cho tôi một linh cảm không hay. Vị nữ chiến sĩ tranh đấu cho giải phóng phụ nữ cứ luôn quay về phía chúng tôi - chính xác hơn là về phía cái gã mặc vét tông sọc - giro cái bộ mặt gầy dơ xương được thoa một lớp phấn mỏng và vừa đưa mắt nhìn gã đầy ý vị, vừa nói rộng chiếc cổ áo dài y như thể chiếc cổ ấy làm bà ta vướng víu vậy. Không phải là ngoa nếu tôi nói rằng trong suốt thời gian vở diễn, tôi đã theo dõi vợ Miura, cái gã mặc vét tông kẻ sọc và quý bà Naraiama hơn là nhìn lên sân khấu, nơi các nghệ sĩ danh tiếng Kikugôrô và Xadanddi đang trình diễn. Ở giữa thế giới âm nhạc vui vẻ và những nhánh hoa anh đào đang nở treo lơ lửng trên sân khấu, tôi buồn vô hạn vì những giả định dử dằn. Chẳng có gì

chung với chuyện đang diễn ra trên sân khấu. Chẳng bao lâu sau, khi đến cảnh chuyển hồi hai người đàn bà bỏ đi, tôi thở phào nhẹ nhõm song đồng thời vẫn cảm thấy mệt mỏi như thể tất cả sức lực đã bỏ hẵn tôi mà đi. Nhưng người đàn bà đi rồi mà anh chàng mặc chiếc áo vét tông kẻ sọc vẫn ở lại tại chỗ ở ghế lô bên cạnh, liên miên phả khói thuốc tùm lùm, và thỉnh thoảng lại nhìn về phía tôi. Khi hai trong số ba nhân vật chính đã biến mất, không hiểu sao tôi lại còn thấy ác cảm mạnh hơn đối với con người có bộ mặt ngăm ngăm đó. Có lẽ nguyên nhân là ở mối ngờ vực quá đáng của tôi. Nhưng dù thế này hay thế khác thì ngay từ đầu, chúng tôi đã có sự thù địch nhau. Do đó, tôi cảm thấy ý muốn can thiệp vào giống như gặp phải câu đố không giải được trong cái buổi Miura giới thiệu tôi với con người đó ở ngay căn phòng làm việc có những ô cửa sổ nhìn ra sông của anh. Theo lời của Miura, gã là anh họ của vợ anh. Mặc dù còn trẻ, song gã đã có một địa vị khá trong một hãng dệt. Cần phải nói rằng trong khoảng thời gian ngắn ngủi, chúng tôi nói chuyện phiếm quanh ấm trà, tôi cũng hiểu ngay rằng, cái con người không một lúc nào rời điếu thuốc khỏi miệng, được trời phú cho những khả năng xuất chúng. Song tài năng của gã cũng không làm giảm nỗi ác cảm của tôi đối với gã. Mặc dù nhiều lần tôi tỉnh táo suy nghĩ cố thuyết phục mình rằng không có gì kỳ cục trong việc trao đổi lời chào hỏi nhau trong nhà hát giữa hai anh em họ với nhau, không, và không thể có. Thậm chí tôi còn cố

gắng trong chừng mực có thể được để gán gù với con người đó. Nhưng lần nào cũng vậy, khi tôi cảm thấy nỗi đau khổ của mình như sắp mất hẳn đi thì gã lại bắt đầu nhấp nhấp ngum trà, hoặc gạt tàn thuốc lên mặt bàn rất thô bạo, hoặc cười hô hố với chính những câu đùa cợt của mình. Nói tóm lại là có những hành động khiếm nhã liên tục, và thế là sự ác cảm của tôi lại bùng lên với sức mạnh mới. Do đó, sau nửa giờ khi gã cáo từ và tuyên bố vì công việc mà gã phải có mặt trong bữa tiệc, thì tôi cũng đứng dậy như bị một ước muốn nào không rõ ràng thúc đẩy là phải làm sạch bầu không khí khỏi sự ô uế, bẩn thỉu và mất dạy bằng cách mở toang những ô cửa sổ theo kiểu Pháp để cho luồng không khí tươi mát ở trên sông ủa vào.

- Anh căm ghét hẳn ta đến thế cơ à? - Văn ngồi ở chỗ quen thuộc của mình dưới chân dung quý bà Kaxumi với bó hồng trên tay Miura bực bội nói.

- Biết nói thế nào được, - tôi đáp. - Gã ta là một người rất khó chịu. Tôi không thể nào quen với ý nghĩ rằng gã lại là anh họ của vợ anh.

- Anh nói thế với nghĩa thế nào kia?

- Họ khác nhau quá sá.

Một lúc lâu Miura lặng lẽ nhìn dòng sông dưới ánh chiều tà và đột nhiên nói một điều chẳng có gì dính dáng với chuyện vừa nói trước đây.

- Đến một bữa nào đó, chúng ta đi câu cá nhé!

Tôi mừng khôn tả khi câu chuyện chuyển sang đề tài khác. Do đó, tôi sẵn sàng tán thành ngay lập tức.

- Tuyệt! Lúc câu cá tôi cảm thấy mình vững tin hơn là trong ngoại giao.

- Anh nói là vững tin hơn trong ngoại giao ư? Còn tôi, vâng, có lẽ khi câu cá tôi cảm thấy mình vững tinh hơn trong chuyện tình ái.

- Thế có nghĩa anh cho rằng anh có thể kiếm được thứ quý giá hơn là người vợ của mình ư?

- Sao lại không. Chỉ có điều là anh sẽ còn ghen tị tôi hơn thế nữa.

Trong lời nói của Miura, tôi như nghe được một điều gì chọc hấn vào tai tôi đau đớn. Nhưng khuôn mặt của anh trong bóng chiều chạng vạng vẫn giữ được vẻ lãnh đạm như xưa, và anh vẫn chăm chăm nhìn qua khung cửa sổ theo kiểu Pháp lên dòng sông còn vương lại những tia sáng của mặt trời đang lặn.

- Vậy thì khi nào chúng ta sẽ đi câu cá đây? - tôi hỏi.

- Vào bất cứ lúc nào thuận tiện đối với anh.

- Vậy tôi sẽ báo tin cho anh bằng thư

Sau khi nói xong tôi miễn cưỡng đứng lên khỏi chiếc ghế bành phủ lớp da Maroc, lặng lẽ bắt tay Miura rồi bước ra khỏi bóng tối bí ẩn của căn phòng làm việc để ra hành lang còn tối hơn thế. Ở phía sau cánh cửa tôi suýt chạm trán với một ai đó rõ ràng là đang nghe trộm câu chuyện của chúng tôi. Hình như người đó như quay mặt về phía tôi.

- Sao, ông đã về rồi cơ à? - Tôi nghe thấy một

giọng nói yếu điệu. Tôi đứng sững người trong giây lát, nhưng mau chóng trấn tĩnh lại, lạnh lùng nhìn lên quý bà Kaxumi, người mà ngay cả hôm nay trên mái tóc vẫn còn trang điểm cả những bông hồng, tôi lặng lẽ cúi chào và vội vã ra cổng nơi anh phu xe đang chờ tôi. Dầu tôi rối bời như tơ nhện đến mức tôi không còn nhận thức nổi chuyện gì đang xảy ra. Tôi chỉ còn nhớ anh phu xe đã đi qua cầu Riôgôku thế mà tôi vẫn thăm thẳm thì chỉ một cái tên: Dalila.

Khi ấy cái điều bí mật ẩn nấp ở phía sau bộ mặt buồn thảm của Miura tôi đã khám phá ra. Liệu có cần phải nói rằng điều bí mật ấy ngay tức khắc như đốt cháy trong lòng tôi một cái tên gọi khả ố: ngoại tình. Song nếu như lòng chung thủy đã bị xâm phạm hoàn toàn rõ ràng thì tại sao một nhà duy tâm như Miura lại không đòi ly dị dứt khoát? Hay là có thể không có bằng chứng để anh ấy nghi ngờ về sự phản bội của vợ chăng? Tôi ra sức tưởng tượng và lựa chọn hết giả thuyết này đến giả thuyết khác, đến mức quên sạch sự thỏa thuận là đi câu cá của chúng tôi.

Gần nửa tháng trôi qua. Đôi khi tôi có viết thư cho Miura, song tôi không còn đến thăm biệt thự ở Ôkavabata thường xuyên như trước nữa. Chẳng bao lâu sau lại xảy ra một sự kiện mà tình cờ tôi trở thành người chứng của nó. Sự kiện ấy đã thúc đẩy tôi quyết định phải nói chuyện thẳng thắn với Miura. Lúc này tôi bỗng nhớ tới chuyện đi câu cá và tôi đã lợi dụng việc đó để có thể ở một

mình với Miura và thẳng thắn bày tỏ những mối lo ngại của mình.

Một lần từ rạp hát Nakamuratda, tôi và người bác sĩ bạn tôi đã gặp một trong số các ký giả kỳ cựu của tờ báo "Axêbônô". Tôi nhớ rõ là ông ta ký tên dưới các bài báo của mình là "Kôrôtuska". Trận mưa lúc mặt trời vừa lặn vẫn chưa dứt và thế là chúng tôi ghé vào quán ăn Ikuinê gần Ianaghixaxi, để làm vài chén tửu. Chúng tôi lên tầng hai, và khi nâng chén tửu chúng tôi lắng nghe âm thanh của cây đàn cổ Xiamixêra từ xa vọng đến, như làm sống lại cái cuộc sống xa xưa của thành Êlê cổ. Trong lúc ấy thì ông bạn Kôrôtuska của chúng tôi nổi hứng, như một nhà viết tiểu luận thời đại ánh sáng của phương Tây, đã lôi cuốn chúng tôi bằng những chuyện vui và những câu chuyện thú vị. Ông ta cũng không bỏ qua câu chuyện bê bối của quý bà Naraïama, người trước kia là nàng hầu của một người nước ngoài, còn sau đó biến thành tài sản của Xinnhiutêiu. Engô. Lúc đó bà ta đang ở vào đỉnh điểm của sự phồn vinh mà cả sáu chiếc nhẫn vàng đeo trên tay bà ta đã chứng tỏ điều đó. Có lần Naraïama không trả đúng hạn được món tiền vay để ăn tiêu xả láng, dường như bà đã lâm vào tình cảnh không có lối thoát. Vị ký giả của chúng tôi kể không ít những chi tiết giạt gân trong cuộc đời của quý bà Naraïama. Nhưng tôi đặc biệt khó chịu khi qua ông ta mà tôi biết được rằng trong thời gian gần đây ở khắp nơi quý bà Naraïama đều có một thiếu phụ nào đó đi hộ tống. Thêm vào đó, theo lời

vị ký giả thì có tin đồn đại là đôi khi họ được bọn đàn ông hộ tống đã dừng lại ở khách sạn gần rừng Xuidorin. Khi nghe được chuyện đó, cái vẻ mặt vui vẻ của tôi - mà làm sao có thể khác được bởi vì chúng tôi đang uống thứ rượu của một hãng có tiếng - trong khoảnh khắc tan biến đi. Cần phải cười lên nhưng mà tôi lại ghen ngào và trước mắt tôi, lúc nào cũng thấy khuôn mặt đậm chiêu của Miura. May thay, vị bác sĩ có lẽ cảm thấy vẻ nặng nề trong tâm hồn tôi nên anh ấy đã chuyển những câu chuyện phiếm của vị ký giả nọ sang một đề tài chẳng có liên can gì đến câu chuyện phiêu lưu của quý bà Naraïama. Điều đó làm cho tôi trấn tĩnh và tiếp tục cuộc chuyện trò dù chỉ là ở mức cần thiết để không làm hỏng mất cuộc gặp gỡ thú vị của chúng tôi. Song cái buổi chiều ấy những thử thách đối với tôi chưa phải đã hết hoàn toàn. Khi tôi ra khỏi tiệm ăn Ikuinê với tâm trạng hết sức ngao ngán và gọi một chàng phu xe, thì một chiếc xe hai chỗ ngồi nhanh nhẹn lao vút tới lối vào, trên nóc xe còn óng ánh những giọt nước mưa. Khi chiếc mũ xe đâm mùi dầu trầu mở tung ra thì một trong số hành khách nhảy ra ngoài. Tôi nhận ra anh ta trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó khi mà người phu xe nhảy vào xe và nắm lấy hai càng xe. Một điều gì lạ thường thức tỉnh trong tôi.

- Đúng là gã, - tôi lẩm bẩm.

Vâng, đó đúng là cái gã da ngăm ngăm, mặc chiếc áo vét tông kẻ sọc tự nhận mình là người anh họ của vợ Miura. Một nỗi lo lắng khủng khiếp kẹp

chặt lấy trái tim tôi như hai gọng kìm khi tôi cố hình dung xem ai đang ở trong cỗ xe ngựa với con người ấy. Đó là quý bà Nariama hoặc cũng có thể là quý bà Kaxumi với những bông hồng kẹp trên mái tóc chẳng? Bị nổi ngờ vực không giải đáp được ấy bao phủ, lúc đó tôi rất bức dọc vì sự hèn nhát của mình. Ôi, lúc đó tôi vội vàng núp xuống cái mui xe cứu tinh của chiếc xe tay để làm gì cơ chứ! Bởi tôi sợ mối hoài nghi của tôi bị tiêu tan. Cho đến bây giờ đối với tôi liệu trong cỗ xe đó có vợ Miura hoặc vị nữ chiến sĩ đấu tranh giải phóng cho phụ nữ hay không, vẫn là một câu đố.

Bá tước Hônđa không biết rút từ đâu ra một chiếc khăn tay to bằng lụa vừa hỉ mũi ý tứ vừa nhìn vào gian triển lãm mà bóng đêm đang ập tới rồi tiếp tục bằng giọng nói nhỏ nhẹ:

- Gạt cái chuyện xảy ra ấy sang một bên, tôi cho rằng dù thế nào đi nữa thì câu chuyện của vị ký giả cũng sẽ phải làm cho Miura quan tâm. Do đó ngày hôm sau tôi đã gửi cho anh ấy một bức thư đề nghị gặp gỡ nhau, đi câu cá, và tiện thể là để nghỉ ngơi. Miura trả lời ngay là đồng ý. Thời gian của cuộc gặp gỡ rơi vào đúng đêm mười sáu, do đó anh ấy đề nghị khởi hành vào lúc chiều tối để ngắm trăng tròn hơn là chuyện câu cá, còn tôi cũng chẳng phải là người máu mê câu cá, nên bằng lòng ngay. Chúng tôi đã gặp nhau trên một bến thuyền gần Ianaghibaxi, chúng tôi ngồi trên chiếc thuyền dài mũi nhọn và chèo ra giữa sông. Trời đã tối, nhưng trăng vẫn chưa mọc.

Hồi ấy phong cảnh buổi chiều hôm trên dòng sông Xumida vẫn còn giữ được dấu vết cái đẹp vốn có ở những bức tranh khắc gỗ Ukiô. Sau khi bơi qua phía dưới tiệm ăn Manbati, chúng tôi ra tới giữa dòng sông và trước mắt chúng tôi là một bức tranh diêu kỳ: Bầu trời thu trên những làn sóng nước mặt sông phản chiếu cái ánh sáng màu xanh nhạt của chiều tà, hai hàng lan can cầu Riôgôku hiện lên rõ mồn một, dường như đen thẫm giống nét bút mực tàu đưa một vệt cong đẹp đẽ. Bóng những cỗ xe vun vút chạy qua cầu như trôi đi trong màn sương đang dâng lên trên mặt sông y như là trên mặt nước những chấm sáng tí hon của những chiếc đèn lồng trên cỗ xe lướt đi lướt lại rập rờn.

Miura: Cảnh đẹp quá phải không?

Tôi: Phải. Ở châu Âu có tìm kiếm mấy đi nữa, có lẽ cũng chẳng thể nhìn thấy cái cảnh đẹp như thế này.

Miura: Như vậy về mặt phong cảnh thì anh không phải là người đối địch với cái cổ.

Tôi: Vâng, nhưng chỉ là ở chuyện phong cảnh.

Miura: Còn tôi thì trong thời gian gần đây hoàn toàn cảm ghét tất cả những cái gắn với sự khai sáng của phương Tây.

Tôi: Anh có biết không, có lần khi chú ý theo dõi những người Nhật trong Phái đoàn thiện chí do chính phủ phong kiến cử sang Pháp đang đi trên đường thì Mèrimê nổi tiếng sắc sảo đã nói với người bên cạnh, không rõ là Đuyma hay là một ai đó nữa

rằng: "Hãy nhìn mà xem, không biết ai là kẻ đã gắn vào người Nhật những thanh gươm dài quá đáng đến như vậy". Hãy cẩn thận kẻo không anh lại phải chịu những lời châm chọc độc ác của Mêrimê.

Miura: Còn tôi có thể kể cho anh một trường hợp khác. Xưa kia một viên đại sứ Trung Hoa tên là Hê Chu Xuân tới Nhật Bản có dừng chân ở khách sạn vùng Lôkôgama. Sau khi nhìn thấy chiếc áo ngủ Nhật Bản, ông xúc động và nói: "Đây là bộ đồ ngủ cổ xưa - một bằng chứng chứng tỏ rằng ở đất nước quý vị tuân thủ nghiêm túc tập quán cổ của thời Hạ Thương". Đó là một thí dụ cho anh về việc không thể phủ báng tất cả mọi cái cổ mà không phân biệt.

Bị câu chuyện cuốn hút, chúng tôi không nhận ra nước sông đã sẫm màu vì nước thủy triều bắt đầu dâng. Chúng tôi nhìn và phát hiện ra rằng cầu Riôgôku đã ở phía sau con thuyền của chúng tôi khá xa vì chúng tôi chèo thuyền liên tục, và sắp tới chỗ "cây thông gập gối" nổi tiếng, đang như một hình bóng đen thẫm nổi bật trong bầu trời đêm. Cho rằng đã đến lúc thuận lợi để chuyển sang câu chuyện về quý bà Kaxumi, tôi chộp lấy câu nói vừa rồi của Miura và tung ra hòn đá thử vàng:

- Vậy thì làm thế nào để kết hợp sự sùng cổ của anh và quan hệ của anh với cô vợ quá sức có văn hóa ấy?

Như không nghe thấy tôi hỏi, Miura lặng lẽ một hồi lâu nhìn lên bầu trời không trăng ở Ôtakôgura,

sau đó nhìn lên tôi và bằng giọng nhỏ nhẹ nhưng tràn đầy sức mạnh, anh nói:

- Không thể nào như thế được. Tôi đã ly dị tuần trước rồi.

Tôi ngạc nhiên trước câu đáp quá sức bất ngờ ấy đến nỗi tôi rất bối rối và bất giác bám lấy mạn thuyền.

- Thế có nghĩa là anh cũng biết sao? - tôi hỏi nhỏ.

- Còn anh, anh cũng biết tất cả ư - Miura nhấn mạnh từng từ một.

Tôi: Tất cả hay không phải tất cả - tôi không biết. Tôi chỉ nghe nói vợ anh có làm bạn với quý bà Naraïama.

Miura: Thế còn quan hệ của vợ tôi với người anh họ cô ta?

Tôi: Tôi đoán thôi.

Miura: Thế thì tôi chẳng có gì để có thể nói với anh nữa.

Tôi: Thế còn anh... Anh biết được chuyện đó khi nào?

Miura: Về mối quan hệ của vợ tôi với người anh họ cô ta ấy à? Ba tháng sau ngày cưới. Vào đúng cái ngày hôm trước tôi nhờ họa sĩ Hôdôghêta Khôbaia vẽ bức chân dung vợ tôi mà anh đã biết đấy!

Ông có thể tưởng tượng nổi cái câu đáp ấy của Miura bất ngờ đối với tôi đến ngần nào không?

Tôi: Thế thì làm sao mà anh có thể chịu đựng nổi điều đó cho đến tận bây giờ?

Miura: Vì sao lại gọi là "chịu đựng"? Tôi tán thành điều đó.

Vả lại một lần nữa tôi ngạc nhiên với lời đáp của Miura, đến mức một lúc lâu tôi chỉ còn biết choáng váng nhìn vào anh ấy.

- Dĩ nhiên, - Miura điềm tĩnh tiếp tục, - điều đó không có nghĩa là tôi tán đồng mối quan hệ hiện nay của họ. Tôi tán đồng cái quan hệ hình thành giữa họ với nhau theo trí tưởng tượng của tôi. Anh nên nhớ rằng tôi là người ủng hộ chuyện "lấy nhau vì tình". Song đồng thời cũng cần nói để anh biết rằng, tôi không theo đuổi những mục đích ích kỷ nào đó. Chỉ đơn thuần là tôi đặt tình yêu cao hơn tất cả. Và sau khi cưới, lúc tôi hiểu rằng tình yêu của chúng tôi là không chân chính thì tôi tiếc vì sự hấp tấp mà tôi đã gắn số phận mình vào người đàn bà này. Đồng thời tôi cứ lẩn tránh do lòng thương cảm người vợ đã buộc phải san sẻ cùng tôi trong cùng một mái nhà, cùng một chiếc giường. Anh biết đấy, đã từ lâu tôi cũng không lấy gì làm tự hào về sức khỏe của mình. Ngoài ra, cứ cho là tôi yêu cô ấy, song bởi vì cô ta có thể không yêu tôi. Mà cũng có thể tình yêu của tôi ngay từ lúc khởi đầu đã yếu ớt và không hoàn hảo đến mức dường như không có khả năng gây ra được cái tình cảm đền đáp nghiêm túc... Và tôi đã quyết định hy sinh bản thân mình cho tình bạn từ thuở thiếu thời của vợ tôi và người anh họ cô ta một khi ở họ xuất hiện thứ tình cảm trong trắng hơn, chân thành hơn cái tình cảm tồn tại giữa hai chúng tôi. Bởi vì nếu tôi hành động khác đi thì nguyên tắc đặt tình yêu cao hơn tất cả

của tôi rút lại trên thực tế chỉ còn là một câu hoa mỹ. Do đó, tôi đã quyết định dù sao cũng phải đặt vẽ bức chân dung vợ tôi mà anh biết, ngõ hầu bức chân dung ấy thay thế chính cô ta ngay khi tôi biết rõ vợ tôi yêu người khác.

Miura nín lặng và lại nhìn đăm đăm lên bầu trời như chiếc màn đen treo lơ lửng trên biệt thự Kimaxuura. Chưa có dấu hiệu nào là đám mây sắp sáng lên và trắng mọc. Tôi hút thuốc lá và hỏi:

- Còn sau đó thì sau?

- Chẳng bao lâu tôi nhận thấy rằng tình yêu của vợ tôi với người anh họ cô ta là bất chính. Nói toạc ra là tôi biết rằng anh ta dan díu không chỉ với vợ tôi, mà còn cả với quý bà Naraiama. Tôi biết được điều đó như thế nào - thiết nghĩ anh cũng chẳng cần quan tâm mấy đến chuyện đó và cả tôi cũng không muốn kéo dài câu chuyện này. Tôi chỉ nói một điều thôi, là tình cờ mà đích thân tôi trở thành người chứng của cuộc gặp gỡ lén lút của họ.

Gạt tàn thuốc vào mạn thuyền, tôi hình dung thấy rõ môn một cái đêm mưa ấy và cả cuộc gặp gỡ bất ngờ ở cửa vào tiệm ăn Ikuinê.

- Đối với tôi đó là cú đầu tiên - Miura thần nhiên tiếp tục. - Một nửa cơ sở để tôi tán thành mối quan hệ của họ đã sụp đổ. Tôi không thể nào nhìn nhận mối quan hệ của vợ tôi với người anh họ cô ta một cách đại lượng như trước kia được nữa. Đứng vào dịp ấy thì anh từ chuyển đi sang Triều Tiên trở về nước. Và tôi đã bắt đầu nghĩ cách có thể cách ly

họ. Lúc bấy giờ tôi tin rằng mặc dù người anh họ lừa dối, song tình yêu đối với anh ta từ phía vợ tôi là chính đáng. Do đó cũng là vì hạnh phúc của vợ, tôi cho rằng phải can thiệp vào là điều cần thiết. Vợ tôi và người anh họ cô ta không thể đoán rằng tôi đã biết về mối quan hệ của họ từ lâu rồi. Do đó họ - chỉ ít là vợ tôi - có lẽ cho rằng tôi ghen tuông. Từ đấy vợ tôi thù địch đối với tôi, thậm chí còn theo dõi tôi. Và cô ta nhìn anh với vẻ dè dặt.

- Đúng là có lần cô ấy đứng nấp ở cửa phòng làm việc nghe trộm câu chuyện của tôi với anh.

- Hoàn toàn có thể thế. Người đàn bà như vậy có thể đi tới chỗ đó lắm.

Chúng tôi yên lặng nhìn lên mặt sông đen phẳng lặng một hồi. Con thuyền của chúng tôi đi qua dưới cầu Ōumaiabaxi, rồi chỉ để lại một chút dấu vết trên mặt nước và tiến về phía Kōmakata.

- Nhưng tôi vẫn còn tin vào lòng trung thực của vợ tôi. - Miura tiếp tục câu chuyện của mình, - và tôi còn đau khổ hơn vì cô ta đã không muốn hiểu tình cảm của tôi. Không chỉ không muốn, mà thậm chí còn tỏ sự căm thù tôi. Và thế là kể từ hôm gặp anh ở ga Xinbaxi, tôi tìm mọi cách kìm nén những ý nghĩ giằng vò tôi...

Tuần trước tên hầu do nhầm lẫn đã mang vào phòng làm việc của tôi bức thư gửi cho vợ tôi. Ngay lập tức tôi cho đó là bức thư của người anh họ cô ta, và tôi... đã bóc nó ra. Tôi sửng sốt khi hiểu rằng trong tay tôi là bức thư tình của một người đàn ông

lạ. Và như vậy tôi đã khẳng định rằng những tình cảm của vợ tôi đối với người anh họ cũng không thể nào gọi là tình yêu trong trắng được. Tôi đã nhận được một cú thứ hai - một cú còn ác liệt hơn nhiều, vì nó đã đập vỡ tan tành sạch sành sanh những lý tưởng của tôi. Và đồng thời một sự thanh thản đáng buồn đã hạ cố đến tôi giống như cái gánh nặng trách nhiệm lúc nào đó đè trên đôi vai tôi bỗng dưng biến mất.

Miura nín lặng. Vào giây lát ấy thì từ phía sau những nhà kho Mamigura, một vầng trăng tròn trặn đỏ ửng như bắt đầu bơi ra. Tôi lại nhớ câu chuyện với Miura khi nhìn lên Kikugôrô vận áo phục trên bức tranh khắc gỗ của Iôxitôxi - chính bởi vì vầng trăng sân khấu trên bức tranh khắc gỗ giống với vầng trăng mà chúng tôi từ trên thuyền nhìn thấy. Dưới ánh trăng thì khuôn mặt trái xoan của Miura với mái tóc dài chải đường ngôi rủ xuống sao mà nổi lên rõ đến thế. Nhìn mặt trăng, Miura bỗng nhiên thở dài náo ruột, cười cay đắng mà nói:

- Anh chắc còn nhớ có lần anh đã lên án những người nổi loạn Xanhpurên hiến cả tính mạng mình cho lý tưởng, mà anh gọi đó là những mơ ước ngây thơ. Như vậy có nghĩa là trong mắt anh, cuộc sống vợ chồng...

- Vâng. Cũng có thể nhớ tới những mơ ước ngây thơ. Nhưng bởi vì nền văn hóa mà bây giờ chúng ta đang cố vươn tới, đến một trăm năm nữa, sẽ chỉ

biến thành niềm mơ ước ngày thơ. Có đúng thế không nào?

Vào lúc ấy người coi triển lãm tiến lại phía chúng tôi, nhắc rằng đã muộn rồi và anh ta phải đóng cửa triển lãm. Tôi cùng bá tước từ từ đứng dậy khỏi tấm ghế dài, đảo mắt lần cuối cùng nhìn những bức tranh khắc gỗ và tranh in tay treo xung quanh rồi lặng lẽ rời khỏi gian phòng bóng đêm đã tràn ngập. Dường như chính chúng tôi là những bóng ma của quá khứ đi ra từ những bức tranh treo ở phía sau lớp kính của các giá trưng bày.

Tháng Giêng 1919

NIỀM TIN CỦA BIXÂY

Bixây đứng dưới cầu và chờ nàng.

Ở phía trên kia, sau hàng lan can cao bằng đá mà những dây trường xuân quấn quanh chốc chốc lại thấp thoáng những tà áo trắng của khách bộ hành đi qua cầu dưới ánh nắng chiều tà và khe dung đưa theo làn gió... Vậy mà nàng vẫn chưa tới.

Hơi sốt ruột, Bixây đã đi xuống tận mép nước và nhìn mặt sông êm ả không có lấy một chiếc thuyền nào trên đó.

Dọc theo sông là những vạt lau xanh dày đặc như bức tường thành và đây đó có những bụi liễu rậm bao quanh. Mặc dù sông rộng nhưng mặt nước bị rừng lau xiết lại nên có vẻ hẹp đi. Dải nước trong phản chiếu ánh vàng của đám mây màu xà cừ duy nhất lảng vảng trên bầu trời vẫn lặng lẽ chảy đi giữa hai bờ lau sậy. Vậy mà nàng vẫn chưa tới.

Bixây đi khỏi mặt nước, rồi dạo bước, lúc đi về phía trước lúc quay về phía sau trên một bãi bồi không lớn lắm và bắt đầu lắng nghe bóng

chiều tà chậm chạp buông xuống trong cảnh cô liêu tĩnh mịch.

Trên cầu người, xe qua lại đã ngớt hẳn. Không có tiếng bước chân nào, không có tiếng giầy guốc nào, không có cả tiếng rung của những chiếc xe đẩy nào - vâng, từ mặt cầu không có một tiếng động nào hết. Chỉ có tiếng gió xào xạc, tiếng lau sậy rì rào, tiếng nước chảy âm ỉ... Và sau đấy, ở một nơi nào đó một con giẻc kêu lên chói tai. Bixây dừng lại: có lẽ nước triều đang dâng lên tràn qua bãi bồi mỗi lúc một cao hơn trước... Vậy mà nàng vẫn chưa tới.

Với vẻ mặt buồn bực Bixây rảo bước trên bãi bồi dưới cầu trong cảnh tranh tối tranh sáng. Lúc này nước đã dâng lên từng nấc một ở bãi bồi. Lớp bùn lầy và nước lạnh đã chạm đến thịt da chàng. Chàng ngước mắt nhìn lên. Cái ánh chiều tà ở trên cầu đã tắt hẳn, và trên nền bầu trời xám nhạt lúc hoàng hôn thì hàng lan can bằng đá như cái bóng đen sẫm. Vậy mà nàng vẫn chưa tới.

Cuối cùng Bixây dừng lại.

Lớp nước ngập đến chân chàng lấp lánh cái ánh sáng lạnh lẽo hơn cả ánh sáng lạnh lẽo của sắt thép và từ từ dâng lên dưới chân cầu. Chắc hẳn chỉ cần chưa đầy một giờ nữa thì ngọn nước triều tàn nhẫn ấy sẽ dâng lên đến đầu gối, rồi đến cả bụng và ngực chàng. Không, nước đã mỗi lúc một dâng lên cao hơn, cao hơn và đầu gối chàng đã chìm dưới làn sóng nước trên sông... Vậy mà nàng vẫn chưa tới.

Với tia hi vọng cuối cùng Bixây lại một lần nữa,

lại một lần nữa đưa mắt hướng lên bầu trời, hướng lên phía cầu.

Ở phía trên lớp nước đã đến ngực chàng màu xanh xẫm của buổi hoàng hôn đã quánh lại, và chỉ còn tiếng xào xạc của lá liễu, của những bụi lau rậm vang tới qua màn sương chiều mờ ảo. Rồi đột nhiên, một chú cá to bụng trắng nhảy lên mặt nước lấp loáng, vướng vào mũi Bixây nhưng rồi lại nhao qua được đầu chàng. Tít trên trời cao kia một vài ngôi sao hiếm hoi đã sáng lên lấp lánh. Và đến ngay cái hình bóng hàng lan can có những dây trường xuân quấn quanh cũng đã tan biến đi trong bóng đêm đang ập tới...

Vậy mà nàng vẫn chưa tới.

Đến nửa đêm khi ánh trăng đã trải khắp bức thành lau sậy và những bụi liễu dọc ven sông, nước và gió thì thâm thủ thủ với nhau rồi cẩn thận đưa thi thể của Bixây từ dưới chân cầu ra biển cả. Nhưng linh hồn của Bixây vẫn hướng đến tận trái tim của bầu trời, tới ánh trăng buồn bã, có lẽ bởi vì chàng đã yêu. Âm thầm rời khỏi thi thể mình, linh hồn chàng bập bênh êm ả vươn lên tận bầu trời sáng xanh y hệt như cái mùi của lớp sinh lý, và mùi nước lạnh bốc lên một cách lặng lẽ từ mặt sông...

Và sau đấy, qua đi không biết bao nhiêu thiên niên kỷ, linh hồn ấy, đã chịu biết bao những biến thiên không kể xiết lại được cuộc sống của con

người tin cậy. Đó chính là linh hồn đang sống ở trong tôi như tôi vẫn đang có. Vì thế, cho dù tôi có sinh ra vào thời đại này, tôi vẫn không tài nào không hướng tới điều tốt lành: cả ngày lẫn đêm tôi sống trong niềm mơ ước và tôi chờ đợi một điều kì lạ nào đó sẽ tới. Cứ y như Bixây trong bóng đêm đã xuống vẫn chờ tình nhân của mình ở dưới chân cầu dù không bao giờ nàng đến cả.

Tháng Mười hai 1919

ĐỨC CHÚA Ở NAM KINH

Đó là vào lúc nửa đêm - một đêm thu. Tại Nam Kinh, trong ngôi nhà ở phố Xivanxdô, một cô gái Trung Hoa xanh xao ngồi chống tay bên chiếc bàn cũ kỹ, với vẻ mặt rầu rĩ đang nhấm nháp hạt dưa đựng trong chiếc khay đánh vécnì.

Ngon đèn trên bàn tỏa sáng yếu ớt. Ánh sáng ấy khoét sâu thêm cái vẻ u buồn của căn phòng hơn là phá tan bóng tối. Ở trong góc bức tường giấy bồi đã rách nham nhở có tấm màn bụi bặm treo trên chiếc giường bằng lau sậy được phủ chiếc chăn dạ một cách quấy quá. Ở phía bên kia chiếc bàn là chiếc ghế cũ kỹ như bị bỏ quên. Ngoài những thứ đó, ngay cả cái nhìn soi mói nhất cũng chẳng phát hiện ra cái gì khác nhằm trang trí cho căn phòng này.

Nhưng thỉnh thoảng cô gái lại ngừng nhấm hạt dưa ngược đôi mắt sáng nhìn chăm chăm vào bức tường đối diện: quả là ở đó, thẳng phía trước mặt cô, có treo trên móc một cây thánh giá nhỏ bằng đồng. Trên cây thánh giá nhỏ ấy là bức hình nổi đơn sơ, mờ mờ hình Đức Chúa dang cao đôi tay trên

cây thánh giá. Cứ mỗi lần nhìn lên Đức Chúa Giêxu này thì nỗi buồn hiện lên ở hai hàng mi dài của cô gái trong khoảnh khắc như biến mất, và thay vào đó trong đôi mắt cô lại lóe lên tia hy vọng ngây thơ. Nhưng lúc này đây cô gái đã không nhìn nữa và mỗi lần thở dài, cô lại lắc lắc đôi vai choàng tấm áo cánh bằng lụa đen và lại nhàn hạt dưa.

Cô gái tên là Xuân Thanh Hoa, một gái làng chơi mới mười lăm tuổi, và bao giờ cũng vậy, ban đêm cô tiếp khách trong phòng này. Trong vô số các cô gái làng chơi ở đất Xinvandê thì các cô gái có vẻ ngoài như cô quả là có rất nhiều. Nhưng để tìm một cô gái khác có tính tình hiền dịu như Thanh Hoa thì dù sao cũng còn phải xem xem đã. Cô gái đó - khác với những người bạn cùng làm nghề bán mình ấy - không giả dối, không bốc đồng và bằng nụ cười vui đã chiếm được cảm tình của khách vào mỗi tối họ bước tới căn phòng xấu xí của cô. Và nếu như một đôi khi tiền công có được quá mức thì cô lại vui mừng vì có thể đãi người cha - một người gần gũi duy nhất với cô - thêm một vài chén xakê mà ông thích.

Thái độ như vậy của Thanh Hoa tất nhiên được giải thích bằng tính tình của cô. Song còn có một nguyên nhân khác nữa là: ngay từ hồi nhỏ, cô bé đã mộ đạo, nhờ sự giáo dục của người mẹ quá cố, và việc treo cây thánh giá trên tường chứng minh cho điều đó.

Tiền đây xin nói thêm là có lần, một chàng trai

du lịch người Nhật Bản vào mùa xuân năm ấy đến xem các cuộc đấu ngựa Thượng Hải và tiện thể chiêm ngưỡng phong cảnh miền Nam Trung Hoa, vì tò mò cũng đã từng ở lại đêm ở chỗ Thanh Hoa. Vẫn ngậm thuốc lá trên môi, vận bộ âu phục, anh chàng vô tư ôm lấy thân hình nhỏ nhắn của Thanh Hoa lúc này đang ngồi trên đùi chàng ta, và tình cờ nhìn thấy cây thánh giá treo trên tường, bằng tiếng Trung Hoa trọ trọ, chàng ngỡ vực hỏi:

- Thế em là người đi đạo ư?

- Vâng, em đã làm lễ đặt tên thánh từ năm năm tuổi.

- Vậy mà em lại làm cái nghề này sao?

Trong giọng nói chàng ta có vẻ gì giấu cợt. Song Thanh Hoa ngả đầu với mái tóc đen của mình vào tay chàng mỉm cười, và bao giờ cũng là nụ cười trong sáng để lộ hàm răng đều đặn, nhỏ nhắn.

- Nếu em không làm nghề này thì cả em lẫn cha em đã chết đói rồi.

- Thế cha em già rồi ư?

- Dạ... cha em đứng cũng không vững nữa rồi.

- Nhưng mà... Liệu em có nghĩ rằng nếu mình làm nghề này thì sẽ không được lên thiên đường không?

- Không ạ, - liếc nhìn lên cây thánh giá, - Thanh Hoa trầm ngâm nói. - Em nghĩ Đức Chúa trời chắc hẳn là thấu hiểu trái tim em. Nếu khác đi, chẳng hóa Người cũng như cảnh sát ở vùng Laodiaca.

Chàng trai du lịch trẻ người Nhật Bản mỉm cười. Chàng thò tay vào túi áo lấy ra đôi hoa tai bằng ngọc thạch và tự mình đeo vào tai cô gái.

- Đôi hoa tai này anh mua định khi về Nhật Bản sẽ làm quà, nhưng anh tặng em làm kỷ niệm buổi tối hôm nay.

Và quả thật từ đêm ấy, đêm đầu tiên tiếp khách Thanh Hoa bình tâm tin vào niềm tin ngưỡng ấy.

Tuy vậy, một tháng sau, cô gái làng chơi mộ đạo ấy chẳng may bị ốm: cô mắc bệnh giang mai cấp tính. Nghe được tin ấy, cô bạn làng chơi Trần Sanh Sa khuyên cô uống rượu mạnh và đảm bảo rằng như vậy sẽ giảm đau. Sau đấy một cô bạn khác là Mao In Xuân lại sốt sắng mang tới cho cô ít thuốc viên "Gunlanoan" và "Zalumi" mà chính cô ta đã dùng. Song mặc dù Thanh Hoa ngồi như người ở ẩn, không tiếp khách, vậy mà sức khỏe của cô chẳng khá lên được chút nào.

Và thế là một hôm, Sanh Sa ghé thăm Thanh Hoa với đầy vẻ quả quyết đã nói cho cô gái biết cái phương thuốc chữa khỏi bệnh (rõ là dựa trên cơ sở mê tín dị đoan).

- Một khi khách đổ bệnh lên đàng ấy, thì đàng ấy phải mau đổ bệnh lại cho một người nào đó. Như vậy thì chỉ qua vài ba ngày là đàng ấy khỏe.

Thanh Hoa ngồi tì tay lên má và vẻ nặng nề trên khuôn mặt cô không thay đổi. Nhưng chắc là lời nói của Sanh Sa cũng gợi sự tò mò, nên cô gái ngắt lời:

- Thật không?

- Thật chứ! Bà chị mình cũng chẳng tài nào chữa khỏi cái bệnh y như đặng ấy bây giờ. Ấy thế mà khi đỡ bệnh cho khách xong là khỏi ngay.

- Thế còn người khách?

- Thật cũng đáng thương cho ông khách! Người ta bảo vì thế mà ông ta bị mù.

Khi Sanh Sa đã đi rồi, còn lại một mình, Thanh Hoa cúi đầu quì dưới cây thánh giá và ngược mắt nhìn lên Đức Chúa bị đóng đinh và nhiệt thành cầu nguyện:

- Con xin cúi lạy Đức Chúa Trời! Để nuôi sống cha mình, con phải làm cái nghề hèn hạ này. Nhưng nghề đó chỉ làm cho mỗi mình con tủi nhục, còn riêng con không muốn làm điều ác cho ai cả. Vì thế con nghĩ rằng, thậm chí con có chết đi vào lúc con đang làm cái nghề này, nhất định con vẫn được lên thiên đường. Nhưng bây giờ đây con chỉ có thể tiếp tục hành nghề nếu con truyền bệnh ở con sang khách. Như vậy có nghĩa là, cho dù con có phải chết đói đi nữa - vì khi đó bệnh cũng sẽ qua đi - con đã quyết định sẽ không ngủ với bất kỳ ai trên một giường. Bởi vì làm khác đi thì chỉ là vì hạnh phúc của mình mà giết đi người không hề làm điều ác gì với con! Song dù sao con cũng là đàn bà. Có thể đến giây phút nào đó con không cưỡng lại nổi sự cám dỗ. Con xin cúi lạy Đức Chúa Trời! Xin người che chở cho con! Ngoài người ra, con không còn biết nhờ cậy ai cả.

Sau khi quyết định như vậy, dù Sanh Sa và In Xuân dễ dàng đến thế nào đi nữa, Thanh Hoa cũng không tiếp khách. Ví như đôi khi có những vị khách quen đến Thanh Hoa chỉ cho phép mình ngồi và hút với họ mà không chịu chiêu theo bất cứ mong muốn nào của họ.

- Em bị bệnh hiểm nghèo. Nếu chàng ấy với em thì bệnh sẽ lây sang chàng. - Bao giờ Thanh Hoa cũng nói như vậy khi có một vị khách say nào cố cưỡng ép cô, và thậm chí cô không thấy xấu hổ phải chỉ cho khách biết các triệu chứng căn bệnh của mình. Do đó, khách chơi dần dần thôi lai vãng đến thăm cô. Cô sống ngày một chật vật hơn.

Buổi chiều tối nay cô ngồi rất lâu, chống tay lên bàn, cô không làm gì, chỉ đắm chiêu nhìn phía trước mặt mình. Cũng như xưa, các vị khách đã không đến với cô nữa. Lúc này đêm đang đến, xung quanh vắng lặng, chỉ còn tiếng đế mền kêu rì rì từ đâu đó vọng tới tai cô. Thêm vào đó, căn phòng trống trải, cái lạnh lọt qua sàn đá như trước, lúc đầu ngấm vào đôi dép bằng dạ xám, sau đó ngấm vào cả đôi chân đẹp đẽ của cô.

Một lúc lâu, Thanh Hoa nhìn vào cái ánh đèn mờ đục, sau đó cô rùng mình cố kìm cơn ngáp vặt. Gần như vào đúng phút đó thì cánh cửa son tung ra vì một va chạm mạnh và một người lạ nước ngoài ập vào. Chắc hẳn là vì cửa bị mở ra thông thoáng, ngọn đèn trên bàn loé lên, và cả gian phòng tối tăm như bừng sáng do ánh sáng đỏ lạ lùng ấy. Vị khách,

từ đầu đến chân cũng như sáng rực, lùi lại phía sau rồi tựa người vào tấm cửa sơn lúc này đã khép lại.

Thanh Hoa bực bội ngẩng đầu lên và sững sốt nhìn chăm chăm vào người lạ ngoại quốc. Vị khách khoảng chừng ba mươi năm tuổi, một người đàn ông để râu, có nước da rám nắng, với đôi mắt to, mặc chiếc vét tông kẻ sọc, và đội chiếc mũ cũng kẻ sọc như thế. Chỉ có một điều khó hiểu: mặc dù rõ ràng anh ta là người ngoại quốc, song lạ lùng thay, cứ nhìn vẻ ngoài mà xét thì không thể nào xác định được người đó là Á hay Âu. Khi anh ta đứng ở lối vào và lấy thân mình che cửa, mớ tóc đen lòi ra khỏi mũ, chiếc tẩu thuốc ngậm ở miệng đã tắt lửa thì có thể cho rằng anh ta đang say khướt, và đã vào đây nhầm.

- Ông cần gì? - Thanh Hoa hơi sợ và không bước ra khỏi bàn đã hỏi với vẻ trách móc. Vị khách lắc đầu tỏ ý không biết tiếng Trung Hoa. Sau đó anh ta bỏ tẩu ra và nói lên một vài từ nước ngoài nào đó thật khó hiểu. Lần này Thanh Hoa lắc đầu làm đôi hoa tai bằng ngọc thạch lấp lánh dưới ánh đèn.

Nhìn thấy cô gái trong lúc bối rối nhúu đôi lông mày rất đẹp, vị khách bỗng cười toáng lên, bỏ mũ ra rất tự nhiên và chệnh choạng tiến về phía cô. Anh ta mệt mỏi ngồi xuống ghế ở phía bên kia chiếc bàn. Vào giây phút đó, vị khách này đối với Thanh Hoa gần gũi, dường như xưa kia cô đã từng gặp, mặc dù cô không nhớ gặp ở đâu và vào lúc nào. Không cần e

đẻ, vị khách vốc một dùm hạt dưa ở chiếc đĩa, song lại không nhắm nháp mà cứ nhìn Thanh Hoa chăm chăm, và sau đó vừa làm điệu bộ lạ lùng, vừa nói tiếng ngoại quốc. Thanh Hoa tuy không hiểu được ý nghĩa lời anh ta nói, và cho dù chỉ là rất lơ mờ, song cô cũng đoán ra rằng vị khách đã hình dung ra được cái nghề mà cô đang làm.

Cùng sống những đêm dài với các khách nước ngoài không biết một tiếng Trung Hoa nào đối với Thanh Hoa không có gì là lạ thường cả. Do đó, cô vẫn ngồi đấy, mỉm cười niềm nở, một điều vốn đã thành thói quen, và sôi nổi với những mẩu chuyện vui mà vị khách hoàn toàn không hiểu, tuy nhiên, sau một vài lời, vị khách vui vẻ hẳn lên y như hiểu được cô nói gì và lại ra điệu bộ nhanh hơn lúc trước.

Người vị khách sắc mùi rượu, nhưng trên khuôn mặt đỏ ửng tràn đầy sức sống mãnh liệt đến mức làm cho căn phòng buồn bã này như sáng hẳn lên. Dù sao thì trong đôi mắt Thanh Hoa, anh chàng này cũng đẹp hơn hẳn tất cả những người ngoại quốc mà cô gặp từ xưa đến nay, không kể đến những người đồng bào của cô ở Nam Kinh. Thế nhưng cô vẫn không làm sao thoát khỏi được cảm giác dường như xưa kia cô đã từng gặp người này ở một nơi nào đó. Nhìn lên mớ tóc đen, xoắn rủ xuống trán và lúc nào cũng mỉm cười của vị khách, cô cố hết sức mình để nhớ lại cái nơi mà xưa kia cô đã bắt gặp khuôn mặt đó.

"Phải chăng đây là anh chàng đi với cô vợ béo

trên chiếc xà lan? Không, không, anh chàng đó tóc hung hơn. Có lẽ đây là anh chàng chụp ảnh lãng Kun-tzu ở Xinnhivaia. Song người đó dường như già hơn vị khách này. À, à có lần mình đã nhìn thấy trong đám đông trước tiệm ăn ven cầu ở Lidancoa một người giống hệt vị khách này dùng cây gậy to nện vào lưng bác xà ích. Có lẽ... cơ mà anh chàng ấy có đôi mắt hình như xanh hơn".

Trong lúc Thanh Hoa mãi mê suy nghĩ như thế thì vị khách nước ngoài vẫn với bộ mặt vui vẻ, nhồi thuốc vào tẩu và sau khi hút, lại khoan khoái phả khói ra. Sau đấy, đột nhiên anh ta lại nói một điều gì đó rồi cười, và đến lần này thì anh ta lại lẳng lẳng giơ hai ngón tay lên trước mặt Thanh Hoa và làm điệu bộ: "Hai". Chắc hẳn hai ngón tay giơ lên ám chỉ hai đô la thì ai cũng đã biết. Tuy nhiên, Thanh Hoa đã không còn tiếp khách nữa, vẫn nhần hạt dưa rất khéo, vẫn mỉm cười và hai lần lắc đầu tỏ vẻ không ưng thuận. Khi đó vị khách đang chống tay lên bàn một cách thô kệch, dưới ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn đã nhô hẳn bộ mặt mình vào sát mặt Thanh Hoa và nhìn chằm chằm vào cô, rồi sau đó với vẻ mặt đợi chờ, anh ta giơ ba ngón tay.

Thanh Hoa vẫn ngậm hạt dưa ở trên môi, hơi cử động và vẻ mặt hơi xao xuyến. Chắc hẳn vị khách tưởng là cô không chịu hiến thân vì hai đô la. Thêm vào đó, hoàn toàn không tài nào giải thích nổi vấn đề là ở đâu, khi anh ta không biết tiếng Trung Hoa. Đau xót hối hận vì sự nhẹ dạ của mình, Thanh Hoa

lạnh lùng đưa mắt sang bên, và lại một lần nữa, dù muốn hay không, cô lắc đầu dứt khoát.

Tuy vậy, sau khi mỉm cười nhẹ nhàng và dường như do dự đôi chút, người khách giơ bốn ngón tay lên và lại nói với cô bằng tiếng ngoại quốc. Hoàn toàn bối rối, Thanh Hoa chống tay lên má và không còn tâm trạng nào dù chỉ hé cười nữa, nhưng vào phút ấy, cô quyết định - vì cơ sự đã đến nước này - sẽ chỉ lắc đầu cho đến lúc nào vị khách phát chán thì thôi. Nhưng rồi trên tay vị khách dường như đang cầm một cái gì đó vô hình bỗng mở ra, xòe rộng cả năm ngón.

Sau đó một lúc lâu, hai người trò chuyện với nhau bằng điệu bộ và cử chỉ như các diễn viên kịch câm. Cứ kiên nhẫn giơ thêm từng ngón tay một. Cuối cùng người khách tỏ ra là mình không tiếc hản cả mười đô la, nhưng thậm chí mười đô la, một món tiền lớn đối với gái làng chơi, cũng vẫn không lay chuyển được quyết định của Thanh Hoa. Ngay trước lúc ra khỏi bàn, Thanh Hoa đứng tì sườn của mình vào mép bàn và khi vị khách giơ lên trước mặt cô tất cả hai bàn tay, nàng bực tức, giậm chân và liên tục lắc đầu. Vào giây lát đó thì cây thánh giá treo trên tường, không hiểu sao tuột khỏi móc treo và rơi xuống sàn đá kêu đánh keng một cái ở dưới chân cô. Thanh Hoa vội vàng đưa tay xuống cẩn thận nâng cây thánh giá lên. Vào lúc ấy tình cờ cô nhìn lên Đức Chúa bị đóng đinh trên cây thánh giá, và thật lạ lùng, khuôn mặt đó như hiện thân sinh động

khuôn mặt vị khách nước ngoài đang ngồi ở phía sau bàn.

"Đúng là mình đã nhìn thấy người này ở đâu đó trước kia mà - bởi vì đó là khuôn mặt của Đức Chúa!"

Áp cây thánh giá bằng đồng vào ngực trên lần áo bằng da, Thanh Hoa sững sờ nhìn vào vị khách ngồi đối diện với cô. Vị khách với khuôn mặt đỏ bừng lên vì rượu chốc chốc lại rít tẩu thuốc và mỉm cười đầy ý nghĩa. Và đôi mắt anh ta vẫn cứ như trườn lên thân hình cô, lên ngấn cổ trắng, lên đôi tai đeo hoa bằng ngọc thạch. Nhưng với Thanh Hoa thì ngay trong cái vẻ như vậy anh ta cũng như chứa đầy sự cao thượng tinh tế.

Sau đó một chút, người khách bỏ tẩu ra, cúi đầu xuống đầy ngụ ý và vừa cười vừa nói một câu gì đó. Những lời ấy có tác động đến Thanh Hoa, y như lời thì thầm của một nhà thơ miên cao cường. Liệu cô đã quên mất quyết định cao thượng của mình rồi chăng? Đôi mắt mỉm cười của cô cúi xuống, cô lấy tay mân mê cây thánh giá bằng đồng rồi bên lên tiến về người khách nước ngoài bí ẩn.

Người khách thò tay vào túi quần, rút ra nắm bạc ngắmg nghĩa nó một hồi rồi nhìn lên Thanh Hoa bằng đôi mắt vẫn cười cười như trước. Rồi đột nhiên nụ cười trong đôi mắt anh ta được thay bằng ánh sáng bốc lửa, người khách nhảy ra khỏi ghế, ôm chặt lấy Thanh Hoa ép chặt cô vào lớp áo vét tông sặc mùi rượu. Thanh Hoa như người mất trí, ngẩng

đầu lên với đôi hoa tai bằng ngọc thạch, nhưng đôi lúm đồng tiền ửng đỏ trên đôi má xanh xao, cô nhìn đắm đuối vào khuôn mặt của anh ta ngày một sát lại gần đôi mắt cô. Chắc hẳn cô chưa nghĩ cho đến cùng xem liệu có hiến thân cho vị khách nước ngoài lạ lùng này hay sẽ né tránh cả chiếc hôn của anh ta vì sợ truyền bệnh cho khách. Đặt đôi môi lên miệng có râu của anh ta, Thanh Hoa chỉ biết mỗi một điều - trong ngực cô tràn đầy niềm vui mãnh liệt, niềm vui lần đầu tiên biết tới tình yêu.

2

Một vài giờ sau, trong phòng đèn đã tắt, chỉ có tiếng rên rỉ rất khẽ của mấy chú dế mèn đem thêm cái nỗi buồn mùa thu vào hơi thở mộng mị của hai người phát ra từ chiếc giường. Nhưng trong cơn mơ ấy, Thanh Hoa như được nhắc lên khỏi cái lớp màn bụi bặm phủ trên giường, lên cao mãi qua mái nhà rồi lên đến một bầu trời đêm trăng sao.

*

* *

... Thanh Hoa ngồi trên chiếc ghế bằng gỗ bạch đàn màu đỏ và dùng đũa để gấp những đĩa thức ăn bày khắp bàn. Nào yến sào, nào vây cá mập, nào

trứng tần, nào cá chép xông khói, thịt lợn quay, tai hải sâm, - cứ liệt kê ra thì không tài nào hết được cả. Mà bát đĩa thì cực đẹp, đủ thứ hoa văn, nào hoa sen xanh, nào phượng hoàng vàng.

Phía sau lưng cô - sau bức rèm bằng sa - chắc hẳn là dòng sông chảy, chỉ thấy tiếng nước âm ì, và tiếng sóng ì oạp. Dường như Thanh Hoa đang ở vùng quê hương của tuổi thơ mình tại Xinnhivaia. Nhưng không có gì đáng ngờ là lúc này đây cô đang ở một thành phố trên thiên đường, nơi ở của Đức Chúa Trời.

Thỉnh thoảng Thanh Hoa lại để đĩa xuống ngắm nhìn xung quanh. Nhưng trong căn phòng rộng mênh mông chỉ có những hàng cột trạm rồng, và những chậu cúc đại đoá khổng lồ bốc hơi thức ăn nghi ngút: ngoài ra, không hề có một bóng người nào.

Nhưng dù thế, ngay khi thức ăn vừa hết thì trước mặt Thanh Hoa lại toả ra mùi thơm rất ấm và rồi từ đâu đó lại xuất hiện món ăn khác. Và đột nhiên con chim trĩ quay mà cô chưa kịp động đến đã vỗ cánh bay lên trần nhà hất đổ cả bình rượu.

Đến lúc ấy thì Thanh Hoa nhận thấy một người nào đó từ phía sau đi đến chiếc ghế của cô rất khẽ. Do đó, vẫn cầm đĩa ở tay, cô quay phắt ngay lại. Đúng nơi không biết vì sao cô cho là cửa sổ, lại chính là chiếc ghế bằng gỗ bạch đàn đỏ bọc bằng lớp vải láng mà người khách lạ ngoại quốc ngồi đường bệ ở đó, với tẩu thuốc ngậm trên môi.

Vừa mới nhìn, Thanh Hoa đã nhận ra ngay đó chính là người đàn ông đến với cô đêm hôm qua. Chỉ có điều phía bên trên đầu người khách ngoại quốc đó chỉ một gang tay có một vành sáng mảnh treo lơ lửng y như mặt trăng lưỡi liềm đêm mỏng ba đầu tháng.

Và ngay lúc đó trước mắt Thanh Hoa một món ăn ngon thơm ngào ngạt như nhả thẳng từ bàn vào chiếc đĩa to. Cô đưa dũa ra định gấp lấy miếng ăn rất ngon đó nhưng bỗng nhiên nhớ tới vị khách nước ngoài ngồi phía sau, cô nhìn qua vai và bên lên nói:

- Ông ngồi xích lại đây nào!

- Không, cô ăn một mình đi. Nếu như cô ăn thứ đó thì chỉ một đêm là cô khỏi bệnh.

Vị khách ngoại quốc vẫn không rời chiếc tàu thuốc dài mỉm cười với nụ cười chan chứa tình yêu vô hạn.

- Thế có nghĩa là ông không muốn ăn?

- Ta ấy à? Ta không thích món ăn Tàu. Thế hóa ra con vẫn chưa biết ta sao? Đức Chúa Giêxu không bao giờ ăn món ăn Tàu cả.

Sau khi nói xong, Đức Chúa ở Nam Kinh từ từ đứng lên khỏi chiếc ghế bằng gỗ bạch đàn, lùi lại phía sau âu yếm hôn vào má Thanh Hoa đang hết sức sững sờ.

*

* *

Thanh Hoa tỉnh hẳn giấc mộng thần tiên khi bình minh mùa thu lành lạnh tràn khắp căn phòng chật chội. Song dưới lớp màn bụi bậm, trên giường ngủ giống như con thuyền vẫn còn hơi đêm âm ảm. Trong cảnh tranh tối tranh sáng hiện lên mờ ảo khuôn mặt Thanh Hoa với đôi mắt còn nhắm và còn phủ tấm chăn dạ cũ bạc màu tối tận cằm. Trên đôi má xanh xao, mấy sợi tóc xõa xuốngбет vào lớp mô hôi đêm và giữa đôi môi nửa khép nửa mở, hai hàng răng nhỏ nhún trắng lên như những hạt gạo.

Mặc dù Thanh Hoa đã thức dậy, nhưng tâm hồn cô vẫn còn đi lang thang giữa những hình bóng trong mơ - những bông cúc đại đoá rực rỡ, tiếng nước vỗ ì oàm, con chim trĩ quay, Chúa Giêxu... Nhưng trong màn đã sáng hơn và trong giấc chiêm bao khoái lạc của mình, cô đã bắt đầu nhận ra một thực tại tồi tệ, nhận thức ra, hồi đêm cô đã nằm trên chiếc giường lau sậy này với vị khách ngoại quốc bí ẩn.

"Nhờ bệnh truyền sang người ấy..."

Nghĩ vậy Thanh Hoa bỗng đau khổ và cô cảm thấy sáng sớm hôm nay không đủ can đảm nhìn vào khuôn mặt anh ta. Nhưng sau khi thức dậy mà không nhìn thấy khuôn mặt thân yêu, râm nắng của anh ta, cô còn đau khổ hơn. Vì thế sau ít phút do dự, cô mở to mắt nhìn khắp chiếc giường trong lớp màn còn rũ xuống như đã hoàn toàn sáng rõ. Song cô hết sức ngạc nhiên vì trong phòng ngoài cô còn đang nằm trong chăn ra, chẳng những không

thấy vị khách nước ngoài có khuôn mặt giống Đức Chúa Giêxu, mà còn chẳng có bất kỳ ai cả.

"Ông ta đã đi rồi, và cả điều này cũng là mình mơ chẳng?"

Thanh Hoa hất tung tấm chăn bẩn thỉu và vùng dậy. Sau khi lấy tay lau mắt, cô nặng nhọc vén tấm màn treo lên và đôi mắt còn ngái ngủ ấy đã nhìn khắp căn phòng.

Ở căn phòng, trong bầu không khí lạnh lẽo lúc ban mai, mọi đồ vật hiện lên rõ ràng một cách tàn nhẫn. Chiếc bàn cũ kỹ, ngọn đèn đã tắt, còn ghế - một chiếc đổ trên sàn, còn một chiếc thì ngã vào tường - tất cả đều y như trước tối hôm qua. Thêm vào đó, thực ra trên mặt bàn giữa đồng hạt dưa văng vãi, cây thánh giá nhỏ bằng đồng hiện lên mờ đục. Sau lúc liếc nhìn căn phòng bằng đôi mắt như hoa lên choáng váng, Thanh Hoa ngồi một lúc trên chiếc giường mềm, thấy người ôn lạnh và cô cứ ngồi yên bất động.

- Không, đó không phải là giấc mơ...

Thanh Hoa thì thầm khi nghĩ tới người khách ngoại quốc biến mất một cách thật khó hiểu. Dĩ nhiên có thể nghĩ rằng ông ta đã lén rời khỏi phòng khi cô còn đang ngủ. Nhưng cô không tin một con người đã vượt ve cô đăm đuổi như vậy mà lại không có lời nào từ biệt cô - hoặc đúng hơn cô quá đau đớn khi tin vào điều ấy. Thêm nữa, cô đã không nhận được mười đô la như lời hứa của vị khách ngoại quốc bí ẩn.

"Phải chăng ông ta đã đi thật rồi sao?".

Vội trái tim đau khổ, cô muốn mặc chiếc áo bằng dạ đen quăng lăn lóc trên chân. Nhưng tay cô vừa vói ra đột ngột rút lại, và mặt cô đỏ ửng. Có phải cô đã nghe thấy ở phía sau chiếc cửa sơn tiếng bước chân của vị khách bí ẩn hay là cái mùi rượu thấm vào chân đã thức tỉnh những ký ức của cô trong cái đêm đầy xao xuyến đó? Không, vào giây phút này Thanh Hoa cảm thấy rằng do một sự kỳ diệu đang ở trong cơ thể cô, mà bệnh giang mai ác tính chỉ sau một đêm đã biến mất không còn dấu vết gì.

"Thế có nghĩa đó là Đức Chúa!"

Như quên mất mình, vịn mỗi chiếc áo sơ mi suýt nữa thì rơi khỏi giường, cô đã quì gối xuống lớp sàn đá lạnh lẽo y như đức thánh Maria tuyệt đẹp ở Magôđanla chuyện trò với Đức Chúa phục sinh, và nguyện cầu hết sức nhiệt tâm.

3

Vào buổi chiều mùa xuân năm sau, chàng trai trẻ đi du lịch người Nhật Bản mà trước đã từng đến chỗ Thanh Hoa, lại ngồi đối diện với cô bên chiếc bàn dưới ánh đèn leo lắt.

- Bao giờ em cũng đeo thánh giá sao?

Trong lúc chuyện trò chàng ta nhận xét bằng cái giọng hơi pha chút giễu cợt và ngay lúc đó Thanh Hoa nghiêm trang kể cho chàng ta nghe câu

chuyện lạ kỳ là Đức Chúa có lần đã ghé xuống Nam Kinh ban đêm và chữa lành bệnh cho cô.

Sau khi nghe câu chuyện này, chàng du lịch trẻ tuổi Nhật Bản tự nhủ:

"Ta biết gã ngoại quốc ấy. Đó là một người Nhật lai Mỹ. Hình như gã ta tên là Gióocgiơ Mèri. Gã đã khoe khoang với một phóng viên quen ta, phóng viên của hãng Roitơ rằng gã đã từng chơi bài suốt đêm với một con diêm đi dạo, và đến khi cô ả ngủ say, hấn chuồn lẹ. Lần vừa rồi khi ta ở Nam Kinh thì cũng đúng lúc gã ở chính khách sạn ta ở, nên cho đến nay ta vẫn nhớ mặt gã. Gã mạo nhận là phóng viên của một tờ báo Anh, nhưng con người dân dòn như gã thật không xứng một tí nào. Sau đó vì bị bệnh giang mai mà gã mất trí... Có lẽ chính gã bị cô bé này đổ bệnh. Vậy mà cho đến nay cô ta vẫn cứ ngộ nhận cái gã lai trác táng ấy là Đức Chúa! Liệu có cần phải mở mắt cho cô ta không? Hay cứ im lặng và để cho cô ta vĩnh viễn ở trong giấc mộng ấy, y như các giai thoại cổ phương Tây...".

Khi Thanh Hoa kể xong, anh chàng như sực nhớ ra, bật diêm châm thuốc lá thơm. Và cố ý làm ra vẻ rất quan tâm, chàng ta nặn ra một câu hỏi:

- À ra thế... Lạ thật đấy. Thế là từ bấy đến giờ, em hoàn toàn không bị bệnh nữa phải không?

- Không ạ, hoàn toàn không. - Thanh Hoa không do dự trả lời với khuôn mặt rất tươi sáng và vẫn tiếp tục nhai hạt dưa.

MÙA THU

1

Ngay từ hồi còn ở trường nữ sinh Nôbukô đã có tiếng là một con người tài năng. Gần như không một ai ngờ vực là sớm hay muộn cô sẽ bước vào đời văn nghiệp. Một vài người thậm chí còn đồn đại rằng dường như ngay khi còn ở trường đại học cô đã viết cuốn tiểu thuyết tự thuật dày tới hơn ba trăm trang. Tuy nhiên khi tốt nghiệp đại học, sống với mẹ cô, một người đàn bà goá một nách hai con gái - Nôbukô và em gái cô Têrukô còn chưa học xong phổ thông - mọi việc không được như ý lắm và nói chung cũng gặp những chuyện phiền toái khác. Do đó trước khi bắt tay vào viết lách, như một lẽ thường tình ở đời, cô buộc phải bắt đầu từ việc lấy chồng.

Nôbukô có người anh họ là Xiunkiti. Vào hồi ấy anh ta còn là sinh viên khoa Văn song trong tương lai chắc hẳn anh ta cũng dự tính sẽ bước vào hàng ngũ các văn nhân. Đã từ lâu Nôbukô có quan hệ tốt với người anh họ. Còn từ khi hai người có mối quan

tâm chung về văn học thì quan hệ của họ càng thân tình hơn. Chỉ có điều khác với Nôbukô, Xiunkiti không biểu lộ một dấu hiệu gì là ngưỡng mộ văn tài Tônxtôi vốn đang là thời thượng hồi đó. Lúc nào anh ta cũng tung ra những nhận xét mỉa mai và những câu châm ngôn theo tinh thần của Phrăngxơ. Sự giễu cợt ấy thỉnh thoảng làm Nôbukô, một con người nghiêm túc, bức bối. Song, dù có đang bức bối đi nữa cô vẫn cảm thấy trong những lời châm biếm trong những câu châm ngôn của Xiunkiti có một cái gì đó không thể khinh thường.

Do đó khi còn ở trường nhiều lần cô đã cùng anh đi xem triển lãm, nghe hoà nhạc. Thêm vào đó, em gái cô tên Têrukô cũng nhiều lần đi theo. Trên đường đi hoặc lúc trở về nhà Nôbukô cười đùa, tán chuyện thoải mái tự nhiên. Chỉ có điều một đôi khi cô em gái dường như muốn lảng tránh câu chuyện. Têrukô nhìn vào các tử trưng bày ô hoặc khăn san với mối quan tâm còn ngây thơ và rõ ràng không cảm thấy phật ý gì về chuyện hai người đã không đếm xỉa đến mình. Tuy nhiên ngay khi nhận ra điều đó thế nào là Nôbukô cũng thay đổi đề tài câu chuyện, cố gắng cuốn hút cô em tham gia vào. Song người đầu tiên quên Têrukô bao giờ cũng chính là Nôbukô. Còn Xiunkiti, dường như không hề bận tâm đến tất cả những chuyện đó, anh vẫn vui đùa như trước, đi chậm, bước những bước dài giữa dòng người đông đến chóng mặt.

Hiển nhiên bản thân mối quan hệ giữa Nôbukô và Xiunkiti trong con mắt tất cả những người quen

biết họ là cơ sở đầy đủ cho giả thiết rằng rồi ra họ sẽ lấy nhau. Các bạn nữ đồng khóa thêm muốn và ghen tị với tương lai của cô. Những người không biết Xiunkiti lại còn ghen tị dữ hơn (điều này thật lố bịch!). Bản thân Xiunkiti một mặt phủ nhận sự chính đáng của những lời phỏng đoán của họ, mặt khác lại có ý định tạo cho họ cảm giác là phỏng đoán ấy không phải thiếu cơ sở. Như vậy ở trong trường, các bạn hữu đồng khóa đều hình dung cô và Xiunkiti y hệt như vị hôn thê và vị hôn phu trên bức ảnh chung.

Thế nhưng tốt nghiệp ở trường nữ sinh, trái với sự chờ đợi của mọi người, bỗng nhiên Nôbukô lấy một chàng trai trẻ vừa tốt nghiệp trường Cao đẳng thương nghiệp sắp phải đến làm việc ở một hãng buôn. Vài ba ngày sau khi cưới cô đã cùng chồng đến Ôxaca, nơi làm việc của anh ta. Theo lời kể của những người đi tiễn cô ở nhà ga trung tâm thì Nôbukô y như mọi khi, vẫn với nụ cười trong trẻo đã an ủi và ngợi khen cô em gái Têrukô đang chốc chốc lại muốn oà lên khóc.

Các bạn gái của Nôbukô bắn khoả. Xen lẫn với mối bắn khoả đó là cảm giác về một niềm vui lạ lùng, về sự ghen ghét song hoàn toàn mang ý nghĩa khác với trước kia. Một số người tin Nôbukô và qui chuyện đó vào ý nguyện của bà mẹ. Một số người khác ngờ vực cô và nói rằng tình cảm của cô đã thay đổi. Song chính bản thân họ không thể không hiểu rằng tất cả những lời cắt nghĩa đó không hơn gì những lời phỏng đoán. Vì sao mà cô lại không lấy

Xiunkiti? Sau khi cô ra đi có một hồi ở cuộc gặp gỡ nào họ cũng tranh luận về vấn đề này một cách nghiêm trang. Rồi sau đó, hai tháng trời trôi qua Nôbukô hoàn toàn bị quên lãng. Cũng dễ hiểu là cả những lời đồn đại về cuốn tiểu thuyết mà Nôbukô hẳn đã viết rồi cũng bị lãng quên luôn.

Thời gian đó Nôbukô sống ở trong những khu ngoại ô Ôxaca. Cô đã dựng lên một tổ ấm gia đình, chắc chắn phải hạnh phúc. Ngôi nhà của họ ở trong rừng thông, nơi đặc biệt tĩnh mịch đối với vùng này. Mùi nhựa thông và ánh nắng mặt trời - tất cả những cái đó vào lúc vắng chồng bao giờ cũng làm cho căn nhà có gác mái thanh tĩnh lạ thường. Vào những giờ yên tĩnh lúc chiều xuống không hiểu sao Nôbukô lại đắm chiêu suy nghĩ và khi ấy, sau khi mở ngăn kéo chiếc bàn viết, cô lục tung lên và nhặt ra bức thư màu hồng nhét tận dưới đáy. Bức thư đó được viết nhỏ li ti với nội dung sau:

"... Em sẽ nghĩ thế nào về chuyện hôm nay, ngày cuối cùng em được ở bên chị, thậm chí vào giây phút đang viết thư này lúc nào em cũng giàn giụa nước mắt. Chị ơi! Xin chị hãy thứ lỗi cho em! Têrukô không biết sẽ đền đáp bằng cái gì sự hy sinh cao cả của chị.

Chị đã quyết định lấy chồng là vì em. Cho dù chị bảo rằng không phải thế nhưng em thì hiểu mọi điều lắm lắm. Vào buổi tối ấy khi chúng mình cùng ở rạp hát Tâykôku chị hỏi em có phải đang yêu Xiunkiti không? Chị còn nói rằng nếu em yêu anh ấy chị sẽ làm tất cả những gì có thể để em lấy

Xiunkiti. Khi đó chắc là chị đã đọc bức thư em muốn gửi cho Xiunkiti. Lúc bức thư bị mất quả thực em rất giận chị (Xin chị thứ lỗi cho em! Chị nội điều đó thôi em cũng không biết làm thế nào để xin thứ lỗi được). Do đó vào buổi tối ấy ngay cả những lời nói chân tình của chị dường như cũng tức cười đối với em. Em bức dọc, thậm chí không thèm trả lời chị - chắc chắn chị không quên chuyện ấy. Nhưng một vài ngày trôi qua đột nhiên chị quyết định lấy chồng ngay, và em sẵn lòng chết chỉ cốt xin chị tha thứ. Chị cũng yêu anh Xiunkiti (Xin chị đừng giấu, em biết rõ lắm mà!) Nếu chẳng phải chỉ là vì chăm lo cho em thì nhất định chị sẽ lấy anh ấy. Dù sao chị cũng đã nhiều lần cam đoan với em là không nghĩ tới Xiunkiti. Và cuối cùng chị quyết định lấy chồng mà hoàn toàn chẳng đúng với lòng chị. Chị quý mến của em ơi! Chị có nhớ là hôm nay em đã tới cùng với con gà xách trên tay và nói với nó rằng: "Hãy xin lỗi chị đi! Hôm nay chị đi Ôxaca đấy!" Em muốn cả con gà của em cũng phải xin chị thứ lỗi! Thậm chí cả mẹ không hay biết chuyện gì cũng phải khóc.

Chị ơi! Ngày mai chị sẽ đi Ôxaca. Nhưng xin chị đừng bao giờ quên Têrukô của chị nhé! Mỗi buổi sáng khi cho gà ăn, Têrukô sẽ nhớ tới chị và sẽ lặng lẽ khóc..."

Cứ mỗi lần Nôbukô đọc bức thư hoàn toàn ngây thơ ấy, cô lại trào nước mắt. Trái tim cô đau nhói đến không chịu nổi, đặc biệt là khi nhớ tới Têrukô vào lúc cùng ngồi trên toa tàu, cô em gái đã lặng lẽ

dút vào túi cô bức thư ấy. Song thực tế việc lấy chồng của cô có phải từ đầu chí cuối là sự hy sinh như em gái cô nghĩ vậy không? Sau khi nước mắt trào ra, nỗi băn khoăn ấy lại đè nặng lên tâm hồn cô. Để thoát khỏi sự nặng nề ấy Nôbukô thường im lặng, đắm chìm vào một nỗi buồn dễ chịu. Cô lặng lẽ nhìn ra ngoài cửa sổ ngắm những tia nắng mặt trời đang làm rừng thông bừng sáng và ít nhiều nhuộm thêm cho cái màu vàng lúc hoàng hôn...

*

* *

Cũng như bất cứ đôi vợ chồng trẻ nào, ba tháng sau khi cưới họ sống với nhau hạnh phúc.

Chồng Nôbukô là người trầm tĩnh, có chút ít vẻ dằn bà. Hàng ngày sau lúc đi làm về ăn tối xong anh ta thường chơi với Nôbukô chừng vài tiếng đồng hồ. Vừa đan len Nôbukô vừa kể cho anh ta nghe những cuốn tiểu thuyết, những vở kịch gây chấn động trong thời gian gần đây. Đôi khi trong những câu chuyện đó có len lỏi thế giới quan của cô nữ sinh trường nữ xưa muốn hiến dâng mình cho đạo Thiên Chúa. Anh chồng đở bụng mặt vì bữa rượu lúc tối đã nghe cô với vẻ tò mò và bỏ rơi tờ báo chiều còn chưa kịp đọc xong. Nhưng không bao giờ anh ta biểu lộ một điều gì đó giống như là ý kiến của riêng mình.

Hầu như chủ nhật nào vợ chồng cô cũng mất cả ngày nghỉ ở một nơi nào đó để dạo chơi, hoặc đến

Ôxaca hay vùng phụ cận. Nếu họ phải đi tàu hỏa hoặc tàu điện thì những hành vi thô lỗ của người dân vùng Canxai, những người chẳng e dè gì, bạ đâu ăn uống ở đấy, cũng đập vào mắt Nôbukô. Cô đặc biệt hài lòng khi nghĩ rằng người chồng trầm tĩnh của mình cư xử cao thượng. Dường như ở giữa những con người này hình dáng đẹp đẽ của chồng cô từ chiếc mũ và cái áo vét tông cho đến đôi giày cao cổ buộc dây toả ra một cái gì đó đặc biệt y như mùi xà phòng thơm sạch sẽ tinh khiết. Còn vào dịp đi nghỉ hè, khi nhìn vào đám vũ nữ cô đã so sánh chồng mình với những người bạn đồng nghiệp tình cờ có mặt ở quán trà và bất giác cô cảm thấy một điều gì giống như lòng kiêu hãnh. Nhưng cô ngạc nhiên thấy chồng đối xử với những người bạn, đồng nghiệp của mình vẫn hết sức thân ái lịch thiệp.

Đôi khi Nôbukô nhớ đến công việc văn chương bị bỏ bằng từ lâu. Thế là khi vắng chồng, hết giờ này sang giờ khác, cô đã ngồi vào bàn viết. Anh chồng khi biết được chuyện đó đã nói: "Chà, rốt cục em sẽ trở thành nữ văn sĩ". - Và khuôn miệng dịu dàng của anh nở một nụ cười. Song dù Nôbukô có ngồi vào bàn viết nhưng trái với sự mong đợi của cô, ngòi bút đã không nhúc nhích. Một đôi khi bắt mình ngồi tì cằm lên tay cô lơ đãng nghe tiếng ve sấu kêu trong cánh rừng thông đang thiu thiu dưới bầu trời nắng như thiêu như đốt.

Nhưng rồi giai đoạn cuối cùng của mùa nóng đã được thay bằng đầu thu. Một hôm khi đi làm người chồng muốn đổi chiếc cổ áo bần vì mồ hôi. Rất tiếc,

dường nhu không còn một chiếc cổ áo nào ở nhà vì tất cả đã được đưa đến hiệu giặt. Anh chồng bao giờ cũng niềm nở bất ngờ cau mày lại. Vừa móc chiếc quai đeo quần anh vừa chằm chọc, một điều không bao giờ xảy ra trước kia:

- Thật là tồi tệ nếu cô chỉ biết đọc một việc là viết tiểu thuyết!

Nôbukô im lặng, cúi mặt xuống phủi bụi chiếc áo vét tông.

Vài ba ngày sau, vào buổi tối, bắt đầu từ một bài báo về vấn đề thực phẩm đang ở tờ báo buổi chiều, anh chồng đã nói đến chuyện có nên giảm bớt chi tiêu hàng tháng không.

- Em không thể là nữ sinh viên suốt đời được đâu! - Anh chồng nói.

Nôbukô hững hờ đáp và vẫn thêu chiếc và vạt cho chồng. Còn anh chồng với sự kiên nhẫn hoàn toàn không thể ngờ tới vẫn tiếp tục ý mình:

- Đấy, cứ lấy riêng chuyện cái cà vạt này giá như mua cái cà vạt may sẵn có phải rẻ hơn không, - anh ta nói với giọng bức bối.

Cô lại nín lặng. Cuối cùng anh chồng hờn dỗi đã vùi đầu vào đọc tờ tạp chí thương nghiệp của mình. Song đến khi phòng ngủ đã tắt đèn Nôbukô nằm quay lưng về phía chồng gần như thì thầm:

- Em sẽ không viết tiểu thuyết nữa.

Anh chồng không trả lời. Một lúc sau cô lại nhắc đến câu đó với giọng thì thầm hơn. Rồi cô khóc. Anh chồng nhẹ nhàng nhấc cô. Sau đó cô đã

oà lên khóc nức nở. Nhưng rồi bỗng nhiên Nôbukô ôm chặt lấy chồng...

Sáng ngày hôm sau họ lại là một cặp vợ chồng hòa thuận như xưa.

Nhưng chẳng bao lâu lại xảy ra chuyện đã quá nửa đêm mà anh chồng vẫn chưa đi làm về. Cuối cùng khi về tới nhà thì anh ta sặc sụa mùi rượu và không thể cởi nổi cả chiếc áo mưa.

Nôbukô cau mày, nhanh chóng cởi áo cho chồng. Còn anh ta lú lẫm ra mà vẫn còn nói mớ:

- Tối nay tôi không ở nhà chắc là cô viết tiểu thuyết tốt hả!

Từ đôi môi có vẻ phụ nữ ấy của anh chồng còn tuôn ra một vài lần nữa những lời đại loại thế. Đêm đó khi nằm ngủ bất giác nước mắt cứ trào ra trên khoé mắt Nôbukô. Ví như Têrukô nhìn thấy hẳn là nó sẽ khóc cùng cô. "Têrukô! Têrukô! Chỗ nương náu duy nhất của chị chính là em..." - Nhiều lần cô đã gọi thầm cô em gái trong trí tưởng tượng và thấy đau lòng vì từ chỗ anh chồng đang ngủ vẫn phả ra mùi rượu đến nỗi suốt đêm nằm trên giường cô chỉ trần trọc trở mình không sao nhắm mắt nổi.

Nhưng ngay cả chuyện đó sang ngày hôm sau lại kết thúc bằng việc bản thân họ làm lạnh với nhau mà không tự nhận thấy.

Những chuyện như thế không phải xảy ra một đôi lần nhưng rồi đã sắp đến cuối thu. Nôbukô càng ít khi ngồi vào bàn và càng ít khi cầm bút viết. Thời gian này anh chồng không còn được nghe những

câu chuyện về văn chương của cô với vẻ tò mò như xưa nữa. Tối tối ngồi bên lò sưởi họ giết thời gian bằng những câu chuyện nội trợ, bếp núc vụn vặt. Những đề tài ấy đối với anh chồng sau bữa rượu tối chỉ ít cũng hết sức hấp dẫn. Mặc dù vậy đôi khi Nôbukô nhìn lên anh ta với vẻ thương hại. Còn anh ta không ngờ vực gì, vừa mân mê bộ râu mới đây anh để dài vừa nói thẳng ra khác với thường lệ bằng một giọng thâm trầm:

- Giá mà có con...

Trong khi đó thì chẳng bao lâu trên các tờ tạp chí nguyệt san bắt đầu xuất hiện tên của người anh họ cô. Sau khi lấy chồng, Nôbukô đúng là đã quên Xiunkiti và thôi trao đổi thư từ với anh ta. Chỉ qua thư của em gái cô mới biết được anh ta đã tốt nghiệp đại học và đã cùng bạn bè lập ra một tờ tạp chí. Thậm chí cô không muốn biết gì thêm về anh ta nữa. Song khi thấy các truyện ngắn của anh ta trên các tạp chí cô cảm thấy ấm lòng như những năm tháng xưa kia. Lướt giở các trang Nôbukô mỉm cười với mình. Ngay cả trong truyện ngắn Xiunkiti cũng đã sử dụng hai thanh kiếm như Miiarrôtô Muxaxi⁽¹⁾ - châm biếm và hài hước. Tuy nhiên - có thể chẳng do nguyên nhân gì - phía sau sự châm biếm vui vẻ này cô cảm thấy dường như có một sự vô vọng nào đó vốn không phải là bản tính của anh xưa kia.

⁽¹⁾ Nhà đấu kiếm trứ danh thế kỷ XVII, người lập ra trường phái song kiếm.

Nghĩ tới điều đó không phải là cô không tự biện minh cho mình.

Từ đó Nôbukô đối với chồng còn dịu dàng hơn nữa. Ở sau chiếc lò sưởi đã nguội đi vào lúc đêm khuya anh chồng nhìn lên khuôn mặt bao giờ cũng như nở nụ cười trong trẻo của cô. Mặt cô có thoa phấn và dường như trẻ hơn trước kia. Vừa thu xếp bộ đồ thêu cô vừa nói lên thành tiếng ký ức về thời kỳ tổ chức lễ cưới của họ ở Tôkyô. Việc cô nhớ tởm đến thế đối với anh chồng vừa bất ngờ vừa thích thú. "Cả chuyện đó mà em cũng nhớ được!" - Anh ta trêu ghẹo còn Nôbukô chỉ đáp lại anh bằng cái nhìn lặng lẽ âu yếm. Song vì sao mà điều đó lại khắc sâu trong ký ức của cô đến thế thì chính cô đôi khi cũng ngạc nhiên về bản thân mình.

Chẳng bao lâu bức thư của bà mẹ đã nhắn tin cho cô chuẩn bị quà mừng đám cưới cô em gái. Trong thư mẹ cô cũng nói rằng Xiunkiti trước khi cưới Têrukô đã chuyển sang ngôi nhà mới ở ngoại ô thuộc quận Iamanôtê. Nôbukô đã viết một bức thư chúc mừng dài cho mẹ và em gái. "Chúng con chỉ có hai người, không có ai giúp việc, do đó thật đáng tiếc là con không thể về dự cưới được..." "Khi viết như vậy chiếc bút lông của cô (vì sao thì bản thân cô không biết) nhiều lần phải dừng lại trên giấy. Lúc đó cô ngược mắt nhìn rừng thông ở phía sau cửa sổ. Những cây thông tối sẫm lại như đám cây rậm rạp dưới bầu trời mùa đông bằng bạc.

Buổi tối Nôbukô nói với chồng chuyện cưới xin của Têrukô. Như thường lệ với nụ cười nhẹ nhàng

anh chăm chú lắng nghe Nôbukô bắt chước kiểu cách của cô em gái khi nói chuyện. Còn Nôbukô không hiểu vì sao đó cứ cảm thấy dường như đang kể về Têrukô cho chính bản thân mình.

- Thôi, đã đến lúc đi ngủ được rồi! - Anh chồng nói thế sau hàng mấy tiếng đồng hồ vuốt ve bộ râu mềm mại của mình rồi uể oải đứng dậy. Còn Nôbukô trong khi miên man suy nghĩ xem nên tặng em gái cái gì đã vẽ một thứ giống như cái kim lên mặt tro rồi đột nhiên ngẩng đầu và nói:

- Lạ thật cơ, em cảm thấy dường như em cũng có một người anh trai.

- Hừ, tất nhiên, một khi em có em gái. - Anh chồng nói nhưng Nôbukô vẫn đắm chiêu nhìn phía trước, chẳng đáp lại gì cho những lời nói của chồng.

Đám cưới Têrukô và Xiunkiti đã được tổ chức vào trung tuần tháng chạp. Ngày hôm đó vào lúc nửa buổi có tuyết rơi. Nôbukô ăn bữa sáng một mình và rất lâu sau vẫn không thể thoát được cái mùi cá mà cô đã ăn. "Có lẽ ở Tôkyô tuyết cũng rơi", cô nghĩ thế và ngồi gặm hơn vào lò sưởi trong phòng ăn tranh tối tranh sáng. Tuyết rơi mạnh hơn. Còn dư vị cá ở miệng thì vẫn chẳng chịu bay đi.

3

Mùa thu năm sau cùng với chồng được phái đi công cán, Nôbukô lại được đặt chân lên đường phố

Tôkyô sau hai năm vắng mặt. Nhưng anh chồng được phép đi vãn vãn vài ngày, bận rộn công việc, hầu như anh không có khả năng đi chơi đâu cùng cô mà chỉ kịp tới thăm bà nhạc vài phút. Do đó khi lên đường đi thăm vợ chồng cô em gái ở ngôi nhà mới vùng ngoại ô Nôbukô sau khi xuống tàu điện ở bến cuối, cô đã phải ngồi lắc lư trên chiếc xe tay có một mình cùng người phu xe.

Ngôi nhà của họ ở ngay ngoài rìa ngoại ô nơi phố xá tiếp liền với đồng ruộng. Nhưng hai bên là một loạt nhà nhỏ, nối ken nhau sin sít chắc là nhà cho thuê. Cổng có mái che, có hàng rào cây, quần áo lót căng lên sào để phơi - tất cả những cái đó khắp nơi đều giống nhau. Cái cảnh thường ngày ấy của một khu nhà ở làm cho Nôbukô hơi thất vọng.

Nhưng khi tới cổng gọi chủ nhân thì người ra đón cô lại chính là chàng anh họ Xiunkiti. Sau khi nhìn thấy vị khách quý hóa này, vẫn như xưa anh ta kêu lên:

- Nôbukô đấy à?

Nôbukô nhận thấy mái tóc anh không bù xù song cắt vụng không được như xưa.

- Lâu lắm không gặp nhau.

- Xin mời vào! Tiếc là chỉ có mình tôi.

- Thế Têrukô đâu? Không có ở nhà ư?

- Đi có việc. Cả đứa cháu gái cũng đi nốt.

Nôbukô bối rối lạ lùng, lặng lẽ cởi chiếc áo khoác có lớp vải lót mượt mà ở ngay chỗ góc phòng ngoài cùng.

Xiunkiti dẫn cô vào một căn phòng nhỏ - phòng làm việc đồng thời là phòng khách. Khắp nơi sách vở chất thành từng đống. Xung quanh chiếc bàn nhỏ bằng gỗ bạch đàn màu đỏ thẫm có ánh hoàng hôn chiếu vào qua bức tường kính là những báo, tạp chí, bản thảo bừa bộn đến mức khó có thể lên chân vào. Chỉ có một thứ duy nhất chứng tỏ sự có mặt của người vợ trẻ là chiếc đàn Kôtô⁽¹⁾ mới treo trên tường. Nôbukô dán mắt vào khung cảnh đó mất một hồi lâu.

- Qua thư tôi biết Nôbukô sẽ đến nhưng không nghĩ là đến vào hôm nay - Vừa châm thuốc hút Xiunkiti vừa đưa mắt nhìn khách ân cần - Nôbukô sống ở Ôxaca thế nào?

- Thế còn Xiunkiti? Hạnh phúc chứ?

Sau những lời đầu tiên Nôbukô cảm thấy sống dậy tình cảm hoàn toàn ấm áp như xưa kia. Cả những hồi ức nặng nề của hai năm trời mà thậm chí họ không trao đổi thư từ cho nhau, trái với lòng mong đợi, cũng đã không gây ra điều gì khó xử.

Hơi tay trên lò sưởi họ nói hết chuyện này đến chuyện khác. Những tác phẩm văn học của Xiunkiti, tin tức về những người họ cùng quen biết, so sánh Tôkyô và Ôxaca... Đề tài các câu chuyện cốt sao để hai người không bị động chạm. Song đúng là

⁽¹⁾ Kôtô: một kiểu đàn tranh chủ yếu để phụ nữ chơi, thời cổ khá phổ biến trong các gia đình quý tộc, đến thế kỷ XX ở cả trong các gia đình tư sản.

họ hiểu ngầm với nhau nên hoàn toàn không đả động gì đến chuyện đời sống thường ngày. Điều đó làm cho Nôbukô cảm thấy rõ rệt hơn rằng cô đang nói chuyện với người anh họ.

Song một đôi lúc hai người lại yên lặng. Mỗi lần như vậy Nôbukô lại mỉm cười cúi xuống nhìn lớp tro ở chiếc lò sưởi. Chính bản thân cô cũng không ý thức được là cô đang mơ hồ chờ đợi một điều gì đó. Khi ấy, cố ý hay là ngẫu nhiên Xiunkiti cũng tìm được đề tài mới cho câu chuyện và bao giờ cũng phá vỡ sự chờ đợi đó của cô. Bất giác Nôbukô ngược nhìn Xiunkiti. Nhưng anh vẫn yên lặng hút thuốc. Trên khuôn mặt vẫn giữ vẻ hoàn toàn tự nhiên.

Vào lúc ấy Têrukô trở về nhà. Nhìn thấy chị gái cô ta mừng đến mức không đủ sức giơ tay ra bắt tay chị mình. Nôbukô mỉm cười song nước mắt cứ trào ra. Như thể quên mất sự có mặt của Xiunkiti cả hai người hỏi nhau, kể cho nhau nghe về cuộc sống của mình trong những năm tháng ấy. Têrukô sôi nổi hẳn lên, lúm đồng tiền hiện rõ trên đôi má, cô say sưa kể chuyện thậm chí không bỏ lỡ dịp để kể cả về những con gà mà bây giờ cô vẫn còn nuôi. Xiunkiti ngậm thuốc lá trong miệng vẽ hài lòng nhìn lên họ, và vẫn như xưa anh chỉ nhếch mép cười.

Vừa lúc đó đứa hầu gái tới, Xiunkiti cầm lấy tập bưu ảnh mà nó đưa tới và sau khi ngồi vào bàn anh viết lia lịa. Đối với Têrukô thì việc đứa hầu gái cũng đi vắng rõ ràng là chuyện bất ngờ.

- Thế có nghĩa là lúc chị tới không có ai ở nhà?

- Phải chỉ có một mình Xiunkiti.

Nôbukô cảm thấy trả lời như vậy nghĩa là làm cho bản thân mình được thanh thản. Lúc ấy, không quay người lại Xiunkiti đã nói:

- Hãy cảm ơn chồng em đi! Anh phải tự tay pha trà nữa kia đấy!

Têrukô lại đưa mắt nhìn chị gái và cười tinh nghịch. Song cô không có ý định trả lời chồng.

Sau đó Têrukô cùng với chị gái và chồng ngồi ăn tối. Têrukô giải thích rằng món trứng bày trên bàn ăn là trứng của những con gà riêng. Xiunkiti khi tiếp rượu hoa quả cho Nôbukô đã diễn tả những tư tưởng khác nhau với tinh thần của người theo chủ nghĩa xã hội, đại loại như: "Cuộc sống của con người được tạo nên trên sự cướp bóc. Bắt đầu ngay từ chuyện những quả trứng này này!" Mặc dù vậy, không còn ngờ vực gì là trong số ba người ở đây Xiunkiti thích món trứng nhất. Têrukô thấy chuyện đó lý thú và cô phá ra cười một cách hết sức trẻ con. Ngồi ăn tối và tán chuyện Nôbukô bất giác nhớ đến buổi tối buồn bã trong phòng ăn của ngôi nhà nhỏ ở rừng thông xa xôi.

Chuyện trò vẫn không dứt ngay cả sau khi ăn hoa quả tráng miệng. Xiunkiti vui vẻ thoải mái, ngồi bắt chân lên nhau dưới ngọn đèn điện và cho đến khuya vẫn hăng hái tung ra nhiều chuyện nghịch lý thông thường. Sự hùng biện của anh làm Nôbukô như trẻ hơn nữa. Với đôi mắt cháy sáng cô nói:

- Có lẽ tôi sẽ bắt đầu viết.

Lúc đó, thay lời đáp người anh họ trích dẫn câu danh ngôn của Rômi đơ Guốcmông⁽¹⁾. Câu ấy là: "Nàng thơ là đàn bà thể có nghĩa chỉ có đàn ông mới có thể quyến rũ được họ". Nôbukô và Têrukô đều không muốn thừa nhận uy tín của Guốcmông.

- Vậy không một ai ngoài phụ nữ là trở thành nhạc công được chăng? Thế mà chính Apôlông lại là một người đàn ông. - Têrukô nghiêm trang nói. Thời gian đã trôi qua theo các câu chuyện như thế, và đêm đã về khuya. Nôbukô phải lưu lại ngủ đêm.

Trước khi đi nằm Xiunkiti đẩy cánh cửa sổ nhỏ ở hành lang bên ngoài, vận bộ đồ ngủ rồi đi ra mảnh vườn nhỏ hẹp và nói trống không chẳng hướng đến ai:

- Ra vườn đi nào! Trăng đẹp mê hồn!

Một mình Nôbukô theo gương anh, cô cởi bỏ tất và đi ghệt. Đôi chân trần đã cảm thấy những giọt sương lạnh.

Trăng treo trên những cành lá của cây trắc bá nhỏ khẳng khiu ở góc vườn. Người anh họ đứng dưới bóng cây nhìn lên bầu trời đêm sáng sủa.

Cỏ mọc um tùm...

Sợ sệt nhìn mảnh vườn không ai chăm nom Nôbukô thận trọng tiến về phía người anh họ. Nhưng anh vẫn chăm chú nhìn bầu trời, chỉ lẩm bẫm:

- Đêm trăng mười ba!

⁽¹⁾ Rômi đơ Guốcmông (1858-1915)- Nhà văn Pháp.

Một vài phút yên lặng kéo dài, sau đó anh lặng lẽ đảo mắt nhìn và nói:

- Chúng ta đi xem chuồng gà đi.

Nôbukô im lặng gật đầu. Chuồng gà đặt đúng ngay góc vườn bên kia. Họ chạm rǎi vai kề vai đi tới đó. Nhưng bên trong chuồng được che bằng vải gai, chỉ thấy những bóng mờ mờ. Nhìn vào trong chuồng Xiunkiti như nghe thấy tiếng thì thảo.

- Chúng nó đã ngủ rồi.

"Những con gà mà người ta lấy trứng..." Bất giác Nôbukô nghĩ thế khi cô đứng trên cỏ.

Khi từ vườn trở về Têrukô đang ngồi bên bàn của chồng đắm chiêu nhìn ngọn đèn. Một con ruồi xanh bò trên chiếc chao đèn...

4

Buổi sáng hôm sau Xiunkiti vận chiếc áo vét tông tốt nhất và sau bữa sáng đã vội vã ra phòng ngoài. Anh phải đến dự buổi lễ cầu hôn nhân một năm ngày mất của một người bạn anh.

- Chị đợi tôi nhé, được chứ? Nhất định tôi sẽ về nhà trước buổi trưa. - Vừa khẳng định thế anh vừa mặc áo khoác ngoài. Nhưng Nôbukô giữ chiếc mũ của anh trong đôi tay xinh xẻo của mình và chị lặng lẽ cười.

Sau khi tiễn chồng Têrukô mời chị gái ngồi bên lò sưởi và tíu tít mời chị uống trà. Họ nói chuyện

nào về xóm giềng, về những ông ký giả đến thăm, về những rạp hát họ đã tới với Xiunkiti mà dường như vẫn muốn nói thêm về một điều gì nữa với vẻ mãn nguyện. Song Nôbukô như chìm đắm vào bản thân mình. Sự tỉnh cô mới nhận ra rằng cô ngồi đó và cố lảng tránh bằng những câu trả lời chẳng có một ý nghĩa nào cả. Cuối cùng điều đó cũng không dấu nổi Nôbukô. Cô lo lắng nhìn khuôn mặt chị gái và hỏi:

- Chị làm sao thế ạ?

Song chính Nôbukô cũng không hiểu chuyện gì đến với cô.

Khi chiếc đồng hồ treo tường điểm mười giờ Nôbukô ngược đôi mắt buồn rầu lên rồi nói:

- Xiunkiti vẫn chưa về.

Nghe những lời ấy Têrukô cũng nhìn lên đồng hồ song đã đáp cộc lốc với giọng tỉnh khô đến lạ thường:

- Vẫn chưa về.

Thế nhưng Nôbukô cứ cảm thấy những lời ấy biểu lộ tính tình của người thiếu phụ tràn đầy tình yêu đối với chồng. Nghĩ thế cô lại thấy trái tim mình rầu rĩ hơn.

- Têrukô hạnh phúc... - Nửa đùa nửa thật Nôbukô nói thế và cúi gằm xuống cổ áo kimono. Song cô cũng không che giấu nổi cái giọng điệu ghen tị thật sự qua những lời nói ấy. Tuy nhiên, với vẻ ngây thơ Têrukô vẫn cười vui vẻ và chỉ làm cho đôi mắt như có vẻ giận dỗi.

- Em sẽ cho chị biết! - Và giờ đây cô lại âu yếm nói thêm vào. - Bởi vì cả chị cũng hạnh phúc. - Những lời này làm cho Nôbukô đau nhói.

Khê khàng gương đôi mí mắt Nôbukô phản đối:

- Em nghĩ thế sao? - Sau khi phản đối cô lại thấy hối hận. Cái nhìn sững sờ của Têrukô trong khoảnh khắc bắt gặp cái nhìn của người chị gái. Trên khuôn mặt cô em gái cũng hiện lên một niềm hối hận đang cố tình che giấu. Nôbukô gắng gượng mỉm cười:

- Chị hạnh phúc vì chính cái điều mà em nghĩ vậy đó.

Lại yên lặng. Ngồi bên dưới chiếc đồng hồ treo tường kêu tích tắc, họ vô tình lắng nghe tiếng sôi sùng sục của chiếc xoong lớn trên bếp lò.

- Phải chăng anh em lại không dịu dàng với chị? - Một lúc sau Têrukô hỏi chị thăm thì vẻ lo sợ. Trong giọng nói của cô rõ ràng có sự đồng cảm. Nhưng vào lúc đó sự thương hại đối với tâm hồn Nôbukô lại là điều đáng căm ghét nhất. Đặt tờ báo lên đầu gối, mặt cúi xuống cô đã không đáp lại điều gì. Cũng như ở Ôxaca trong báo người ta viết về giá gạo.

Lúc này trong phòng ăn yên tĩnh bỗng vang lên tiếng khóc. Nôbukô bỏ tờ báo ra nhìn em gái bên bếp lò đang lấy tay che mặt.

- Không nên khóc em ạ!

Nhưng bất kể lời khuyên của chị Têrukô vẫn không nín. Cảm thấy một niềm vui tàn nhẫn Nôbukô

lặng lẽ nhìn đôi vai run lên của em gái. Sau đó, dường như sợ đứa hầu gái nghe thấy, cô cúi người về phía Têrukô nói nhỏ nhẹ:

- Nếu chị có lỗi thì em bỏ qua cho chị. Nếu chỉ mình em hạnh phúc thì điều đó chị thấy quý giá hơn tất cả. Hoan hô em! Nếu chỉ Xiunkiti yêu Têrukô...

Nôbukô nói như vậy với giọng nói dần dần mềm dịu đi. Têrukô hạ ống tay áo xuống và ngẩng khuôn mặt giàn giụa nước mắt lên. Vượt quá sự chờ đợi, trong đôi mắt cô đã không có vẻ buồn rầu cũng như giận dữ. Con ghen bất trị bùng cháy đã làm khô nước mắt.

- Vì sao chị... vì sao chị tối hôm qua... - Không nói hết câu Têrukô lại lấy tay ôm mặt và khóc nức nở.

Hai ba tiếng đồng hồ sau Nôbukô vội vã đến bến tàu điện và lại lắc lư trên chiếc xe tay của người phu xe. Cả thế giới mà đôi mắt cô nhìn thấy chứa đựng ở chiếc cửa sổ con con hình tứ giác được trở bên thành chiếc xe tay.

Qua khung cửa sổ con con ấy những ngôi nhà nhỏ ngoại ô, những cánh lá úa vàng chậm chạp lùi lại phía sau không để lại dấu vết nào. Chỉ có bầu trời mùa thu lạnh lẽo bị những vạt mây mỏng che phủ là bất động giữa khung cảnh đó.

Nôbukô thấy tâm hồn mình thanh thản. Song vẫn phải cam chịu một cách buồn rầu trước số phận đang đè nặng lên sự thanh thản ấy. Khi cơn ghen qua đi rồi hai chị em lại hòa thuận như xưa. Song cái điều xảy ra đó, bởi vì nó đã xảy ra, vẫn cứ còn đè

nặng lên trái tim Nôbukô. Và khi không chờ người anh họ nữa cô đã lên chiếc xe tay thì trái tim cô lạnh buốt như băng với ý nghĩ là giờ đây cô và em gái sẽ mãi mãi xa lạ nhau.

Bỗng nhiên Nôbukô ngược mắt lên. Qua chiếc cửa sổ con con cô nhìn thấy hình bóng người anh họ cầm chiếc gậy trên tay đang bước đi trên đường phố bản thủ. Trái tim cô rung lên. Dừng xe lại chăng? Hay là cứ đi qua? Cô phải kìm nén để con tim mình khỏi đập mạnh và ngồi trong chiếc xe tay cô do dự mất một hồi. Nhưng khoảng cách giữa cô và Xiunkiti càng ngắn dần.

Anh ta đi chậm chạp dưới ánh sáng yếu ớt trên đường phố đầy ổ gà.

"Xiunkiti" - Suýt nữa thì cô buột miệng thốt lên. Thực ra thì vào giây phút ấy hình bóng quá đối thân thuộc với cô đã ở ngay trong chính chiếc xe tay. Cô vẫn chưa dứt khoát. Và Xiunkiti không ngờ vực gì đã đi qua. Bầu trời mờ ảo, đầy đó rải rác một loạt mái nhà, những cành lá cây úa vàng - qua khung cửa nhỏ chỉ còn những đường phố ngoại ô vắng vẻ.

Và vừa đi trên chiếc xe tay, bằng cả cơ thể mình, cảm thấy được nỗi buồn, bất giác Nôbukô âu sầu nghĩ: "Mùa thu..."

Tháng Tư - 1920

ĐỨA CON BỊ BỎ RƠI

Tại phố Nagaxumitiô ở Axakuxa có một ngôi đền không to lắm mang tên Xinghiôđơđi. Hơn nữa tại đó có một bức tượng gỗ thần Nitirô với câu chuyện sau. Mùa thu năm thứ hai mươi hai thời Mâyđơda một đứa trẻ bị bỏ rơi ở ngay cổng ngôi đền ấy. Chắc là đứa trẻ ấy chưa đầy 1 năm và không có giấy tờ gì nói đến tên tuổi của nó cả. Được quán vào một mảnh lụa cũ màu vàng đứa trẻ nằm tựa đầu lên đôi dép nữ có quai đã sờn.

Vị sư trụ trì ngôi đền Xinghiôđơđi hồi đó là ông già Tamura Xixxô. Vừa đúng lúc ông làm xong buổi lễ sáng thì người gác cổng đứng dưới đi đến chỗ ông và cho hay rằng người ta đã quăng bỏ một đứa trẻ. Vị sư trụ trì đứng xáp mặt với pho tượng Phật, hầu như không nhìn người gác cổng và làm như không hề có chuyện gì cả, ông đáp:

- Ra thế đấy! Thì mang nó lại đây.

Khi người gác cổng rút rề mang đứa trẻ tới, vị sư trụ trì nắm tay đứa trẻ vuốt ve một cách vô tư và nói:

- Thật là một đứa trẻ vinh quang! Đừng khóc nữa! Từ nay ta sẽ nhận con để giáo dưỡng.

Người gác cổng vốn thích vị sư trụ trì và nhiều lần kể chuyện này cho những khách thập phương tới đền khi bán cho họ cành lá hồi hương và nến thắp. Chắc anh chưa biết vị sư trụ trì Nixxô xưa kia đã từng làm thợ nề ở Phukugara nhưng năm mười chín tuổi bị ngã từ trên bực xuống đất đã bất tỉnh và đột nhiên có ý muốn đi tu. Kể cũng kỳ cục thay cho con người thiếu từng trải này.

Vị sư trụ trì gọi tên đứa trẻ bị bỏ rơi là Iunôxkê và bắt đầu nuôi nấng nó như con đẻ. Tôi nói "bắt đầu nuôi nấng", song bởi vì từ hồi cách mạng không có bước chân đàn bà lui tới ngôi đền, nên việc đó dường như là một nhiệm vụ không dễ dàng gì. Chăm sóc nuôi nấng đứa trẻ đều do chính vị sư trụ trì đảm nhiệm vào thời gian rỗi sau khi tụng kinh niệm Phật. Có lần Iunôxkê bị ốm, có lẽ là bị cảm, vào đúng lúc ông đang làm lễ cầu siêu cho một tín đồ nổi tiếng là Kaxinô Nixitaxa. Vị sư một tay áp lên ngực nóng hổi của đứa trẻ tay kia lần chuỗi tràng hạt bằng pha lê và điếm tĩnh tụng kinh như mọi khi.

Tuy nhiên vị sư vốn nhạy cảm và với tất cả sự can đảm mãnh liệt của mình vẫn ngấm ngấm nuôi dưỡng ý nghĩ nếu có thể được sẽ tìm ra cha mẹ đẻ của đứa trẻ. Khi nhà sư bước lên bực giảng giải kinh kệ - bây giờ ta có thể nhìn thấy trên chiếc cột ngoài cổng đền tám biển cũ với dòng chữ: "Buổi truyền giáo ngày mười sáu hàng tháng" - ông dẫn

ra những ví dụ ở thời cổ xưa Nhật Bản, Trung Quốc và nhiệt thành nói ra rằng không thể quên được tình thương yêu của cha mẹ mình có nghĩa là biểu lộ niềm biết ơn với đức Phật. Nhưng rồi các buổi truyền giáo cứ lần lượt trôi qua mà vẫn không có một ai xuất hiện và tự xưng là cha hoặc mẹ của đứa trẻ bị bỏ rơi. Chỉ có mỗi một lần khi Iunôxkê ba tuổi có một người đàn bà nói rằng bà ta là mẹ của đứa trẻ. Nhưng rõ ràng bà ta có ý định muốn lợi dụng đứa trẻ bị bỏ rơi để làm việc không tốt. Bởi vì sau khi gạn hỏi cận kề người ta phát hiện ra bà ta rất đáng ngờ và vị sư đã phát khùng quở mắng thậm tệ gần như lấy tay tống cổ bà ta ra khỏi cửa.

Và thế là đã tới mùa đông năm thứ hai mươi bảy thời Mâyđoda khi có tin đồn đại khá dữ dội về cuộc chiến tranh Nhật Bản - Trung Hoa; đúng vào ngày mười sáu, ngày truyền giáo thường kì khi vị sư trụ trì trở về phòng riêng thì một người đàn bà kiêu diễm trạc băm tư, băm năm tuổi bước vào theo ông. Tại phòng riêng cậu bé Iunôxkê đang lau quét ở bên cạnh chiếc bếp lò đã đặt xoong ở trên. Sau khi nhìn thấy đứa trẻ, người đàn bà không hề chuẩn bị gì cả đã chấp tay cầu xin vị sư và quả quyết nói: "Tôi là mẹ của đứa trẻ này". Dĩ nhiên vị sư rất đổi kinh ngạc, một hồi lâu vẫn không đủ sức, thậm chí chỉ để chào hỏi bà ta. Song người đàn bà không còn chú ý đến ông cứ dán mắt nhìn chiếc chiếu trên sàn y như để học thuộc lòng - dù những nỗi xúc động trong tâm hồn bà thể hiện tất cả trên nét mặt - bà ta biểu lộ lòng biết ơn về sự

giáo dưỡng đứa trẻ cho đến tận hôm nay một cách cung kính, lễ phép.

Việc đó kéo dài một lúc lâu cho đến khi nhà sư giờ chiếc quạt nan đỏ lên bắt bà thoát tiên phải kể xem vì sao lại bỏ rơi con mình. Lúc ấy, vẫn như trước, không rời mắt khỏi tấm chiếu, bà ta kể lại câu chuyện sau.

Năm năm trước chồng bà ta mở cửa hàng gạo tại phố Tavaramati ở Axakuxa. Song chưa kịp thu món lãi đầu tiên ông ta đã tiêu phí đi cả cơ nghiệp của mình và khi ấy họ quyết định lặng lẽ rút về Iôkôgama. Nhưng chỉ có mỗi đứa trẻ họ sinh ra là trói buộc chân tay họ. Thêm vào đó chẳng may người mẹ lại hoàn toàn mất sữa, vì thế buổi tối hôm ấy, trước khi rời Tôkiô hai vợ chồng nước mắt đầm đìa đã bỏ đứa con ở ngay cổng đền Xinghiôdôdi.

Sau đó nhờ giúp đỡ của một người mới quen, thậm chí hai vợ chồng họ không phải đi tàu cũng đến được Iôkôgama. Người chồng làm việc tại xưởng đóng xe tay, người vợ làm ở cửa hiệu, cả hai đã làm việc suốt hai năm ròng không ngơi nghỉ. Dần dà số phận đã mỉm cười với họ, chỉ đến mùa hè năm thứ ba ông chủ xưởng đóng xe tay đánh giá cao sự làm việc tận tụy của người chồng đã trao cho ông ta điều hành một chi nhánh nhỏ mới mở cách đó không lâu ở phố Ômôtôdôri thuộc quận Khômmôkuxen. Cũng cần nói thêm là bấy giờ người vợ đã thôi làm việc ở chỗ của mình và bắt đầu sống với chồng.

Công việc ở chi nhánh cũng diễn ra khá sôi động. Ngoài ra tới năm sau đó họ sinh được một cậu

con trai. Dĩ nhiên vào thời gian ấy những hồi ức cay đắng về đứa con bỏ rơi cũng đã làm xao xuyến đáy sâu tâm hồn họ. Đặc biệt là ở người mẹ, khi bà ta cho đứa con thơ đại ngậm vào bầu vú quá ít sữa của mình, bao giờ bà cũng nhớ rõ môn một cái buổi chiều họ rời Tôkiô ra đi. Nhưng công việc ở xưởng nhiều, đứa trẻ lớn lên từng ngày một. Họ cũng đã ít nhiều có tiền tiết kiệm gửi nhà băng. Công việc chạy và dù sao chẳng nữa thì đôi vợ chồng lại có khả năng sống một cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Nhưng họ may mắn không được bao lâu. Họ chưa kịp vui mừng thì mùa xuân năm thứ hai mươi bảy người chồng mắc bệnh thương hàn, nằm liệt chưa đầy một tuần lễ ông đã qua đời. Ví như chỉ riêng điều đó thôi, hẳn là người vợ cũng có thể cam chịu với số phận, song lại có một điều không thể nào an ủi nổi ấy là sau khi chồng mất chưa đầy một trăm ngày, đứa con trai họ mong đợi từ lâu ấy đột nhiên chết vì bệnh kiết lỵ. Lúc đó suốt ngày đêm người đàn bà khóc nức nở như người mất trí. Không, không phải chỉ trong thời gian đó. Hầu như suốt nửa năm trời bà ta như người mất hồn.

Khi nỗi đau khổ nguôi đi thì điều đầu tiên được bùng lên trong tâm hồn bà là ý nghĩ được nhìn thấy đứa con đầu lòng bị bỏ rơi ấy. "Nếu như đứa con đó còn sống và khỏe mạnh mình sẽ nhận về và tự nuôi dưỡng nó cho dù có phải cực nhọc đến đâu chẳng nữa". Bà nghĩ và nóng lòng sốt ruột. Ngay lúc bấy giờ bà đã lên tàu và vừa đặt chân tới Tôkiô vốn rất đáng yêu đối với bà, bà lập tức tìm đến

cổng đền Xinghiôđôđi cũng rất đôi yêu thương đôi với trái tim bà.

Chuyện đó xảy ra vào đúng hôm mười sáu, ngày truyền giáo.

Bà ta muốn đi ngay tới nơi ở của nhà sư để hỏi xem đứa trẻ đang ở nhà người nào. Nhưng chừng nào buổi truyền giáo chưa xong tất nhiên bà không thể gặp mặt nhà sư được. Do đó, đau khổ vì nóng lòng sốt ruột bà đã trà trộn vào đám thiện nam tín nữ chật ních trong đền vô tình nghe buổi truyền giáo của nhà sư Nixxô, hoặc nói đúng hơn để chờ đợi cho xong buổi truyền giáo.

Còn ngày hôm ấy, sau khi kể câu chuyện về bà Hoa Sen gặp năm trăm đứa con của mình nhà sư đã thuyết giảng thấu đáo về sự thiêng liêng của tình mẫu tử. Bà Hoa Sen đã lấy ra năm trăm trứng. Số trứng ấy trôi theo dòng nước đến với hoàng đế nước láng giềng. Năm trăm tráng sĩ được sinh ra từ số trứng ấy không biết bà Hoa Sen là mẹ nên đã tấn công vào lâu đài của bà. Bà Hoa Sen đã leo lên tháp cao của tòa lâu đài mà nói: "Ta là mẹ của tất cả các con. Bằng chứng đây". Rồi bà vạch vú ra và lấy bàn tay đẹp của mình bóp lại. Sữa như những tia từ năm trăm nguồn ở ngực bà, người đang đứng trên tháp cao, đã phun tới miệng năm trăm tráng sĩ. Câu chuyện ngụ ngôn ấy ở Ấn Độ đã gây cho người dân bà bất hạnh đang lơ đãng nghe buổi truyền giáo một ấn tượng hết sức mạnh mẽ. Vì thế ngay sau khi buổi truyền giáo vừa xong bà ta không lau nước mắt, bước ra khỏi đền và vội vã đi theo hành lang để tìm nhà sư.

Sau lúc gạn hỏi cận kề nhà sư Nixxô gọi Iunôxkê đang ngồi bên bếp lò và dẫn nó ra gặp gỡ người mẹ sau năm năm trời xa cách mà đứa trẻ chưa hề biết mặt. Dĩ nhiên nhà sư hiểu rằng người đàn bà đó không nói dối. Nắm lấy tay Iunôxkê, bà đã dùng hết sức mình kìm tiếng khóc, còn ở nhà sư cao thượng kia thì cùng với nụ cười là những giọt nước mắt lấp lánh trên hai má.

Còn chuyện gì xảy ra sau đó chẳng cần tôi phải kể anh cũng biết được. Iunôxkê cùng với mẹ trở về Iôkôgama. Sau khi chồng và con chết, theo đề nghị của ông chủ xưởng xe tay vốn đầy lòng thông cảm cùng với bà vợ ông ta, người mẹ ấy đã dạy may, và như vậy dù là eo hẹp song bà ta cũng kiếm sống nổi mà không quá nặng nhọc.

Sau khi kể xong câu chuyện dài trên, vị khách tới thăm liền cầm lấy chiếc chén đặt trước mặt. Song ông vẫn không chạm môi, vừa nhìn lên tôi vừa nhỏ nhẹ nói thêm:

- Đứa con bị bỏ rơi đó chính là tôi.

Tôi lặng lẽ gạt đầu và rót nước vào ấm trà. Câu chuyện về đứa con bị bỏ rơi xúc động biết bao. Đó là chuyện thuở ấu thơ của anh bạn Maxubara Iunôxkê mà tôi đã phỏng đoán từ lâu mặc dù đây là lần đầu tiên được gặp mặt anh ấy.

Sau một vài giờ yên lặng tôi hỏi khách:

- Bà cụ thân sinh ra anh chắc vẫn mạnh khỏe chứ?

Và tôi đã nhận được một câu trả lời thật bất ngờ:

- Không, bà ấy đã mất năm ngoái. Nhưng mà...

người đàn bà tôi vừa kể cho anh nghe lại không phải là mẹ đẻ của tôi.

Nhận thấy tôi sững sốt vị khách mỉm cười bằng đôi khoé mắt:

- Chuyện chồng bà ấy có cửa hàng gạo tại Tavaramati ở Axakuxa cũng như việc ông ta rời đến Iôkôgama rồi làm việc ở đấy, tất cả những chuyện đó dĩ nhiên đúng là sự thật. Nhưng về sau tôi mới biết câu chuyện họ đã bỏ một đứa con là chuyện bịa. Một năm trước khi mẹ mất vì công việc của cửa hàng - anh biết đấy, tôi buôn sợi bông - tôi phải ra vùng ngoại ô Niigata và có lần ở trên tàu tôi đã gặp anh chàng buôn bao bì đã từng có thời kỳ sống bên cạnh ngôi nhà mẹ tôi ở phố Tavaramati. Tôi không hề gợn hỏi gì, anh ta vẫn kể rằng khi đó mẹ tôi có sinh một đứa con gái và nó đã bị chết trước khi phải đóng cửa hàng. Sau khi trở về Iôkôgama tôi đã lên lút xem trộm gia phả và thực tế đúng như anh chàng buôn bao bì nói, hồi sống ở phố Tavaramati bà đã sinh một đứa con gái. Đến tháng thứ ba thì nó chết. Để giành lấy tôi vốn không phải là con đẻ của mình bà đã bịa đặt ra câu chuyện về đứa trẻ bị bỏ rơi. Và sau đấy trong vòng hơn hai mươi năm chăm sóc tôi dường như bà đã quên cả ăn lẫn ngủ. Vì lý do nào mà bà giành lấy tôi thì cho đến tận bây giờ nghĩ bao lâu đi nữa tôi vẫn không hiểu được. Song nguyên nhân giống như thật nhất là tôi hình dung ra - tuy tôi không rõ liệu điều đó có phải là có trên thực tế không - ấy chính cái là buổi truyền giáo của nhà sư Nixxô đã gây nên trong tâm hồn

người mẹ mất cả chồng lẫn con một ấn tượng hết sức mạnh. Có lẽ là như vậy. Còn cái chuyện người ta quăng bỏ tôi ở trước cổng đền thì chắc hẳn bà ấy biết được nhờ những người hành hương đến nghe giảng đạo. Hoặc giả là bà ấy được người gác cổng đền kể cho nghe.

Vị khách của tôi yên lặng một lúc rồi như vừa chợt tỉnh, với vẻ mặt đăm chiêu anh bắt đầu uống trà.

- Còn anh, anh có kể cho bà ấy rằng anh không phải là con đẻ của bà, rằng anh biết chuyện anh không phải là con của bà ấy không?

Tôi không thể nào kìm giữ nổi câu hỏi ấy.

- Không, tôi không kể. Điều đó là quá nhẫn tâm đối với một người mẹ. Còn bà thì cho đến tận lúc qua đời, bà cũng không hé một lời nào về chuyện đó cho tôi hay. Chắc hẳn bà cũng nghĩ rằng nói ra thì thật là tàn nhẫn đối với tôi. Và quả là trên thực tế thì tình cảm của tôi đối với bà sau khi tôi biết mình không phải là con bà cũng có phần thay đổi.

- Theo nghĩa nào kia?

Tôi chăm chú nhìn lên đôi mắt người khách.

- Tình cảm ấy còn nồng nhiệt hơn xưa kia. Bởi lẽ kể từ khi tôi biết rõ mọi chuyện thì bà đối với tôi, một đứa con bị bỏ rơi, lại còn hơn cả một người mẹ - vị khách dịu dàng nói.

Dường như anh ta không biết chính anh đối với bà ấy còn hơn là một người con.

TRONG RỪNG TRÚC

LỜI KHAI CỦA BÁC TIÊU PHU
TRONG CUỘC HỎI CUNG CỦA QUAN TÒA

Vâng! Tôi đã thấy xác chết. Cũng như mọi khi, sáng hôm nay tôi đi sâu vào rừng để đốn gỗ. Và thế là dưới chân núi ở rừng hình như có một xác chết. Ở chỗ nào nhỉ? Cách con đường đến Iamaxina mà xe cộ đi lại được khoảng chừng bốn - năm *tiô*⁽¹⁾. Đó là một nơi vắng vẻ, chỉ có trúc mọc xen lẫn các cây thông xanh non.

Trên xác chết có chiếc *xuikan* màu xanh da trời, và chiếc mũ *ébôxi* đã sờn là những thứ mà người ta ăn vận trong kinh đô: anh ta nằm ngửa. Trên thi thể có mỗi một vết thương, thế nhưng vết thương lại ở giữa ngực, nên những lá trúc khô quanh đó đúng là thấm đẫm màu son. Không, máu đã không chảy nữa. Máu ở vết thương đã đông lại. Và còn điều này nữa: chẳng hề sợ hãi bước chân tôi đi, một

⁽¹⁾ Tiô: đơn vị đo chiều dài bằng 109m.

con ruồi trâu còn đậu trên vết thương để hút máu. Tôi cũng không rõ là có thanh kiếm hoặc một cái gì đại loại như thế không? Không, ở đó không có gì cả. Chỉ ở bên thân cây thông; gần chỗ xác chết, có dây thừng vương vãi. Và còn cả... vâng, vâng, ngoài dây thừng còn có cái lược, đó là tất cả những đồ vật ở bên cạnh xác chết - chỉ có hai thứ đó thôi. Nhưng cỏ và lá rụng xung quanh thì bị giẫm nát tơi bời - chắc hẳn người bị giết không chịu mất mạng một cách dễ dàng. Có phải là không có ngựa không nhỉ? Vâng, không có một con ngựa nào đi tới đó cả. Con đường ngựa đi xa hơn một chút. Ở phía sau khu rừng kia.

LỜI KHAI CỦA VỊ TU SĨ HÀNH HƯƠNG TRONG CUỘC HỎI CUNG CỦA QUAN TÒA

Tôi đã gặp người bị giết vào buổi chiều. Buổi chiều... mà hình như là lúc giữa trưa. Ở đâu nhỉ? Trên con đường từ Xêkiiama tới Iamaxina. Anh ta cùng với người đàn bà ngồi trên ngựa đi về hướng Xêkiiama. Người đàn bà đội mũ rộng vành có khăn voan choàng mặt, vì thế tôi không nhìn thấy khuôn mặt của cô ta. Chỉ thấy chiếc áo dài lụa có thêu hoa *khagi*. Con ngựa màu hung, bồm bị cắt ngắn. Còn tầm vóc ư? Có lẽ cao hơn bình thường khoảng bốn *xun*⁽¹⁾. Bởi vì tôi là nhà tu hành, nên tôi kém am

⁽¹⁾ Xun: 3,3 cm

hiếu những chuyện này. Còn người đàn ông... Vâng, anh ta có thanh kiếm đeo ở thắt lưng, có cung và tên ở phía sau lưng. Cả lúc này đây, tôi vẫn còn nhớ rõ là cái bao đựng tên sơn đen, có thoi ra khoảng vài chục mũi tên.

Đến ngay trong mơ, tôi cũng không thấy được anh ta lại chết như vậy. Thật ra thì đời con người ta cũng biến mất nhanh như một giọt sương, một tia chớp. Ôi ôi, không thể nào nói hết được nỗi tiếc thương bằng lời được.

LỜI KHAI CỦA NGƯỜI GÁC RỪNG TRONG CUỘC HỎI CUNG CỦA QUAN TÒA

Con người mà tôi bắt được là người như thế nào ấy à? Đó chính là tên cướp khét tiếng Tátdiômmaru. Tôi tóm được hắn lúc hắn ngã ngựa và nằm ở chiếc cầu đá gần Avađaguti. Đó là vào lúc nào nhỉ? Tối hôm qua vào phiên gác đầu. Lần trước đó, khi suýt nữa tôi tóm được hắn, thì hắn cũng có chiếc *xuikan* xanh như thế, và có kiếm đeo ở thắt lưng. Còn đến lần này, như các vị biết đấy, hình như hắn có cả cung và tên. Thế nào nhỉ? Đó đúng là thứ mà người bị giết có ư? Vậy thì trong trường hợp này đích thị là tên Tátdiômmaru đã giết người, không còn gì phải ngờ vực. Cung tên bọc da, bao đựng cung tên sơn đen, mười bảy mũi tên bằng lông điều hâu. Tất cả những thứ đó chắc là của người bị

giết. Vâng, còn con ngựa thì như các vị đã nói, màu hung có bờm bị cắt ngắn. Cũng đáng đời cho hần khi con ngựa hất hần xuống đường, rồi nó đi gặm cỏ ven đường ở gần cầu, dây cương còn kéo theo sau.

Chính cái tên Tátdiômmaru này khác hần những tên cướp khác lai vãng tới kinh đô là do hần mê gái. Các vị chắc còn nhớ là hồi năm ngoái, ở trên đồi sau đền Akitôribê thờ Binduru, một người đàn bà có đứa con gái nhỏ, rõ ràng là đi hành hương, đã bị giết hại? Người ta nói là chính do tay hần ta. Vậy người đàn bà ngồi trên con ngựa hung, - nếu hần giết người đàn ông, thì cô ta phải đi đâu, và chuyện gì xảy ra với cô ta? Tôi không rõ. Xin lỗi quý vị, tôi đã can thiệp vào chuyện này, song có lẽ cần phải theo dõi sự việc đó.

LỜI KHAI CỦA BÀ GIÀ TRONG CUỘC HỎI CUNG CỦA QUAN TÒA

Vâng, đó là xác chính con người đã lấy con gái tôi. Chỉ có điều không phải nó là người thủ đô. Nó là võ sĩ ở Kôkuphu Vakaxa. Nó tên là Kanatdava Takêkhirô, khoảng hai mươi sáu tuổi. Không, nó không thể nào gây thù chuốc oán với ai cả - tính tình nó rất lành.

Còn con gái tôi ư? Cháu tên là Maxugô, mười chín tuổi. Nó can đảm chẳng kém gì đàn ông. Trước khi lấy Takêkhirô, cháu chưa hề yêu ai. Cháu có

nước da ngăm ngăm, đuôi mắt trái có nốt ruồi, khuôn mặt nhỏ, dài.

Hôm qua Takêkhirô và con gái tôi đến Vakaxa. Chẳng biết tội tình gì mà tai vạ ghê gớm thế lại đổ xuống đầu chúng tôi! Con tôi có việc gì không? Với chàng rể thì tôi cũng đành phải theo số mệnh thế, nhưng tôi hết sức lo lắng cho số phận con gái tôi. Tôi là một người già cả, tôi xin cầu mong các vị vì tất cả sự thiêng liêng cao cả hãy tìm kiếm khắp rừng rú, đồng cỏ cho kỳ được con gái tôi! Còn cái tên độc ác, tên kẻ cướp Tátđiômmaru thật đáng chết! Không chỉ chàng rể, mà còn cả con gái tôi... (Bà già khóc và không đủ sức nói lời nào nữa).

TÁTDIÔMMARU THÚ NHẬN

Tôi đã giết người đó. Nhưng tôi không giết người đàn bà. Còn cô ta đi đâu ư? Điều này thì tôi không biết. Khoan đã! Cho dù các vị có tra tấn tôi đến đâu đi nữa, thì tôi cũng không thể nào nói được điều mà tôi không biết. Hơn nữa chuyện đã vỡ lở, tôi sẽ không sợ sệt và sẽ không giấu giếm điều gì cả.

Tôi gặp người đàn ông và vợ anh ta hôm qua, vào lúc quá trưa một chút. Đúng cái lúc đó có cơn gió nổi lên và tấm khăn voan tung lên, trong khoảnh khắc, khuôn mặt cô ta thoáng hiện ra. Chỉ một khoảnh khắc khuôn mặt hiện ra rồi lại được che lại ngay lập tức và có lẽ một phần nào khuôn

mặt cô ta đối với tôi như khuôn mặt thiên thần. Và thế là đúng lúc ấy tôi quyết định phải đoạt được người đàn bà này, cho dù có phải giết chết người đàn ông đi nữa.

Đối với các vị, điều đó kinh khủng quá phải không? Chuyện vặt vãnh mà, giết một người đàn ông là việc bình thường thôi! Khi người ta muốn chiếm đoạt người đàn bà, bao giờ người ta cũng giết người đàn ông. Chỉ có điều tôi thì giết bằng kiếm đeo ở thắt lưng, còn các vị không mượn đến kiếm thì các vị giết bằng quyền thế, tiền bạc và đôi khi chỉ đơn giản là bằng những lời xu nịnh, xúc xiểm. Thực ra, trong trường hợp ấy, máu không đổ nhưng người đàn ông chỉ còn cái xác không hồn - và như thế dù sao các vị cũng đã giết chết anh ta rồi. Và nếu như suy ngẫm thì tội lỗi của ai nặng hơn - của các vị hay của tôi - ai mà biết được, phải không nào? (cười mai mỉa).

Song điều đó không có nghĩa là tôi không hài lòng nếu đoạt được người đàn bà mà không giết người đàn ông. Và đúng lần này thì tôi đã dứt khoát quyết định đoạt lấy người đàn bà mà không gây án mạng. Chỉ có điều là trên con đường xe cộ qua lại đông như thế thì mưu kế tôi không thể thực hiện được. Do đó, tôi đã nghĩ cách nhử cả hai người vào sâu trong rừng rậm.

Điều đó dường như không khó khăn. Tôi tiến đến chỗ họ như một người bạn đường tình cờ và kể cho họ nghe rằng ở phía đối diện trước mặt, ở trên núi có một ngôi mộ cổ mà tôi đã đào lên và tìm thấy

nhiều gương⁽¹⁾ kiếm, và tôi đã vùi tất cả các thứ đó vào cánh rừng ven núi để không một ai biết, và nếu như tìm được một người nào đó mong muốn thì tôi sẽ bán rẻ cho họ bất cứ thứ gì. Dần dà người đàn ông xiêu xiêu ngã theo lời tôi nói. Các vị nghĩ thế nào! Sự tham lam quả là đáng sợ! Chưa đầy nửa giờ sau, họ quay ngựa và cùng với tôi đi theo con đường mòn đến núi.

Khi chúng tôi đến cánh rừng thưa, tôi nói rằng các thứ đó tôi giấu ở tận chỗ rừng rậm kia, và đề nghị họ tới xem. Với lòng tham lam của mình, tất nhiên người đàn ông không phản đối. Song người đàn bà nói cô ta sẽ không xuống ngựa và sẽ chờ. Về phía cô ta thì đó là quyết định tỉnh táo, bởi vì cô ta nhìn thấy cánh rừng rất rậm rạp. Mọi việc trôi chảy, tôi đưa người đàn ông vào khu rừng rậm, bỏ người đàn bà ở lại một mình.

Ở phía bìa rừng chỉ có độc trúc và trúc. Thế nhưng khi chúng tôi đi thêm khoảng nửa *tô* nữa thì đã đầy thông. Tôi nghĩ thật khó mà tìm được chỗ nào thuận tiện hơn chỗ này. Vừa rẽ cành lá, tôi vừa kể một câu chuyện y như thật, rằng cái kho báu ấy ẩn dưới gốc cây thông. Nghe tôi nói, người đàn ông vội vã tiến về phía trước đến chỗ có mấy cây thông mảnh khảnh. Trúc đã thưa hơn, chỉ còn những cây thông, và lúc đó bất ngờ tôi đâm bổ đến anh ta, đè anh ta ngã xuống đất. Và ngay lập tức dường như anh ta gắn ngay vào thân cây. Dây

⁽¹⁾ Gương thời cổ bằng kim khí, thường là bằng đồng.

thùng dẫu? Tên cướp nào mà lại không sẵn dây thùng cơ chứ? Dây thùng tôi có ở thắt lưng - Bởi vì bao giờ cũng cần cho tôi để còn vượt qua rào rậm mà. Dĩ nhiên để anh ta không thể kêu lên được, tôi đã nhét đầy lá trúc vào mồm và thế là mọi việc với anh ta coi như ổn.

Xong việc với người đàn ông, tôi quay lại chỗ người đàn bà và nói với cô ta rằng người bạn đường của cô ta bỗng nhiên bị mệt và cô cần phải đến xem anh ta thế nào. Chẳng cần phải nói thì cũng rõ là tôi sẽ đạt được ý đồ của mình.

Cô ta nhắc chiếc mũ rộng vành của mình ra, không buông tay tôi và đi vào sâu trong rừng. Nhưng khi chúng tôi đến chỗ người chồng cô bị trói vào cây, thì chỉ vừa nhìn thấy anh ta là cô đã đưa tay vào trong áo và lôi ra một con dao găm. Chưa bao giờ tôi gặp phải một người đàn bà can đảm và dũng mãnh đến thế. Nếu như tôi không cảnh giác thì chắc chắn đã bị một nhát dao vào bụng. Tôi đã tránh được nhưng cô ta đã đâm rất dữ dội không cần biết vào đâu cả.

Chẳng phải ngẫu nhiên mà tôi lại là Tátđiôm-maru dẫu - bởi vì rốt cục, tôi không cần phải rút kiếm mà vẫn giật được con dao găm từ tay cô ta. Mà một khi không có vũ khí, thì một người đàn bà can đảm nhất cũng không thể làm gì được nữa. Và thế là, cuối cùng như tôi muốn, tôi đã đoạt được người đàn bà mà không phải sát hại người đàn ông.

Vâng, tôi đã không sát hại người đàn ông. Và

ngay cả sau đó tôi cũng không định giết anh ta. Nhưng khi tôi muốn ẩn nấp ở trong rừng, bỏ mặc người đàn bà già giữa nước mắt, thì đột nhiên cô ta nắm chặt lấy tay áo tôi, vừa thở hổn hển vừa thét lên: "Hoặc là ông phải chết, hoặc là chồng tôi... Ai trong số hai người phải chết... Bị nhục trước mặt hai người đàn ông thì còn tồi tệ hơn cả cái chết... Một trong hai người phải chết... và tôi sẽ đi theo người nào sống". Chỉ đến lúc đó tôi mới muốn giết người đàn ông. (Xúc động buồn bã).

Bây giờ khi tôi kể cho các vị biết chuyện đó, chắc hẳn các vị cho tôi là một kẻ hung ác. Các vị cảm thấy thế, vì các vị chưa nhìn thấy khuôn mặt người đàn bà này. Bởi vì các vị chưa nhìn thấy đôi mắt bốc lửa của cô ta. Khi nhìn thấy cái nhìn đó của cô ta, thì một khát vọng bao trùm lấy tôi là phải biến cô ta thành vợ mình, cho dù sấm sét có đánh tôi chết ngay tại chỗ. Phải biến cô ta thành vợ mình - trong đầu tôi chỉ có một ý nghĩ đó thôi. Không, đó không phải là dục vọng bản thủ như quý vị nghĩ đâu. Ví thử chỉ đơn thuần là dục vọng thì hẳn là tôi đã cho người đàn bà một cú đá rồi chuồn đi. Và khi đó thì hẳn là người đàn ông sẽ không phải nhuộm máu cho thanh kiếm của tôi. Nhưng trong khoảnh khắc vào lúc bóng chiều chạng vạng, nhìn vào khuôn mặt người đàn bà, tôi đã quyết định sẽ không rời khỏi nơi đó khi chưa giết chết anh ta.

Tuy rằng tôi đã quyết định giết anh ta, song tôi không muốn giết một cách hèn hạ. Tôi đã cõng trời cho anh ta và nói: "Chúng ta sẽ đấu kiếm với nhau".

Dây thừng mà quý vị thấy ở bên cạnh gốc cây chính là dây thừng mà tôi đã quăng đi đấy. Người đàn ông với khuôn mặt méo mó đã rút chiếc gươm nặng nề ra và ngay lập tức không hề cầu nguyện một lời nào, đã hung dữ lao vào tôi. Kết cục trận đấu ra sao thì khỏi cần phải nói. Đến lần vung gươm thứ hai mươi ba, kiếm của tôi đã đâm trúng ngực anh ta. Đến lần vung gươm thứ hai mươi ba, xin quý vị đừng quên điều đó! Cho đến lúc này tôi vẫn còn kinh ngạc: trên thế gian này chỉ có anh ta là người duy nhất có thể vung gươm đến hai mươi lần độ sức với tôi (cười vui vẻ).

Ngay sau khi anh ta ngã xuống, với thanh kiếm nhuốm máu trong tay, tôi đã quay lại chỗ người đàn bà. Nhưng, xin quý vị hãy tưởng tượng xem, không thấy cô ta đâu cả. Tôi đã đi tìm khắp các hàng cây. Nhưng trên các lớp lá trúc rơi xuống chẳng có một dấu vết nào cả. Còn khi đó, tôi cố lắng nghe thì chỉ thấy tiếng kêu hấp hối trong cổ họng người đàn ông.

Có lẽ khi chúng tôi đang đấu kiếm, người đàn bà luôn ra khỏi rừng để đi cầu cứu chẳng? Chỉ đến khi ý nghĩ ấy nảy ra trong đầu tôi mới nghĩ tới sinh mạng mình. Tôi vợ lấy kiếm, cung, tên ở bên cạnh người bị giết và lao về chỗ con đường mòn lúc trước. Ở đó, con ngựa của người đàn bà đã ung dung gặm cỏ. Nếu nói về những chuyện xảy ra sau đó, có nghĩa là phí lời một cách vô ích. Chỉ có điều: trước khi vào thủ đô, tôi không có gươm. Và đó là tất cả những điều thú nhận của tôi. Xin quý vị hãy bắt tôi

phải chịu hình phạt khốc liệt nhất - bởi vì bao giờ thì tôi cũng biết rằng sẽ đến một lúc nào đó, cái đầu của tôi sẽ phải nhô lên trên đỉnh cây cột mà (về mặt thách thức).

LỜI THÚ TỘI CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ Ở NGÔI ĐỀN KHÔMIDU

Sau khi chiếm đoạt được tôi, gã đàn ông đó hốt hải quay về phía chồng tôi đang bị trói, rồi cười sằng sặc chế nhạo. Hẳn là chồng tôi phải đau khổ lắm! Cho dù chồng tôi có quấy đạp đến đâu thì chiếc thừng trói anh ấy cũng chỉ siết chặt thêm vào người thôi. Không hiểu sao tôi muốn chạy lại chỗ anh ấy. Nhưng vừa định đứng dậy, gã đàn ông đã đạp tôi ngã xuống đất. Trong giây lát ấy, tôi nhìn thấy đôi mắt chồng tôi một tia sáng, không thể nào tả nổi. Không thể nào tả được thậm chí cả đến bây giờ khi nhớ lại đôi mắt đó, tôi vẫn thấy cả người mình run lên, không sao kìm giữ nổi. Tôi không đủ sức nói lên dù chỉ một lời, còn chồng tôi lúc đó thì bực lộ tất cả tấm lòng mình trong cái nhìn. Nhưng đôi mắt ấy biểu lộ không phải nổi tức giận, cũng không phải sự đau khổ - mà trong đôi mắt ấy chỉ ánh lên vẻ khinh bỉ lạnh lùng đối với tôi. Vâng, đúng là đôi mắt đó đã biểu lộ điều ấy! Chẳng phải vì cú đẩy của gã đàn ông nọ, mà chính vì nỗi hoảng sợ trước cái nhìn ấy, tôi như không nhớ ra mình, tôi đã thét lên và bất tỉnh.

Khi tỉnh lại thì gã đàn ông trong bộ áo xanh đã không còn ở đấy nữa. Chỉ còn mỗi mình chồng tôi vẫn bị trói vào thân cây thông mà thôi. Khó nhọc lắm, tôi mới đứng lên được trên lớp lá trúc rụng và nhìn chằm chằm vào mặt chồng tôi. Nhưng cái nhìn của anh ấy vẫn không thay đổi một chút nào. Đôi mắt anh ấy vẫn như trước, chỉ biểu lộ khinh bỉ lạnh lùng và sự căm ghét ngấm ngấm. Tôi không biết nói sao về tình cảm tôi lúc đó... cả hổ thẹn, cả buồn rầu, cả giận dữ... Tôi lão đảo đứng dậy và tiến về phía chồng tôi.

"Anh hãy nghe đây! Sau chuyện xảy ra vừa rồi, em không thể nào sống với anh được nữa. Em quyết định em chết đi. Nhưng, nhưng cả anh cũng phải chết. Anh đã thấy nỗi nhục của em. Sau chuyện này, em không thể nào để cho anh sống đâu. Đó là những điều tôi đã nói với chồng tôi, cho dù thật khó khăn. Nhưng vẫn như trước, chồng tôi nhìn tôi với vẻ kinh tởm. Kim nén nỗi xúc động có thể làm lồng ngực tôi muốn nổ tung, tôi bắt đầu tìm thanh kiếm của anh ấy. Song, có lẽ tên cướp đã cuỗm hết - không chỉ kiếm, mà ngay cả cung và tên cũng không thấy đâu trong khoảng rừng ấy. May thay, chỉ còn con dao găm lẫn lóc dưới chân tôi. Tôi cầm con dao găm và nói với chồng tôi một lần nữa: "Bây giờ em sẽ giết anh. Và ngay sau đó em sẽ đi theo anh".

Khi chồng tôi nghe thấy những lời đó, anh ấy cố sức mấp máy môi. Chắc hẳn anh không nói được vì mồm anh bị nhét đầy lá trúc. Nhưng khi tôi nhìn đôi môi anh ấy thì ngay lập tức tôi hiểu được anh ấy

nói gì. Vẫn với sự khinh bỉ ấy chồng tôi chỉ nói: "Hãy giết đi!". Gần như là mất trí, tôi đã đâm phập con dao găm vào ngực anh ấy qua lớp áo *xuikan* màu xanh da trời.

Hình như ngay sau đó tôi lại ngất đi. Khi tỉnh dậy nhìn ra xung quanh, tôi vẫn thấy chồng tôi bị trói như trước và không còn thở nữa. Những tia sáng lúc chiều tà xuyên qua cành thông đan vào thân trúc và đổ xuống khuôn mặt nhợt nhạt của anh ấy. Kìm lại tiếng khóc nức nở, tôi đã cởi trói cho thi thể anh. Và sau đó... Chuyện gì đã xảy ra với tôi? Tôi không đủ dũng cảm để nói về điều đó. Dù tôi có làm gì đi nữa, tôi vẫn không thể tìm được sức mạnh để cho mình tử tự. Tôi đã đưa con dao găm vào cổ, tôi đã định trầm mình ở chiếc hồ dưới núi, tôi đã thử... Nhưng tôi đã không chết, tôi còn sống và tôi không có gì đáng tự hào về điều đó (một nụ cười buồn bã). Có lẽ cả đức thánh Kannôn từ bi, đầy lòng trắc ẩn, cũng cự tuyệt tạo vật vô ích như tôi. Nhưng tôi biết làm gì khi tôi đã giết chồng mình, đã bị tên cướp làm nhục, tôi biết làm gì đây? Tôi ... Tôi ... biết làm gì đây? (khóc nức nở bất ngờ).

NHÀ TIÊN TRI CỦA LINH HỒN NGƯỜI BỊ GIẾT NÓI

Đoạt được vợ tôi, tên cướp ngồi xuống bên cô ấy và tìm cách an ủi cô. Miệng tôi thì quả là như tắc

nghe, người vẫn bị trói vào thân cây. Song lúc nào tôi cũng ra hiệu bằng mắt cho vợ tôi. "Chớ tin lời hắn! Tất cả mọi điều hắn nói đều là giả dối" - tôi chỉ muốn cho nàng hiểu thế. Nhưng vợ tôi buồn bã ngồi trên lớp lá rụng không hề ngẩng mặt lên, mà chỉ nhìn vào đầu gối mình. Tôi nghĩ rằng vợ tôi chăm chú lắng nghe tên cướp. Người tôi oằn lại vì ghen. Còn tên cướp thì khéo nói và đã đạt được mục đích của hắn. Đã mất trinh tiết thì sống với chồng thật là khó. Còn lại gì với chồng nữa đâu, chỉ bằng làm vợ hắn có phải là hơn không? Hắn còn láo xược đến mức bảo rằng sở dĩ hắn dám làm vậy chính là vì hắn đã mê cô ấy...

Cuối cùng, sau khi nghe tên cướp, vợ tôi dám chau ngẩng mặt lên. Chưa bao giờ tôi thấy cô ấy đẹp đến thế! Nhưng người vợ đẹp của tôi đã trả lời gì cho tên cướp khi tôi bị trói ở bên cạnh cô ấy? Bây giờ đây khi tôi đang phiêu diêu trong cõi hư không nhưng mỗi lần nhớ đến câu trả lời của cô ấy thì nổi phần nộ như nghiền nát người tôi. Vợ tôi nói thế này đây: "Nào, thì ông cứ đưa tôi đi đến nơi nào ông muốn" (Im lặng ít lâu).

Song lỗi của cô ấy không chỉ thế. Nếu riêng một điều ấy không thôi, chắc hẳn tôi sẽ không đau đớn đến mức như vậy khi tôi phải phiêu diêu trong bóng đêm thế này. Chuyện đã xảy ra như sau: Vợ tôi như ở trong mơ theo sau tên cướp dắt tay cô ấy và đã chuẩn bị ra khỏi rừng thì đột nhiên, người tái nhợt đi, cô ấy chỉ vào tôi đang bị trói ở cây: "Giết chết anh ấy đi! Tôi không thể sống với ông, một khi anh ấy

còn sống!...". Cô hét lên mấy lần như thế một kẻ điên: "Giết chết anh ấy đi!" - Những lời ấy ngay cả đến bây giờ vẫn như trận cuồng phong cuốn tôi vào vực thăm thẳm tôi. Lẽ nào những lời nói đê mạt ấy lại có lúc phát ra được từ miệng con người? Lẽ nào lại có lúc những lời đốn mạt ấy lại đập vào tai con người? Lẽ nào lại có lúc (một trận cười gằn độc địa bỗng bùng nổ ra). Sau khi nghe những lời đó, đến ngay một tên cướp cũng tái người đi: "Giết chết anh ấy đi!" - Vợ tôi kêu lên thế và nắm chặt ống tay áo của hắn ta. Nhìn chăm chăm vào cô ấy, tên cướp chẳng trả lời "ừ" hay "không", và đột nhiên hắn lấy chân đẩy ngã cô ấy trên lớp lá rụng (Lại một trận cười gằn độc địa nổ ra). Làm dấu thánh trên ngực xong, hắn quay lại phía tôi. "Làm gì với người đàn bà này đây? Giết hay là tha? Hãy dùng đầu mà ra hiệu". Giết nhé? Vì những lời ấy, tôi sẵn sàng tha thứ cho hắn tất cả. (Lại im lặng một hồi lâu).

Khi tôi còn đang do dự thì đột nhiên vợ tôi thét lên và chạy bổ vào hút trong rừng rậm. Ngay trong khoảnh khắc đó, tên cướp chạy bổ theo cô ấy, nhưng có lẽ đã không kịp tóm lấy cô. Đường như tất cả những cái tôi nhìn thấy là trong cơn mê sảng.

Khi vợ tôi chạy đi rồi, tên cướp nhặt lấy kiếm, cung, và tên của tôi, và cắt đứt dây trói cho tôi. Tôi còn nhớ hắn lăm bắm khi nấp ở trong rừng rậm: "Bây giờ thì phải nghĩ đến thân ta".

Khi hắn đi rồi, khắp xung quanh rất yên ắng. Không, không phải khắp xung quanh - bên cạnh tôi vẫn nghe thấy tiếng khóc nức nở của ai đó. Cởi dây

thường ra khỏi người, tôi chú ý lắng nghe. Sao thế nhỉ? Tôi mới hiểu ra rằng đó chính là tôi đang khóc nức nở. (Lần thứ ba im lặng hồi lâu).

Cuối cùng khó khăn lắm tôi mới tách cơ thể đau đớn của mình ra khỏi thân cây. Trước mắt tôi, con dao găm mà vợ tôi đánh rơi lấp lánh. Tôi cầm lên rồi bằng một nhát, tôi đâm trúng vào ngực mình. Tôi cảm thấy như một cột máu nào đó đang dâng lên cổ, nhưng tôi không hề thấy đau đớn gì. Khi ngực tôi lạnh toát đi, xung quanh còn tĩnh mịch hơn. Ôi! Thật là tĩnh mịch làm sao! Trong cánh rừng này không có cả đến một con chim nào hót. Chỉ có những tia sáng lúc chiều tà buồn bã chiếu vào những thân trúc và thông... Ánh mặt trời đang lặn. Nhưng ngay cả ánh sáng ấy cũng chỉ thấp thoáng thôi. Chẳng còn thấy cả cây thông, chẳng thấy cả cây trúc nữa. Và cái vẻ tịch mịch như tờ ấy đã bao phủ lên thân thể tôi đang nằm sóng soài trên mặt đất.

Đúng lúc ấy, có người lén lút mò đến chỗ tôi: Tôi muốn nhìn xem đó là ai. Nhưng xung quanh là bóng tối mờ昧. Và người đó - Cái người không nhìn thấy ấy đã nhẹ nhàng lấy tay rút con dao găm ra khỏi ngực tôi. Máu lại trào lên miệng. Và sau đó thì tôi đã vĩnh viễn chìm trong bóng tối hư vô.

Tháng Mười hai 1921

CÚI CHÀO

Mới rất gần đây Iaxukiti vừa tròn ba mươi tuổi. Cũng như bất cứ một viên chức nào, anh ta sống một cuộc sống khá tất bật đến chóng mặt, may lắm mới có tí chút thời gian để nghỉ tới ngày mai còn cái ngày hôm qua thì hầu như chẳng bao giờ anh nhớ tới. Song có một chuyện trong quá khứ lại cứ hiện lên rõ mồn một trong ký ức anh dù Iaxukiti đi trên đường phố, ngồi làm việc hay đi xe điện. Qua kinh nghiệm Iaxukiti biết rằng đó là kết quả của sự liên tưởng do một thứ mùi quen thuộc gây nên - nói chính xác đó là cái mùi thum thum - một tai vạ của cuộc sống chốn thị thành. Vị tất một ai đó đã muốn ngửi cái mùi khói của con tàu. Song Iaxukiti thì lại cảm thấy cái mùi đó y như thể những tia lửa bùng cháy từ trong chiếc tàu thuốc của mình làm anh ta nhớ lại cuộc gặp gỡ vào năm sáu năm về trước.

Lần đầu tiên anh gặp cô gái ấy ở một ga ngoại ô, nơi mà hồi đó anh ta sống ở đó; nói đúng hơn là ở sân ga này. Dù thời tiết thế nào, mưa hay gió chẳng

nữa anh ta cũng đi chuyển tàu lúc 8 giờ sáng từ Tôkiô, còn buổi chiều trở về nhà lúc 4 giờ 20. Anh ta làm điều đó để làm gì, rốt cục thì cũng chẳng có gì quan trọng. Song nếu như hàng ngày đều chờ xe lửa điện vào đúng quãng thời gian ấy, thì lẽ dĩ nhiên anh ta gặp, chí ít cũng là hàng tá những nhân vật quen thuộc. Một trong những nhân vật đó chính là cô gái ấy. Song anh ta nhớ rõ là chưa một lần nào nhìn thấy cô gái vào những giờ trước buổi chiều, ít ra thì cũng là từ hồi đầu năm mới cho đến khoảng hai mươi tháng ba, còn chuyển tàu sáng về Tôkiô mà cô gái đi trên đó thì Iaxukiti lại không đi.

Cô gái khoảng mười sáu mười bảy tuổi. Cô luôn vận bộ quần áo màu xám bạc, chiếc mũ cũng màu đó, và cả tất rồi đôi giày cao gót cũng màu xám bạc. Vóc người không lớn song cô ta vẫn gây cho ta cảm giác cân đối, đặc biệt là đôi chân. Không thể gọi cô ta là đẹp được. Song bởi vì ngay cả các nữ nhân vật trong các tiểu thuyết hiện đại, dù là phương Tây hay phương Đông, Iaxukiti cũng chưa lần nào gặp một mỹ nhân không chệ vào đâu được. Khi miêu tả phụ nữ chẳng hiểu sao nhà văn nào cũng cho rằng có nhiệm vụ phải rào đón: "Cô ta không phải đẹp. Nhưng..." cứ y như thể thú nhận vẻ đẹp thì làm hại đến uy tín của con người hiện đại. Do đó không có gì lạ khi Iaxukiti nghĩ về cô gái thì trong tâm tưởng cũng làm cái việc rào đón như thế. Vậy là, cô ta không thể gọi là đẹp được. Cô ta không dễ thương, khuôn mặt tròn, mũi hơi hếch một chút xiu.

Lúc thì cô đứng giữa đám đông với vẻ lơ đãng, lúc thì cô ngồi trên tấm ghế băng đọc một cái gì đó, lúc thì cô thông thả dạo bước trên sân ga. Vẻ mặt của cô gái không làm cho trái tim Iaxukiti phải bồi hồi, cũng chẳng làm cho anh ta có vẻ gì hồi hộp đặc biệt như trong các tiểu thuyết tình. Anh ta chỉ nghĩ rằng: "À, cô ta đấy". Nói gọn lại cô gái đối với anh ta chỉ đơn thuần là một gương mặt quen thuộc mà anh ta có thiện cảm. Nếu như không thấy cô trên sân ga là anh ta cảm thấy thất vọng y như đang thiếu một điều gì đó vậy. Cái tình cảm đó sinh ra ở trong anh vào một lần khi băng đi vài ba ngày con mèo biển mất khỏi cửa hiệu nhỏ. Có lẽ nếu biết tin viên tư lệnh chết hoặc ông ta gặp tai họa cũng không làm cho Iaxukiti xúc động hơn.

Chuyện này xảy ra vào một trong những ngày u ám ẩm ướt cuối tháng ba. Bao giờ Iaxukiti cũng đi làm việc về trên chuyến tàu đi Tôkiô tối ga vào 4 giờ 20. Có lẽ vì quá mệt nên ngồi trên toa tàu anh ta không đọc gì như mọi khi mà tựa người vào cửa sổ nhìn lên núi và đồng mùa xuân. Bỗng nhiên anh nhớ rằng trong một cuốn tiểu thuyết châu Âu thì tiếng động của con tàu chạy trên vùng đồng bằng được diễn tả là: "Tơratata, Tơratata", còn tiếng bánh xe trên cây cầu sắt là - "Tơratatắc, Tơratatắc". Nếu như không thật chú ý nghe thì cảm thấy hình như trên thực tế cái tiếng đó như vậy. Vâng, Iaxukiti nhớ lại tất cả điều đó.

Ba mươi phút mệt nhọc trôi qua cuối cùng Iaxukiti xuống tàu ở một sân ga ngoại ô mà bạn đọc

đã biết. Tại đó con tàu từ Tôkiô tới sớm hơn thường lệ một chút. Iaxukiti hòa lẫn vào đám đông và trong số những người mới xuống tàu anh nhìn thấy cô gái. Trước kia chưa bao giờ anh gặp cô gái ở đây vào quãng giờ này cả. Thế mà giờ đây cô ta lại xuất hiện bất ngờ trước mắt anh trong bộ quần áo xám bạc như dải mây mà ánh sáng mặt trời xuyên qua như xuyên qua những cành lá liễu xám bạc. Iaxukiti vội vã. Đường như vào khoảnh khắc ấy cô gái cũng nhìn lên anh ta. Thậm chí anh tin chắc điều đó. Còn Iaxukiti, thì cũng thật không thể ngờ rằng chính anh lại cúi chào cô ta. Cô gái lúng túng. Rất tiếc là anh ta không nhớ lúc ấy nét mặt của cô gái ra sao.

"Mình đã làm điều tâm bậy!". - Cái ý nghĩ ấy thấp thoáng trong đầu anh, và ngay lúc đó anh cảm thấy đôi tai nóng bừng lên. Song anh nhớ rõ là cô gái cũng cúi chào đáp lại.

Cuối cùng anh ra khỏi ga mà vẫn giận mình đã làm điều ngu ngốc. Vì sao mà đột nhiên anh lại cúi chào. Điều đó xảy ra là vô tình. Nó giống như con người chớp mắt khi bỗng nhiên tia chớp sáng lóe lên. Còn cái hành động ngoài ý muốn ấy thì không phải chịu trách nhiệm gì cả. Song dù sao cô ấy cũng sẽ nghĩ gì về anh? Bởi vì cô ấy gật đầu với anh cơ mà. Có lẽ đó cũng là cử chỉ vô tình chẳng. Mà cũng có thể cô ta cho Iaxukiti như một cậu con trai thô thiển? Cần phải xin lỗi trước mặt cô ấy cái chuyện thô lỗ ấy của mình.

Không vội trở về nhà Iaxukiti đi trên bờ biển

yên lặng và vắng vẻ. Khi ấy anh thấy đáng ghét thay cho căn phòng mà anh thuê năm yên một tháng, và những bữa ăn 50 xên và nói chung là cả thế giới khi anh ta đi trên bờ cát và ngậm tẩu thuốc Gladogô. Điều này xảy ra với anh khá thường xuyên. Và hôm nay khi nhìn lên mặt biển u ám trước hết anh đánh diêm mỗi tẩu thuốc. Chuyện đã làm không thể sửa được. Nhưng bởi vì ngày mai anh lại sẽ gặp cô gái ấy. Thái độ của cô nàng ra sao đây? Có lẽ cô ấy không thèm nhìn mặt nữa chẳng? Hoặc cô nàng vẫn sẽ cúi chào nếu như không cho rằng anh ta là một cậu con trai thô thiển? Còn cái cúi chào của anh thì sao? Có thể là anh - Iaxukiti Khôvicao cho rằng chẳng có chuyện gì đã xảy ra anh ta lại chào cô gái một lần nữa chẳng? Không, anh sẽ không làm điều đó. Nhưng vì hôm nay anh đã làm điều đó và có thể khi gặp nhau hai người vẫn chào hỏi nhau. Cứ giả thiết là như vậy đi.. Iaxukiti bỗng nhiên nhớ tới đôi lông mày của cô ta mới đẹp làm sao...

Từ đó đã bảy tám năm trôi qua nhưng lạ lùng thay Iaxukiti vẫn nhớ rất rõ biển lúc đó yên ả thế nào. Anh đã đứng mãi trên bờ hồi lâu, lơ đãng nhìn lên mặt nước, biển lặng lẽ, chiếc tẩu thuốc đã tắt ngấm từ lâu. Lúc đầu anh nghĩ về cô gái, sau đó ý nghĩ chuyển sang cuốn tiểu thuyết mới anh ấp ủ. Nhân vật của cuốn tiểu thuyết là một giáo viên Anh vẫn có tinh thần cách mạng. Anh ta rất cứng rắn chưa bao giờ chịu cúi đầu trước bất kỳ ai... Song có một lần anh ta vô tình cúi chào một cô gái mà anh

ta biết mặt. Cô gái có tấm vóc vừa phải song dù sao cũng gây ra ấn tượng là một cô gái cân đối, đặc biệt đẹp là đôi chân đi tất màu xám bạc trong đôi giày cao gót. Có lẽ cô gái đã không ra khỏi đầu óc Iaxukiti.

Sáng sớm hôm sau lúc 8 giờ kém 5, Iaxukiti đi trên sân ga đông nghịt người, bồi hồi chờ đợi cô gái xuất hiện. Anh ta vừa rất vui nếu tránh được cuộc gặp gỡ song đồng thời lại vẫn muốn được gặp gỡ. Anh cảm thấy mình giống như võ sĩ bốc vào lúc trước trận đấu với một địch thủ mạnh. Một mối lo âu kỳ dị nào đó cứ giày vò anh ta, anh ta sợ sẽ có hành động xốc nổi. Bởi vì xưa kia Gian đã từng hôn lên Xaru Bécna ngay trước mặt mọi người. Iaxukiti - người Nhật thì không dám hành động thô thiển như vậy. Song mà thè lưỡi ra hoặc nhăn mặt lại thì anh ta có khả năng làm. Cảm thấy ớn lạnh trong trái tim anh ta lén lút nhìn lên mọi người. Cuối cùng anh nhìn thấy cô gái, cô ta thông thả đi thẳng tới chỗ anh. Họ mau chóng gần lại nhau hơn, mười bước, năm bước, ba bước - và rồi họ đi ngang với nhau. Iaxukiti nhìn vào mắt cô gái. Cô gái bình tĩnh thậm chí lãnh đạm đáp lại cái nhìn của anh ta. Họ sẵn sàng phớt lờ mặt nhau như những người hoàn toàn không quen biết.

Song vào khoảnh khắc ấy Iaxukiti nhận thấy một cử động nào đó trong đôi mắt cô gái, và anh ta mong muốn đến không kịp nên nổi là sẽ cúi chào. Tất cả chuyện đó quả đúng là diễn ra trong khoảnh khắc. Giống như đám mây bạc có ánh sáng mặt trời

chiếu qua tòa xuống cành lá liễu bạc, cô gái chậm rãi đi qua, còn anh ta trong ý nghĩ chỉ kịp kêu lên một tiếng "Ồi" rồi đứng thẩn tại chỗ...

Khoảng hai mươi phút sau Iaxukiti ngậm tẩu thuốc lá trên môi bước lên tàu. Cô gái đó không chỉ có đôi hàng lông mày đẹp mà cả đôi mắt đen sáng cũng rất đẹp... Cái mũi chỉ hơi hếch một chút xíu thôi... Phải chăng đó là tình yêu? Anh ta không nhớ khi đó tự anh đã trả lời cho mình cái câu hỏi đó ra sao. Anh chỉ cảm thấy một nỗi buồn mơ hồ xâm chiếm cả người anh. Nhìn theo cuộn khói từ tẩu thuốc bay lên anh buồn bã triền miên nghĩ về cô gái. Còn con tàu cứ thế, cứ thế đưa anh qua hẻm núi vào những vùng núi được ánh sáng mặt trời buổi sáng chiếu xuống.

"Tóratata, Tóratata, Tóratata, Tóratatác".

1923

CUỐN TIỂU THUYẾT ÁI TÌNH

(hoặc "Ái tình cao hơn tất cả")

Phòng khách của một tờ tạp chí phụ nữ. Ông chủ bút, một người béo, khoảng bốn mươi tuổi. Khôrikava Iaxukiti, khoảng ba mươi tuổi, rất gầy đặc biệt khi ở bên cạnh ông chủ bút béo. Miêu tả anh ta bằng một vài lời thì không thể được. Dầu sao thì cũng có một điều không thể tranh cãi được, ấy là: Thật khó mà gọi anh ta là ngài được.

Chủ bút - Liệu trong thời gian sắp tới đây ngài có thể viết cho tạp chí chúng tôi một tiểu thuyết được không ạ? Ngài biết đấy, độc giả bây giờ đòi hỏi nhiều, thế mà những tiểu thuyết tình tâm thường thì lại không thoả mãn được họ... Dĩ nhiên tôi muốn yêu cầu ngài viết cho một cuốn tiểu thuyết tình nghiêm túc, khám phá sâu sắc tính cách của con người.

Iaxukiti - Tất nhiên là tôi sẽ viết. Thú thực là tôi cũng đã nghĩ ra một cuốn tiểu thuyết cho tạp chí phụ nữ.

Chủ bút - Thật thế à? Tuyệt quá. Nếu như ngài viết chúng tôi sẽ quảng cáo rộng rãi trong các tờ báo của chúng tôi. Chẳng hạn có thể có lời quảng cáo như sau: "Tiểu thuyết tình với một tình yêu và sự âu yếm không bao giờ với cạn của ngài Khôrikava".

Iaxukiti - "Tình yêu và sự âu yếm không bao giờ với cạn" là gì vậy? Song trong tiểu thuyết của tôi "Ái tình cao hơn tất cả".

Chủ bút - Thế có nghĩa cuốn tiểu thuyết ca ngợi ái tình và sự âu yếm. Vâng, thế thì còn hay hơn. Bởi vì từ khi xuất hiện "Ái tình hiện đại" của giáo sư Kuriagava, thanh niên nam nữ đều nghiêng theo khuynh hướng tình yêu cao hơn tất cả... Tất nhiên là ngài sẽ nói về ái tình hiện đại phải không nào?

Iaxukiti - Đó còn là một vấn đề. Hoài nghi hiện đại, ăn cắp hiện đại, làm bạc màu tóc hiện đại - tất cả điều đó tồn tại thật sự. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng ái tình không thay đổi đặc biệt gì từ thời cổ sơ đến giờ.

Chủ bút - Cũng chỉ là nói vậy thôi. Bởi vì cái tam giác ái tình là một trong những thí dụ của ái tình hiện đại. Dầu sao thì đó cũng là hiện thực của Nhật Bản.

Iaxukiti - Tam giác ái tình là gì nhỉ? Trong tiểu thuyết của tôi cũng có tam giác ái tình... Có lẽ tôi sẽ kể vắn tắt nội dung cho ngài, được không ạ?

Chủ bút - Rất biết ơn ngài.

Iaxukiti - Nhân vật nữ - một thiếu phụ lấy chồng chưa được bao lâu. Chồng là một nhà ngoại giao. Họ thuê một căn hộ, dĩ nhiên là ở Tôkiô, trong quận Iamanôtê. Cô nàng đẹp. Phong thái tuyệt đẹp, mái tóc bao giờ cũng..., à, mà không hiểu độc giả thích kiểu tóc nào nhỉ?

Chủ bút - Có lẽ là kiểu Mimikakuxi.

Iaxukiti - À ra thế, vậy thì kiểu Mimikakuxi, khuôn mặt trắng trẻo, đôi mắt ngời sáng, và trên cặp môi quen với... Nói chung thì trong điện ảnh người đàn bà như vậy có thể đóng những vai như nữ tài tử Kurixima Xumikô. Chồng là một nhà ngoại giao, một luật gia được đào tạo kiểu mới, hoàn toàn không giống với những kẻ gốc gác nghề mà người ta đưa vào trong tấn kịch mới. Đó là một anh chàng điển trai, da bánh mật, thuở sinh viên đã từng biết chơi cả bóng chày. Cặp vợ chồng trẻ ấy sống hạnh phúc trong căn hộ của mình ở Iamanôtê. Đôi khi họ đi nghe hòa nhạc. Thỉnh thoảng họ dạo chơi trên phố Hindôda...

Chủ bút - Tất nhiên là trước khi có cuộc đại động đất⁽¹⁾ phải không ạ?

Iaxukiti - Vâng, trước khi xảy ra cuộc động đất rất

⁽¹⁾ Xảy ra vào ngày 1-9-1923 mà chỉ riêng Tôkiô đã có hơn 70 ngàn người chết.

lâu... Đôi khi họ đi nghe hòa nhạc. Thỉnh thoảng họ dạo chơi trên phố Hindoda. Hoặc là họ ngồi dưới ánh đèn trong căn phòng được bài trí theo kiểu Âu và lặng lẽ trao đổi với nhau bằng những nụ cười. Nhân vật nữ gọi căn phòng ấy là "tổ ấm của chúng mình". Trên tường treo các phiên bản tranh của Rơna và Xêdan. Chiếc dương cầm màu đen lấp lánh. Những tàu lá dừa rủ xuống lò xo trên chậu cây cảnh. Tất cả cái đó thật là đẹp đẽ, ấy thế mà họ lại chỉ phải trả tiền nhà rất ít.

Chủ bút - Ấy chết, không nên nói đến điều ấy. Dù sao thì đây là trong tiểu thuyết mà.

Iaxukiti - Không, cần chứ. Bởi vì tiền lương của nhà ngoại giao trẻ thật ít ỏi.

Chủ bút - Thế thì phải cho anh chàng ấy là cậu ấm của một nhà quý tộc. Và nếu là nhà quý tộc thì đó sẽ là bá tước hoặc công tước. Chẳng hiểu sao trong tiểu thuyết các hoàng thân và hầu tước lại không mấy khi xuất hiện.

Iaxukiti - Vâng, thế thì anh chàng sẽ là con trai của một bà lớn. Nhưng vẫn cứ để căn phòng được bài trí theo kiểu Tây có lẽ mà tốt cơ đấy. Vậy thì tôi lần đầu tiên đưa vào... cả căn phòng bài trí theo kiểu Tây, cả Hindoda và cả những buổi hòa nhạc... Thế nhưng Taêkô - tên gọi của nhân vật

nữ - sau khi quen với nhạc công Taxuô lại cảm thấy hơi xao xuyến, Taxuô yêu Taêkô - nhân vật nữ do bản năng mà cảm thấy điều đó. Hơn nữa, nỗi xao xuyến cứ ngày một lớn lên.

Chủ bút - Thế anh chàng Taxuô là ai vậy?

Iaxukiti - Taxuô là một nhạc công thiên tài. Tài năng của anh ta giống như tài năng của Giảng Crixtop mà Rôlăng đã miêu tả, như tài năng của Đanien Nốtkhápta mà Vátxécman đã miêu tả. Song vì anh ta nghèo hoặc còn vì một điều gì đó mà không ai thừa nhận anh ta. Tôi định lấy anh bạn nhạc công của tôi làm nguyên mẫu cho nhân vật này. Bạn tôi đúng là điển trai, còn Taxuô lại hoàn toàn không điển trai tí nào. Thoạt nhìn khuôn mặt anh ta gợi cho ta nhớ tới người mọi rợ, sinh ra ở vùng đông bắc chẳng khác nào con khỉ độc. Duy chỉ có đôi mắt là ánh lên vẻ thiên tài. Đôi mắt anh ta như cục than hồng tỏa cái ánh sáng đỏ rực vĩnh hằng. Đôi mắt anh ta là như vậy.

Chủ bút - Thiên tài. Điều đó được đấy.

Iaxukiti - Song Taêkô lại hoàn toàn miễn nguyện với người chồng ngoại giao của mình. Không, cô nàng còn yêu chồng hơn cả trước kia nữa cơ. Anh chồng thì tin Taêkô. Tất nhiên là phải thế rồi. Nhưng

do đó mà nỗi buồn của Taêkô cũng ngày một lớn hơn.

Chủ bút - Ấy, chính đó là thứ tình yêu mà tôi gọi là ái tình hiện đại đấy.

Iaxukiti - Hàng ngày, cứ lúc vừa mới lên đèn, Taxuô nhất định lại sẽ xuất hiện trong căn phòng bài trí theo kiểu Tây. Khi có anh chồng ở nhà thì chẳng có điều gì phải lo lắng cả nhưng ngay cả khi anh chồng vắng chỉ một mình Taêkô ở nhà Taxuô vẫn cứ đến. Khi đó Taêkô chẳng biết làm gì khác là để anh chàng ngồi bên cổ dương cầm và khi có chồng ở nhà thì Taxuô cũng thường ngồi bên dương cầm.

Chủ bút - Và tình yêu đã nảy nở vào những giây phút ấy?

Iaxukiti - Không, cô nàng không phải yêu đơn giản thế. Một lần vào buổi tối tháng hai Taxuô bất ngờ chơi bản "Xinvia" của Sube. Một bài ca thấm đẫm nỗi đam mê bùng cháy như ngọn lửa. Taêkô ngồi dưới những tán lá dừa dăm chiêu lắng nghe. Dần dần người đàn bà này nhận ra rằng mình yêu Taxuô và đồng thời nàng cũng cảm thấy sự quyến rũ nảy sinh ở trong mình. Thêm năm phút nữa... Không, chỉ cần một phút nữa thôi là Taêkô đã có thể lao đến ôm chầm lấy Taxuô. Nhưng... đúng lúc ấy khi đang lẽ sự hòa âm cuối cùng sẽ vang lên thì anh chồng về đến nhà.

Chủ bút - Nhưng sau đó thế nào?

Iaxukiti - Chưa đầy một tuần sau, không chịu được nỗi đau khổ Taêkô quyết định tự tử. Song cô nàng có mang do đó đã không đủ nghị lực để thực thi quyết định của mình. Khi ấy cô nàng đã kể cho chồng nghe là Taxuô yêu cô ta. Thật ra để chồng khỏi buồn rầu cô ta đã lờ đi chuyện mình yêu Taxuô.

Chủ bút - Thế có nghĩa sau đấy sẽ đấu súng?

Iaxukiti - Không, anh chồng chỉ lạnh lùng cự tuyệt không cho anh chàng đó vào nhà mình nữa khi anh chàng quen lệ đến hàng ngày. Taxuô lặng lẽ cấn môi nhìn lên cổ dương cầm. Taêkô nấp sau cánh cửa phải khó khăn lắm mới tìm được tiếng khóc nức nở... Chưa đầy hai tháng sau, anh chồng đột ngột được bổ nhiệm sang Trung Hoa làm lãnh sự tại Hàng Châu và rồi anh chồng đã lên đường đi tới đó.

Chủ bút - Taêkô cùng đi với anh ta chứ?

Iaxukiti - Tất nhiên cùng đi với anh chồng. Nhưng trước khi đi cô nàng viết cho Taxuô một bức thư "Trong thâm tâm em rất thông cảm với chàng. Song em không biết làm thế nào. Thôi chúng ta đành cam chịu - cũng là số cả thôi mà". Ý tứ của bức thư đại để là như vậy. Từ đó Taêkô hoàn toàn không gặp Taxuô.

Chủ bút - Cuốn tiểu thuyết kết thúc ở đây phải không ạ?

Iaxukiti - Không, vẫn còn một ít nữa. Sau khi tới Hàng Châu Taêkô thường nhớ tới Taxuô. Hơn nữa, rốt cuộc cô nàng nghĩ rằng thực ra thì cô yêu anh chàng đó hơn là chồng mình. Ngài rõ không ạ? Xung quanh Taêkô là cái phong cảnh Hàng Châu êm ả thanh bình. Cái phong cảnh mà thi sĩ Thôi Hiệu đã từng ca ngợi là: "Xứ sở của những dòng sông trong vắt và những rừng thông đỏ kiêu diễm, xứ sở của cây cỏ lá hoa thơm ngát và của những chú vẹt mau mồm". Cuối cùng Taêkô - chỉ vên vên mới một năm - lại viết cho Taxuô một bức thư. "Em đã yêu chàng. Bây giờ em vẫn yêu chàng. Xin chàng hãy thương lấy người đàn bà đã tự dối lòng mình". Đó là nội dung bức thư cô nàng viết. Taxuô đã nhận được bức thư ấy...

Chủ bút - Và ngay lập tức anh ta tới Trung Hoa.

Iaxukiti - Anh ta không thể nào làm điều đó. Chả là vì để kiếm kế sinh nhai anh ta phải chơi đàn dương cầm trong một rạp hát Axakuxa.

Chủ bút - Chao! Vãn với chả chương! Đúng là vãn xuôi.

Iaxukiti - Vãn xuôi mà, biết làm sao được nữa. Taxuô thấy bức thư của Taêkô ở mặt bàn

của tiệm cà phê vùng ngoại ô thành phố. Phía ngoài cửa sổ là bầu trời âm u trong làn mưa. Quả là chẳng bao giờ chàng nghĩ đến điều đó nên chàng ta đắm chiều nhìn lên bức thư. Có lẽ nhìn giữa các dòng thư anh chàng thấy được cái căn phòng bài trí theo kiểu Tây của Taêkô. Và dường như chàng ta nhìn thấy cả cái "tổ ấm của chúng mình" với ánh phản chiếu của ngọn đèn đặt trên phía nóc cổ dương cầm.

Chủ bút - Tôi cứ cảm thấy ở đây có một cái gì đó chưa ổn song dù sao tôi cũng tin đó là một tuyệt tác. Nhất định là ngài sẽ viết nhé!

Iaxukiti - Thật ra thì câu chuyện vẫn còn một ít nữa.

Chủ bút - Sao, thế câu chuyện vẫn chưa kết thúc ư?

Iaxukiti - Chưa. Lúc đọc thư Taxuô đã phá lên cười. Và đột nhiên bực dọc hét lên: "Đồ súc vật!".

Chủ bút - Anh ta điên à?

Iaxukiti - Đâu có, chỉ đơn giản là vì anh chàng không tự chủ được trước cái tình huống ngốc nghếch ấy thôi. Anh ta chẳng còn có thể có một điều gì khác là không tự chủ được. Chả là vì Taxuô không hề yêu Taêkô một tí nào...

Chủ bút - Nhưng mà khi đó...

Iaxukiti - Taxuô thường lui tới nhà Taêkô chỉ là để

được chơi dương cầm. Anh ta chỉ thích dương cầm thôi. Mà anh chàng Taxuô nghèo này không có tiền để mua nó - đấy, vấn đề là ở đấy.

Chủ bút - Nhưng mà, thưa ngài Khôrikava, ngài biết đấy...

Iaxukiti - Đến lúc Taxuô có khả năng chơi đàn dương cầm ở rạp hát thì đối với anh chàng còn hạnh phúc hơn. Sau trận động đất gần đây Taxuô trở thành một viên cảnh sát. Rồi đến khi phong trào bảo vệ hiến pháp bùng nổ thì anh ta bị những người Tôkiô rất hiền hậu nện cho như tử. Chỉ đến lúc được đi dạo quanh khu vực của mình ở Iamanôtê, trong những giây phút hiếm hoi anh ta nghe thấy tiếng đàn dương cầm từ một ngôi nhà nào đó vọng ra lúc ấy anh ta mới dừng lại và mơ tưởng về niềm hạnh phúc ngắn ngủi của mình.

Chủ bút - Nói chung, cuốn tiểu thuyết buồn này...

Iaxukiti - Xin ngài hãy nghe tiếp. Và ngay bây giờ đây tại nơi ở của mình ở Hàng Châu Taêkô vẫn nghĩ về Taxuô như trước kia. Không, không chỉ ở Hàng Châu. Mỗi lần khi anh chồng ngoại giao được bổ nhiệm chức mới và chuyển đi nhiều nơi - Thượng Hải, Bắc Kinh, Thiên Tân - thì vẫn như xưa cô nàng nghĩ tới Taxuô. Cho đến khi động đất cô nàng đã có nhiều con

cái. Vâng... và một năm sau, đẻ sinh đôi và thế là cô nàng có bốn con. Và anh chồng thì chỉ còn mê rượu mà thôi. Do đó cái cô nàng Taêkô phát phì như con lợn nghĩ rằng chỉ có mỗi Taxuô là yêu mình thôi. Tình yêu quả thực là cao hơn tất cả. Nếu khác đi thì vị tất con người như Taêkô lại thấy hạnh phúc như thế. Dù sao thì cũng không thể không kinh tởm sự bần thủ của cuộc đời... Sao, ông nghĩ thế nào về một cuốn tiểu thuyết như vậy?

Chủ bút - Thưa ngài Khôrikava, ngài nói điều đó nghiêm túc phải không ạ?

Iaxukiti - Dĩ nhiên là nghiêm túc. Ngài hãy thử xem các tiểu thuyết tình thế tục. Nữ nhân vật nếu không phải là Maria thì nhất định phải là Clêôpát. Có đúng như vậy không nào? Song nữ nhân vật trong cuộc đời thì hoàn toàn không nhất thiết phải là cô gái đồng trinh và đồng thời cũng không nhất thiết là một cô gái làng chơi. Ngài hãy cố thử xem có kiếm ra dù chỉ là một độc giả nghiêm túc và có thể tiếp thụ nghiêm túc những thiên tiểu thuyết như thế. Dĩ nhiên, nếu như có sự hòa hợp trong ái tình - đó là chuyện đặc biệt nhưng vào một ngày nào đó vạn nhất có gặp phải thứ ái tình tuyệt vọng thì người ta sẽ đi tới chỗ thí thân mình một cách ngu muội hoặc còn dẫn tới điều còn

cực kỳ ngu muội hơn đó là trả thù. Với tất cả những con người bị hút vào chuyện đó thì lại tràn đầy tự mãn cứ y như thể họ thực hiện những chuyện anh hùng hảo hán ấy. Trong thiên tiểu thuyết tình của tôi không có một chút hơi hướng nào là để phổ cập hóa những tấm gương ngốc nghếch như vậy. Thêm vào đó, rốt cục cái niềm hạnh phúc của nữ nhân vật được ngợi ca.

Chủ bút - Chắc hẳn là ngài nói vui đấy phải không ạ? Dù sao thì tờ tạp chí chúng tôi cũng không thể nào in được...

Iaxukiti - Có thật thế không? Không sao, người ta sẽ in ở một chỗ nào đó. Bởi vì chí ít thì trên thế gian này cũng sẽ có một tạp chí phụ nữ tán đồng với những lập luận của tôi. Và bằng chứng chứng tỏ Iaxukiti không lầm chính là việc cuộc đàm luận đã được đăng ở trên đây.

Tháng Ba - 1924

ĐẤT NƯỚC CỦA CÁC THỦY DÂN

Đây là câu chuyện mà bệnh nhân mang số hai mươi ba trong một bệnh viện thần kinh kể cho mọi người nghe. Chắc hẳn anh ta đã ngoài ba mươi, nhưng thoát nhìn dường như anh ta rất trẻ. Điều mà anh ta phải trải qua... và lại, hoàn toàn chẳng có gì quan trọng khi anh ta phải trải qua. Anh ta ngồi bó gối bất động trước tôi và bác sĩ X... giám đốc bệnh viện và mết mõi kể câu chuyện của mình, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn qua cửa sổ, nơi phía sau khung sắt có mỗi cây sồi đơn độc, trơ trụi không một cành lá đang phơi ra trước bầu trời tuyết u ám. Đôi khi anh ta còn ra hiệu và làm đủ điệu bộ bằng thân thể mình. Chẳng hạn khi nói từ "tôi ngạc nhiên" thì anh ta làm cử chỉ ngả đầu đột ngột về phía sau.

Theo tôi thì tôi đã ghi lại câu chuyện của anh ta khá chính xác. Ví như việc ghi chép chưa thỏa mãn các bạn, xin các bạn hãy tới làng N, không xa Tôkiô, và hãy lại thăm bệnh viện thần kinh của bác sĩ X. Cái anh chàng trẻ tuổi mang số hai mươi ba chắc hẳn lúc đầu sẽ cúi chào bạn lịch sự và chỉ cho bạn

một chiếc ghế thô. Sau đó với nụ cười buồn bã và bằng giọng nhỏ nhẹ, anh ta sẽ nhắc lại câu chuyện này. Nhưng khi kể xong... Tôi còn nhớ rất rõ khuôn mặt anh ta vào lúc ấy. Sau khi kể xong, anh nhắc chân lên vừa giơ nắm tay nắm chặt, vừa hét:

- Cút khỏi đây! Quân bẩn tiện, đồ con vật bẩn thỉu! Đồ con vật ngu dần, ghen tị, vô liêm sỉ, hỗn láo, tự mãn, độc ác, ti tiện! Cút! Quân bẩn tiện!

1

Chuyện này xảy ra vào mùa hè ba năm về trước. Cũng như nhiều người khác, tôi khoác ba lô sau lưng đi đến suối nước nóng Kamikôti và từ đấy đi tới Khôtakaiama. Ai cũng biết đến Khôtakaiama chỉ có mỗi con đường ngược theo dòng Atduxagava. Xưa kia tôi đã phải trèo lên Khôtakaiama, thậm chí lên tới cả Iarigatakê, do đó không cần người đưa đường, một mình tôi xuất hành theo triền sông Atduxagava đang còn chìm trong sương sớm. Vâng, đúng là chìm trong sương sớm. Hơn nữa lớp sương ấy không nghĩ là nó sẽ tan đi. Ngược lại, mỗi lúc sương một dày đặc thêm. Sau một giờ đi bộ, tôi đã nghĩ tới chuyện phải bỏ cuộc quay trở về Kamikôti Song, nếu tôi quyết định quay trở về thì đằng nào tôi cũng phải chờ cho tan sương, ấy thế mà như trêu người, lớp sương cứ từng phút một lại dày đặc hơn.

"Ôi! Trót đâm lao thì phải theo lao", - nghĩ vậy, nên bất chấp mọi trở ngại, tôi đã leo qua những bụi tre, và cố gắng để làm sao không cách bờ quá xa.

Thứ duy nhất mà tôi nhìn thấy trước mặt mình là lớp sương dày đặc. Thật ra thì thỉnh thoảng cũng thấy một thân cây dẻ gai to bụi hoặc những cành lá linh sam xanh nhô ra, hoặc đột nhiên xuất hiện trước mắt tôi mõm một vài con ngựa, con bò đang gặm cỏ ở đây, song cái đó cứ thấp thoáng như ẩn như hiện trong lớp sương dày đặc. Hơn nữa, đôi chân tôi đã bắt đầu mỏi, bụng đã cảm thấy rỗng. Bộ quần áo leo núi và chiếc khắc trùm len thấm dẫm sương nặng lạ thường. Cuối cùng, tôi đành phải đầu hàng, đoán hướng qua tiếng sóng vỗ vào đá và bắt đầu xuống bờ sông Atduxagava.

Tôi ngồi xuống tảng đá bên mép nước và trước tiên là chuẩn bị bữa ăn. Mở hộp thịt muối rồi lấy cành cây khô nhóm lửa... Làm việc đó mất khoảng mười phút thì tôi bỗng nhận thấy lớp sương dày đặc bắt đầu lặng lẽ tan. Vừa ăn bánh mì, tôi vừa lơ đãng nhìn đồng hồ. Thế đấy! Đã là mười ba giờ hai mươi phút. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là cái khác kia. Trên mặt kính chiếc đồng hồ của tôi phản chiếu một khuôn mặt xấu xí nào đó. Tôi hết hoảng quay lại. Và... lần đầu tiên trong đời, chính mắt mình tôi nhìn thấy một con *kappa*⁽¹⁾ sống. Nó đứng trên tảng đá phía sau tôi hoàn toàn giống như

⁽¹⁾ Kappa: một sinh vật trong huyền thoại, sống dưới nước.

trong những bức tranh cổ, một tay ôm lấy thân cây bạch dương, còn một tay thì đưa lên mắt như chiếc lưỡi trai và tò mò nhìn tôi.

Vì ngạc nhiên, tôi không nhúc nhích một lúc. Có lẽ con kappa này cũng sững sốt. Nó cứ đứng thế và một tay giơ lên cứng đờ. Tôi vùng dậy và lao vào nó. Nó chạy. Dù sao thì tôi cũng cảm thấy là như vậy. Nó tung mình về một phía rồi mất hút cứ y như thể nó chui vào lòng đất vậy. Mỗi lúc một kinh ngạc, tôi nhìn vào bụi tre. Cái gì thế này? Đường như con kappa chỉ cách chỗ tôi vền vẹn vài ba thước. Nó đứng cong người lại sẵn sàng chạy và nhìn qua vai tôi. Chuyện này chẳng có gì lạ lùng cả. Điều làm cho tôi thấy quần trí ấy là màu da của nó. Khi con kappa từ tảng đá nhìn tôi thì nó màu xám. Còn bây giờ từ đầu đến chân nó lại là màu xanh ngọc bích. "Đồ xấu xa!". Tôi gào lên và lại lao vào nó. Tất nhiên là nó chạy. Khoảng ba mươi phút tôi đuổi theo nó vun vút, lách qua các bụi tre, nhảy qua các phiến đá.

Con kappa nhảy nhanh nhẹn không thua bất cứ một con khỉ nào. Sợ bị mất hút bóng dáng nó, tôi chạy bán sống bán chết, trượt chân, vấp, ngã. Con kappa đã chạy được tới chỗ cây dẻ lớn, cành lá loà xoà, và ở đấy, may thay cho tôi, một con bò đực đã đứng chặn đường. Con bò đực to lớn, lực lưỡng, mắt đỏ ngầu. Nhìn thấy nó con kappa rầu rĩ hét lên, trườn sang bên, và nhanh như chớp nhảy vọt vào bụi nơi có những rặng tre cao hơn một chút. Còn tôi... Tôi thông thả theo nó bởi vì tôi cho rằng bây giờ nó không thể thoát khỏi tay tôi. Có lẽ ở đấy có

một cái hố mà tôi không ngờ tới. Cuối cùng khi mấy ngón tay tôi chạm được vào lớp da nhẵn bóng của con kappa thì tôi bị ngã lộn nhào xuống một chỗ nào đó tối như bưng. Khi cái chết treo trên đầu sợi tóc, chúng ta - loài người - đôi khi thường nghĩ tới những chuyện hết sức phi lý. Và chính trong khoảnh khắc như vậy, khi tôi sợ phát khiếp lên, bỗng nhiên tôi nhớ ra là ở không xa suối nước nóng Kamikôti có một cây cầu gọi là "Cầu Kappa" - "Kappabaxi". Sau đó... Chuyện gì xảy ra sau đó tôi không nhớ. Trước mắt tôi chỉ thấy những tia chớp lóe lên và tôi bất tỉnh.

2

Cuối cùng khi hồi tỉnh, tôi thấy một đàn kappa đã vây xung quanh mình. Tôi nằm ngửa. Bên cạnh tôi là một con kappa đeo kính cặp trên chiếc mỏ dày đang quì xuống và áp chiếc ống nghe vào ngực tôi. Khi thấy tôi mở mắt, bằng điệu bộ, nó yêu cầu tôi nằm yên rồi quay về phía một con kappa nào đó trong đám đông và nói: "Quax, quax". Ngay lập tức từ một chỗ nào đấy, có hai con kappa mang cáng đến. Chúng đặt tôi lên cáng và cả đám đông ấy đi tiễn tôi dọc theo một phố nào đó. Đường phố này chẳng có gì khác với phố Ghindôda⁽¹⁾. Dọc theo bên

⁽¹⁾ Ghindôda: một đường phố trung tâm Tôkiô.

đường trông dè gai là một loạt các cửa hiệu đủ thứ với những tấm bạt căng trên các cửa kính, và trên đường xe cộ chạy đi chạy lại.

Sau đó chúng tôi rẽ vào một ngõ nhỏ và chúng mang tôi vào một ngôi nhà. Sau này tôi mới biết đó là ngôi nhà của con kappa đeo kính kẹp mũi, bác sĩ Tsacc. Tsacc đặt tôi lên chiếc giường sạch bong và cho tôi uống một cốc đầy một thứ thuốc gì đó trong suốt. Tôi nằm và chịu theo ân huệ của Tsacc. Mà tôi còn biết làm gì khác nữa cơ chứ? Các khớp xương của tôi đau đến mức không tài nào nhúc nhích được.

Hàng ngày có tới một vài lần Tsacc đến khám bệnh cho tôi. Khoảng vài ba ngày một lần chính con kappa mà tôi nhìn thấy lần đầu tiên trong đời, đến thăm tôi. Và con kappa đó chính là chàng đánh cá tên là Baggơ. Loài kappa biết về chúng ta, về loài người, nhiều hơn chúng ta, những con người biết về loài kappa. Chắc hẳn là thế, bởi vì con người rơi vào tay loài kappa nhiều hơn là kappa rơi vào tay loài người. Có thể "rơi vào tay" - không hoàn toàn là một cách diễn đạt đúng, song dầu sao thì trước tôi, con người không phải chỉ một lần xuất hiện trong xứ sở của loài kappa. Hơn nữa, nhiều người cũng đã ở lại đó đến hết đời mình. Vì sao - các vị hỏi tôi. Tôi xin trả lời vì sao. Sống trong xứ sở của loài kappa chúng ta có thể ăn uống mà không phải làm gì bởi vì chúng ta là loài người chứ không phải loài kappa. Trong xứ sở này, con người có đặc quyền như vậy. Chẳng hạn, theo lời của Baggơ, thì hồi xưa anh ta - một công nhân làm đường trẻ, rơi vào tay loài

kappa hoàn toàn tình cờ. Anh ta đã lấy một con kappa cái làm vợ và sống với nó cho đến khi chết. Thật ra, con kappa cái này được coi là hoa khôi trong đất nước của các thủy dân, và do đó, có tiếng đồn nó đã rất khéo léo cầm sừng anh chồng công nhân làm đường này.

Một tuần trôi qua và tôi, chiều theo pháp luật của đất nước này đã được xếp vào ngạch "Công dân có đặc quyền". Tôi ở bên cạnh nhà Tsacc. Ngôi nhà của tôi không to, nhưng được sắp đặt rất có gu. Cần phải nói rằng nền văn hóa trong xứ sở loài kappa hầu như không khác nền văn hóa của các nước khác, ít ra cũng là nước Nhật Bản. Trong góc phòng khách có cửa sổ trông ra đường có đặt một cây đàn pianô xinh xắn, trên tường treo những bức tranh khắc gỗ lồng trong khung. Chỉ có điều kích thước của tất cả mọi đồ vật xung quanh, kể từ ngôi nhà nhỏ cho đến các đồ đạc khác, đều căn cứ vào tầm vóc của dân bản xứ, nên bao giờ tôi cũng có cảm giác hơi bất tiện.

Chiều chiều trong phòng khách của mình, tôi tiếp Tsacc, Baggor và luyện thủ ngôn ngữ của xứ sở này. Thêm vào đó, không chỉ họ đến thăm tôi. Với tư cách là một công dân có đặc quyền, tôi quan tâm đến tất cả và đến nhà từng người. Chẳng hạn, trong phòng khách của mình, nhiều con kappa khác đến thăm tôi, đại loại như giám đốc hãng thủy tinh Ghêrô, người mà hàng ngày đều mời bác sĩ Tsacc đến chăm nom sức khỏe, đặc biệt để bác sĩ đo huyết áp cho ông ta. Song người gần gũi nhất trong vòng

hai tuần đầu với tôi đó chính là chàng đánh cá Baggor.

Một hôm, vào buổi chiều oi ả, tôi và Baggor ngồi đối diện nhau ở chiếc bàn trong phòng khách của tôi. Đột nhiên, chẳng hiểu cơn có gì Baggor yên lặng mở to đôi mắt vốn đã to và nhìn chăm chăm vào tôi. Dĩ nhiên, tôi cảm thấy lạ lùng và tôi hỏi:

- Quax, Bag quo quel quan?

Dịch ra tiếng Nhật câu ấy là: "Này, Baggor, có chuyện gì thế?". Song Baggor không trả lời gì cả. Thay vào đó, anh ta chui qua bàn, thè lưỡi dài ra ngồi chồm hổm trên sàn nhà y như một con ếch to sụ. Cứ y như thể là bất thình lình anh ta sẽ nhảy lên vỗ lấy tôi! Tôi sợ hãi, nhẹ nhàng đứng lên khỏi ghế định sẽ lao ra ngoài cửa. May thay, đúng lúc ấy thì bác sĩ Tsacc bước vào phòng khách.

- Baggor, anh làm gì ở đây vậy? - Tsacc nhìn Baggor nghiêm nghị qua cặp kính và hỏi thế.

Baggor xấu hổ lấy bàn tay xoa đầu xin lỗi:

- Xin bác sĩ tha lỗi. Tôi không nén được mình. Thế mà ngài đây lại sợ hãi đến là buồn cười... - Rồi quay về phía tôi, anh ta nói: - Xin ngài rộng lượng thứ lỗi cho tôi.

Trước khi kể tiếp, tôi thấy có trách nhiệm thông báo cho quý vị một vài số liệu tổng quát về loài

kappa. Sự tồn tại một loài sinh vật được gọi tên là kappa cho tới nay vẫn còn đang bị ngờ vực. Nhưng với chính bản thân tôi thì không còn hồ nghi gì về chuyện này, bởi vì chính tôi đã từng sống giữa loài kappa. Vậy đó là loài vật gì?

Sự miêu tả hình dáng bên ngoài của loài này được đưa vào trong các tài liệu như "Xuikô - Kôriaku"⁽¹⁾ hầu như hoàn toàn phù hợp với hiện thực. Thật ra thì đầu của con kappa có phủ một lớp lông mao ngắn, các ngón chân, ngón tay đều kết với nhau bởi lớp màng bơi. Tầm vóc trung bình của loài kappa là một mét. Trọng lượng, theo số liệu của bác sĩ Tsacc, xê xích từ khoảng 20 đến 30 *funt*⁽²⁾. Thêm vào đó, người ta còn nói rằng đôi khi gặp những con kappa có trọng lượng tới 50 *funt*. Hơn nữa, trên đỉnh đầu loài kappa còn có một chỗ lõm vào như chiếc đĩa hình ôvan. Càng lớn thì đáy đĩa càng cứng hơn. Chẳng hạn khi sờ vào thì cái đĩa trên đầu của ông già Baggô và cái đĩa ở chàng trai trẻ Tsacc hoàn toàn khác nhau. Song, đặc điểm đáng ngạc nhiên hơn cả ở loài kappa có lẽ là màu da của nó. Loài kappa không có màu da nhất định. Nó thay đổi theo môi trường xung quanh. Chẳng hạn khi con vật ở trên cỏ thì màu da của nó trở nên xanh ngọc bích gần như cỏ, còn khi nó ở trên tảng đá thì da nó xám lại như màu đá. Như các vị biết thì da của con kỳ

⁽¹⁾ "Xuikô-Kôriaku" - trước tác năm 1802 của Khôg Devan (1788-1847) có miêu tả và hình vẽ loài kappa.

⁽²⁾ Funt: đơn vị đo trọng lượng xấp xỉ 0,4536 kg.

không cũng có đặc tính như vậy. Không loại trừ khả năng cấu trúc lớp da phủ trên loài kappa tương tự như ở loài kỳ nhông. Khi biết điều này, tôi chợt nhớ ra rằng, văn học dân gian của chúng ta cũng đã miêu tả màu da xanh ngọc bích của những con kappa các tỉnh phía Tây, và nước da đỏ của những con kappa ở phía Đông - bắc. Tôi cũng lạ cả chuyện Baggor khéo léo biến mất y như là chui vào lòng đất khi tôi đuổi theo sau nó. Thêm vào đó, có lẽ loài kappa còn có một lớp mỡ dày dưới da; mặc dù nhiệt độ trung bình ở đất nước của các thủy dân này khá thấp (khoảng 15°C) nhưng chúng không biết đến quần áo. Vâng, bất cứ con kappa nào cũng có thể đeo kính, mang theo bát xì gà, và có hầu bao. Nhưng dù không có túi áo cũng không làm cho loài kappa thấy bất tiện lắm, bởi vì loài kappa cũng như con kangguru cái có một cái túi ở trước bụng, có thể để đủ thứ đồ. Tôi chỉ lấy làm lạ là chúng chẳng che đậy gì cái vùng eo và mông. Có lần tôi đã hỏi Baggor xem anh ta giải thích ra sao. Baggor hí lên một lúc lâu, ngả người ra phía sau và nói:

- Tôi cứ buồn cười là ông lại che giấu cái đó!

Dần dà tôi đã có một vốn từ mà loài kappa sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Như vậy tôi đã có

khả năng tìm hiểu phong tục tập quán của chúng. Điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả ấy là các khái niệm của họ không bình thường, - thậm chí có thể nói là lộn ngược - về những cái khô hời và nghiêm túc. Cái mà chúng ta, loài người, cho rằng quan trọng và nghiêm túc thì họ lại thấy khô hời, còn cái mà loài người ta cho là khô hời thì họ lại cung kính xem xét như là một điều quan trọng và nghiêm túc. Chẳng hạn chúng ta có thái độ rất nghiêm túc đối với khái niệm nhân đạo và công bằng, còn loài kappa khi nghe tới những từ đó thì lại phá ra cười đến vỡ bụng. Nói gọn lại, khái niệm về cái hại của chúng ta và của loài kappa hoàn toàn khác nhau. Một hôm tôi kể cho bác sĩ Tsacc về việc hạn chế sinh đẻ. Sau khi nghe tôi xong anh ta há hốc mồm cười sằng sặc đến nỗi cái kính kẹp mũi rơi xuống. Dĩ nhiên, tôi nổi khùng và yêu cầu anh ta giải thích. Có thể tôi đã không lĩnh hội hết được một vài sắc thái trong lời nói của anh ta, bởi vì hồi đó tôi chưa thạo lắm ngôn ngữ của loài kappa, nhưng tôi còn nhớ câu trả lời của Tsacc đại để như sau:

- Chỉ quan tâm đến cha mẹ thì chẳng phải là nực cười đó sao? Chẳng phải chuyện đó bộc lộ tính cá nhân và vị kỷ đó sao?

Thế nhưng đối với loài người chúng ta, không có gì mù quáng hơn là sự sinh đẻ như của loài kappa. Một vài ngày sau cuộc chuyện trò với Tsacc, vợ Baggơ chuẩn bị đẻ và tôi đã đi tới túp lều xiêu vẹo của Baggơ để xem chuyện đó diễn ra như thế nào. Việc sinh đẻ của loài kappa diễn ra cũng giống như

loài người chúng ta. Có bác sĩ và một bà đỡ giúp cho sản phụ. Nhưng trước khi đẻ, kappa bố áp miệng mình vào bụng sản phụ và nói to như qua ống điện thoại vài câu hỏi: "Con có muốn ra đời không? Hãy nghĩ cho kỹ và trả lời nhé!" Baggơ quì xuống bên vợ mình và nhắc đi nhắc lại mấy lần câu hỏi đó. Sau đấy ông ta đứng lên và súc miệng bằng một dung dịch đã khử trùng trong chiếc bát để trên bàn. Lúc đó dường như ta nghe thấy từ trong bụng người mẹ tiếng đáp lại ngượng nghịu của đứa trẻ:

- Con không muốn được sinh ra đâu. Thứ nhất vì tính di truyền của bố làm con sợ dù rằng đó là bệnh thái nhân cách của bố thôi. Và ngoài ra, con thấy rằng loài kappa không nên sinh sôi nảy nở nhiều lên.

Nghe câu trả lời ấy, Baggơ bối rối gãi gáy. Trong lúc đó thì bà đỡ chỉ nháy mắt đã nhét vào bụng vợ anh ta một ống thủy tinh to và tiêm vào đó một chất nước gì đấy. Người vợ thở phào nhẹ nhõm. Vào lúc này thì cái bụng to của chị ta xẹp xuống y như quả bóng bay bị rút hết khinh khí.

Dĩ nhiên, nếu các con kappa con đã có thể trả lời như trên từ khi còn ở trong bụng mẹ, thì ngay lúc ra đời, tự nó đã có thể đi lại trò chuyện được rồi. Theo lời của Tsacc, có con kappa con mới sinh được hai mươi sáu ngày đã đọc xong được cả bài giảng: "Có thượng đế không?", Thật ra - kappa nói thêm, - đứa trẻ đó đã chết vào lứa tuổi hai tháng.

Vì đang nói tới chuyện sinh nở, nên tôi không

thể không nhắc tới bức tranh cổ động lớn mà tôi nhìn thấy ở một góc phố nọ vào cuối tháng thứ ba tôi cư trú ở xứ sở này. Ở phần dưới bức tranh có vẽ những con kappa thổi sáo và những con kappa múa kiếm. Phía trên trái đầy những ký hiệu được coi là văn tự của loài kappa - thứ chữ tượng hình ngoằn ngoèo xoắn lại như dây cốt đồng hồ. Dịch văn bản trên bức tranh ra thì nó đại để như thế này (ở đây lại một lần nữa tôi không thể cam đoan là tôi tránh được bất kỳ một lỗi không cơ bản nào, song tôi đã ghi vào sổ tay từng từ một như một con kappa - chàng sinh viên tên là Rapp cùng đi dạo với tôi, đã đọc cho tôi):

"Hãy bước vào hàng ngũ những chiến sĩ tình nguyện đấu tranh chống tính di truyền xấu xa!

Hỡi các chàng nam, các nàng nữ mạnh khỏe!

Để kết liễu tính di truyền xấu xa, hãy cẩn thận khi lấy những kẻ ốm yếu làm vợ, làm chồng!".

Dĩ nhiên ngay lập tức tôi tuyên bố với Rapp rằng những việc như thế này chúng tôi không cho phép. Rapp chỉ cười rộ lên để đáp lại. Tất cả bọn kappa đứng bên bức tranh đều cười lên hô hố.

- Không cho phép à? Thế chẳng phải chính các ông cũng đã làm điều này y như chúng tôi, và nó đã được nói rõ trong các truyện ngắn của các ông. Ông nghĩ xem vì sao mà con quí tộc lại lấy nàng hầu, còn các quý tiểu thư của các ông lại mỗi chài những anh tài xế? Dĩ nhiên là họ xuất phát từ những khát vọng bản năng có thể tránh được tính di truyền xấu

xa. Hãy cứ thử lấy các chiến sĩ tình nguyện của các ông mới đây ông kể cho chúng tôi, những người mà ở con đường sắt nào đó đã giết chóc nhau, theo tôi, các chiến sĩ tình nguyện của chúng tôi so với những người đó của các ông còn cao thượng hơn rất nhiều.

Rapp đã nói những điều trên hoàn toàn nghiêm túc chỉ có cái bụng to của anh chàng là cứ mỗi lúc một lúc lắc y như là phải ghìim tiếng cười lại. Nhưng tôi thì không thấy vui. Tôi nhận thấy một con kappa nào đó lợi dụng tôi sơ ý đã đánh cắp chiếc bút máy của tôi. Rất bức bối, tôi đã cố tóm lấy nó, song vì da loài kappa trơn tuột lên giữ được nó không phải dễ. Nó trườn khỏi tay tôi rồi chạy thực mạng. Nó lao vút đi và cố uốn tằm thân còm nhom như con muỗi và dường như nó đã trải dài thân thể nó trên hè phố.

5

Rapp đã giúp đỡ tôi nhiều không kém gì Baggor. Nhưng cái chính mà tôi hàm ơn là ở chỗ anh ta giới thiệu tôi làm quen với Tôcc. Tôcc là một thi sĩ. Các thi sĩ - kappa tóc dài không khác gì các thi sĩ của chúng ta. Thỉnh thoảng vào những lúc buồn, tôi lại đến chỗ Tôcc để giải trí. Bao giờ cũng có thể bắt gặp Tôcc trong căn phòng chật chội của anh ta có bày những chậu cây cảnh của vùng núi cao. Anh ta làm thơ, hút thuốc và nói chung sống ở đó một cách mẫn

nguyên. Ở góc phòng, con kappa cái của anh ta đang ngồi khâu vá (Tôcc là người ủng hộ tình yêu tự do và về nguyên tắc anh không cưới vợ). Khi tôi bước vào Tôcc đón tôi bằng nụ cười. (Thật ra khi nhìn con kappa cười, tôi không thích lắm. Chỉ ít thì hồi đầu tôi sợ).

- Tôi rất vui vì anh đến, - anh ta nói. - Hãy ngồi tạm vào chiếc ghế này.

Tôcc thường hay kể và kể nhiều cho tôi về cuộc sống của loài kappa và về nghệ thuật của họ. Theo anh ta thì trên đời này chẳng có cái gì mù quáng hơn là cuộc sống của những con kappa bình thường. Cha mẹ, con cái, chồng vợ, anh chị em - tất cả chỉ nhìn thấy một niềm vui độc nhất ở đời là hành hạ nhau thật ác liệt. Và theo lời của Tôcc thì hệ thống quan hệ trong gia đình là hoàn toàn mù quáng. Có lần Tôcc nhìn qua cửa sổ với vẻ kinh tởm nói:

- Anh nhìn xem kia!... Ngu xuân đến thế thì thôi!

Trên đường phố, ở phía dưới cửa sổ, một con kappa còn trẻ đang lạch lè lè bước. Một số con dục và con cái trong đó có hai con luống tuổi, có lẽ là cha mẹ con kappa trẻ, đang ôm lấy cổ và co mình lên. Sự hy sinh chịu đựng của con kappa trẻ này làm tôi thần phục và tôi ca ngợi nó ngoài sự đợi chờ của Tôcc.

- Ái chà - Tôcc nói - tôi thấy anh quả là một công dân xứng đáng của đất nước này... Mà này, anh là người theo chủ nghĩa xã hội phải không?

Dĩ nhiên tôi đã đáp *qua*.

(Từ này trong ngôn ngữ của loài kappa có nghĩa là "vàng").

- Và anh sẽ không ngần ngại gì mà hy sinh thiên tài của mình vì hàng trăm kẻ tầm thường đó ư?

- Thế chính kiến của anh là như thế nào hở Tôcc? Ai đó đã nói với tôi rằng anh là người theo chủ nghĩa vô chính phủ.

- Tôi ấy à? Tôi là siêu nhân! - Tôcc kêu hãnh tuyên bố (dịch đúng từng chữ là "siêu kappa").

Về nghệ thuật Tôcc có ý kiến độc đáo của mình. Anh ta khẳng định rằng nghệ thuật không chịu bất cứ ảnh hưởng nào, rằng nghệ thuật phải vị nghệ thuật, rằng nghệ sĩ, do đó, có trách nhiệm trước tiên là trở thành siêu nhân làm điều thiện và điều ác. Vả lại, đây không chỉ là quan điểm của một mình Tôcc. Hầu như tất cả các bạn thi sĩ của anh ta đều giữ quan điểm như vậy. Tôi và Tôcc nhiều lần tới câu lạc bộ của các siêu nhân. Trong câu lạc bộ này có mặt các thi sĩ, văn sĩ, kịch sĩ, họa sĩ nhà phê bình, nhà soạn nhạc, nhà điêu khắc cùng những nhà nghệ thuật nghiệp dư và những người khác. Tất cả bọn họ đều là những siêu nhân. Lần nào đến cũng vậy, bao giờ chúng tôi cũng thấy họ ngồi đó dưới ánh điện rực rỡ và sôi nổi đàm luận với nhau. Thỉnh thoảng họ hãnh diện biểu lộ trước mặt nhau những khả năng siêu nhân của mình. Chẳng hạn một nhà điêu khắc đã chop lấy một con kappa trẻ ở giữa những chậu to trồng dương xỉ cổ quái thì trên khóe mắt mọi người lộ rõ vẻ say mê hết lòng với cái cảnh huyền ảo ấy. Một nữ văn sĩ kappa trèo lên

bàn uống liên tục sáu mươi chai áp-xen. Uống đến chai thứ sáu mươi, bà ta ngã lộn đùng xuống dưới bàn và tắt thở.

Một lần vào một đêm sáng trăng tuyệt đẹp, tôi và Tôcc khoác tay nhau từ câu lạc bộ của các siêu nhân trở về nhà. Ngược hẳn với mọi khi, hôm nay Tôcc im lặng và buồn bã. Khi chúng tôi đi qua bên cạnh khung cửa sổ còn ánh đèn, bỗng nhiên Tôcc dừng lại. Ở bên trong cửa sổ, một con kappa đực và một con kappa cái lớn tuổi, có lẽ là đôi vợ chồng cùng ba con nhỏ ngồi quây quần bên chiếc bàn và ăn tối. Tôcc thở dài náo nùng và nói:

- Anh đã biết tôi là người ủng hộ quan điểm siêu nhân về tình yêu. Nhưng khi tôi phải nhìn thấy cảnh này, tôi cũng đâm ra ghen tị.

- Hình như trong vấn đề này, anh có điều gì đó có vẻ mâu thuẫn phải không?

Tôcc đứng yên lặng một hồi dưới ánh trăng mượt mà, làm dấu thánh trên ngực và nhìn vào bữa ăn thanh bình của năm con kappa. Sau đấy anh ta đáp:

- Có lẽ thế. Nói gì thì nói chứ cái đĩa trứng trắng ở trên bàn kia có ích hơn rất nhiều so với bất kỳ tình yêu nào.

Vấn đề là ở chỗ tình yêu của loài kappa khác xa với tình yêu của loài người. Con kappa cái hề thấy

con đực nào hợp là ngay tức thời xông tới chinh phục. Đồng thời nó chẳng từ một thủ đoạn nào. Những con kappa cái thật thà, ngay thẳng chẳng cần nói lời nào, lao thẳng vào con đực. Tôi đã tận mắt nhìn thấy một kappa cái như điên khùng đã đuổi theo anh chàng tình nhân đang chạy trốn. Và lại, thường thường cùng với con kappa cái, còn có cả cha mẹ, anh chị em nó đuổi theo kẻ bỏ trốn. Tội nghiệp thay cho những con đực! Ví thử đến ngay như sự may mắn có mỉm cười với chúng và chúng chuẩn được khỏi sự săn đuổi đó thì chắc chắn là chúng cũng phải nghỉ ngơi lấy sức sau những cuộc săn đuổi như vậy một vài tuần lễ.

Có lần tôi ngồi nhà đọc tuyển tập thơ của Tôcc. Đột nhiên, chàng sinh viên Rapp như bay vào trong phòng. Anh ta ngã xuống sàn vừa thở hổn hển, vừa nói:

- Thật đúng là một cơn ác mộng!... Dù sao thì họ cũng đã tóm được tôi.

Tôi quăng cuốn sách xuống và khóa cửa lại. Sau đó tôi nhìn qua lỗ khóa, phía trước cửa sổ có một ả kappa non choẹt thấp bé mặt thoa bụi phấn xám ngoét đang tha thẩn. Rapp phải nằm miết trên giường tôi một vài tuần lễ. Rốt cục là cái mỏ của anh chàng mục rữa và rụng hết.

Thêm vào đó đôi khi cũng xảy ra chuyện một con đực liều mạng đuổi con cái. Song ngay cả trong những trường hợp ấy cũng chỉ là do con cái giảng bày. Nó làm như thể là con đực không thể không

đuổi theo nó. Có lần tôi phải nhìn thấy cảnh một con đực như kẻ điên đuổi theo con cái. Con cái ra sức chạy, song thỉnh thoảng dừng lại nhìn như kêu gọi kẻ săn đuổi, nó bò lồm cồm cả tay lẫn chân, và khi nhận thấy không thể kéo dài hơn nữa, nó làm ra vẻ như kiệt sức và sẵn sàng để cho bắt. Con đực chộp lấy nó và rồi cùng nó ngã quy xuống mặt đất. Một hồi sau nó đứng dậy, bề ngoài trông thật thảm thương, khuôn mặt lộ vẻ chẳng ra là hối hận mà cũng chẳng ra là tuyệt vọng. Nhưng nó cũng đã thoát được khá dễ dàng. Tôi còn phải chứng kiến một cảnh khác. Một con đực nhỏ thoắt đuổi theo một con cái. Con cái, như có trù tính, trong khi chạy sẽ quẹo rữ được con đực. Thì ngay lúc đó một con đực to sụ thở phì phì từ một ngõ nhỏ đi ra ngược về phía chúng. Con cái liếc mắt nhìn lên nó và đột nhiên lao về phía nó, và gào lên giọng the thé chói tai: "Cứu tôi với, cứu tôi với! Cái tên vô lại kia nó đuổi tôi và muốn giết tôi!". Con đực to bị chẳng nghĩ ngợi lâu la gì, đã tóm ngay con nhỏ và quật xuống mặt đường. Và con nhỏ co rúm người huơ huơ tay vào khoảng không rồi tắt thở liền. Thế còn con cái thì sao? Nó ôm lấy cổ con đực to bị, bám thật chặt vào và nhếch mép cười đầy quấy rữ.

Tất cả những con kappa đực mà tôi biết đều bị các con cái săn đuổi. Các con cái thậm chí đuổi theo cả Baggo đã có vợ con. Và thậm chí nhiều khi chúng đuổi kịp. Duy chỉ có mỗi một triết gia tên là Maggo (ông ta sống bên cạnh thi sĩ Tôcc) hoàn toàn chưa

rơi vào cảnh đó một lần nào. Có lẽ điều đó một phần được cất ghĩa bởi chuyện rất khó mà tìm thấy một con kappa đực nào lại có diện mạo xấu xí hơn ông ta. Mặt khác, Maggơ khác với các con đực khác là rất ít khi xuất hiện trên đường phố. Đôi khi tôi ghé qua chỗ ông ta và chúng tôi nói chuyện với nhau. Bao giờ Maggơ cũng ngồi trong căn phòng buồn thảm dưới ánh ngọn đèn lồng nhỏ bằng kính nhiều màu ở phía sau chiếc bàn cao và đọc những cuốn sách gì đó dày cộp. Một hôm tôi nói với ông ta về vấn đề tình yêu.

- Vì sao chính phủ của các ông lại không trừng phạt nghiêm khắc những con cái đuổi theo những con đực nhỉ? - tôi hỏi.

- Trước hết là vì, - Maggơ đáp, - trong bộ máy của chính phủ rất hiếm con cái. Rõ ràng là vì các con cái hay ghen tuông hơn nhiều so với con đực. Và nếu như số con cái trong các cơ quan của chính phủ tăng lên, thì chắc chắn là các con đực không thể nào được tự do hơn. Thêm vào đó, tôi cam đoan là những biện pháp như vậy sẽ chẳng mang lại kết quả gì. Vì sao ư? bởi là vì các quan chức nữ sẽ chỉ độc săn đuổi các bạn đồng nghiệp nam mà thôi.

- Nhờ vậy, có lẽ tốt nhất là theo cách sống như của ông, ông Maggơ ạ.

Maggơ đứng lên siết chặt hai tay tôi, thở dài nói:

- Ngài không phải là kappa, ngài không hiểu chuyện này. Một đôi khi tôi cũng muốn được những con cái hung dữ ấy săn đuổi tôi.

Tôi và thi sĩ Tôcc cũng nhiều lần đi nghe hoà nhạc. Đặc biệt tôi rất nhớ lần nghe hoà nhạc thứ ba. Gian phòng hòa nhạc trong xứ sở của loài kappa hầu như không có gì khác với phòng hòa nhạc ở Nhật Bản. Cũng những hàng ghế cao dần lên, và ba bốn trăm kappa đục và cái với bản chương trình trong tay ngồi ở các hàng ghế chăm chú lắng nghe. Đến nghe hoà nhạc lần thứ ba này, ngoài Tôcc và con kappa cái của anh ta, cùng đi với tôi còn có triết gia Maggơ. Chúng tôi ngồi ở ghế hàng đầu. Sau khi bản xô-lô bằng violôngxen được trình diễn xong, một con kappa mắt nhỏ tí hí lẹ thường huơ huơ đôi tay một cách rất khinh mạn, và bước lên sân khấu. Như sự chỉ dẫn trong bản chương trình thì đó là nhà soạn nhạc danh tiếng Krabác. Ở trong chương trình... Thế nhưng tôi chẳng cần phải nhìn vào bản chương trình. Krabác đã từng đến câu lạc bộ những siêu nhân mà Tôcc cũng đến, nên tôi đã biết mặt anh ta. "Lied - Kraback" (ở đất nước này thậm chí các bản ghi chương trình cũng được in bằng tiếng Đức - ở đây có nghĩa là "Bài ca của Krabác").

Nhẹ nhàng cúi chào đáp lại những tiếng vỗ tay như vũ bão, Krabác diễm tĩnh đi về phía đàn dương cầm và vắn vối điệu bộ ngạo mạn bắt đầu chơi bài ca trong tổ khúc của mình. Theo lời của Tôcc thì nhạc sĩ thiên tài như Krabác chưa từng có và sẽ không bao giờ có nữa ở đất nước này. Tôi rất quan

tâm đến Krabác - tôi muốn nói tới nhạc của ông ta và những vần thơ trữ tình của ông ta - và thế là tôi chăm chú lắng nghe âm thanh của cây đàn dương cầm. Tôcc và Maggơ chắc hẳn bị cuốn hút bởi âm nhạc còn mạnh hơn tôi. Duy chỉ có một con kappa cái tuyệt đẹp (dù sao cũng là loài kappa coi như vậy) vò nát tờ chương trình trong tay và thỉnh thoảng thè lưỡi dài và khinh bỉ. Maggơ kể cho tôi biết là mười năm trước ả đã săn đuổi Krabác nhưng không tán tỉnh được và từ bấy trở đi đắm chìm thù nhạc sĩ thiên tài này.

Krabác vẫn đang tiếp tục chơi, mỗi lúc một say sưa hơn, mãnh liệt hơn y như thể anh đang chiến đấu với cây đàn dương cầm thì đột nhiên trong khắp gian phòng vang lên như một tiếng sấm:

- Ta cấm cho hòa nhạc!

Tôi giật nảy mình sợ hãi ngoái lại. Không còn gì phải nghi ngờ. Đó là giọng nói của viên cảnh sát tuyệt vời với tầm vóc cao lớn, đang ngồi ở hàng ghế cuối cùng. Vừa lúc tôi quay lại thì gã vẫn ngồi tại chỗ điềm nhiên thét to hơn:

- Ta cấm cho hòa nhạc!

Còn sau đó...

Sau đó thì ầm ầm lên kinh khủng. Công chúng la hét: "Cảnh sát độc đoán quá trời!". "Chơi nữa đi, Krabác!". "Chơi đi!". "Đổ ngu xuẩn!". "Quân sức sinh!". "Cút xéo đi!". "Chớ có đầu hàng!". Ghế đổ lổng chổng, các tờ chương trình bay lung tung, có ai đó lại liệng cả vỏ chai rượu, thậm chí cả đá lẫn cả

những mẩu dưa chuột ăn thừa. Hoàn toàn hốt hoảng, tôi định hỏi Tôcc xem có chuyện gì xảy ra, nhưng Tôcc cũng đã bị kích động không kìm được nữa. Ngồi chồm hổm trên ghế, anh ta gào luôn miệng: "Chơi nữa đi Krabác! Chơi nữa đi!". Đến ngay cả cô ả kiêu diễm nọ quên mất cả mối căm thù Krabác của mình, rít lên the thé át cả tiếng của Tôcc: "Cảnh sát độc đoán thế!". Lúc đó tôi quay sang hỏi Maggơ:

- Chuyện gì vậy?

- À, chuyện này ở đất nước chúng tôi xảy ra như cơm bữa. Ngài thấy không, tư tưởng mà một bức tranh hoặc một tác phẩm văn học biểu hiện... - Maggơ nói và bao giờ cũng nhỏ nhẹ và điềm tĩnh, chỉ hơi ngả người xuống một chút để tránh các thứ đồ vật đang bay vèo qua. - Tư tưởng mà - như chúng tôi nói - một bức tranh hoặc một tác phẩm văn học thể hiện thường dễ hiểu đối với mọi người ngay từ khi bắt đầu xem, cho nên ở đất nước chúng tôi không cấm đoán in sách và triển lãm tranh. Thế nhưng đất nước chúng tôi lại cấm biểu diễn các tác phẩm âm nhạc. Bởi vì tác phẩm âm nhạc cho dù có hại đối với nếp sống đến đâu đi nữa, đối với loài kappa không có cái tai nhạc thì cũng như "đàn gảy tai trâu".

- Thế có nghĩa là vị cảnh sát này có khiếu âm nhạc?

- Ô... Ngài ạ, điều đó thì còn phải xem đã. Đúng hơn là bản nhạc này làm y nhớ tới quả tim y đập như thế nào khi nằm trên giường với vợ mình.

Trong khi đó thì vụ bê bối này mỗi lúc một kịch liệt hơn. Kraback vẫn ngồi bên chiếc đàn dương cầm như cũ và kiêu ngạo nhìn chúng tôi. Và mặc dầu tính kiêu ngạo ấy bị hạn chế rất nhiều vì một đôi khi anh ta phải cúi người tránh những mẩu sắt bay vù vù trên đầu, nói chung anh ta vẫn giữ được phẩm cách của một nhạc công vĩ đại, và chỉ thấp thoáng trước mắt chúng tôi cái đôi mắt ti hí lấp lánh rực rỡ của anh ta. Tôi... Tất nhiên tôi cũng tìm mọi cách tránh nguy hiểm và nấp ở phía sau Tôcc. Nhưng vì tò mò, tôi vẫn tiếp tục hỏi Maggơ:

- Thế ông có cảm thấy sự kiểm duyệt như thế là man rợ không?

- Không phải thế đâu. Ngược lại, sự kiểm duyệt của chúng tôi còn tiến bộ hơn nhiều so với bất cứ nước nào khác. Ngài hãy cứ thử lấy ví dụ riêng ở nước Nhật mà xem. Chỉ mới tháng trước đây thôi...

Nhưng đúng vào lúc đó thì một cái vỏ chai rơi trúng đỉnh đầu ông ta. Ông ta kêu thét lên "quack!" (đó hoàn toàn chỉ là một thán từ) rồi ngã lăn dùm bất tỉnh nhân sự.

Cho dù điều này có kỳ quặc thế đi nữa, song tôi vẫn có cảm tình với viên giám đốc hãng sản xuất thuỷ tinh tên là Ghêơ. Ghêơ là nhà tư bản trong số các nhà tư bản. Có lẽ chẳng còn phải nghi ngờ gì,

không một con kappa nào ở đất nước này là có cái bụng lớn đến như cái bụng của Ghêrô, và hơn nữa khi mà ông ta ngồi lọt trong chiếc ghế bành sâu êm ái, cùng với bà vợ ông ta giống như con sò và bày trẻ giống như những quả dưa chuột thì ông ta như là hiện thân của chính niềm hạnh phúc. Thỉnh thoảng cùng với tôi còn có quan tòa Bepp và bác sĩ Tsacc dự tiệc ở nhà của Ghêrô. Có bức thư giới thiệu của Ghêrô, tôi đã tới thăm nhiều nhà máy khác nhau thuộc quyền của Ghêrô cũng như các nhân vật có quan hệ với bạn hữu ông ta. Trong số các nhà máy khác nhau đó, tôi đặc biệt chú ý tới nhà máy của một công ty xuất bản sách. Khi tôi cùng với con kappa - kỹ sư trẻ ở trong một phân xưởng nhìn xem những cỗ máy khổng lồ làm việc bằng năng lượng thủy điện thì lại một lần nữa tôi ngạc nhiên và thán phục trình độ kỹ thuật cao của đất nước này. Tôi được biết rằng nhà máy này sản xuất gần bảy triệu bản sách mỗi năm. Nhưng số lượng bản sách không làm tôi ngạc nhiên. Điều đáng ngạc nhiên là ở chỗ sản xuất sách ở đây không hề tiêu phí tí chút nào sức lao động cả. Dường như sáng tạo ra cuốn sách ở đất nước này chỉ cần đưa giấy, mực và một thứ chất như bột xám gì đó qua một chiếc máy thu có cái phễu hình tượng đặc biệt. Chưa đầy năm phút là từ dưới lòng máy như một dòng vô tận bắt đầu cho ra đời các cuốn sách đã in xong với đủ các loại khổ - một phần tám, một phần mười hai hoặc một phần tư tờ in. Nhìn dòng thác sách do máy phun ra, tôi hỏi viên kỹ sư xem thứ bột màu xám đưa vào trong máy thu là gì?

Viên kỹ sư đứng im trước cỗ máy đen bóng loáng lung tung trả lời:

- Thứ bột màu xám ạ? Đó là óc lừa. Trước hết, chúng được sấy khô, sau đó tán thành bột, chỉ có thể thôi. Hiện nay chỉ vài ba yên một tấn.

Những điều kỳ diệu về kỹ thuật như thế tất nhiên không chỉ có vị trí trong các công ty sản xuất sách. Người ta cũng đã sử dụng các phương pháp gần như vậy trong các công ty sản xuất tranh, các công ty sản xuất âm nhạc. Theo lời của Ghêrô, thì ở đất nước này mỗi tháng phát minh ra từ bảy trăm thứ máy mới, còn việc sản xuất hàng loạt thì rất tuyệt vời mà lại không cần bàn tay công nhân. Kết quả là tất cả các xí nghiệp mỗi tháng sa thải bốn chục, năm chục nghìn công nhân chứ không ít hơn. Trong lúc ấy thì báo chí mà sáng sáng khi ở đất nước này tôi đọc đều đặn chưa một lần nào tôi thấy cái từ "thất nghiệp". Điều này làm tôi thấy kỳ quặc, thế là một lần đến dự bữa tiệc thường lệ mà Ghêrô mời đi cùng với Bepp và Tsacc, tôi đã đề nghị họ giải thích.

- Ở đất nước chúng tôi người ta chén hết những kẻ bị sa thải. - Ông ta vừa đáp một cách khinh mạn, vừa châm điếu xì gà hút sau bữa ăn.

Tôi không hiểu ông ta nói gì và lúc đó thì Tsacc vẫn đeo chiếc kính cặp ở mắt, nhận phần khó khăn giải đáp mỗi lần khoản của tôi.

- Người ta giết chết tất cả công nhân bị sa thải rồi thịt họ chế thành món ăn. Đây, ông hãy đọc báo.

Ông có thấy không? Trong tháng này sa thải sáu mươi tư ngàn bảy trăm sáu mươi chín công nhân, và do vậy giá thịt có hạ hơn.

- Thế họ cam chịu để cho người ta giết mình ư?

- Nhưng mà họ còn biết làm gì nữa? Có hẳn cả đạo luật làm thịt công nhân đấy.

Những lời này là của Bepp với khuôn mặt rầu rĩ ngồi sau chậu cây trồng đào rừng. Tôi hoàn toàn thất vọng. Thế nhưng không một ai, cả ngài Ghêrô lẫn Bepp và Tsacc thấy trong chuyện này là phản tự nhiên cả. Sau lúc yên lặng Tsacc cười như giấu cợt tôi và lại nói:

- Như vậy Nhà nước mới giảm được số lượng người chết đói và tự tử. Và, quả thật là điều đó không hề gây cho họ một đau đớn nào, họ chỉ cần ngủi một ít hơi độc thôi.

- Song dù sao ăn thịt họ...

- Ôi, thôi xin đừng nói nữa. Ví như bây giờ mà triết gia Maggơ của chúng tôi nghe thấy ngài nói thế hẳn ông ta sẽ cười vỡ bụng. Chẳng phải là, xin lỗi ngài, ở đất nước các ngài cũng có chuyện đó khi người ta bán con gái mình làm dĩ dấy sao? Cái tính đa cảm mỗi kỳ khôi làm sao, lại đi xúc động trước chuyện thịt công nhân làm đồ ăn!

Sau khi nghe câu chuyện của chúng tôi Ghêrô vừa đẩy đĩa bánh ở trên chiếc bàn nhỏ bên cạnh về phía tôi, vừa điềm tĩnh nói:

- Thế nào? Có lẽ ngài cũng sẽ ném thử chứ? Bởi vì đây cũng là thịt công nhân...

Tôi hoàn toàn bối rối. Tôi thấy khó chịu. Tôi nhảy ra khỏi phòng khách của Ghêrô và được tiễn bằng một tràng cười sảng sặc của Bepp và Tsacc. Đêm hài hùng, trên trời không một ánh sao. Tôi trở về nhà trong bóng tối mịt mùng, đi một mạch không nghỉ. Và tôi nôn mửa đến mức làm ánh lên những vệt trắng ngay trong bóng đêm tối đen như mực.

9

Mặc dù vậy, viên giám đốc hãng thủy tinh Ghêrô không còn hồ nghi gì nữa, là một con kappa rất dễ mển. Tôi thường cùng với Ghêrô tới câu lạc bộ mà ông ta là một thành viên để giải trí. Chả là ở chỗ câu lạc bộ này tiện nghi hơn rất nhiều so với câu lạc bộ của các siêu nhân mà Tôcc là một thành viên ở đó. Ngoài ra, các cuộc trò chuyện với Ghêrô - cho dù không sâu sắc như các cuộc trao đổi với triết gia Maggơ - đã mở ra trước mắt tôi một thế giới hoàn toàn mới và rộng mênh mông. Vừa quấy ly cà phê bằng vàng nguyên chất, Ghêrô vừa nhiệt tình vừa sẵn lòng tán đủ mọi thứ chuyện trên đời.

Có lần vào một chiều mù sương, tôi ngồi giữa những lọ hoa hồng mùa đông nghe Ghêrô nói. Tôi còn nhớ câu chuyện này diễn ra ở trong căn phòng được trang trí và sắp đặt theo phong cách mới nhất - những đường viền vàng mảnh như chọc thủng cái màu trắng toát của bức tường, của trần nhà và đồ

đặc. Ghêrô cười đắc ý còn hơn mọi khi đã kể về nội các của đảng "Kuarắc", mới nổi lên không lâu dưới sự điều khiển của Nhà nước. Từ "Kuarắc" là một thán từ chẳng có ý nghĩa đặc biệt nào. Vả lại, dù sao đảng cũng hoạt động theo phương châm: "Vì quyền lợi của tất cả loài kappa".

- Nhà hoạt động chính trị nổi tiếng Rôppê lãnh đạo đảng " Kuarắc". Có lần Bixmác nói: "Sự trung thực đó là đường lối ngoại giao tốt nhất". Còn Rôppê thì lại đưa sự trung thực thành nguyên tắc của chính sách đối nội...

- Thế hóa ra diễn văn của Rôppê...

- Xin ngài đừng ngắt lời, hãy nghe tôi nói đã. Vâng tất cả các diễn văn của ông ta đều giả dối hoàn toàn. Song bởi vì mọi người đều biết quá rõ ràng diễn văn của ông ta là giả dối, cho nên rút cục nếu ông ta có nói thật đi nữa thì cũng thế mà thôi. Chỉ có các sinh vật có định kiến như các ngài - những con người - mới có thể gọi ông ta là kẻ lừa dối. Còn chúng tôi, loài kappa, thì hoàn toàn không như vậy... Vả lại, điều đó không phải là quan trọng. Chúng tôi đang nói về Rôppê. Vâng, vậy là Rôppê điều khiển đảng " Kuarắc". Nhưng ngay cả Rôppê cũng có một ông chủ. Đó là Kuikui, chủ tờ báo "Pu Phu" ("Pu Phu" cũng là một thán từ, có thể dịch ra gần sát nghĩa với từ "Ồi!"). Song Kuikui cũng lại có ông chủ của mình. Và ông chủ đó là một ngài Ghêrô nào đó hiện giờ đang ngồi trước mặt ngài.

- Nhưng mà... xin ông thứ lỗi, có thể là tôi

không hiểu rõ lắm... Song bởi vì tờ báo "Pu Phu" theo chỗ tôi biết, nó bảo vệ quyền lợi của công nhân. Và nếu như, theo ông xác nhận thì chủ tờ báo đó lại phục tùng ông...

- Về phía các cộng tác viên của tờ báo "Pu Phu" thì quả thật họ là những người bảo vệ quyền lợi của công nhân. Nhưng kẻ điều khiển họ lại không phải ai khác ngoài Kuikui. Vậy mà Kuikui thì lại không thể bước đi một bước mà không được sự hậu thuẫn của người đầy tớ ngoan ngoãn của ngài là Ghêrô.

Ghêrô vẫn vừa mê mải chiếc ly bằng vàng của mình, vừa nhếch mép cười như trước. Tôi nhìn lên ông ta và thấy đồng cảm với những cộng tác viên bất hạnh của tờ "Pu Phu" hơn là căm ghét ông ta. Có lẽ Ghêrô đoán ra ý nghĩ của tôi nên vừa ưỡn cái bụng phệ ra vừa nói:

- Thưa, không, còn lâu tất cả các cộng tác viên của tờ "Pu Phu" mới bảo vệ quyền lợi của công nhân. Bởi vì mỗi con kappa trước hết bảo vệ quyền lợi riêng của mình, như vậy chúng tôi mới lập... Và hơn nữa tình hình còn phức tạp thêm bởi vì một điều nữa, vấn đề là ở chỗ ngay cả tôi - Ghêrô - cũng không được tự do trong hoạt động của mình. Thế theo ngài thì ai chỉ huy tôi? Vợ tôi, quý bà tuyệt đẹp của ngài Ghêrô.

Ghêrô cười hô hố.

- Thực thi mệnh lệnh của quý bà Ghêrô, đó là một hạnh phúc lớn lao, - tôi lịch thiệp đáp.

- Dù sao thì tôi cũng hài lòng. Nhưng mà nói

tất cả mọi chuyện cỗi mờ như thế này, tất nhiên tôi chỉ có thể nói với ngài, bởi vì ngài không phải là kappa.

- Nhưng như vậy rốt cuộc là quý bà Ghêrô điều khiển nội các của đảng "Kuarác" phải không?

- Hừm... Thật tình tôi không biết có thể nói như vậy được không ... Hơn nữa cái cuộc chiến tranh mà chúng tôi tiến hành bảy năm về trước thật ra được bắt đầu cũng là vì đàn bà thôi.

- Chiến tranh à? Hóa ra ở chỗ các ông cũng đã có chiến tranh rồi sao?

- Tất nhiên là đã có rồi. Và sẽ còn biết bao nhiêu cuộc chiến tranh khác sẽ tới chứ! Ngài biết đấy, khi mà còn tồn tại các nước láng giềng...

Vậy là lần đầu tiên tôi mới biết rằng đất nước của các thủy dân không phải là quốc gia duy nhất đặc biệt trong thế giới này. Ghêrô kể cho tôi nghe rằng từ thời thượng cổ thì loài rái cá đã là địch thủ tiềm tàng của loài kappa. Các trang thiết bị quân sự của loài rái cá không hề thua kém các trang thiết bị quân sự mà loài kappa sử dụng. Câu chuyện về cuộc chiến tranh giữa loài kappa và loài rái cá làm tôi hết sức quan tâm. Quả thật là việc loài kappa có một địch thủ mạnh là loài rái cá thì đến ngay cả tác giả "Xuikô - Kôriaku" cũng như ngay cả quý ngài Ianaghida Kuniô⁽¹⁾, tác giả "Tuyển

⁽¹⁾ Ianaghida Kuniô (1875-1962) - Nhà nhân chủng học và nhà ngôn ngữ học lớn nhất của Nhật Bản.

tập truyền thuyết dân gian Iamaxina" cũng không hề biết.

- Dĩ nhiên, - Ghêrô tiếp tục, - trước khi tiến hành chiến tranh cả hai bên đều do thám lẫn nhau. Quả là chúng tôi cũng đã sợ hãi kinh hoàng trước loài rái cá, và loài rái cá cũng sợ chúng tôi hết như thế. Có một thời kỳ một con rái cá nào đó sống ở đất nước chúng tôi đã đến thăm một cặp vợ chồng nhà nọ. Thế mà con cái thì lại đang mưu toan giết hại chồng. Anh chàng này là một kẻ phóng đảng có cỡ, hơn nữa, cuộc đời của anh ta cũng chẳng có gì lôi cuốn được con cái cả.

- Ông có quen biết họ không?

- Dạ... Không. Tôi chỉ biết anh chồng thôi. Vợ tôi cho anh ta là một tên ác ôn, nhưng theo tôi, anh ta là một kẻ điên bất hạnh bị đầu độc bởi cái óc tưởng tượng nhục dục, lúc nào cũng tưởng là các con cái săn đuổi mình hơn là một tên ác ôn... Vậy là chị vợ đó đã đổ kali vào bột ca cao. Tôi không biết nó thành cái chất gì, nhưng chỉ có một chén có chất độc ấy lại ở trước mặt vị khách - rái cá. Con rái cá uống xong, dĩ nhiên là tắt thở. Và khi đó...

- Chiến tranh đã xảy ra?

- Vâng! Tiếc thay, con rái cá ấy lại được huân chương.

- Nhưng ai là người chiến thắng?

- Tất nhiên là chúng tôi. Vì chiến thắng đó mà ba trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm kappa đã anh dũng bỏ mạng. Song tổn thất này không đáng

kể so với tổn thất của đối phương. Ngoài loài rái cá ở xứ sở chúng tôi, người ta không thấy một thú da nào khác. Trong những năm chiến tranh, ngoài việc sản xuất thủy tinh, tôi còn cung cấp cho mặt trận xỉ than đá.

- Mặt trận cần xỉ than đá để làm gì?

- Đó là lương thực. Loài kappa chúng tôi một khi bụng rỗng thì có thể chén bất cứ thứ gì?

- Nhưng, ông có biết... Xin ông đừng phật ý, có lẽ... nhưng đối với những con kappa ở chiến trường... Ở Nhật Bản chúng tôi chắc hẳn là người ta sẽ nghiêm khắc lên án việc làm đó của ông.

- Chắc chắn là ở nước chúng tôi người ta cũng sẽ lên án. Nhưng mà tự tôi chỉ nói về điều đó một lần thôi. Và không một ai làm nhục tôi nữa đâu. Ngài có biết triết gia Maggơ nói thế nào không? "Tự anh kể về tội ác do anh làm thì rồi tội ác tự nó sẽ biến đi...". Ngài phải thấy rằng không chỉ lòng mong muốn kiểm lỗi, mà cả tình cảm yêu nước cao thượng thúc đẩy tôi!

Vào lúc đó thì một tên bồi trong câu lạc bộ tiến về phía chúng tôi. Y cúi chào Ghêrô và nói điều bộ như ở trên sân khấu:

- Trong ngôi nhà hàng xóm của quý ông có cháy.

- Hàng... Cháy à!

Ghêrô hoảng sợ nhảy bật lên. Tất nhiên tôi cũng đứng dậy. Tên bồi lãnh đạm nói thêm:

- Nhưng đám cháy đã bị dập tắt.

Khuôn mặt Ghêrô mà tên bồi nhìn với theo, biểu lộ một điều gì đó như thể tiếng cười qua nước mắt. Và chính vào lúc ấy tôi mới phát hiện ra rằng đã từ lâu tôi căm ghét viên giám đốc của hãng thủy tinh này. Nhưng trước mặt tôi không phải là một nhà tư bản lớn nhất, mà là một con kappa bình thường nhất. Tôi lấy bó hoa hồng mùa đông từ lọ hoa ra rồi đưa cho Ghêrô và nói:

- Đám cháy đã bị dập tắt, song quý bà phu nhân của ông hẳn là chưa nguôi xúc động. Ông hãy cầm những đóa hoa này mà về nhà đi.

- Cám ơn...

Ghêrô bắt tay tôi. Sau đó ông ta đột nhiên nhếch mép cười thỏa mãn và nói thầm thì:

- Bởi vì ngôi nhà hàng xóm ấy cũng thuộc về tôi. Và bây giờ thì tôi sẽ được nhận tiền bảo hiểm.

Cái nụ cười khẩy ấy... Đến ngay bây giờ tôi vẫn còn nhớ nụ cười khẩy ấy của Ghêrô, người mà khi đó tôi không thể khinh bỉ và cũng không thể căm ghét.

10

- Hôm nay anh có chuyện gì vậy? - Tôi hỏi chàng sinh viên Rapp. - Cái gì đã hành anh đến thế?

Đó là vào ngày hôm sau khi xảy ra vụ cháy. Chúng tôi ngồi trong phòng khách nhà tôi. Tôi hút thuốc lá, còn Rapp mặt buồn phiền ngồi bất chân

chữ ngũ, đầu cúi hẳn xuống đến nỗi cái mỏ bị thối áy cũng không còn thấy nữa, và nhìn xuống sàn nhà.

- Thế nào Rapp, hôm nay anh có chuyện gì vậy?

Cuối cùng Rapp ngẩng đầu lên.

- Dạ, không, chuyện vặt ấy mà, chẳng có gì đặc biệt. - Anh chàng buồn bã đáp bằng giọng mũi. - Hôm nay tôi đứng ở bên cửa sổ và rồi tôi nói nhỏ nhỏ: "Ồ thế mà cây bắt ruồi cũng đã nở hoa...". Ấy thế mà, ông có biết không bỗng nhiên chị tôi nổi nóng quở mắng tôi: "Cái gì hử, ra mà dám coi tao là cây bắt ruồi phải không?". Và chị ấy day nghiêng tôi. Rồi mẹ tôi bao giờ cũng bênh chị ấy lại liên kết với chị ấy.

- Này, thế thì cái thú cây bắt ruồi nở hoa có liên quan gì đến bà chị của anh?

- Chắc hẳn là chị ấy cho rằng tôi nói bóng nói gió về việc lúc nào chị ấy cũng săn đuổi con trai. Nhưng bà cô lại cũng dính vào chuyện cãi vã - cô tôi chẳng bao giờ hòa hợp được với mẹ tôi cả. Thế là vụ om sòm mới thật kinh khủng. Nghe thấy thế, ông bố tôi quanh năm suốt tháng bết nhè chẳng cần phân biệt phải trái, nện tất cả một trận nện thân. Thêm nữa, thằng em tôi lợi dụng lúc mọi người tháo chạy tán loạn, đã rút cái ví tiền của mẹ tôi và cuôm đi... chẳng biết là đi rap hát hay là đi đâu. Còn tôi... tôi đã...

Rapp lấy tay che mắt và khóc thầm không thành tiếng. Tất nhiên là tôi thương chàng ta. Và cũng tất nhiên là tôi nhớ tới thi sĩ Tôcc khinh bỉ cái hệ thống

quan hệ gia đình. Tôi vô nhẹ vào vai Rapp và an ủi chàng ta theo khả năng và sức lực của mình.

- Chuyện đó gia đình nào mà chẳng có, - tôi nói. - Không nên quá rầu rĩ như vậy.

- Giá như... Giá như cái mỏ mà lành...

- Nhưng mà, biết làm sao được... Đây, hay là tôi và cậu đến chỗ Tôcc đi, được không?

- Ngài Tôcc khinh tôi. Bởi vì tôi không có khả năng như ông ấy là từ bỏ gia đình vĩnh viễn.

- Thế thì chúng ta đến chỗ Krabác vậy.

Sau buổi hòa nhạc mà tôi đã nhắc tới ở trên, tôi đã làm bạn với Krabác, do đó tôi có thể dám đưa Rapp tới ngôi nhà của nhạc công vĩ đại ấy. Krabác sống sang trọng hơn Tôcc rất nhiều, mặc dù dĩ nhiên không thể sang bằng nhà tư bản Ghêrô. Trong phòng ông ta chật ních đủ thứ đồ trang trí xinh xẻo - nào những pho tượng bằng đất nung, nào đồ gốm Ba Tư - có kê một chiếc đi văng Thổ Nhĩ Kỳ và Krabác thường ngồi trên đó dưới bức chân dung của mình và chơi với lũ con mình. Nhưng lần này không hiểu sao chỉ có mình ông ta. Ông ta ngồi đó vẻ buồn bã, làm dấu thánh trên ngực. Dưới sàn nhà, quanh chân ông ta những mẩu giấy vụn vung vãi. Rapp cùng với thi sĩ Tôcc đã từng gặp Krabác nhiều lần, song lúc này, sau khi thấy Krabác đang trong cơn phiền muộn, cũng đâm hoảng, cúi đầu sợ sệt chào ông ta rồi lặng lẽ ngồi xuống ghế.

- Anh có chuyện gì vậy, Krabác? - Tôi dò hỏi ngay sau khi chào anh.

- Anh mà còn phải hỏi! - nhạc công vĩ đại đáp. - Liệu anh có thích thú được với cái cha phê bình ngu xi ấy không nào? Hấn bảo rằng, thơ trữ tình của tôi chẳng ra sao cả nếu so với thơ trữ tình của Tôcc!

- Song vì anh là một nhạc sĩ...

- Khoan đã. Điều đó thì còn có thể chịu được. Nhưng bởi vì thằng cha vô lại ấy, ngoài điều đó ra, hấn còn khẳng định rằng so với Rôcc thì tôi chẳng là gì cả, rằng thậm chí không thể gọi tôi, dù chỉ là nhạc công!

Rôcc là một nhạc công mà người ta thường so sánh với Krabác. Rất tiếc anh ta không phải là thành viên của câu lạc bộ các siêu nhân và tôi chưa có dịp nào trò chuyện với anh ta. Nhưng hình dáng độc đáo với cái mỏ hếch lên của anh ta thì tôi biết khá rõ qua các bức ảnh anh in trên báo.

- Rôcc dĩ nhiên cũng là một thiên tài, - tôi nói. - Song tác phẩm của anh ta không đủ niềm say mê hiện đại chan chứa trong nhạc phẩm của anh.

- Có thật là anh nghĩ như vậy không?

- Vâng, chính là tôi nghĩ như vậy.

Đột nhiên Krabác nhảy chồm lên, nắm lấy một pho tượng nhỏ vung lên cao rồi đập xuống sàn nhà. Quá sức hãi hùng Rapp thét lên rồi định ba chân bốn cẳng chạy đi, song Krabác ra hiệu đề nghị chúng tôi cứ bình tâm, sau đó lạnh lùng nói:

- Anh nghĩ như vậy bởi vì cũng như mọi kẻ bất tài đều không có khiếu thẩm âm. Còn tôi, tôi sợ Rôcc.

- Anh ấy à? Thôi, đừng quá khiêm tốn!

- Ai khiêm tốn mới được chứ? Có sao mà tôi phải khiêm tốn? Tôi làm ra vẻ là một người khiêm tốn trước các anh, không nhiều hơn là trước bọn phê bình đâu? Tôi - Krabác, thiên tài! Về mặt này tôi không có gì phải sợ Rôcc cả.

- Vậy thì anh sợ cái gì nào?

- Cái gì đó mà tôi chưa biết... Có lẽ là ngôi sao chiếu mệnh của Rôcc.

- Tôi chưa hiểu anh.

- Tôi sẽ cố diễn đạt bằng cách khác đi để dễ hiểu hơn vậy. Rôcc không chịu ảnh hưởng của tôi. Còn tôi thì bao giờ cũng chịu ảnh hưởng của Rôcc mà tôi không nhận thấy.

- Sự cảm thụ của anh...

- Thôi, xin đủ! ở đây làm gì có chuyện cảm thụ nào? Rôcc làm việc điềm tĩnh và tự tin. Bao giờ anh ta cũng viết những tác phẩm mà chỉ anh ta mới có thể viết nổi. Còn tôi lại không phải là người như vậy. Lúc nào tôi cũng ở trong trạng thái bị kích động và bối rối. Theo quan điểm của Rôcc, có thể khoảng cách giữa hai chúng tôi chưa đầy một bước chân. Còn tôi thì cho rằng người ta đã chia cách chúng tôi hàng chục dặm.

- Song "Bản giao hưởng anh hùng" của ông, thừa nhạc sĩ... - Rapp rụt rè nói.

- Im đi! - Đôi mắt ti hí của Krabác lại nheo lại nhỏ hơn nữa và anh ta nhìn lên chàng sinh viên vẻ kinh tởm. - Cậu thì biết gì nào? Bọn các anh đều

cùng một giuộc. Tôi hiểu Rôcc còn hơn tất cả những con chó đang liếm chân anh ta!

- Thôi được rồi, được rồi. Anh hãy yên tâm.

- Nếu tôi mà có thể yên tâm được... Tôi chỉ mong ước điều ấy... Một ai đó bí ẩn đã đặt trên con đường của tôi cái anh chàng Rôcc ấy để hành hạ tôi. Triết gia Maggơ hiểu rõ tất cả chuyện đó. Vâng, vâng, ông ta hiểu, song có điều là ông ta chỉ lật giở từng trang những pho sách to cộm nhàu nát dưới ánh đèn lồng bảy màu của ông thôi...

- Sao kia?

- Anh hãy đọc cuốn sách mới nhất của ông ta đi - cuốn "Lời nói của thằng ngốc".

Krabác đưa, hay đúng hơn, quảng cho tôi một cuốn sách. Sau đó anh ta lại làm dấu thánh trên ngực và nói sảng:

- Tạm biệt!

Và thế là lại một lần nữa tôi và chàng sinh viên Rapp hết sức rầu rĩ bước ra đường phố. Cũng như mọi khi, đường phố chật ních người và dưới bóng những hàng cây để hai bên đường rải rác hàng loạt các cửa hiệu, quán hàng. Chúng tôi lặng lẽ đi một hồi lâu. Đột nhiên thi sĩ Tôcc tóc dài gặp chúng tôi. Nhìn thấy chúng tôi anh ta đứng lại, rút trong chiếc túi ở bụng chiếc khăn tay và lau mồ hôi trên trán:

- Lâu lắm không gặp các anh, - anh ta nói. - Tôi đang định đến chỗ Krabác đây. Cũng đã lâu tôi không tới thăm anh ấy.

Tôi không muốn hai nhà hoạt động nghệ thuật phải cãi cọ nhau, và cũng khó khăn lắm, bằng những lời nói bóng gió, tôi muốn cho Tócc biết hiện tại Krabác không được vui lắm.

- Sao kia? - Tócc nói. - Thế phải hoãn cuộc thăm viếng này ư? Bởi vì Krabác là người bị suy nhược thần kinh... Hơn nữa gần đây tôi cũng thấy người khó chịu vì mất ngủ.

- Hay là đi dạo với bọn tôi đi?

- Không, tốt nhất là không nên... Ái!

Đột nhiên Tôcc siết chặt tay tôi. Khắp người anh từ đầu đến chân đầm đìa mồ hôi lạnh.

- Anh làm sao thế?

- Ông làm sao thế?

- Tôi cảm thấy như có con khỉ xanh đang thò đầu ra khỏi khung cửa chiếc ô tô ở đằng kia...

Tôi lo lắng khuyên Tôcc dù thế nào cũng nên đến chỗ bác sĩ Tsacc. Song tôi nài nỉ thế nào anh ta cũng vẫn không nghe. Chẳng hiểu vì sao nữa mà rồi anh ta ngờ vực nhìn chúng tôi và cuối cùng tuyên bố:

- Tôi không bao giờ là một người vô chính phủ. Hãy nhớ lấy điều đó và đừng bao giờ quên... Còn bây giờ thì thôi, vĩnh biệt. Xin lỗi, tôi không cần tới ông bác sĩ Tsacc của các vị.

Chúng tôi đứng đó ngỡ ngàng mà nhìn theo sau lưng Tôcc đang đi xa dần. Chúng tôi... Không, không phải chúng tôi mà chỉ một mình tôi. Chàng sinh viên Rapp đột nhiên lại rơi vào giữa đường.

Cậu ta đứng khom lưng và nhìn qua những đôi chân giang rộng của cái dòng ô tô và khách bộ hành dài bất tận. Tôi nghĩ rằng con kappa này đã hóa diên, nên vội vàng bảo:

- Cậu đùa đấy hả? Cậu làm gì đấy?

Rapp lau mắt rồi đáp bình thản đến không thể ngờ tới:

- Chẳng có gì đặc biệt. Chỉ đơn giản là vì trong lòng tôi quá khó chịu đến nỗi tôi quyết định xem thế giới nhìn qua đôi chân như thế nào. Đường như nó cũng như thế vậy thôi.

11

Dưới đây là một số đoạn trích trong cuốn sách "Những lời nói của thằng ngốc" của triết gia Maggơ.

*

Thằng ngốc tin rằng tất cả mọi người, trừ hẳn ta, đều là những thằng ngốc.

*

Tình yêu thiên nhiên của chúng ta được giải thích bằng việc, thiên nhiên không căm ghét, cũng không ghen tị với chúng ta.

*

Cách sống khôn ngoan nhất là không có trường hợp nào vi phạm vào phong tục tập quán mà vẫn coi thường chúng được.

*

Chúng ta muốn tự hào hơn cả với cái mà chúng ta không có.

*

Không ai phản đối việc phá vỡ các thần tượng. Đồng thời cũng không ai phản đối việc chính mình trở thành thần tượng. Tuy nhiên, chỉ những ai được ban thưởng ân huệ đặc biệt của thần thánh mới đứng vững được trên bệ thần tượng ấy - đó là những thằng ngốc, những phạm nhân và những anh hùng (Chỗ này Krabac đánh dấu bằng móng tay).

*

Chắc chắn mọi tư tưởng cần cho cuộc đời của chúng ta đã được nói tới từ ba nghìn năm trước. Việc còn lại của chúng ta, có lẽ chỉ là ở chỗ thêm vào nó một ngọn lửa mới.

*

Đặc điểm của chúng ta là luôn luôn phải vượt qua nhận thức của riêng mình.

*

Nếu như hạnh phúc không thể có được mà không phải đau đớn, về sự thanh bình không thể có được mà không phải thất vọng, thì?

*

Bảo vệ cho bản thân mình khó hơn là bảo vệ cho người ngoài. Thế nhưng ta lại nhìn ông trạng sư với vẻ ngờ vực.

*

Kiều ngạo, dâm bạo, hoài nghi - đó là ba nguyên nhân của tất cả mọi thói tật xấu mà người ta đã biết dựa vào kinh nghiệm của ba nghìn năm gần đây. Và chắc hẳn nó cũng là nguyên nhân của tất cả mọi thứ đạo đức.

*

Kiểm chế được những nhu cầu về vật chất hoàn toàn không nhất thiết dẫn tới hoà bình. Để tìm thấy hoà bình cần phải kiểm chế cả nhu cầu về tinh thần (ở đây Krabác cũng để dấu tay mình lại).

*

Chúng ta, loài kappa, kém hạnh phúc hơn so với con người. Loài người phát triển không giống như loài kappa (Đọc những dòng này, tôi không nén được tiếng cười).

*

Thực hiện được tức là có thể, và có thể cũng tức là thực hiện được. Rốt cuộc đời chúng ta không thoát được cái vòng luẩn quẩn đó. Nói cách khác, trong cuộc đời chẳng có một lô gích nào hết.

*

Sau khi đã lảm cẩm, Bôđơle thể hiện thế giới quan của mình chỉ bằng một từ, hình như từ đó là - "đần bà". Song để tự thể hiện bản thân thì ông cần phải nói như vậy. Ông đã quá tin vào thiên tài của mình, thiên tài của nhà thơ đảm bảo cho ông tồn

tại. Và do đó, ông quên một từ khác. Từ đó là "da dày" (ở đây cũng lại có dấu móng tay của Krabac).

Nếu tất cả đều chỉ trông cậy vào lý trí, thì nhất định chúng ta sẽ đi đến chỗ phủ định sự tồn tại của bản thân mình. Còn như cái ông Bôđôle kia thần thánh hóa lý trí mà được hạnh phúc trong đời mình lại một lần nữa chứng minh tình trạng lạc hậu của loài người so với loài kappa.

12

Có lần nào một hôm khá mát mẻ tôi đọc đến phát ngáy lên cuốn sách "Những lời nói của thằng ngốc", tôi cất bước đến chỗ triết gia Maggơ. Tại một góc của lối ngõ hẹp vắng vẻ nào đó, bỗng nhiên tôi nhìn thấy một con kappa gầy dẹt như con muỗi đang uể oải đứng tựa lưng vào tường. Không thể nhầm được, đúng là con kappa mà trước đây đã ăn cắp chiếc bút máy của tôi. "Mày bị tóm rồi!" Nghĩ thế rồi tôi lập tức vẫy gọi một viên cảnh sát to lớn đang đi ngang qua.

- Ông làm ơn bắt giúp con kappa ở đằng kia cho tôi với, - tôi nói. - Cách đây gần một tháng hần ăn cắp chiếc bút máy của tôi.

Viên cảnh sát gờ dùi cui lên (ở nước này thay vì đeo kiếm, cảnh sát mang dùi cui bằng gỗ thủy tùng) và hét tên kẻ cắp: "Hây, tên kia, lại đây !" Tôi lo hần chạy mất. Nhưng hoàn toàn không phải thế.

Hắn rất điềm tĩnh tiến lại chỗ viên cảnh sát. Hơn thế nữa, sau khi làm dấu thánh trên ngực, chẳng hiểu sao hắn khinh mạn nhìn thẳng vào mặt chúng tôi. Ấy vậy mà điều đó lại không làm viên cảnh sát tức giận, anh ta vẫn lấy trong chiếc túi đeo trước bụng cuốn sổ tay ghi chép.

- Tên gì?

- Grúc!

- Làm nghề gì?

- Trước đây ít lâu làm người đưa thư.

- Tốt. Cái ông người này khẳng định anh lấy cắp chiếc bút máy của ông ta.

- Đúng. Chuyện đó xảy ra gần một tháng trước.

- Lấy cắp để làm gì?

- Để cho con tôi chơi.

Viên cảnh sát quắc mắt nhìn vào Grúc:

- Đứa trẻ ấy làm sao?

- Nó đã chết tuần trước.

- Thế anh có mang giấy khai tử theo mình không?

Con kappa gầy còn rút trong chiếc túi đeo ở bụng một tờ giấy và đưa cho viên cảnh sát. Anh ta đảo mắt nhìn tờ giấy rồi mỉm cười, vỗ nhẹ vào vai Grúc mà nói:

- Mọi chuyện đều ổn cả. Xin lỗi vì làm phiền anh.

Tôi hoàn toàn sống sót nhìn chăm chăm vào viên cảnh sát. Con kappa gầy còm lăm bắm điều gì đó, rồi ra đi. Cuối cùng khi định thân lại, tôi hỏi:

- Tại sao ông thả hấn?

- Anh ta vô tội, - viên cảnh sát đáp.

- Nhưng đúng là hấn ăn cắp chiếc bút... của tôi.

- Anh ta lấy cắp để cho con mình chơi, nhưng đứa trẻ đã chết rồi. Nếu như ông có điều chi nghi vấn, xin mời ông đọc mục một nghìn hai trăm tám mươi lăm của bộ luật hình.

Viên cảnh sát quay lưng về phía tôi, rồi bước đi mau. Tôi còn biết làm gì bây giờ? Tôi vội vàng đen chỗ Maggơ, luôn luôn nhắm đi nhắm lại: "Mục một nghìn hai trăm tám mươi lăm bộ luật hình".

Triết gia Maggơ rất quý khách. Hôm ấy trong căn phòng tranh tối tranh sáng của ông ta, thấy tế tộu nào quan tòa Bepp, bác sĩ Tsacc, giám đốc hãng thủy tinh Ghêrơ. Mọi người đều hút thuốc, khói bay đến tận chiếc đèn lồng bảy màu. May mắn nhất đối với tôi là có mặt quan tòa Bepp ở đây. Chỉ vừa ngồi xuống, tôi đã quay sang chỗ ông ta, thay vì hỏi cái mục một nghìn hai trăm tám mươi lăm, tôi đã hỏi câu khác:

- Muôn ngàn lần xin lỗi ngài Bepp. Xin ngài vui lòng nói cho tôi biết, ở đất nước của quý ngài, người ta có trừng phạt các tội phạm không?

Bepp thư thả nhả khói từ điều thuốc lá có đường chỉ vàng viền quanh và với bộ mặt ngao ngán trả lời:

- Tất nhiên là người ta trừng phạt. Thậm chí dùng tới cả án tử hình.

- Chả là tháng trước...

Sau khi kể tỉ mỉ câu chuyện mất bút máy, tôi bèn hỏi nội dung điều mục một nghìn hai trăm tám mươi lăm bộ luật hình.

- À, - Bepp nói, mục đó viết thế này: "Bất cứ tội nặng đến đâu đi nữa, người phạm tội cũng sẽ không bị trừng phạt sau khi nguyên nhân hoặc hoàn cảnh gây ra việc phạm tội đó đã mất đi". Bây giờ lấy trường hợp của ngài. Vụ án cấp đó diễn ra khi con kappa này là một người bố, song bây giờ anh ta không còn là bố nữa, do đó tội của anh ta tự nhiên cũng không còn tồn tại nữa.

- Thật là vô lý!

- Không có gì là vô lý cả. Chỉ phi lý nếu như đánh ngang hàng con kappa *đã là* bố với con kappa *đang là* bố mà thôi. Vả lại, xin ngài thứ lỗi, bởi vì luật của nước Nhật Bản trong trường hợp này lại không thấy có sự khác nhau nào. Xin ngài thứ lỗi, nhưng mà đối với chúng tôi thì điều đó dường như là lỗ bịch. Kha - kha - kha!

Và sau khi quăng bỏ mẩu thuốc lá, Bepp cười phá lên chói tai. Lúc này bác sĩ Tsacc với khuôn mặt khác xa với vị làm luật đã tham gia vào câu chuyện. Sửa lại chiếc kính cặp mũi, anh ta hỏi tôi:

- Ở nước Nhật Bản có án tử hình không?

- Dĩ nhiên là có. Tử hình bằng cách treo cổ!

Lạ lùng vì sự lãnh đạm của Bepp, tôi vội nói thêm với ý châm chọc:

- Song ở đất nước các vị chắc chắn là tử hình bằng phương pháp văn minh hơn phải không?

- Vâng, chúng tôi xử tử bằng cách vắn mình hơn, - Bepp vẫn bình tĩnh như trước và khẳng định. - Nước chúng tôi không xử tử bằng cách treo cổ. Một đôi khi có dùng đến điện để làm việc đó. Song nói chung chúng tôi không cần đến điện. Thông thường ở nước tôi người ta chỉ đơn giản là tuyên bố trước kẻ phạm tội tên gọi của tội ác mà thôi.

- Và kẻ phạm tội chết vì điều đó sao?

- Hoàn toàn đúng như thế, hắn ta chết. Xin ngài chớ quên rằng cơ quan thần kinh của loài kappa chúng tôi nhạy hơn rất nhiều so với loài người của các ngài.

- Cái phương pháp đó chẳng những được áp dụng để xử tử, mà còn để giết người nữa cơ đấy. - Viên giám đốc hãng thủy tinh Ghêrô nói. Lúc này toàn thân ông ta có cái màu tím nhạt do những tia ánh sáng nhiều màu rơi vào và ông ta mỉm cười với tôi, vẻ khoan khoái. - Rất mới đây thôi, một nhà xã hội gọi tôi là tên kẻ cắp, và thế là suýt nữa tôi chết vì vỡ tim.

- Chuyện này xảy ra thường xuyên hơn chúng ta tưởng. Cách đây không lâu, một ông trạng sư quen của tôi đã chết vì thế.

Triết gia Maggơ đã nói điều trên và tôi quay về phía ông ta. Chẳng nhìn ai, Maggơ vẫn tiếp tục nói với nụ cười mai mỉa quen thuộc của mình:

- Có ai đó đã gọi ông ta là con ếch... Tất nhiên, ngài đã biết rằng ở nước chúng tôi mà bị gọi là ếch thì chẳng khác nào gọi đó là tên đại bản tiện... Thế

là ông ta bắt đầu nghi ngờ, rồi thâu đêm suốt sáng xem liệu ông ta có phải là ếch hay không phải là ếch, và cuối cùng ông ta chết.

- Có lẽ đấy là vụ tự tử, - tôi nói.

- Song dấu sao người ta gọi ông ta là con ếch cũng là với ý đồ giết chết ông ta. Còn theo quan điểm của loài người các ngài, thì có thể coi đó là tự tử...

Vào đúng lúc ấy thì ở bên kia tường là ngôi nhà của thi sĩ Tôcc có tiếng nổ đánh của đạn súng lục như xé toang bầu không khí.

13

Ngay lập tức chúng tôi đâm bổ sang bên đó. Tôcc nằm trên sàn ở giữa các chậu cây cảnh vùng núi cao. Tay phải anh ta còn nắm chặt khẩu súng lục và trên chòm đầu máu đang chảy ra. Bên cạnh anh ta, con kappa cái áp mặt vào ngực anh ta khóc nức nở. Tôi đặt tay lên vai cô ta và nâng dậy (thường tôi tránh động vào lớp da trơn tuột của loài kappa). Tôi hỏi cô ta:

- Chuyện gì xảy ra vậy?

- Em không biết. Em không biết gì hết. Anh ấy ngồi viết cái gì đó rồi bỗng đứng bắn vào đầu mình... Em biết làm gì bây giờ đây? Qur-rr... Qur-rr.r. (loài kappa khóc như vậy đấy).

Giám đốc hãng thủy tinh Ghêrơ buồn bã lắc đầu và nói với quan tòa Bepp.

- Tất cả cái thói đỏng đảnh này rồi ra sẽ dẫn đến đâu nhỉ?

Bepp không trả lời gì cả và vẫn hút điếu thuốc lá có đường viên vàng. Bác sĩ Tsacc, sau khi ngồi chồm hồm để xem xét vết thương, đã đứng dậy nói với tất cả mọi người bằng cái giọng nghề nghiệp của mình.

- Mọi chuyện đã rõ. Tôcc bị bệnh đau dạ dày, và chỉ nội chuyện đó không thôi đã đủ làm cho anh ta yếu đi nhiều lắm.

- Tuy nhiên, xin hãy xem, - triết gia Maggơ nói như cố biện bạch cho người tự tử, - hình như có thứ ở đâu đây này.

Ông cầm lấy tờ giấy ở trên mặt bàn. Tất cả (dĩ nhiên là trừ tôi) đều quay lại phía sau ông, ngھn cổ nhìn qua đôi vai rộng của ông ta để xem mẫu thư.

"Hãy đứng lên và ra đi

Tôi miễn thung lũng che chở cho sự thanh bình của ta

Ở nơi đây chỉ có những trái đồi thiêng và nguồn nước trong lành.

Và có mùi thơm ngọt ngào của cây cỏ lá hoa".

Maggơ quay về phía chúng tôi cười chua chát:

- Đây là chuyện ăn cắp văn chương. "Miniôna" của Gôt đấy mà. Có lẽ Tôcc đi đến chỗ tự tử còn bởi vì với tư cách nhà thơ thì anh đã tàn rồi.

Đúng vào lúc ấy một chiếc xe hơi dừng lại ở bên cạnh nhà Tôcc. Krabác đã đến. Anh ta yên lặng đứng một hồi lâu ở cửa ra vào nhìn lên thi thể Tôcc. Sau đấy anh tiến về phía chúng tôi và hét vào mặt Maggơ.

- Đây là di chúc của anh ta phải không?

- Không. Đây là những vần thơ cuối cùng của anh ta.

- Thơ à?

Tóc trên đầu Krabác dựng đứng hẳn lên. Maggơ bao giờ cũng điềm nhiên, đưa cho anh ta mẫu giấy. Chẳng thèm nhìn ai nữa, Krabác dán mắt vào những dòng thơ. Anh ta đọc, rồi đọc lại gần như không chú ý gì tới những câu hỏi của Maggơ.

- Ông nghĩ gì về nguyên nhân cái chết của Tôcc?

- *Hãy đứng lên... Đến một lúc nào đó ta cũng sẽ chết... Tôi miễn thung lũng che chở cho sự thanh bình của ta...*

- Bởi vì ông hình như là một trong số các bạn hữu thân thiết nhất của Tôcc phải không ạ?

- Bạn hữu à? Tôcc không bao giờ có bạn hữu cả.

Tôi miễn thung lũng che chở cho sự thanh bình của ta... Tiếc thay, Tôcc... ở nơi đây chỉ có những trái đồi thiêng...

- Tiếc thay cái gì cơ chứ?

- *Nguồn nước trong lành...* Anh thật là hạnh phúc... *Ở nơi đây chỉ có những trái đồi thiêng...*

Con kappa cái của Tôcc vẫn khóc. Tôi rất

thương và rồi đã xốc vai nó, đưa tới giường kê ở góc phòng. Ở đây chắc không còn phải hồ nghi gì nữa một con kappa con hai ba tuổi đang cười. Tôi đặt con kappa cái ngối xuống rồi cầm lấy đôi tay con kappa con lắc lắc nó. Tôi cảm thấy trên đôi mắt mình nước mắt trào ra. Đây là trường hợp đầu tiên và duy nhất tôi khóc khi tôi ở đất nước của các thủy dân.

- Đáng thương thay cho gia đình kẻ vô công rồi nghề. - Ghêrơ nhật xét.

- Vâng, những kẻ như vậy nào có nghĩ đến chuyện gì xảy ra sau họ đâu. Quan tòa Bepp đáp lại và tiếp tục châm điếu thuốc quen thuộc của mình.

Tiếng gào chói tai của Krabäck làm chúng tôi giật mình. Vung mạnh tờ giấy viết thơ, Krabäck hét lên mà chẳng hướng đến ai hết.

- Tuyệt cú mèo! Đây sẽ là tang khúc tuyệt trần đời!

Đôi mắt ti hí sáng lóe lên, anh ta vội vã bắt tay Maggơ và đâm bỏ ra cửa. Lúc này ở bên cửa có một nhóm khá đông - tất nhiên là hàng xóm láng giềng của Tôcc đang tò mò nhìn vào căn phòng. Krabäck hùng hổ đẩy họ ra và nhảy tót vào xe của mình. Ngay giây phút đó chiếc xe kêu ồn lên lao đi và biến mất trong góc phố.

- Nào, nào, tránh xa nào, có gì mà phải nhìn với ngó. - Quan tòa Bepp hét vào mặt những kẻ tò mò.

Nhận trách nhiệm của viên cảnh sát, ông ta đuổi đám đông đi rồi khóa trái cửa lại. Chắc hẳn vì

thế mà căn phòng đột nhiên yên tĩnh. Trong không khí yên tĩnh này - và cả trong cái vẻ ngọt ngào do mùi hoa rừng trong chậu cây cảnh và mùi máu của Tocc - chúng tôi đã bàn chuyện tang lễ. Chỉ có triết gia Maggơ lặng lẽ, lơ đãng nhìn lên xác chết và trầm tư nghĩ ngợi về điều gì đó. Tôi vỗ nhẹ vào vai ông và hỏi:

- Ông nghĩ gì vậy?

- Về cuộc sống của loài kappa.

- Để làm gì kia?

- Để cuộc sống của chúng tôi làm chúng tôi thỏa mãn thì loài kappa chúng tôi - dù ở bất kỳ đâu, - không hiểu sao Maggơ ngưng ngưng hạ giọng, - dù ở bất kỳ đâu, cũng cần phải tin vào cái sức mạnh của kẻ không phải là kappa.

14

Lời nói của Maggơ làm cho tôi nhớ tới tôn giáo. Là một người duy vật, tất nhiên không bao giờ tôi có thái độ nghiêm túc đối với tôn giáo cả. Nhưng bây giờ xúc động trước cái chết của kappa bỗng nhiên tôi nghĩ: Vậy thì tôn giáo ở đất nước của các thủy dân này là gì? Tôi liền hỏi ngay chàng sinh viên Rapp câu hỏi ấy.

- Chúng tôi có Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo, đạo Lửa, - cậu ta đáp. - Song có ảnh hưởng lớn nhất chính là cái gọi là "Tân giáo". Người ta còn gọi

nó là "Đạo Sống" (có thể "Đạo Sống!" không hoàn toàn là cách dịch chính xác. Trong ngôn ngữ của loài kappa từ đó là Kuêmutsa. Vĩ từ "tsa" tương ứng với vĩ từ "ism" trong tiếng Anh. Còn từ căn "Kuêmal" của từ "Kuêmu" biểu thị không chỉ là "sống", "tồn tại" mà còn là "ăn no", "uống rượu", và "giao hợp").

- Vì vậy, trong đất nước này cũng có các công xã, đền chùa, nhà thờ chứ?

- Ở đây chẳng có gì đáng buồn cười cả đâu. Đại giáo đường của Tân giáo là một công trình lớn nhất trong nước. Ông có muốn tới xem không?

Và thế là vào một hôm sương mù ngọt ngào Rapp đã kiêu hãnh đưa tôi tới thăm Đại giáo đường. Quả thật tòa nhà khổng lồ này còn nguy nga gấp chục lần nhà thờ Nicôlaiép ở Tôkiô. Hơn nữa, trong tòa nhà này lại là hỗn hợp đủ các kiểu kiến trúc muôn mẫu muôn vẻ. Đứng trước giáo đường này và nhìn lên những tháp cao chót vót và những vòm cong, tôi có cảm giác giống như là một sự sợ hãi. Những đỉnh tháp cứ như thể là vô số ngón tay đâm thẳng lên bầu trời. Chúng tôi đứng trước cổng chính (nếu so với nó thì chúng tôi nhỏ bé đến thảm hại làm sao), chúng tôi ngẩng đầu nhìn mãi cái công trình lạ lùng này, hay đúng hơn là con quái vật kỳ dị này.

Các gian trong giáo đường rộng mênh mông. Ở giữa các hàng cột vô số kappa đến cầu nguyện đi đi lại lại. Tất cả bọn họ cũng như tôi và Rapp ở đây đều hoàn toàn nhỏ xíu. Chẳng bao lâu chúng tôi

gặp một con kappa gù đã đứng tuổi. Rapp cúi đầu chào rồi cung kính nói:

- Kính thưa đức cha bề trên, con rất vui mừng được thấy đức cha mạnh khỏe.

Ông già cũng gật đầu chào chúng tôi và lịch thiệp đáp lời:

- Nếu tôi không lầm thì ngài là ngài Rapp phải không? Tôi hy vọng ngài cũng... - Có lẽ lúc này ông ta nhận ra cái mỗ của Rappa mục nát đã rụng đi - À à... Dạ... Dù sao tôi cũng hy vọng là ngài không đau đớn lắm...

- Con đưa ngài này đến giáo đường, - Rapp nói. - Chắc hẳn đức cha bề trên cũng đã biết, ngài này...

Rồi Rapp bắt đầu kể tràng giang đại hải về tôi. Dường như bằng những lời giải thích ấy, cậu ta muốn làm cho ông già hiểu rằng do những cuộc thăm viếng giáo đường thời gian gần đây, có nhiều điều đặc biệt quan trọng lôi cuốn cậu ta.

- Dạ... và tiện thể con muốn đức cha chỉ giáo cho ngài đây biết tòa giáo đường ạ.

Mỉm cười độ lượng, vị đức cha bề trên này chào tôi rồi lặng lẽ đưa tôi tới bệ thờ ở tiền sảnh.

- Tôi rất sẵn lòng giới thiệu cho ngài tất cả, - ông ta nói. - Song tôi e rằng sẽ không giúp ích gì đặc biệt được cho ngài. Tín đồ chúng tôi thờ phụng "Cây Sống" được đặt trên bệ thờ ở đây. Xin ngài hãy nhìn xem, trên "Cây Sống" có những trái vàng và xanh đang chín. Những trái vàng được gọi là "trái thiện", còn trái xanh gọi là "trái ác".

Tôi nghe ông ta rồi bắt đầu thấy ngán không chịu nổi. Những lời cất nghĩa lịch thiệp của vị cha đạo này vang lên y như những chuyện ngụ ngôn cũ rích, nhằm tai. Tất nhiên tôi làm ra vẻ cố không bỏ sót lời nào của ông ta, song thỉnh thoảng vẫn đảo mắt nhìn trộm xem cấu trúc bên trong giáo đường.

Những hàng cột theo kiểu Kôrin, những mái vòm theo kiểu gôgích, sàn khảm theo kiểu người Môrơ, những chiếc bàn nhỏ cầu kính theo kiểu môđéc - tất cả cái đó cùng một lúc gây ra ấn tượng về một cái đẹp hoang dại lạ lùng. Những thứ hấp dẫn lôi cuốn sự chú ý của tôi nhất chính là những tượng bán thân bằng đá để trong các khám xung quanh bệ thờ. Không hiểu sao tôi cảm thấy những bức tượng đó rất quen thuộc với tôi. Và tôi đã không lầm. Sau khi giải thích về "Cây Sống" xong, vị cha đạo gù dẫn tôi và Rapp tới chiếc khám đầu tiên phía bên phải, chỉ vào pho tượng bán thân và nói:

- Đây là một trong số các vị thánh của chúng tôi - Xtrinhéc, người chống lại tất cả. Vị này được coi là vị thánh chịu đau khổ nhiều và lâu, sau đó được cứu thoát nhờ triết lý của Xrêdenboc⁽¹⁾. Song thực tế là ông đã không thoát. Cũng như chúng tôi, ông đã theo "Đạo Sống". Hay đúng hơn ông buộc phải theo đạo này. Các ngài hãy cứ thử đọc cho dù chỉ là một tác phẩm "Truyền thuyết" mà vị thánh này để lại

⁽¹⁾ Xrêdenboc Emmanuyen (1699-1772) - nhà bác học, nhà triết học và nhà thần học của Thụy Điển.

cho chúng tôi. Trong đó chính ông nhận đã tự kết liễu đời mình.

Tôi buồn bã nhìn sang khám tiếp sau. Trong khám này có đặt pho tượng bán thân một người Đức rậm râu.

- Còn đây là Nisô, thi - ca sĩ của người hùng. Vị thánh này được cứu thoát khỏi con người siêu nhân mà chính ông sáng tạo ra. Hơn nữa, sau khi được cứu thoát, ông không thể không mất trí. Ví như không mất trí, có thể là ông đã không trở thành thánh...

Vị cha đạo yên lặng một lúc rồi đưa chúng tôi tới khám thứ ba.

- Vị thánh thứ ba của chúng tôi là Tônxtôi. Vị thánh này hành hạ mình hơn mọi người. Vì xuất thân từ gia đình quý tộc mà lại phải biểu lộ nỗi thống khổ của mình trước đám đông tò mò thì ông không chịu nổi. Vị thánh này ra sức tin vào đức Chúa, mà dĩ nhiên không thể nào tin được. Ấy thế mà ông đã công khai tuyên bố rằng ông tin. Và đến tuổi mãn chiều xế bóng, ông đã trở thành kẻ nói dối tồi tệ. Tuy nhiên, mọi người đều biết rõ vị thánh này đôi khi sợ hãi trước cái xà ngang trên trần phòng làm việc của mình. Nhưng ông đã không tự tử, - có lẽ vì thế mà người ta coi ông là thánh.

Trong khám thứ tư nổi lên tượng bán thân một người Nhật Bản. Sau khi nhìn lên khuôn mặt người Nhật này và biết rõ về ông, thì tất nhiên là tôi cảm thấy buồn.

- Đây là Kunikida Doppô, - cha đạo nói. - Nhà

thợ, người hiểu thấu đến tận cùng tâm hồn của người thợ, chết dưới bánh tàu hỏa. Thiết nghĩ nếu nói với các ngài một điều gì thêm nữa về ông ta sẽ không có ý nghĩa gì. Xin mời các ngài ta xem khám thứ năm...

- Hình như đây là Vácne phải không ạ?

- Vâng. Nhà cách mạng, bạn của vua. Vị thánh Vácne đến tuổi xế chiều thậm chí cầu nguyện cả lúc bữa ăn. Song dù sao ông cũng là môn đồ của "Đạo Sống" hơn là một con chiên Thiên Chúa giáo. Qua các bức thư Vácne để lại sau khi chết mới thấy rõ rằng những nỗi thống khổ trên trần thế nhiều khi làm vị thánh này nghĩ đến cái chết.

Vị cha đạo vẫn còn nói về Vácne ngay cả khi chúng tôi đã đứng trước chiếc khám thứ sáu.

- Còn đây là bạn của thánh Xtrinbéc - một họa sĩ người Pháp⁽¹⁾. Ông ta đã bỏ bà vợ có nhiều con của mình và lấy một con bé mười bốn tuổi ở đảo Tahiti. Trong mạch máu của vị thánh này có dòng máu của người thủy thủ. Nhưng các ngài hãy nhìn xem đôi môi ông ta. Chúng bị thạch tím hoặc một thứ gì đại loại như thế ăn mòn. Còn ở khám thứ bảy... Nhưng có lẽ các ngài cũng đã mệt. Xin mời các ngài đi lại đây.

Thật tình tôi cũng đã mệt. Theo sau vị cha đạo, tôi và Rapp đi qua một hành lang sực nức mùi hương thơm và rồi chúng tôi rơi vào một căn phòng. Căn phòng nhỏ ở một góc nổi lên bức tượng đen Vệ

⁽¹⁾ Họa sĩ người Pháp, - ý nói Gôganh.

nữ mà dưới chân có chùm nho. Tôi đoán đây là phòng tịnh trai nghiêm ngặt, không có một thứ gì trang trí và tôi cũng thấy bối rối đôi chút. Chắc hẳn vị cha đạo cũng cảm thấy nỗi băn khoăn của tôi. Trước khi bảo chúng tôi ngồi, ông nói về thông cảm:

- Xin các ngài đừng quên rằng đạo của chúng tôi đó là "Đạo Sống". Bởi vì thượng đế của chúng tôi... "Cây Sống" của chúng tôi dạy rằng: "Hãy sống cật lực". Vâng, đúng thế, thưa ngài Rapp, chắc ngài đã nói cho ngài này biết Kinh thánh của chúng tôi rồi chứ ạ?

- Chưa ạ, - Rapp đáp và vừa gãi vào chỗ lõm trên đỉnh đầu mà thành thật thú nhận: - Nói cho đúng ra thì con, chính con cũng chưa đọc Kinh thánh đó cho đến nơi đến chốn đâu ạ!

Vẫn giữ nụ cười điềm đạm như trước, vị cha cố tiếp tục:

- Thế thì tất nhiên là ngài sẽ không hiểu hết mọi điều. Thượng đế của chúng tôi sáng tạo ra vũ trụ trong một ngày ("Cây Sống" tuy chỉ là một cây, song đối với nó không cái gì là không thể làm được). Hơn nữa, Người sáng tạo thêm cả con cái. Con cái sau lúc buồn phiền đã bắt đầu tìm con dục. Thấu hiểu nỗi buồn của con cái, Thượng đế của chúng tôi đã nói với một cặp vợ chồng kappa đầu tiên rằng: "Hãy ăn cho no, hãy giao hợp nhau và hãy sống cật lực...".

Khi nghe vị cha đạo, tôi nhớ đến thi sĩ Tôcc. Bất hạnh thay vì thi sĩ Tôcc cũng như tôi và những kẻ

vô thân. Tôi không phải là kappa, do đó không có khái niệm về "Đạo Sống". Song Tôcc tái sinh ra và sống suốt đời ở đất nước của các thủy dân này, không thể không biết "Cây Sống" là gì. Tôi thấy thương tiếc cho Tôcc đã không tiếp thụ học thuyết này và tôi đã ngắt lời vị cha đạo rồi hỏi xem ông ta nghĩ gì về thi sĩ này.

- À, thật đáng thương cho thi sĩ ấy, - vị cha đạo thở dài nảo nuốt mà nói. - Cái gì quyết định số phận chúng ta? Tín ngưỡng, hoàn cảnh, thời cơ. Chắc hẳn các ngài sẽ bổ sung thêm tính di truyền. Tiếc thay ngài Tôcc lại không đi đạo.

- Nhưng chắc chắn Tôcc thêm muốn được như ngài. Cả tôi đây cũng thêm muốn. Còn tuổi trẻ như Rapp đây thì...

- Ví như cái mỡ của tôi mà còn nguyên vẹn thì có lẽ tôi là một người lạc quan.

Sau khi nghe chúng tôi xong, vị cha đạo lại thở dài nảo nùng. Mắt ông ta giàn giụa nước mắt và lặng lẽ nhìn vào bức tượng Vệ nữ.

- Nói thật ra... - ông ta thốt lên. - Xin các vị đừng nói điều này với ai, đây là bí mật của tôi... Nói thật ra tôi cũng không đủ sức để tin vào Thượng đế của chúng tôi. Rồi một lúc nào đó những lời cầu nguyện của tôi... Vị cha đạo không kịp nói hết câu thì đúng lúc ấy cánh cửa mở toang ra một con kappa cái to lớn lao vào rồi đâm bổ tới ông ta. Chúng tôi định ngăn nó lại nhưng trong khoảnh khắc nó đã đè bẹp được vị cha đạo xuống sàn.

- Mi là một lão già bản tiện, đốn mạt! - Nó hét lên ồm tỏi. - Hôm nay mi lại cuỗm tiền trong ví bà để đi nốc rượu!

Mười phút sau, bỏ mặc vị cha đạo và vợ ông ta ở lại gần như chạy, chúng tôi leo xuống bậc thêm giáo đường. Chúng tôi yên lặng một hồi, rồi Rapp nói:

- Bây giờ mới hiểu vì sao mà đức cha cũng không tin vào "Cây Sống".

Tôi không đáp lại. Tôi buồn bực nhìn toà giáo đường. Vẫn như trước, toà giáo đường có những tháp nhọn, những vòm cong vươn lên bầu trời mù sương như vô số ngón tay chọc thẳng lên trời. Và nó đã làm ta phảng phất như gặp phải nỗi hải hùng mà ta biết nhưng ở dưới dạng những ảo ảnh trong sa mạc...

15

Khoảng gần một tuần sau đó bất ngờ tôi nghe được một tin hết sức lạ lùng từ bác sĩ Tsacc. Dường như trong ngôi nhà của thi sĩ Tôcc quá cố có ma. Thời gian này thì cô bạn chung sống với người bạn bất hạnh của chúng ta đã đi đâu đó rồi, và ngôi nhà được dùng làm một hiệu ảnh. Theo lời Tsacc thì tất cả các bức ảnh được chụp tại hiệu ảnh này, ở phía sau ảnh người chụp cứ thấy xuất hiện hình bóng mờ mờ của Tôcc. Thế mà Tsacc thì lại là một nhà duy vật kiên định không tin vào cuộc sống sau khi chết. Sau khi kể tất cả cho tôi nghe xong, anh ta cười

thâm độc mà bình phẩm: "Cũng nên coi cái bóng ma ấy có tính vật chất như chúng tôi và các anh". Tôi cũng không tin có ma và về vấn đề này thì tôi cũng chẳng khác gì mấy so với Tsacc. Song tôi lại rất yêu Tôcc, do đó tôi vội vàng ra hiệu sách mua tất cả các báo chí có bài nói về bóng ma Tôcc cùng với ảnh bóng ma. Và quả thật trên các bức ảnh ở phía sau lưng những con kappa già và trẻ, ta thấy một hình bóng mờ ảo như một cái gì đó gợi cho ta nhớ tới thân hình Tôcc. Những bài báo về bóng ma Tôcc còn làm cho tôi ngạc nhiên hơn cả những tấm ảnh bóng ma, đặc biệt là bản tường trình của Hội Chiêu hồn. Tôi đã dịch gần như sát từng từ một bài báo đó để cho mình, và tôi dẫn ra dưới đây theo trí nhớ:

"Tường trình về cuộc nói chuyện với bóng ma thi sĩ Tôcc" ("Tạp chí của Hội chiêu hồn", số 8274).

Phiên họp đặc biệt của Ủy ban Hội Chiêu hồn được tổ chức tại cựu dinh thự của thi sĩ Tôcc đã tự tử, hiện nay là hiệu ảnh của Imiarek - Tòa nhà số 254 phố N.N. Các thành viên của Hội đã dự phiên họp (tôi đã lược bỏ tên).

Chúng tôi mười bảy thành viên của Hội đứng đầu là ngài Pêcc, chủ tịch Hội, vào ngày hai mươi bảy tháng Chín, hồi mười hai giờ ba mươi phút sáng đã họp mặt tại một trong số các căn phòng của hiệu ảnh nhắc tới ở trên. Cùng với chúng tôi, còn có quý bà Khôpp với tư cách là người có tài trong lĩnh vực thần giao cách cảm mà chúng tôi tin cậy vô hạn. Chỉ vừa mới vào hiệu ảnh đó, ngay lập tức quý bà

Khôpp đã cảm thấy có một vị thần đang tiến đến gần. Thế là bà bắt đầu co giật như động kinh và ngã lên ngã xuống mấy lần. Theo lời bà điều đó xảy ra là vì ngài Tôcc quá cố lúc sinh thời nghiện thuốc lá nặng, cho nên bây giờ linh hồn của ông ta ngấm chất nicôtin.

Các thành viên Ủy ban và quý bà Khôpp lặng lẽ ngồi xung quanh chiếc bàn tròn. Ba phút hai mươi lăm giây sau đó đột nhiên quý bà Khôpp như bước vào tình trạng xuất thần và linh hồn Tôcc đã nhập vào bà. Chúng tôi, các thành viên của Ủy ban, lần lượt theo thứ tự tuổi tác, đã hỏi linh hồn ngài Tôcc đang nhập vào quý bà Khôpp những câu sau đây và được những câu trả lời sau đây:

Hỏi: Ông lại đến thăm thế giới này để làm gì?

Đáp: Để tìm hiểu niềm vinh quang sau khi chết.

Hỏi: Có phải ông cùng tất cả các vị thần đều khao khát niềm vinh quang ngay cả sau khi chết rồi không?

Đáp: Dù sao thì tôi cũng không thể không khao khát. Song một thi sĩ người Nhật Bản mà có lần tình cờ tôi gặp - lại khinh bỉ niềm vinh quang sau khi chết.

Hỏi: Ông có biết tên của thi sĩ đó⁽¹⁾ không?

Đáp: Rất tiếc, tôi đã quên tên ông ta. Tôi chỉ nhớ mỗi bài thơ rất đáng yêu của ông ta thôi.

Hỏi: Bài thơ đó thế nào?

⁽¹⁾ Ý nói thi sĩ Baxiô nổi tiếng của Nhật Bản.

Đáp: Chiếc đầm cũ.

Con ếch nhảy xuống nước

Làm ì ằm trong cảnh lặng im.

Hỏi: Và ông cho rằng đó là bài thơ xuất sắc?

Đáp: Dĩ nhiên tôi không cho bài thơ đó là dở. Chỉ có điều tôi muốn đổi từ "Con ếch" thành "Con kappa" và thay từ "nhảy" bằng từ "bay vút".

Hỏi: Tại sao?

Đáp: Giống kappa chúng ta có đặc tính là trong bất cứ tác phẩm nghệ thuật nào cũng kiên trì tìm kiếm kappa.

Đến đây thì ngài Pêcc, chủ tịch Hội đã xen vào cuộc nói chuyện và nhắc nhở các thành viên của Ủy ban rằng họ đang ở buổi lễ cầu hồn, chứ không phải trong buổi tọa đàm văn chương.

Hỏi: Cách sống của các vị thần như thế nào?

Đáp: Chẳng có gì khác với cách sống của các vị.

Hỏi: Vậy thì ông thấy có hối tiếc về việc ông tự tử không?

Đáp: Tất nhiên, không. Nếu như chán cuộc đời của bóng ma thì tôi lại sẽ cầm khẩu súng lục và kết liễu đời mình bằng tự phục sinh.

Hỏi: Thế kết liễu bằng tự phục sinh có dễ dàng không?

Bóng ma Tôcc đã bác bỏ câu hỏi này bằng một câu hỏi. Cách này của Tôcc thì tất cả mọi người biết ông lúc sinh thời đều hiểu rõ.

Đáp: Vậy thử hỏi kết liễu đời mình bằng tự tử có dễ dàng không?

Hỏi: Các vị thần linh sẽ sống vĩnh hằng phải không?

Đáp: Về vấn đề trường sinh thì có vô số học thuyết mà không một học thuyết nào gây cho người ta tin vào nó cả. Không nên quên rằng trong chúng ta có tín đồ của nhiều tôn giáo khác nhau - đạo Thiên Chúa, đạo Phật, đạo Hồi, đạo Hỏa.

Hỏi: Vậy ông theo đạo nào?

Đáp: Tôi bao giờ cũng là con người hoài nghi.

Hỏi: Nhưng trong cuộc sống của các thần linh, chắc hẳn là ông không phải hoài nghi chứ?

Đáp: Trong cuộc sống thần linh, tôi còn kém tin hơn so với quý vị.

Hỏi: Ông có nhiều bạn hữu trong thế giới của ông không?

Đáp: Tôi có không ít hơn ba trăm bạn hữu của mọi thời đại, mọi dân tộc.

Hỏi: Tất cả bạn hữu của ông đều tự tử cả phải không?

Đáp: Hoàn toàn không phải thế. Thật ra, lấy thí dụ như Môngtenhơ - người biện minh cho tự tử - là một trong số bạn hữu đáng kính nhất của tôi. Còn như cái gã Sôpenhaoê - kẻ yếm thế ấy, đã không dám giết mình, thì tôi chẳng muốn giao du.

Hỏi: Sôpenhaoê có khỏe không?

Đáp: Hiện nay ông ta đang áp ủ một học thuyết mới về chủ nghĩa bi quan của thần linh và giải thích xem việc kết liễu bằng tự phục sinh là tốt hay

xấu. Thế nhưng sau khi biết thổ tả cũng là căn bệnh truyền nhiễm thì hình như ông ta cũng không yên tâm lắm.

Sau đó chúng tôi những thành viên Ủy ban có hỏi về các vị thần Napôlêông, Khổng Tử, Đôxtôepxki, Đácuy-n. Klêôpát, Thích ca Mâu ni, Đê-môxphen, Đăngtơ, cùng các nhân vật xuất chúng khác. Tuy nhiên, Tôcc đã không thông báo bất kỳ điều gì thú vị về họ cả, và đến lượt mình Tôcc đã hỏi chúng tôi về chính bản thân ông.

Hỏi: Người ta nói gì về tôi sau khi tôi chết?

Đáp: Có một nhà phê bình nào đó đã gọi ông là "một trong số những nhà thơ tâm thường".

Hỏi: Đó là một trong số những người bực bội vì tôi đã không tặng anh ta tập thơ của mình. Toàn tập tác phẩm của tôi đã được xuất bản chưa?

Đáp: Xuất bản rồi, nhưng người ta bảo gần như là không bán được.

Hỏi: Ba trăm năm sau khi không còn khái niệm bản quyền tác giả sẽ có hàng triệu người mua toàn tập của tôi. Thế còn người bạn gái của tôi ra sao?

Đáp: Bà ấy đã lấy ông Racc, chủ hiệu sách.

Hỏi: Thật tội nghiệp, hẳn là cô ấy còn chưa biết Racc chỉ có mắt giả. Còn bọn trẻ của tôi ra sao?

Đáp: Hình như chúng ở trại mồ côi của nhà nước, Tôcc yên lặng một hồi, rồi đặt câu hỏi sau.

Hỏi: Ngôi nhà của tôi ra sao?

Đáp: Bây giờ hiệu ảnh đặt ở đấy.

Hỏi: Thế còn chiếc bàn làm việc của tôi?

Đáp: Chúng tôi không biết.

Hỏi: Trong ngăn kéo ấy tôi còn cất giấu một số thư từ. Rất may vì các vị là những người bận rộn không động tới. Còn bây giờ ở thế giới của chúng tôi đêm đã buông xuống, tôi buộc phải chia tay cùng quý vị. Xin vĩnh biệt quý vị, vĩnh biệt. Xin vĩnh biệt các quý vị nhân từ của tôi!

Khi nói những lời cuối cùng này, quý bà Khôpp bỗng nhiên như trở lại trạng thái bình thường. Tất cả chúng tôi, mười bảy thành viên Ủy ban xin thể trước Thượng đế về sự trung thực của buổi nói chuyện được trình bày ở trên.

Ghi chú: Quý bà Khôpp mà chúng tôi hoàn toàn tin cậy đã lĩnh một món tiền thưởng bằng món tiền mà bà thu được trong một ngày hoạt động của một nữ nghệ sĩ".

16

Sau khi đọc xong bài báo này, một nỗi buồn dần dần xâm chiếm lấy tôi, tôi không còn muốn ở lại đất nước này và bắt đầu nghĩ tới chuyện trở về thế giới của chúng ta, thế giới của con người.

Tôi đã đi và đã tìm mà vẫn không tìm ra cái hồ xưa kia tôi đã rơi tọt xuống đây. Trong khi đó thì có lần anh chàng đánh cá Baggơ kể cho tôi nghe rằng ở một nơi nào đó ở vùng biên giới đất nước của các

thủy dân có một ông già kappa sống thâm lặng và yên bình, suốt ngày chỉ đọc sách và thổi tiêu. "Hay cứ thử tìm đến con kappa này xem sao? - Tôi nghĩ. - Có lẽ nó sẽ chỉ cho tôi biết con đường ra khỏi đất nước này cũng nên?". Thế là tôi liền ra phía ngoại ô thành phố. Nhưng tại đó, trong một chiếc lều nhỏ bé, tôi không nhìn thấy ông già đâu cả, mà chỉ thấy một chú kappa trẻ chừng mười hai - mười ba tuổi gì đó, cái chỏm trên đầu còn mềm. Chú ta lặng lẽ thổi tiêu. Dĩ nhiên tôi cho rằng mình đến nhầm nhà. Để kiểm tra lại cho chắc chắn, tôi gọi tên chú ta đúng như tên mà Baggó gọi. Hóa ra đó lại chính là ông già kappa.

- Nhưng sao trông cụ cứ y như là một đứa trẻ... - tôi lẩm bẩm.

- À thế tức là ông không biết gì phải không? Tuân theo số mệnh, khi ra khỏi bụng mẹ, tôi đã là một ông già tóc bạc. Rồi sau đó cứ càng ngày tôi càng trẻ ra, và bây giờ thì đã trở thành một chú bé. Song thật ra, khi tôi ra đời ít nhất tôi cũng đã sáu mươi tuổi, và như vậy thì hiện nay tôi phải ở vào khoảng từ một trăm năm mươi đến một trăm sáu mươi tuổi.

Tôi nhìn vào trong nhà. Có lẽ vì tôi đang ở trong tâm trạng buồn rầu nên tôi vẫn cảm thấy dường như ở nơi đây, giữa những chiếc bàn, chiếc ghế tầm thường lại chan chứa một niềm hạnh phúc trong lành nào đấy.

- Chắc hẳn là cụ sống hạnh phúc hơn tất cả những con kappa khác?

- Hoàn toàn đúng. Vào thời trẻ thì tôi đã là một

ông già; còn tới tuổi già thì tôi lại trở thành chàng trai trẻ. Tôi không bị tàn lụi vì những mong ước không thoả mãn vốn là đặc tính của người già, và cũng không đắm mình vào những đam mê nhục dục mà trai trẻ mắc vào. Dầu sao thì cuộc sống của tôi nếu không phải là hạnh phúc, thì chắc chắn cũng là yên tĩnh.

- Vâng, trong hoàn cảnh thế này thì cuộc sống của cụ nhất định là phải yên tĩnh rồi.

- Nhưng mà chỉ một điều đó không thôi thì chưa đủ có sự yên tĩnh. Suốt đời, tôi còn có một sức khoẻ dồi dào, có tài sản khá khá để mà sống. Song tất nhiên điều hạnh phúc nhất trong đời tôi ấy là việc khi ra đời tôi đã là một ông già.

Chúng tôi nói chuyện một hồi lâu. Chúng tôi nói đến vụ Tộc tự tử, nói đến Ghêrô mà hàng ngày đều vời bác sĩ đến nhà mình. Song chẳng hiểu sao mà khuôn mặt của cụ già kappa này không biểu lộ mấy may chút quan tâm nào đến câu chuyện. Cuối cùng tôi hỏi:

- Chắc hẳn là cụ không gắn bó gì với cuộc đời như những con kappa khác phải không?

- Cũng như các con kappa khác, tôi ra khỏi bụng mẹ không sớm hơn lúc cha tôi hỏi xem tôi có muốn ra sống ở thế giới này không.

- À ra thế! Còn tôi thì lại rơi vào thế giới của cụ hoàn toàn ngẫu nhiên. - Tôi nói. - Cụ làm ơn chỉ dùm cho tôi làm thế nào để ra khỏi đất nước này.

- Ra khỏi đây chỉ có một con đường.

- Con đường nào?

- Con đường mà ông đã đi tới đây.

Khi nghe được điều đó, tóc tôi dựng ngược cả lên.

- Tôi không tìm thấy con đường ấy, tôi lảo bầm.

Ông già kappa nhìn chăm chăm vào tôi bằng đôi mắt trong vắt như ngọn nước đầu nguồn. Sau đấy ông đứng dậy, đi vào góc nhà rút một sợi dây từ trần xuống. Bấy giờ một chiếc cửa tròn mở ra mà trước đó tôi không nhận thấy. Và sau chiếc cửa đó phía trên các cành lá thông và trắc bá tôi thấy một vòm trời mênh mông xanh trong. Và giống như đầu mũi tên khổng lồ, đỉnh núi Iarigatake đâm thẳng lên bầu trời. Thậm chí tôi nhẩy cõn lên vì vui sướng y như đứa trẻ nhìn thấy máy bay.

- Này, - ông già kappa nói, - ông có thể đi được rồi đấy.

Vừa nói những lời ấy, ông vừa chỉ vào chiếc dây. Nhưng đó không phải là dây, như lúc đầu tôi tưởng. Đó chính là chiếc thang dây.

- Dạ, - tôi nói. - Xin phép cụ, tôi đi.

- Chỉ có điều là phải suy nghĩ trước đi. Kẻo sau này hối tiếc không kịp.

- Không sao ạ, - tôi nói. - Tôi sẽ không hối tiếc.

Tôi leo lên bậc thang bám chắc lấy từng nấc một. Đưa mắt xuống phía dưới, tôi chỉ nhìn thấy dưới tôi xa lắm cái chỏm đầu của ông già kappa.

không quen được với cái mùi da người. Bởi vì so với chúng ta thì loài kappa sạch sẽ lạ thường. Và lại tôi đã quen nhìn xung quanh mình là những con kappa đến nỗi tôi thấy mặt con người ta thật xấu xí. Chắc hẳn là các vị không hiểu được điều này. Vâng, đôi mắt và miệng còn coi được, nhưng còn cái mũi thì tôi cứ thấy hâi hâi thế nào ấy. Dĩ nhiên thời gian đầu tôi cố gắng không phải gặp ai. Sau đấy dần dần có lẽ tôi cũng bắt đầu quen với con người, và nửa năm sau thì tôi có mặt ở bất cứ chỗ nào cũng được. Chỉ có một điều làm tôi khó chịu là trong lúc trò chuyện một đôi khi tôi lại xen vào thứ ngôn ngữ của đất nước của các thủy dân. Đại loại như thế này:

- Ngày mai anh có ở nhà không?

- Qua

- Anh nói gì thế?

- Dạ... dạ, tôi có ở nhà.

Một năm sau khi trở về, tôi khánh kiệt gia tài vì một vụ đầu cơ, và do đó...

(Đến đây thì bác sĩ X nói: "Không cần kể về chuyện ấy". Ông ta nói cho tôi biết rằng một khi bệnh nhân bắt đầu nói về chuyện ấy là anh ta rơi vào một trạng thái hung dữ đến mức một vài người canh gác cũng không kìm được anh ta).

Được rồi, tôi sẽ không kể chuyện ấy. Nói tóm lại, sau khi khánh kiệt gia tài vì một vụ đầu cơ, tôi lại muốn trở về với đất nước của các thủy dân. Đúng, chính là trở về. Không phải ra đi không phải tới, mà là trở về.

Bởi vì vào thời gian ấy tôi đã cảm thấy đất nước ấy như quê hương của mình.

Tôi bí mật ra khỏi nhà định sẽ lên tàu ở tuyến trung tâm. Tiếc thay, tôi bị cảnh sát bắt được và đưa tôi vào nhà thương này. Song, ngay cả ở đây nhiều lúc tôi cũng thấy buồn nhớ đất nước của các thủy dân. Bây giờ bác sĩ Tsacc đang bận rộn gì đây? Còn triết gia Maggơ ra sao? Chắc hẳn vẫn như xưa, ông ta suy ngẫm điều gì đó dưới cây đèn lồng bảy màu của mình. Còn anh bạn sinh viên hiền lành Rapp đã cụt cả mỗ thế nào? Một lần cũng mù sương như hôm nay, ngày mà tôi nặng nỗi nhớ nhung những bạn hữu của mình thì đột nhiên suýt nữa tôi thét lên vì ngạc nhiên khi thấy anh chàng đánh cá Baggơ. Không biết anh ta lén vào chỗ tôi lúc nào, nhưng anh ta đã ngồi chồm hổm trước mặt tôi sau khi chào tôi. Khi tôi đã hơi trấn tĩnh lại được... tôi không nhớ là tôi đã khóc hay tôi cười. Tôi chỉ nhớ tôi đã vui đến nhường nào khi lần đầu tiên sau một thời gian gián đoạn lâu tôi lại được nói bằng thứ tiếng nói ở đất nước của các thủy dân.

- Này, anh tới đây để làm gì, Baggơ?

- Đến thăm sức khỏe ông. Người ta bảo rằng ông ốm.

- Làm sao anh biết được?

Baggơ cười. Anh ta tỏ vẻ hài lòng.

- Tôi nghe qua radiô.

- Nhưng anh tới đây bằng cách nào?

- Ôi! Có gì là khó đâu. Sông rạch ở Tôkiô đối với

loài kappa chúng tôi thì cũng như đường phố ấy mà.

Và tôi chợt nhớ, cứ y như tôi vừa mới biết được rằng loài kappa thuộc lớp lưỡng cư như ếch vậy.

- Nhưng gần đây làm gì có sông.

- Không. Tôi đã đi đến đây qua ống dẫn nước. Còn tại đây thì tôi hé mở vòi cứu hỏa...

- Mở vòi cứu hỏa à?

- Gì cơ, thế ông quên rồi sao? Bởi vì loài kappa cũng có những thợ máy.

Các con kappa vài ba ngày lại tới thăm tôi một lần. Bác sĩ X cho rằng tôi mắc bệnh dementia praecox⁽¹⁾. Nhưng bác sĩ Tsacc (xin thứ lỗi vì sự cỏi mở của tôi) khẳng định rằng tôi chẳng có thứ bệnh demenlia Praecox gì hết, rằng chính tất cả các vị kể từ bác sĩ X đều đang đau khổ vì dementia praecox. Dĩ nhiên, một khi bác sĩ Tsacc đến chỗ tôi thì nhiều con kappa, cả chàng sinh viên Rapp, cả triết gia Maggơ cũng đến thăm tôi.

Vả lại, không kể chàng đánh cá Baggơ thì không một ai trong số họ là đến lúc ban ngày. Họ đến từng hai ba người một và bao giờ cũng vào ban đêm... những đêm sáng trăng. Và chỉ mới tối hôm qua đây thôi, dưới ánh trăng, tôi đã nói chuyện với giám đốc hãng Thủy tinh Ghêrơ và triết gia Maggơ. Còn nhạc sĩ Krabắc thì chơi vĩ cầm. Các vị có nhìn thấy trên bàn có bó huệ đen không? Krabắc đã mang tới tặng tôi tối qua đấy.

⁽¹⁾ Bệnh suy nhược thần kinh ban đầu.

(Tôi quay lại nhìn. Tất nhiên chẳng có hoa huệ nào ở trên mặt bàn cả. Bàn trống không).

Còn đây là cuốn sách triết gia Maggơ mang đến cho tôi. Xin các vị hãy đọc mấy khổ thơ đầu tiên. À mà không. Các vị không biết ngôn ngữ của họ. Thôi để tự tôi đọc cho. Đây là một trong nhiều tập của bộ toàn tập tác phẩm của Tôcc mới xuất bản cách đây không lâu.

(Anh ta giở cuốn danh bạ điện thoại cũ, rồi đọc to những câu thơ sau):

Ở những chùm hoa dừa và giữa những thân tre

Đức Phật đã từ lâu yên ngủ

Và dưới gốc vả già khô héo

Chúa trời mệt mỏi cũng đã ngủ say.

Thế chẳng phải đã đến lúc cho ta

được nghỉ ngơi khoan khoái.

Dù ở nơi đây chỉ là trên sân khấu mà thôi.

(Nhưng nếu nhìn vào nơi bày trí - quả nhiên chúng ta cũng chỉ thấy những mảnh vải vụn chấp vá, phải không nào?).

Song tôi không phải là kẻ bi quan như nhà thơ này. Và khi mà những con kappa sẽ đến thăm tôi... Vâng, tôi hoàn toàn quên. Chắc hẳn các vị còn nhớ anh bạn quan tòa Bepp của tôi. Thế là ông ta đã mất việc làm rồi và thực ra thì là mất trí. Nghe nói hiện nay ông ta đang nằm ở bệnh viện thần kinh ở đất nước của các thủy dân. Ví như tôi mà được bác sĩ X cho phép, tôi rất vui lòng đi thăm ông ấy.

NHỮNG LỜI CỦA NGƯỜI PICHMÊ

LỜI TỰA

Những lời của người Pichmê không phải bao giờ cũng thể hiện những suy nghĩ của tôi. Chỉ một đôi khi chúng cho một khái niệm về những suy nghĩ của tôi được thay đổi như thế nào từ ngày này qua ngày khác. Từ một cọng cây có thể phát triển thành một vài đọt non - và ai mà biết được có bao nhiêu đọt non như thế.

CÁI MŨI

Ài mà chẳng biết câu danh ngôn của Pascan nói rằng, nếu như cái mũi Clêôpát mà thẳng thì có thể lịch sử đã bước đi một cách khác. Thế nhưng kẻ si tình đã mấy khi nhìn thấy những nét thật trên khuôn mặt người tình của mình. Một khi ái tình lôi cuốn chúng ta thì chúng ta sẽ tự lừa mình một cách khôn khéo mất.

Antôni cũng không đứng ngoài ngoại lệ ấy: cho

dù cái mũi của Clêôpát có vẹo đi chẳng nữa thì vị tất Antôni đã nhận ra điều ấy. Và nếu có nhìn thấy ông ta cũng sẽ tìm được những ưu điểm khác bổ sung cho thiếu sót đó. Khắp thế gian này anh sẽ chẳng tìm ra người đàn bà nào có biết bao nhiêu ưu điểm như người tình của anh. Antôni cũng như chúng ta đối với người tình của mình chắc hẳn sẽ tìm thấy trên đôi mắt hoặc cặp môi của Clêôpát một cái gì đó thừa sức để bù đắp cho khuyết tật. Thêm vào cái lẽ thường đó còn tâm hồn nàng. Trên thực tế người tình của chúng ta trong mọi thời đại đều có một tâm hồn đẹp tuyệt vời không giới hạn. Hơn nữa cả trang phục, tài sản hoặc địa vị xã hội cũng sẽ bước vào số lượng những ưu điểm của nàng. Rốt cuộc thậm chí có khi người ta còn liệt vào những ưu điểm cả những sự việc hoặc những lời đồn đại rằng trước kia nàng đã có một nhà quyền quý nào đó đem lòng yêu thương. Và phải chăng Clêôpát là bà hoàng Ai Cập cuối cùng được cuộc sống xa hoa và bí ẩn bao phủ xung quanh? Và khi mà bà ngồi đó giữa đám mây thơm ngào ngạt, lấp lánh vương miện bằng châu báu với những bông sen hoặc những đóa hoa khác cầm trong tay thì phải chăng một người nào đó lại có thể nhìn thấy được cái mũi hơi vẹo tí chút của bà ta? Hơn nữa đó lại là Antôni.

Sự tự lừa dối ấy không phải chỉ phổ biến trong lĩnh vực ái tình. Họa hoằn lắm chúng ta mới không tô điểm cho thực tại bằng cái màu sắc mà chúng ta muốn. Chẳng hạn lấy thí dụ về việc bác sĩ nhỏ rằng sâu, chúng ta thích xem nhỏ rằng hơn là mình chịu

nhỏ rằng bởi vì chúng ta cảm thấy rằng đau. Đương nhiên cái răng sâu của chúng ta chẳng có quan hệ gì với lịch sử thế giới. Song sự tự lừa dối tương tự thế, như một qui luật, ta thấy có ở cả những chính trị gia muốn biết lòng dân, cả những nhà quân sự muốn biết tình hình đối phương, cả những nhà kinh doanh muốn biết tình trạng tài chính. Tôi không phủ nhận việc lý trí cần phải chấn chỉnh điều đó. Song đồng thời tôi phải thừa nhận có sự tồn tại cái ngẫu nhiên chi phối mọi công việc của con người. Và có lẽ, sự tự lừa dối là sức mạnh vĩnh hằng chi phối lịch sử thế giới.

Nói tóm lại, lịch sử hai nghìn năm không phụ thuộc vào cái mũi của Clêôpát lộ ra trong lịch sử như thế nào. Mà đúng hơn, nó phụ thuộc vào sự ngu muội của chúng ta có ở khắp trái đất. Một sự ngu muội thật đáng cười nhưng cũng thật cao cả của chúng ta.

LUÂN LÝ

Đạo đức đang chi phối chúng ta đó chính là thứ đạo đức phong kiến bị chủ nghĩa tư bản làm hư hỏng. Đạo đức ấy chỉ có hại chứ không có ích lợi gì.

*

Ân huệ của đạo đức là tiết kiệm được thời gian và sức lực. Cái hại của đạo đức đó là sự tê liệt hoàn toàn của lương tâm.

*

Bác bỏ đạo đức một cách không suy nghĩ có nghĩa là ít suy nghĩ về mặt kinh tế. Phục tùng đạo đức một cách không suy nghĩ có nghĩa là một kẻ nhát gan hoặc một kẻ lười nhác.

*

Kẻ mạnh chà đạp lên đạo đức. Đạo đức lại ve vuốt kẻ yếu. Ai bị đạo đức lôi cuốn thì bao giờ cũng đứng ở giữa kẻ mạnh và người yếu.

*

Lương tâm cũng như bất cứ loại hình mỹ thuật nào đều có những môn đệ cuồng tín của mình. Những môn đệ cuồng tín này đều chín phần mười là những nhà quý tộc và những người giàu sang có văn hóa.

*

Lương tâm xuất hiện không phải theo tuổi tác như bộ râu con người. Để có được lương tâm cần phải có kinh nghiệm nào đó.

*

Hơn chín mươi phần trăm con người ra đời bị tước đoạt mất lương tâm.

Cái bi trong hoàn cảnh của chúng ta là ở chỗ hoặc vì trẻ tuổi, hoặc vì thiếu từng trải, trước khi chúng ta tìm thấy được lương tâm thì người ta đã gán cho chúng ta là quân vô lại thiếu lương tâm.

Cái hài trong hoàn cảnh của chúng ta là ở chỗ

hoặc vì trẻ tuổi, hoặc vì thiếu từng trải, sau khi người ta gán cho chúng ta là quân vô lại thiếu lương tâm, rồi cuộc chúng ta đã tìm thấy được lương tâm.

*

Lương tâm đó chính là thứ nghệ thuật nghiêm ngặt.

*

Có lẽ lương tâm là nguồn gốc của đạo đức. Nhưng đạo đức không bao giờ là nguồn gốc của cái mà người ta coi là điều thiện xét theo lương tâm.

Ý CHÍ TỰ DO VÀ SỐ MỆNH

Dẫu sao chẳng nữa nếu tin vào số mệnh thì sẽ không tồn tại tội ác, thế cũng có nghĩa sự trừng phạt mất ý nghĩa, do đó thái độ của chúng ta đối với kẻ tội phạm phải cao thượng. Đồng thời nếu tin vào ý chí tự do thì sẽ xuất hiện khái niệm trách nhiệm và để tránh sự tê liệt của lương tâm cần phải nghiêm khắc với chính mình. Vậy thì tin vào cái gì đây?

Tôi sẽ trả lời một cách điềm nhiên. Cần phải tin vào cả ý chí tự do lẫn số mệnh hoặc là nghi ngờ cả ý chí tự do lẫn số mệnh. Chẳng phải là chúng ta đã không lấy vợ trước sức mạnh của số mệnh chi phối chúng ta đó sao? Chẳng phải là chúng ta đã không mua chiếc áo dài và chiếc thắt lưng theo yêu cầu của vợ nhờ vào ý chí tự do đó sao?

Không chỉ ý chí tự do và số mệnh, thần thánh và ma quỷ, cái đẹp và cái xấu, sự can đảm và hèn nhát, lý trí và niềm tin - thái độ đối với tất cả những điều đó cần phải được cân bằng như hai đĩa cân. Người xưa gọi đó là sự trung dung vàng tức "Tiêu". Dịch sang tiếng Anh điều đó có nghĩa là Good sense! (ý nghĩa đúng đắn). Tôi tin rằng không có ý nghĩ đúng đắn không thể đạt được hạnh phúc. Và nếu như có đạt được thì hạnh phúc ấy sẽ quay ngược lại thành cái ác chẳng khác gì vào một ngày nóng nực ta giữ lửa hoặc lúc lạnh trời ta lại quạt.

SÁNG TẠO

Có lẽ nhà nghệ sĩ bao giờ cũng sáng tạo tác phẩm của mình một cách có ý thức. Song nếu như lấy một tác phẩm như vậy để xem xét thì một phần cái đẹp hoặc cái xấu của nó lại nằm ở thế giới huyền bí đúng cao hơn nhận thức của nhà nghệ sĩ. Phần ấy như thế nào? Liệu có nên nói rằng đó là phần lớn không?

Chưa cần phải hỏi tôi cũng sẽ đáp ngay. Không thể nào mà tinh thần của chúng ta lại không bộc lộ trong tác phẩm. Chẳng phải cái tập quán cổ "chạm một nét vái ba vái" đã không nói lên nỗi sợ hãi khi đứng trước ngưỡng cửa vô thức đó sao!

Sáng tạo bao giờ cũng là sự mạo hiểm. Sau khi sức người đã cạn, chỉ còn biết đặt hy vọng ở ý của trời.

"Khi còn trẻ và tập viết văn tôi khổ sở vì mọi

chuyện không trôi chảy. Tôi nói: sự cố gắng chỉ là một nửa công việc và bằng sự cố gắng ấy anh cũng không đạt được sự hoàn hảo. Chỉ mãi về già rồi mới hiểu ra rằng: ba phần là việc của người còn bảy phần là tài năng trời phú cho". Những dòng này của tác giả tập "Thi luận" cũng nói về điều đó. Có một nỗi sợ hãi không giới hạn, sâu thẳm cũng đang được khoét sâu trong nghệ thuật. Nếu như chúng ta không thích tiền bạc, không hám vinh quang và cuối cùng không đau khổ về niềm khao khát bệnh hoạn sáng tạo thì có lẽ chúng ta không đủ dũng cảm bước vào cuộc đấu tranh với thứ nghệ thuật hãi hùng đó.

CÁC NHÀ CỔ ĐIỂN

Niềm hạnh phúc của các nhà văn cổ điển là ở chỗ họ không thể nào chết được.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Niềm hạnh phúc của chúng tôi - hoặc của các bạn cũng là ở chỗ chúng không thể nào chết được!

SỰ THÚ NHẬN

Chẳng ai có thể tự thú cho đến cùng. Đồng thời

không thể nào thể hiện bản thân mình mà lại không tự thú nhận.

Rutxô thích thú nhận. Song lại không thể tìm thấy sự thú nhận hoàn toàn trong tác phẩm "Tự thú", Mêrimê không thích thú nhận. Song phải chăng "Côlômba" trong hình thức ẩn kín của nó không nói về chính bản thân ông đó sao? Dẫn ra đặc điểm giữa văn học tự thú và bất cứ thứ văn học nào khác là không thể được.

CUỘC SỐNG CỦA CON NGƯỜI

Nếu như người ta ra lệnh cho người không học bơi rằng: "Hãy bơi đi" - hẳn bất kỳ ai cũng cho đó là điều ngu xuẩn. Nếu như người ta ra lệnh cho người không tập chạy rằng: "Hãy chạy đi!" - thì điều đó cũng sẽ bị coi là phi lý. Song tất cả thấy chúng ta ngay từ thuở ra đời đã nhận được những mệnh lệnh ngu xuẩn như vậy đấy.

Phải chăng khi ở trong bụng mẹ ta đã học sống sao? Ấy vậy mà khi chưa kịp ra đời chúng ta đã phải bước vào cuộc sống, một cuộc sống rất giống với vũ đài đấu tranh. Dĩ nhiên ai không học bơi sẽ không thể là người bơi giỏi. Ai không tập chạy thì sẽ rớt lại sau những tay chạy thực thụ. Thế là chúng ta không thể ra khỏi vũ đài cuộc sống mà không bị thương tật.

Có thể người từng trải sẽ nói: "Cần noi gương

những người lớn tuổi. Họ là tấm gương đối với anh". Nhưng có thể thấy hàng trăm người bơi và người chạy không phải học bơi học chạy ngay. Song thay vào điều đó họ phải chịu uống nước nhiều và phải chịu lấm láp nhiều. Hãy nhìn vào các nhà vô địch thế giới xem, phải chăng sau nụ cười kiêu hãnh không phải là che giấu cái chau mày nhăn mặt đó sao?

Cuộc sống của con người giống như các môn thi Ôlympich dưới sự điều khiển của một nhà tổ chức điên khùng. Chúng ta học đấu tranh với cuộc sống khi chúng ta đang đấu tranh với nó. Còn ai kia không thể không bất bình khi nhìn xem các trò chơi ngu xuẩn đó, tốt hơn hết là hãy tránh xa vũ đài. Tự tử, hiển nhiên cũng là một phương pháp tốt. Song ai còn muốn ở lại trên vũ đài của cuộc sống thì cần phải đấu tranh mà không sợ bị thương tật.

CÙNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Cuộc sống của con người như một bao diêm. Đối với nó nghiêm túc là một chuyện khôi hài. Nhưng đối với nó không nghiêm túc thì lại nguy hiểm.

CÙNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Cuộc sống của con người giống cuốn sách thiếu nhiều trang. Khó mà nói rằng đó là một bản đầy đủ. Song dù vậy đi chăng nữa, nó cũng vẫn là một bản sách.

TÌNH YÊU MẠNH HƠN CÁI CHẾT

"Tình yêu mạnh hơn cái chết" - đó là tên cuốn tiểu thuyết của Môpatxăng. Song trên đời này mạnh hơn cái chết không chỉ có tình yêu. Chẳng hạn bệnh nhân bị thương hàn vẫn chén bích quy dù biết rằng nhất định sẽ chết - điều đó chứng tỏ rằng lòng ham ăn đồ ngon thường mạnh hơn cái chết. Có thể gọi tên nhiều điều khác nữa - chẳng hạn lòng yêu nước, sự mộ đạo, tính người, tính tư lợi, tính hiếu danh, bản năng tội lỗi - mạnh hơn cái chết (dĩ nhiên, ham chết đó là lệ ngoại). Còn so với những cái khác, tình yêu mạnh hơn cái chết đến mức độ nào thì tôi thật khó nói. Thậm chí ngay trong những trường hợp chúng ta cảm thấy tình yêu mạnh hơn cái chết thực ra chúng ta cũng được thúc đẩy bởi cái điều mà người Pháp gọi là tính Bôvari. Chủ nghĩa tình cảm tồn tại từ thời Bôvari khi chúng ta tưởng tượng mình là các tình nhân trong cuốn tiểu thuyết.

VỤ BÊ BỒI

Công chúng thích các vụ bê bối. Vụ rắc rối với nàng Bạch Liên, vụ rắc rối với Muxia Kêdi- tất cả những vụ đó đã mang lại cho công chúng niềm thỏa mãn lớn lao. Vì sao mà công chúng lại thích vụ bê bối, đặc biệt nếu chúng lại kéo theo những nhân vật nổi

tiếng. Rêmi đơ Guốcmông đã trả lời điều đó như sau:

"Bởi vì các vụ bê bối của họ làm cho chúng ta nhớ tới các vụ bê bối riêng của chúng ta".

Lời đáp của Guốcmông là đúng. Và không chỉ đúng. Những người bình thường ấy tự họ không có khả năng gây ra các vụ bê bối, đã tìm thấy trong các vụ bê bối của những người nổi tiếng đó sự biện minh tuyệt vời cho tính ươn hèn của mình. Và đồng thời cái bệ tuyệt vời đó có thể đặt vào đấy sự tuyệt vời không hề có của mình. "Tôi không được đẹp như nàng Bạch Liên. Thế nhưng tôi lại sáng suốt hơn". "Tôi không tài năng như Ariximma. Thế nhưng tôi lại hiểu đời hơn". "Tôi không ... nhưng". Sau khi nói ra điều đó những kẻ tầm thường sung sướng ngủ như lợn.

ẢO TƯỢNG

Nguyên nhân để không có ảo tưởng hoàn toàn nhìn chung là ở điều sau. Nếu như cho rằng con người là một người như thế không thay đổi thì ảo tưởng hoàn toàn sẽ không thể được tạo ra. Nếu như cho rằng con người là một người thay đổi đến như thế thì bất kỳ ảo tưởng nào dường như là hoàn toàn ấy cũng ngay lập tức dường như không hoàn toàn.

Gọi kẻ độc tài là độc tài bao giờ cũng nguy hiểm. Còn vào thời đại chúng ta gọi nô lệ là nô lệ cũng nguy hiểm như vậy.

NGƯỜI MẠNH VÀ NGƯỜI YẾU

Người mạnh không sợ kẻ thù thế nhưng lại sợ bè bạn. Đám kẻ thù một cú anh ta không cảm thấy mấy may đau khổ song vô ý làm thương tổn bạn thì anh ta sợ sệt y như một người đàn bà.

Kẻ yếu không sợ bạn bè thế nhưng lại sợ kẻ thù. Và do đó trong mỗi người bạn anh ta đều thấy một kẻ thù.

NHỮNG ĐIỀU NHỎ NHẤT

Để làm cho cuộc sống hạnh phúc cần yêu những cái nhỏ nhất hàng ngày. Một áng mây, tiếng tre xào xạc, tiếng chim sẻ kêu chích chích, những khuôn mặt người qua đường - trong tất cả những cái nhỏ nhất thường ngày đó cần phải tìm ra sự khoái lạc.

Để làm cho cuộc sống hạnh phúc ư? Song yêu những cái nhỏ nhất cũng tức là sẽ phải đau khổ vì những điều nhỏ nhất. Con ếch nhảy xuống chiếc ao cũ ở trong vườn đã phá vỡ được nỗi buồn trăm năm. Song con ếch nhảy ra khỏi chiếc ao cũ có thể lại bị nỗi buồn trăm năm đè nặng. Cuộc sống của Baxiô là một cuộc sống khoái lạc. Nhưng nhìn như thế nào rồi cũng sẽ thấy đó còn là cuộc sống đau khổ. Để lúc khoái lạc người ta mỉm cười thì cũng cần biết mỉm cười khi đau khổ.

Để làm cho cuộc sống hạnh phúc cần phải đau

khổ vì những cái nhỏ nhặt. Một áng mây, tiếng tre xào xạc, tiếng chim sẻ kêu chích chích và những khuôn mặt người qua đường - trong tất cả những điều nhỏ nhặt hàng ngày cần phải cảm thấy nỗi đau đớn của con người bị rơi xuống địa ngục.

THẦN THÁNH

Trong tất cả đặc tính của thần thánh thì điều làm người ta tiếc nhất là họ đã không tự tử được.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Chúng ta tìm thấy vô số nguyên nhân để mà nguyên rửa thần thánh. Nhưng bất hạnh thay người Nhật chúng ta lại không tin vào thần thánh có sức mạnh siêu phàm ấy là đáng nguyên rửa.

NHÂN DÂN

Những người bình thường đó chính là những người bảo thủ mạnh mẽ. Chế độ xã hội, hệ tư tưởng, nghệ thuật, tôn giáo - tất cả những cái đó muốn kiếm được sự yêu thích của nhân dân cần phải mang dấu ấn của thời cổ. Chẳng phải nhân dân bao

giờ cũng có lỗi một khi họ không yêu mến cái được gọi là các nghệ sĩ.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Phát hiện ra điều đại dột của nhân dân - không nên tự hào về điều đó. Song phát hiện ra chúng ta cũng là nhân dân thì nên tự hào về điều đó.

KAIBARA ÊCKEN

Ngay từ hồi ở trong trường tôi đã học câu chuyện về Kaibara Êcken. Một lần Êcken ở trên một chiếc tàu thủy cùng với một chàng sinh viên. Rõ ràng chàng sinh viên tự phụ về hiểu biết của mình đã nói ba hoa về đủ các thứ khoa học và nghệ thuật. Êcken chẳng góp phần vào một lời nào chỉ lắng nghe. Con tàu sắp cập bờ. Hành khách trước khi lên phải nói tên mình. Đến lúc đó chàng sinh viên mới biết là Êcken và bối rối trước vị môn đồ vĩ đại của Khổng Tử, đã xin lỗi cho sự khiếm nhã vừa rồi của mình. Tôi đã được đọc đoạn này.

Hồi đó tôi thấy trong đoạn chuyện này có cái đẹp của sự khiêm tốn. Ít ra thì tôi cũng cố gắng để nhận thấy điều đó. Song rồi thay bây giờ tôi không thể tìm ra trong đó một điều giáo huấn nào. Cái

đoạn ấy đối với tôi bây giờ có một sự hấp dẫn nào đấy chỉ do những duyên cớ sau:

- Êcken đã nghe và không nói lời nào với sự khinh bỉ thì sự khinh bỉ ấy mới độc ác làm sao!

- Các hành khách reo mừng hân hoan vì chàng sinh viên phải hổ thẹn mới tâm thường làm sao.

- Tinh thần của thời đại mới xa lạ với Êcken có trong câu chuyện ba hoa của chàng sinh viên mới rung rinh sinh động làm sao.

GIỚI HẠN

Tài năng cũng bị giới hạn nghiêm ngặt trong một khuôn khổ. Cảm thấy được cái khung đó sẽ gây cho người ta nỗi buồn nhè nhẹ. Và đồng thời chẳng hiểu sao lại làm cho người ta xúc động một cách vô tình. Điều đó chẳng khác nào nếu anh hiểu rằng cây tre đó là cây tre, còn cây nho dại chính là cây nho dại.

SỰ TÂM THƯỜNG

Tác phẩm tâm thường, thậm chí có khối lượng lớn, bao giờ cũng giống như một căn phòng không cửa sổ. Nó không rộng mở cho người ta thấy diện mạo đời sống của con người.

ĐÓXTÔIEPXKI

Các tiểu thuyết của Đốt có vô số những bức tranh biếm họa. Thật ra thì đại đa số những bức tranh ấy lại có thể làm cho đến ngay cả quỷ dữ phải buồn chán.

PHLÔBE

Phlôbe dạy tôi điều gì - đó chính là nỗi buồn đẹp.

MÔPATXĂNG

Môpatxăng giống như tảng băng. Song với thời gian tảng băng đó thành đường phên.

PÔ

Trước khi sáng tạo ra con Sphanh, Pô đã nghiên cứu cơ thể học. Điều bí mật làm cho những thế hệ kế tiếp đó run sợ chứa đựng trong sự nghiên cứu đó.

LÝ LUẬN CỦA NHÀ TƯ BẢN

"Anh họa sĩ có bán tác phẩm nghệ thuật của

mình không hoặc là ta bán của hộp chẳng có gì khác nhau đặc biệt cả. Nhưng các vị họa sĩ nghĩ rằng nghệ thuật đó là kho báu vĩ đại nhất của thế giới. Bất chước họ ta cũng cần phải tự hào với đồ hộp của mình giá sáu mươi *xen* một hộp. Nhưng sáu mươi năm trời nay ta hoàn toàn không thấy đau khổ vì sự tự phụ ngu ngốc, như các vị họa sĩ".

CHA MẸ VÀ CON CÁI

Tình yêu của cha mẹ là tình yêu vô tư nhất. Song tình yêu vô tư đối với việc dạy dỗ con cái lại không có lợi được như thế. Do ảnh hưởng của một tình yêu như vậy - hoặc chỉ ít, chủ yếu do ảnh hưởng của một tình yêu như vậy đứa trẻ hoặc là trở thành kẻ độc tài hoặc là trở thành người nhu nhược.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Từ lâu rồi đại đa số các bậc cha mẹ nhắc lại những lời sau: "Rốt cuộc thì tôi là kẻ không thành đạt. Nhưng con tôi phải đạt được thành công".

TÁC PHẨM LỚN

Coi tác phẩm là một kiệt tác - có nghĩa là đánh giá theo quan điểm vật chất. Khi người ta nói rằng

tác phẩm lớn thì chỉ là mồn nói về mặt trả tiền thù lao. Tôi yêu thích bức tranh "Chân dung tự họa" của ông già Rămbrăng hơn là bức họa "Tòa án khủng khiếp" của Mikenlăngiơ.

NHỮNG TÁC PHẨM YÊU THÍCH CỦA TÔI

Những tác phẩm yêu thích của tôi - tôi muốn nói đến các tác phẩm văn học - là những tác phẩm mà trong đó tôi cảm thấy tác giả là con người. Con người với khối óc, trái tim và các giác quan thật sự. Tuy nhiên rất đáng tiếc, các nhà văn phần lớn lại là phé nhân có khuyết tật nào đó. (Sự thật, một đôi khi không thể cúi đầu trước một phé nhân vĩ đại).

KINH NGHIỆM

Chỉ dựa vào kinh nghiệm nghĩa là chỉ dựa vào thức ăn mà không nghĩ tới cách nấu thức ăn. Đồng thời nếu coi thường kinh nghiệm mà chỉ dựa vào năng lực thì cũng chẳng khác gì không nghĩ đến thức ăn mà chỉ nghĩ đến cách nấu thức ăn.

ASIN

Người ta nói rằng vị anh hùng dân tộc Hi Lạp Asin chỉ có một điểm yếu. Thế tức là muốn hiểu Asin cần phải biết cả cái điểm yếu đó.

LÊNIN

Điều tôi ngạc nhiên hơn cả là Lenin - một người vĩ đại đồng thời lại là một con người giản dị đến thế.

HẠNH PHÚC CỦA NHÀ NGHỆ SĨ

Nhà nghệ sĩ hạnh phúc nhất là người đạt đến vinh quang vào thời kỳ đứng tuổi. Nếu như nghĩ về điều đó thì Kunhikida Đốppô hoàn toàn không phải là một nghệ sĩ bất hạnh.

NGƯỜI TỐT

Người đàn bà không phải bao giờ cũng muốn có một người tốt làm chồng. Nhưng người đàn ông thì bao giờ cũng muốn có người tốt làm bạn.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Người tốt chẳng khác nào ông thánh ở trên trời. Thứ nhất là có thể kể rõ cho anh ta biết niềm vui của mình. Thứ hai là có thể than phiền về nỗi bất mãn của mình. Thứ ba là... có anh ta hay không có anh ta cũng đều tốt cả.

TỘI ÁC

"Cầm thù tội ác nhưng không cầm thù kẻ phạm tội ác" - điều đó cũng không đến nỗi khó khăn lắm. Câu cách ngôn này được áp dụng cho đại đa số trẻ em nếu nói tới thái độ của chúng đối với cha mẹ.

NGHỆ THUẬT

Tác động của bức tranh kéo dài ba trăm năm, tác động của bức thư năm trăm năm, tác động của tác phẩm văn học là vô tận - Văn - Sơn - Trường đã nói như vậy. Nhưng đánh giá theo sự khai quật ở Đồng Xuân thì tác động của thư và tranh lại dài hơn năm trăm năm. Vả lại tác động của tác phẩm văn học có vĩnh viễn không thì đó lại là một câu hỏi. Tư tưởng không đủ sức để ra khỏi quyền lực của thời gian. Tổ tiên của chúng ta khi nói tới từ "trời" là hình dung ra một người mặc đồ Nhật Bản *Ikan* và *xôkutai*. Còn chúng ta cũng nói đến từ đó thì lại hình dung ra một người châu Âu để râu dài. Và cần phải tin rằng có thể xảy ra chuyện như vậy đối với cái khác chứ không phải là ý niệm về trời.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Không hiểu sao mà tôi bỗng nhớ tới bức chân dung của Tôixu Xiaraku mà tôi đã nhìn thấy. Con người được vẽ trên bức chân dung ấy cầm chiếc

quạt xòe ra trước Kôrina. Điều đó làm tăng thêm vẻ kiều diễm của màu sắc toàn bức tranh. Nhưng khi nhìn qua kính lúp tôi thấy, cái mà tôi tưởng là màu xanh thì chính là màu vàng phủ tơ nhện. Trong bức tranh của Xiaraku tôi cảm thấy cái đẹp - đó là một sự việc. Nhưng không phải là cái đẹp bao trùm lấy Xiaraku - đó cũng là một sự việc. Sự chuyển đổi như thế có thể xảy ra ở trong văn bản văn học.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Nghệ thuật giống như người đàn bà. Để nhìn thấy người đàn bà đẹp hơn cần phải có được bối cảnh đời sống tinh thần của thời đại hoặc nó phải có bộ cánh mới của thời mình.

TÀI NĂNG

Chúng ta cách tài năng chỉ có một bước. Nhưng để hiểu một bước đó là thế nào cần phải có trình độ toán cao cấp mà trong đó một nửa của một trăm *ri* là chín mươi chín *ri*.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Chúng ta cách tài năng chỉ vèn vèn một bước. Người đương thời không hiểu rằng đó là một bước dài nghìn *ri*. Những kẻ hậu thế mù quáng cũng

không hiểu điều đó. Những người đương thời vì điều đó mà giết chết tài năng. Những kẻ hậu thế vì điều đó mà đốt hương trăm trước tài năng.

CÙNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Bi kịch của tài năng là ở chỗ người ta phú cho nó "niềm vinh quang đẹp đẽ và tiện nghi".

LÒNG KIÊN NHẪN

Lòng kiên nhẫn đó là sự ước hèn thơ mộng.

Ý ĐỊNH

Làm không phải bao giờ cũng khó khăn. Khó khăn là ở chỗ mong muốn. Chí ít thì cũng là ở việc mong muốn điều gì cần làm.

TRIỆU CHỨNG

Một trong những triệu chứng của tình yêu đó là cái ý nghĩ rằng trong quá khứ "nàng" đã yêu một người nào đó, là lòng mong muốn biết được cái anh chàng mà nàng đã yêu đó là ai, hoặc anh ta là người thế nào và một sự ghen bóng ghen gió tới con người được tưởng tượng ra đó.

CÙNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Thêm một triệu chứng nữa của tình yêu - đó là sự thêm muốn bệnh hoạn là tìm thấy những khuôn mặt giống "nàng"

TÌNH YÊU VÀ CÁI CHẾT

Tình yêu gây lên ý nghĩ về cái chết, có thể điều đó khẳng định lý thuyết tiến hóa. Ở loài nhện và loài ong những con cái ngay sau khi được thỏa mãn tình dục đã châm và giết chết những con đực. Khi gánh hát Italia diễn vở "Cácmén" thì trong mỗi hồi mỗi cảnh tôi đều cảm thấy rất rõ Cácmén như là một con ong.

HÔN NHÂN

Hôn nhân chỉ có lợi là để làm yên lòng cho sắc dục. Song để làm yên lòng cho tình yêu thì nó lại bất lợi.

BẠN RỘN

Chúng ta được cứu thoát khỏi tình yêu bởi sự bạn rộn hơn là những thiên kiến. Tình yêu... Đối với một tình yêu lý tưởng trước hết cần phải có thời gian. Hãy nhớ tới những người tình của quá khứ -

Vécte-Rômêô-Trixtan tất cả những người này đều nhân rồi cả.

ĐÀN ÔNG

Từ ngày xưa người đàn ông đã đánh giá công việc cao hơn tình yêu. Nếu ai đó còn nghi ngờ chuyện này xin hãy đọc những bức thư của Bandắc. Bandắc đã viết cho bá tước phu nhân Hanxka: "Nếu như bức thư này biến thành bản thảo thì phỏng nó đáng giá mấy quan!".

TỰ DO

Tự do, tình yêu tự do, tự do buôn bán - tiếc thay trong mỗi chén "tự do" lại tràn đầy nước. Thêm vào đấy, phần lớn nước lại từ vũng nước trâu đầm.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Bất cứ ai cũng muốn tự do. Song đó cũng mới là một phía. Trên thực tế, trong thâm tâm không một ai muốn tự do chút nào. Đây là bằng chứng: Tên vô lại không tự do sẵn sàng giết bất cứ ai, thậm chí hấn còn nói dường như hấn giết người ấy, người nọ là vì sự an ninh và phồn vinh của quốc gia. Thế nhưng tự do biểu thị rằng những hành động của chúng ta không bị điều gì gò bó thì tức là thấp hơn phẩm chất của chúng ta - có trách nhiệm chung với

một điều gì đó, chẳng hạn như với thượng đế với đạo đức hoặc với những tập quán xã hội.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Tự do - cũng như khí trời trên đỉnh núi - đối với người yếu là không thể chịu nổi.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Sự thật thì nhìn thấy tự do cũng có nghĩa là nhìn vào mặt thần thánh.

TÁC PHẨM VĂN HỌC

Tất cả bọn họ như Tiôghiu tuyên bố: "Văn học - đó là con người". Nhưng trong đáy sâu tâm hồn mọi người đều nghĩ: "Con người - đó là văn học".

NHÀ VĂN

Để viết cần phải có nhiệt huyết sáng tạo. Để giữ được nhiệt huyết sáng tạo đó cần phải có sức khỏe.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Sự cao thượng của tinh thần nhà văn để ở phía

gáy của anh ta. Bản thân anh ta không thể nhìn thấy nó. Nếu như cứ cố muốn nhìn thấy nó bằng mọi giá thì chỉ còn cách là bẻ gãy cổ mà thôi.

CŨNG NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ

Từ xa xưa các bậc tài năng đã treo mũ ở chiếc đinh gắn trên tường cao đến nỗi những người trần thế chúng ta không với tới. Dĩ nhiên không phải vì không có giá treo mũ.

CŨNG NÓI

Bởi vì những cái giá như thế để ngổng ngang trong cửa hiệu của bất kỳ người buôn đồ cũ nào.

CŨNG NÓI

Mỗi nhà văn đều có ý thức về danh dự của người thợ mộc. Ở đây chẳng có điều gì đáng phải hổ thẹn cả. Và mỗi người thợ mộc cũng có ý thức danh dự của nhà văn.

CŨNG NÓI

Vả lại mỗi nhà văn trọng một ý nghĩa nhất định cũng đang coi giữ một cửa hiệu. Tôi không bán tác

phẩm của mình ư? Điều đó xảy ra khi không có người mua hoặc là khi có thể không bán

ĐÀN BÀ

Lý trí sáng suốt ra lệnh: "Chớ có gần đàn bà". Nhưng bản năng mạnh lại ra lệnh hoàn toàn ngược lại: "Đừng tránh đàn bà".

THIÊN NHIÊN

Nguyên nhân của tình yêu thiên nhiên của chúng ta - ít ra thì đó là một trong số các nguyên nhân - đó là vì thiên nhiên không ghen tuông, không đánh lừa như chúng ta, những con người.

NHÀ TƯ TƯỞNG TỰ DO

Chỗ yếu của nhà tư tưởng tự do là ở chỗ ông ta tự do suy nghĩ. Ông không thể nào đấu tranh cuồng nhiệt như một kẻ cuồng tín.

TÔNXTÔI

Khi bạn đọc "Tiểu sử Tônxtôi" của Biriucốp, thì rõ ràng "Lời thú tội của tôi" và "Niềm tin của tôi ở đâu" là sự giả dối. Song không một ai đau khổ như là

Tônxtôi đau khổ khi kể điều giả dối đó. Sự giả dối của ông rỉ ra dòng máu đỏ thắm còn hơn cả sự thật khác.

XTRINBÉC

Ông biết tất cả. Song ông đã không vạch ra tất cả những điều ông biết một cách trắng trợn... Không, cũng như chúng ta, ông cũng ít nhiều thận trọng.

CŨNG NÓI

Xtrinbéc trong "Những truyền thuyết" kể rằng ông đã thử xem cái chết có đau đớn không. Song nói vậy thôi chứ không thể làm thử điều đó được. Ông là một trong số những người "muốn chết nhưng không thể".

MỘT NHÀ DUY TÂM

Chính ông cũng không có một chút ngờ vực nào rằng mình là người duy vật. Tuy nhiên khi nghĩ như vậy rốt cuộc ông lại là nhà duy tâm.

TÌNH YÊU

Tình yêu đó là sắc dục được biểu hiện một cách thơ mộng. Chỉ ít thì sắc dục không được biểu hiện một cách thơ mộng không đáng được gọi tên là tình yêu.

TỰ TỬ

Có một thứ tình cảm chung duy nhất đối với tất cả mọi người đó là sự sợ chết. Không phải ngẫu nhiên mà về mặt đạo đức tự tử không được tán đồng.

CHẾ GIẾU

Ai chế giễu người khác thì chính họ lại sợ sự chế giễu của người khác.

MỘT NGƯỜI TÀI NĂNG NÀO ĐÓ

Anh ta tin là mình sẽ trở thành một kẻ vô lại chứ không phải là thằng ngốc. Song nhiều năm trôi qua anh ta không thành một kẻ vô lại mà lại thành một thằng ngốc.

TỰ HÀO

Chúng ta tự hào hơn cả với cái mà chúng ta không có. Chẳng hạn T biết tiếng Đức nhưng trên bàn anh ta bao giờ cũng chỉ có sách tiếng Anh.

THẦN TƯỢNG

Không ai phản đối hạ bệ các thần tượng. Đồng thời cũng không một ai phản đối việc người ta biến chính bản thân mình thành thần tượng.

CUỘC ĐỐI THOẠI TRONG BÓNG TỐI

1

Giọng nói - Dường như anh là con người hoàn toàn khác với con người mà ta nghĩ tới.

Tôi - Nói thế thì tôi không trả lời.

Giọng nói - Tuy nhiên chính là anh đã làm cho ta hiểu lắm.

Tôi - Tôi không bao giờ làm điều đó cả.

Giọng nói - Thế nhưng anh yêu cái đẹp - hoặc anh làm ra vẻ là anh yêu.

Tôi - Tôi yêu cái đẹp.

Giọng nói - Anh yêu cái gì nào? Cái đẹp ư? Hay là một người đàn bà.

Tôi - Cả cái này lẫn cái kia.

Giọng nói - (*Cười lạnh lùng*) Giống như là anh đã không cho điều đó là mâu thuẫn.

Tôi - Ai cho là như vậy kia? Một người yêu đàn bà có thể không thích đồ sứ cổ. Điều ấy chỉ đơn giản là vì người đó không hiểu về đẹp của đồ sứ cổ mà thôi.

Giọng nói - Nhà duy mỹ thì cần phải chọn lấy một thứ.

Tôi - Rất tiếc tôi là một con người vốn bản tính tham lam hơn là một nhà duy mỹ. Nhưng trong tương lai, có lẽ tôi sẽ chọn đồ sứ cổ chứ không chọn đàn bà.

Giọng nói - Thế có nghĩa anh là người không nhất quán.

Tôi - Làm sao lại cho đó là sự không nhất quán?

Giọng nói - Hãy thôi đi cái trò vờ vĩnh làm như anh là con người khoẻ mạnh lắm đấy! Ở bên trong anh rất yếu. Song dĩ nhiên, anh nói những điều như vậy chỉ là để tránh sự công kích từ phía xã hội mà anh phải gánh chịu.

Tôi - Có lẽ tôi muốn nói cả đến chuyện ấy. Trước hết hãy nghĩ đến một điều: nếu như tôi không tránh thì rốt cuộc tôi bị đè bẹp.

Giọng nói - Anh thật đúng là một đứa trẻ không biết hổ thẹn!

Tôi - Tôi hoàn toàn không phải biết hổ thẹn. Trái tim tôi cảm thấy lạnh giá như đọng vào băng tuyết do một việc cỡ con con nhỏ mọn nhất.

Giọng nói - Thế anh tự cho mình là con người hoàn toàn khoẻ mạnh sao?

Tôi - Tất nhiên tôi là một trong số những người khoẻ mạnh, nhưng không phải là khoẻ nhất. Nếu tôi mà là người khoẻ nhất

thì chắc chắn tôi đã ung dung mà trở thành tượng thánh như con người có tên là Gótơ.

Giọng nói - Tình yêu của Gótơ trong sáng.

Tôi - Đó là một điều giả dối. Điều giả dối của các nhà nghiên cứu lịch sử văn học. Gótơ vào lúc 35 tuổi đột nhiên chạy sang nước Ý. Đúng thế. Điều đó không có gì khác là một sự chạy trốn. Điều bí mật ấy không kể chính bản thân Gótơ, chỉ có bà Sten biết được mà thôi.

Giọng nói - Điều anh nói đó chính là sự tự vệ. Không có cái gì dễ hơn là sự tự vệ.

Tôi - Sự tự vệ không phải là chuyện dễ. Nếu nó mà dễ dàng thì vị tất đã sinh ra nghề trạng sư.

Giọng nói - Anh là lấu cá gồm! Chẳng ai muốn dính vào với anh nữa đâu.

Tôi - Tôi có cây cối và nước làm rung động trái tim tôi. Tôi còn cả hơn ba trăm cuốn sách của Nhật Bản và Trung Hoa, Phương Đông và Phương Tây.

Giọng nói - Nhưng anh đã vĩnh viễn mất độc giả của mình.

Tôi - Tôi sẽ có độc giả trong tương lai.

Giọng nói - Thế độc giả trong tương lai sẽ cho anh bánh mì để mà sống đấy ư?

Tôi - Thì ngay cả độc giả hiện nay cũng chưa

cho đủ mà. Nhuận bút thượng thặng của tôi là mười yên cho một trang.

Giọng nói - Nhưng hình như anh còn có tài sản phải không?

Tôi - Tất cả tài sản của tôi là chòm đất bằng lỗ mũi ở Khôndô. Thu nhập hàng tháng vào thời kỳ phát đạt nhất không quá ba trăm yên.

Giọng nói - Nhưng anh còn ngôi nhà. Và anh còn bộ hợp tuyển văn học mới...

Tôi - Mái nhà ấy đang đè bẹp tôi. Cái khoản thu nhập do bán bộ hợp tuyển tôi có thể biểu anh: bởi vì tôi đã thu được bốn, năm trăm yên.

Giọng nói - Nhưng anh là soạn giả bộ hợp tuyển ấy. Chỉ riêng điều đó anh cũng phải biết hổ thẹn chứ.

Tôi - Tôi hổ thẹn vì cái gì chứ?

Giọng nói - Anh đã bước vào hàng ngũ của những nhà hoạt động khai sáng.

Tôi - Giả dối. Đó là các nhà hoạt động khai sáng đã bước vào hàng ngũ chúng tôi. Làm việc vì họ.

Giọng nói - Song đầu sao anh cũng là môn đồ của Naxumê!

Tôi - Tất nhiên tôi là môn đồ của Naxumê khác thiên tài, giống như một kẻ mất trí ấy.

Giọng nói - Còn nếu như thường có những người như họ thì bao giờ họ cũng là những người mâu thuẫn.

Tôi - Đó là bằng chứng về việc tôi đang đi về phía trước. Chỉ có thằng ngốc mới tin đến cùng rằng mặt trời nhỏ hơn cái thùng tôn.

Giọng nói - Cái tính kiêu ngạo đang giết chết anh.

Tôi - Đôi khi tôi nghĩ như thế này đây: có lẽ tôi không thuộc số người sẽ chết trên giường mình.

Giọng nói - Giống như là anh không sợ cái chết ấy? Đúng không hả?

Tôi - Tôi sợ chết. Song chết không khó. Tôi đã từng quàng thông lọng vào cổ không phải một lần. Và sau khoảng hai mươi giây đau đớn tôi lại bắt đầu cảm thấy một cảm giác gì đó dễ chịu. Bao giờ thì tôi cũng sẵn sàng không một chút do dự là sẽ chết đi khi mà tôi gặp một cái gì đó khó chịu hơn là gặp phải cái chết.

Giọng nói - Thế vì sao mà anh không chết? Phải chăng trước mắt bất cứ ai thì anh cũng không phải là kẻ tội phạm nhìn theo quan điểm pháp luật?

Tôi - Tôi tán thành điều đó. Cũng như là Véclen, Vácne hoặc như là Xtrinbéc.

Giọng nói - Song anh đã không làm gì để chuộc tội cả.

Tôi - Tôi đang làm. Không có sự chuộc tội nào lớn hơn là sự đau khổ.

Giọng nói - Anh là một tên vô lại bất trị.

Tôi - Đúng hơn, tôi là một người đức hạnh. Ví như tôi là một tên vô lại thì tôi đã chẳng phải đau khổ đến thế này. Hơn nữa lợi dụng tình yêu của đàn bà tôi có thể vùi tiền của họ được.

Giọng nói - Thế thì có lẽ anh là một thằng ngốc.

Tôi - Vâng. Có lẽ tôi là một thằng ngốc. "Lời tự thú của tên ngốc" do tên ngốc viết gần gũi với tinh thần của tôi.

Giọng nói - Thêm vào đó, anh không biết cuộc đời.

Tôi - Nếu như hiểu đời mà là điều chính yếu thì những con người tháo vát sẽ đứng cao hơn mọi người.

Giọng nói - Anh khinh bỉ tình yêu. Tuy nhiên bây giờ tôi thấy suốt từ đầu chí cuối anh đặt tình yêu cao hơn tất cả.

Tôi - Không. Ngay cả bây giờ đây tôi cũng tuyệt nhiên không đặt tình yêu cao hơn tất cả. Tôi là một nhà thơ. Một nghệ sĩ.

Giọng nói - Thế chẳng phải anh đã bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ vợ, bỏ con vì tình yêu đó sao?

Tôi - Anh nói láo. Tôi bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ vợ, bỏ con chỉ vì chính bản thân tôi.

Giọng nói - Thế tức anh là một kẻ vị kỉ.

Tôi - Rất tiếc tôi không phải là kẻ vị kỉ. Tôi muốn được trở thành kẻ vị kỉ.

Giọng nói - Bất hạnh thay cho anh vì anh đã bị lây căn bệnh sùng bái hiện đại: sùng bái cái "vị kỉ"

Tôi - Về mặt này thì đúng tôi là con người hiện đại.

Giọng nói - Không so sánh được người cổ xưa và người hiện đại đâu.

Tôi - Nhưng người cổ xưa vào thời mình họ cũng là con người hiện đại.

Giọng nói - Anh không thương xót gì vợ con anh phải không?

Tôi - Lẽ nào lại có thể có người nào đó không thương xót vợ con mình được? Hãy đọc những bức thư của Gôganh.

Giọng nói - Anh sẵn sàng biện bạch cho tất cả những điều anh làm.

Tôi - Nếu tôi biện bạch cho tất cả thì chắc hẳn là tôi đã không trò chuyện với anh.

Giọng nói - Thế có nghĩa là anh sẽ không biện bạch cho bản thân mình?

Tôi - Chỉ đơn giản là tôi cam chịu theo số phận.

Giọng nói - Thế còn trách nhiệm của anh thì thế nào?

Tôi - Một phần là sự di truyền một phần khác là môi trường xung quanh, phần thứ ba là sự ngẫu nhiên, tôi chỉ có trách nhiệm có một phần thôi.

Giọng nói - Anh thật là một con người nhỏ nhen.

Tôi - Tất cả mọi người đều nhỏ nhen như tôi.

Giọng nói - Thế có nghĩa anh là kẻ theo phái xa tăng.

Tôi - Rất tiếc tôi không phải là kẻ theo phái xa tăng. Đặc biệt bao giờ cũng khinh bỉ những kẻ đó ở khu vực an toàn.

Giọng nói - (*Nín lặng một hồi*). Dù sao thì anh cũng thấy đau khổ. Hãy thú nhận đi, dù chỉ là một điều đó thôi.

Tôi - Chớ có đánh giá quá cao! Có lẽ tôi kiêu hãnh vì tôi đau khổ. Vả lại, "sợ mất đi cái đã thu được" - đối với kẻ mạnh không bao giờ xảy ra như vậy cả.

Giọng nói - Có lẽ anh là một người trung thực. Nhưng cũng có thể anh chỉ là một tên hề.

Tôi - Chính tôi cũng suy nghĩ xem tôi là ai đấy?

Giọng nói - Bao giờ anh cũng khẳng định anh là một nhà hiện thực chủ nghĩa.

Tôi - Đến mức tôi là một nhà duy tâm.

Giọng nói - Có lẽ anh sẽ chết...

Tôi - Song những cái tôi sáng tạo sẽ sáng tạo ra tôi thứ hai.

Giọng nói - Thôi, muốn đau khổ thì cứ đau khổ đi. Ta từ biệt anh.

Tôi - Khoan đã! Hãy nói cho ta biết: Anh liên tục chất vấn ta, anh là một người ta không nhìn thấy, - vậy anh là ai?

Giọng nói - Ta ấy à? Ta là thiên thần đã đấu tranh với Iacóp vào buổi bình minh của thế giới.

2

Giọng nói - Anh có một sự dũng cảm tuyệt vời.

Tôi - Không, tôi thiếu sự dũng cảm. Nếu như tôi dũng cảm thì chính tôi đã không tự nhảy vào hố băng mà chờ cho tới khi nó ngốn ngấu lấy tôi.

Giọng nói - Song trong việc anh làm có một cái gì đó nhân đạo.

Tôi - Cái gì đó nhân đạo ấy đồng thời cũng là cái gì đó là thú vật.

Giọng nói - Anh đã không làm điều gì tồi tệ. Anh đau khổ chỉ là vì chế độ xã hội hiện nay.

Tôi - Thậm chí nếu chế độ xã hội thay đổi chẳng nữa song những hành động của tôi nhất định cũng sẽ làm cho ai đó bất hạnh.

Giọng nói - Nhưng anh đã không tự chủ. Dù sao thì anh cũng còn sức mạnh.

Tôi - Đã nhiều lần tôi muốn tự tử. Chẳng hạn vì muốn cho cái chết của tôi có vẻ tự nhiên tôi đã ăn hàng chục con ruồi mỗi ngày. Nuốt ruồi sau khi đã nghiền nát là chuyện vặt. Song nếu nhai nó thì dĩ nhiên là khó chịu.

Giọng nói - Thế nhưng anh đang trở thành vĩ đại.

Tôi - Tôi không sẵn đuổi cái vĩ đại. Điều tôi muốn chỉ là hòa bình yên ổn. Hãy đọc các bức thư của Vácne. Ông ta viết rằng nếu như ông ta đủ tiền để sống với người đàn bà yêu thương và hai ba đứa con thì ông đã hoàn toàn mãn nguyện và ông đã không sáng tạo nghệ thuật vĩ đại. Đến ngay Vácne cũng như vậy. Đến ngay một người theo cá nhân cuồng nhiệt như Vácne cũng như vậy cơ mà.

Giọng nói - Dù sao thì anh cũng đau khổ. Anh là một con người không bị mất lương tâm.

Tôi - Tôi không có lương tâm. Tôi chỉ có dây thần kinh thôi.

Giọng nói - Cuộc sống gia đình của anh bất hạnh.

Tôi - Nhưng bao giờ vợ tôi cũng chung thủy với tôi.

Giọng nói - Bi kịch của anh còn có lý trí hơn của những người khác.

Tôi - Anh nói láo. Trong tấn hài kịch của tôi ít có ý nghĩa đời sống hơn của những người khác.

Giọng nói - Song anh là người trung thực. Trước khi cái gì đó vỡ lở thì anh đã tự thú tất cả với chồng người đàn bà mà anh yêu.

Tôi - Cả điều đó cũng là giả dối. Tôi không thú nhận chừng nào tôi còn đủ sức lực với điều ấy.

Giọng nói - Anh là một nhà thơ. Một nghệ sĩ. Anh được phép làm mọi chuyện.

Tôi - Tôi làm một nhà thơ. Một nghệ sĩ. Nhưng tôi cũng là một thành viên của xã hội. Không có gì ngạc nhiên khi tôi đeo cây thập tự của mình. Song dù thế, bao giờ nó cũng rất nhẹ.

Giọng nói - Anh đã quên "cái tôi" của mình. Hãy coi trọng cá nhân mình và hãy khinh bỉ đám dân chúng thấp hèn.

Tôi - Chẳng cần anh phải nói tôi cũng đã coi trọng cá nhân mình. Nhưng tôi không căm thù quần chúng nhân dân. Có lần tôi đã nói: "Cho dù châu báu có tan tành thì viên ngói kia vẫn còn nguyên vẹn". Sếchxpia, Gơrô rồi đến lúc nào đó sẽ chết. Song cái lòng đã sinh ra họ - tức nhân dân vĩ đại - sẽ không chết. Bất cứ một nghệ thuật nào dù hình thức có đổi thay đến đâu đi nữa thì nó cũng được sinh ra từ trong lòng nhân dân.

Giọng nói - Cái anh viết ra khá độc đáo.

Tôi - Không, hoàn toàn không độc đáo. Và ai mà có thể độc đáo được kia chứ? Điều mà các tài năng của mọi thời viết ra thì đã có nguyên mẫu ở mọi nơi. Tôi cũng không phải là ít khi ăn cắp.

Giọng nói - Tuy thế anh còn dạy.

Tôi - Tôi chỉ dạy những điều không thể được.

Nếu như cái đó có thể được thì tôi đã làm trước khi dạy người khác.

Giọng nói - Đừng hồ nghi về việc anh là một siêu nhân.

Tôi - Không, tôi không phải là siêu nhân. Tất cả chúng ta không phải là siêu nhân. Chỉ có mỗi Daratuxra là siêu nhân. Nhưng Daratuxra chết ra sao thì đến ngay Nitso cũng không biết.

Giọng nói - Thậm chí anh sợ cả xã hội ư?

Tôi - Thế ai là người không sợ xã hội?

Giọng nói - Hãy nhìn vào Oaidơ ba năm sống trong tù. Oaidơ nói: "Tự sát tức là thua xã hội".

Tôi - Ở trong tù nhiều lần Oaidơ nghĩ đến việc tự sát. Và ông ta không tự sát chỉ là vì ông ta đã không có cách để làm điều đó.

Giọng nói - Hãy đề bẹp cả cái thiện lẫn cái ác đi.

Tôi - Thế nhưng bây giờ tôi mong muốn nhất là trở thành người đức hạnh.

Giọng nói - Anh thật là một con người quá đơn giản.

Tôi - Không, tôi là một con người quá phức tạp.

Giọng nói - Nhưng có thể là một người điềm tĩnh. Bao giờ anh cũng sẽ có độc giả.

Tôi - Chỉ sau khi bản quyền tác giả thôi không có hiệu lực.

Giọng nói - Anh đau khổ vì tình yêu.

Tôi - Vì tình yêu à? Đối với các văn sĩ trẻ thì bất tán tụng đi là thích hợp. Tôi chỉ đơn giản là vướng phải tình yêu thôi.

Giọng nói - Bất kỳ ai cũng vướng vào tình yêu cả.

Tôi - Điều đó chỉ có ý nghĩa là bất cứ ai cũng có thể sẽ dễ dàng bị tiền bạc lôi cuốn.

Giọng nói - Anh đã bị đóng đinh trên cây thập tự của cuộc đời.

Tôi - Không có gì đáng tự hào về điều đó. Kẻ giết tình nhân của mình và cuỗm tiền của người khác cũng bị đóng đinh trên cây thập tự của cuộc đời.

Giọng nói - Cuộc sống ảm đạm đến mức ấy.

Tôi - Rõ ràng cuộc sống là tăm tối đối với mọi người trừ "một thiểu số được lựa chọn". Thế mà cái "thiểu số được lựa chọn" ấy đó chính là tên gọi khác của những tên ngốc và những kẻ vô lại.

Giọng nói - Thế thì anh cứ mà đau khổ đi! Anh có biết ta không? Ta là người chủ tâm đến để an ủi anh sao?

Tôi - Mi là con chó. Mi là con quỷ đã chui vào Phaoxtơ dưới lốt con chó.

Giọng nói - Anh đang làm gì đấy?

Tôi - Tôi chỉ có viết.

Giọng nói - Vì sao mà anh viết?

Tôi - Chỉ vì tôi không thể không viết.

Giọng nói - Thì cứ viết đi. Hãy viết cho đến khi chết.

Tôi - Tất nhiên thế. Tôi còn có cái gì khác nữa đâu.

Giọng nói - Anh là một người điềm tĩnh quá sức chờ đợi.

Tôi - Tôi hoàn toàn không điềm tĩnh một chút nào. Nếu như anh là một trong số những người biết tôi, thì chắc anh cũng đã biết những đau khổ của tôi.

Giọng nói - Nụ cười của anh đã biến đi đâu mất rồi?

Tôi - Nó đã trở về với các thiên thần trên Thiên đình. Để cho cuộc sống có nụ cười thì cần trước tiên là tính điềm đạm, thứ đến là tiền bạc, và cuối cùng là thần kinh vững vàng hơn thần kinh của tôi.

Giọng nói - Song hình như trái tim anh cũng thấy nhẹ nhõm.

Tôi - Vâng, trái tim tôi nhẹ nhõm. Thế nhưng tôi lại phải đặt lên đôi vai trần gánh nặng của cả cuộc đời.

Giọng nói - Anh chẳng còn cái gì khác hơn là cách sống của anh. Hay là cách...

Tôi - Vâng, chẳng còn gì khác hơn là cách chết của tôi.

Giọng nói - Anh sẽ trở thành con người mới khác hẳn với con người anh trước kia.

Tôi - Tôi bao giờ cũng vẫn sẽ là chính tôi. Chỉ có thay bộ da thôi. Như giồng rần...

Giọng nói - Anh biết mọi thứ.

Tôi - Không, tôi không biết mọi thứ. Điều mà tôi nhận thức được, chỉ là một phần của linh hồn tôi. Còn cái phần tôi không nhận thức được ấy là châu Phi của linh hồn tôi, thì lại trải rộng ra không giới hạn. Tôi sợ phần ấy. Quái vật không sống trong ánh sáng. Song trong bóng đêm vô tận thì vẫn có một cái gì đó đang ngủ.

Giọng nói - Và anh cũng là đứa con thơ của ta.

Tôi - Anh, anh, người đã hôn tôi, anh là ai ư? Vâng, tôi biết anh.

Giọng nói - Vậy thì theo anh ta là ai nào?

Tôi - Anh là kẻ đã tước đoạt sự thanh bình yên tĩnh của tôi. Là người phá vỡ chất Êpique của tôi. Của tôi à? Không, không chỉ của tôi. Là người mà vì hắn chúng tôi phải thủ tiêu tinh thần trung dung, do một nhà hiền triết Trung Hoa cổ đã dạy chúng tôi. Nạn nhân của anh có ở khắp mọi nơi. Cả ở trong lịch sử văn học lẫn các bài báo.

Giọng nói - Thế anh gọi ta là gì nhỉ?

Tôi - Tôi... cũng không biết gọi anh là gì cả.

Song nếu dùng từ của người khác thì anh chính là sức mạnh áp đảo chúng tôi. Anh chính là con quỷ mà chúng tôi chiếm đoạt.

Giọng nói - Hãy chúc mừng chính bản thân mình đi. Ta không đến bất cứ người nào chỉ để trò chuyện thôi đâu.

Tôi - Không, hơn bất cứ người nào khác tôi sẽ tránh anh đến. Nơi nào mà anh xuất hiện là ở đó không có thanh bình. Nhưng anh cũng như tia Ronghen có thể xuyên qua tất cả.

Giọng nói - Thế từ nay trở đi hãy phòng bị sẵn đi.

Tôi - Dĩ nhiên từ giờ trở đi tôi sẽ phòng bị sẵn. Nhưng khi mà tôi cầm bút trong tay...

Giọng nói - Khi anh cầm bút trong tay anh sẽ nói: hãy đến đi!

Tôi - Ai nói - hãy đến đi!? Tôi là một trong số những văn sĩ xoàng. Và tôi muốn là một trong số những văn sĩ xoàng. Nếu khác đi thì không tìm thấy được sự thanh bình. Nhưng một khi bút đã ở trong tay thì có lẽ tôi sẽ là tù binh của anh.

Giọng nói - Vậy thì bao giờ cũng phải chú ý. Có thể ta sẽ thể hiện lần lượt tất cả những từ của anh. Nhưng, xin tạm biệt. Bởi vì đã đến lúc nào đó ta còn trở lại.

Giọng nói. - (Một mình) Akutagava Riunôxkê!
Akutagava Riunôxkê! Hãy bám rễ sâu
trong đất! Người là cây sậy bị gió làm
lung lay. Có thể một lúc nào đó những
đám mây trên đầu người sẽ tan đi.
Nhưng phải đứng vững chân. Vì chính
bản thân người. Vì con cái người. Đừng
ảo tưởng về mình. Nhưng cũng đừng hạ
thấp mình. Và người sẽ tỉnh táo ra.

1927 (In sau khi chết)

MỘT ĐÔI NÉT VỀ AKUTAGAVA VÀ TRUYỆN NGẮN CỦA ÔNG

Sự nghiệp sáng tác của Akutagava Riunôxkê (1892-1927) là một trong những hiện tượng văn học phức tạp, mâu thuẫn, song lại hết sức hấp dẫn trong văn học Nhật Bản đầu thế kỷ XX. Ông sống vào một thời kỳ phức tạp của lịch sử Nhật Bản khi những cái cũ bị phá vỡ, những khái niệm mới, những trào lưu tư tưởng mới đang được sinh ra. Thời ông sống là thời có cuộc Đại chiến Thế giới thứ nhất, có trận động đất lớn ở Nhật (1923), bắt đầu xuất hiện văn học vô sản đồng thời với việc chủ nghĩa phát xít, quân phiệt cũng đột nhập vào văn học.

Nhiều truyện của ông đã được dịch ra các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Italia, quốc tế ngữ ở các nước châu Âu và châu Mỹ. Tại Nhật Bản, toàn tập tác phẩm của ông đã được xuất bản tới ba lần vào những năm bốn mươi và năm mươi, bên cạnh nhiều công trình biên khảo, nghiên cứu dành cho ông. Tên của ông được lấy làm tên một giải thưởng văn học dành cho các nhà văn trẻ xuất sắc của Nhật Bản.

Akutagava được coi là bậc thầy ưu tú của truyện ngắn, là một trong những người khởi đầu của nền văn học hiện đại Nhật Bản, người đã góp phần quan trọng để đưa nền

văn học ấy hòa với dòng chung của văn học thế giới. Trong cuộc đời văn học ngắn ngủi của mình, ông đã tìm tòi không mệt mỏi, đã vật lộn khá gay go quyết liệt để tự vượt lên mình, tìm cho mình một tiếng nói nghệ thuật chân chính, độc đáo.

Không ít người, kể cả bạn hữu của Akutagava gọi ông là nhà duy mỹ lãnh đạm, là người bênh vực cho thứ "nghệ thuật thuần túy", là nhà văn đứng bên ngoài cuộc sống. Nhưng thật ra ông lại là một nhà văn hiện thực với ý nghĩa hoàn chỉnh của từ đó không chỉ trong khái niệm của nghiên cứu văn học mà cả trong cuộc sống.

Đặc điểm nổi bật trong sáng tác của Akutagava là mối quan tâm của ông tới thế giới nội tâm, đến tâm lý con người: nó như một đối tượng của nhận thức chứ không chỉ là sự giải thích hành động của con người. Theo các nhà nghiên cứu, đó chính là điều mới mà Akutagava đã đưa vào nền văn học Nhật Bản. Hơn nữa, ông chỉ ra thế giới nội tâm không phải tự thân mà trong sự va chạm với thế giới xung quanh. Thực tế Nhật Bản đã làm hình thành chủ nghĩa hiện thực của Akutagava, và chủ nghĩa hiện thực ấy của ông cũng như của văn học Nhật Bản đầu thế kỷ XX được xác lập khi nó vượt qua được một bên là chủ nghĩa tự nhiên và một bên là chủ nghĩa suy đồi.



Cậu bé Riunôxkê ra đời ngày 1 tháng 3 năm 1892. Chưa đầy một tuổi, mẹ cậu đã mắc bệnh tâm thần rồi mười năm sau bà mất. Cậu đã không có được một tuổi thơ trong tình thương của mẹ. Cậu phải làm con nuôi một gia đình

người già và lấy họ của chồng bà ta là Akutagava. May thay dòng họ này có văn hóa, đặc biệt hăm mộ nền văn học cổ điển Nhật Bản, Trung Quốc, và chính người bác nuôi luôn luôn muốn thức tỉnh, khơi gợi ở đứa cháu côی cút lòng say mê văn học cổ điển.

Năm 1898, Akutagava vào học tiểu học. Chưa đầy chín tuổi, cậu đã đọc được tác phẩm *Thiên nhiên và cuộc sống*. *Hồi ức* của một trong những nhà văn nổi tiếng nhất của Nhật Bản thời đó là Tókutomi Rôca. Cũng ngay từ hồi học tiểu học, cậu đã cùng bạn hữu lập ra tờ tạp chí viết tay mang tên "Tạp chí xã hội của xứ mặt trời mọc" mà cậu vừa minh họa, vẽ bìa, vừa đóng góp phần lớn tác phẩm.

Suốt những năm trung học, rồi đại học, Akutagava là một học sinh xuất sắc và niềm ham mê lớn của ông là sách. Chính những năm ở trên ghế nhà trường là thời kỳ hình thành đời sống tinh thần của nhà văn lớn tương lai của Nhật Bản. Mỗi quan tâm của Akutagava trên thực tế bao gồm tác phẩm của rất nhiều văn hào lớn của thế giới, trong đó không ít người có ảnh hưởng đến đời văn của ông. Đó là Mópátxăng, Ipxen, Xtrinberg, Becna Sô, Tônxtoi, anh em Gôngcua, Nisô, Véclen, Đôtxtôiépki, Phlôbe, Bôđole, Phrăngxơ, Mêrimê, Sêkhốp, Gôgôn, Tuốcghehêp, v.v....

Sau khi tốt nghiệp khoa Văn học Anh và Ngôn ngữ văn học trường Đại học Hoàng gia Tôkiô (19-12-1916), Akutagava dạy tiếng Anh tại trường Cơ khí Hàng hải ở Camacura.

Ba năm sau ông trở về Tôkiô làm việc trong tòa soạn báo "Ôxaca Mainiti" và có lẽ từ đó ông mới dành trọn vẹn tâm hồn và trí tuệ của mình cho sự nghiệp văn học.



Có thể coi truyện ngắn *Cổng thành Raxiômôn* (1915) là

cái mốc đầu tiên đánh dấu thời kỳ Akutagava thực sự bước vào hoạt động văn học, được người ta nói tới như sự xuất hiện của một nhà văn lớn và thu hút ngay cả nhà văn xuất chúng của Nhật Bản thời đó là Natsumé Xôxêki. Hai năm sau (1917), Akutagava cho ra đời hai tập truyện ngắn đầu tiên. Đại đa số những truyện ngắn của ông trong thời kỳ đầu tiên này được xây dựng trên tài liệu của thế kỷ X - XII và được gọi là những truyện ngắn mang tính chất lịch sử. Thực ra lịch sử chỉ là một cái cớ để ông phản ánh hiện tại, vì như ông nói thì những truyện ngắn đó hoàn toàn không có mục đích tái hiện lại "cổ đại". Hơn nữa ông còn nói: "Tâm hồn con người thời cổ và con người hiện đại có nhiều nét chung". Quả nhiên, khi đọc truyện ngắn của ông, ta cảm thấy rõ rệt rằng những con người trong các truyện được gọi là "Truyện lịch sử" lại hoàn toàn không phải là "lịch sử" mà hầu như là con người hiện đại. Ông đặt chúng vào những hoàn cảnh khác thường và tạo nên một màu sắc hoang đường nào đó để nghiên cứu tính cách con người và để đặt ra những vấn đề đạo đức, thẩm mỹ của hiện đại.

Truyện ngắn *Cổng thành Raxiômôn* lấy từ cốt truyện cổ là như vậy. Tư tưởng chủ đạo của nó là: con người trở thành những tên trộm chỉ đơn giản là vì để có thể sống sót được. Một cuộc sống không sao chịu đựng nổi đã biến con người thành vị kỷ, thậm chí thành dã thú. Xã hội đã tước đoạt của những con người này tất cả và đến lượt mình, họ cũng đi đến bước tự "giải thoát" khỏi mọi trách nhiệm trong quan hệ với xã hội. Cả mục già đi nhờ trộm tóc của xác người chết để kiếm sống lẫn tên đầy tớ sau những giây phút do dự, dấn đo giữa tình trạng lương nan "chịu chết đói hay làm kẻ trộm" đã cướp đoạt ngay bộ kimono trên thân thể ốm yếu của mục già, dường như đều không hề nghĩ đó là điều ác, vì việc họ làm là "vạn bất đắc dĩ" theo cách "triết

lý" của mù già. Cái vị chua chát, xót xa có phần bất nhẫn ấy lại như một lời lên án sâu sắc xã hội - kẻ tội lỗi chính và là nguồn gốc sinh ra cái ác.

Những năm 1917 - 1920 là thời kỳ sáng tác khá thành công của Akutagava. Ông vẫn viết về những thói tật của con người, về sự không hoàn hảo của con người và xã hội gồm nhiều mặt mà chủ yếu là đời sống tinh thần : những vấn đề về đạo đức, tôn giáo, sự bất công của xã hội, sự xung đột của con người nhỏ bé với xã hội thù địch sẵn sàng chà đạp nó. Tiêu biểu nhất là tập truyện *Nghệ sĩ mùa rơi* (1919), tập truyện thứ ba và cũng là tập trội nhất.

Lần đầu tiên trong tập truyện này nói lên đề tài: nghệ sĩ, nghệ thuật và cuộc sống. Đó chính là truyện *Những nỗi thống khổ của địa ngục* - một trong những thiên truyện ngắn xuất sắc nhất của Akutagava. Nhiều nhà nghiên cứu Nhật Bản cho rằng truyện ngắn này là biểu hiện rõ rệt nhất tư tưởng: ưu thế của nghệ thuật đối với cuộc sống. Họ đồng nhất quan điểm của họa sĩ Ixixikhiđê (một trong ba nhân vật chính của truyện) với tác giả, thậm chí còn khẳng định rằng khi kể về số phận người họa sĩ tự tử, Akutagava đã tiên cảm đến tương lai của mình. Điều đó đã dẫn đến sai lầm khi kết luận Akutagava là người bênh vực cho tư tưởng nghệ thuật thống trị tất cả trong đó có cuộc sống, rằng nghệ thuật và cuộc sống không thể tồn tại hòa bình với nhau, rằng Akutagava đã tuyệt đối hóa nghệ thuật đối lập nghệ thuật và cuộc sống. Nếu như chỉ đọc lướt qua truyện ngắn đó, nếu chỉ phân tích một cách hình thức người ta dễ bằng lòng với kết luận trên.

Trong *Những nỗi thống khổ của địa ngục* có sự dụng độ của ba số phận: họa sĩ, con gái họa sĩ và Cụ Lớn. Để vẽ lên cảnh thống khổ của địa ngục y như thật, cần phải có

nguyên mẫu. Một cảnh chính - linh hồn của bức tranh - là cảnh cỗ xe ngựa bốc cháy cùng với một nạn nhân. Oái oăm thay nạn nhân đó lại chính là con gái nhà họa sĩ do lệnh của Cụ Lớn đưa vào. Như vậy nhà họa sĩ đã phải vẽ cái cảnh tượng khủng khiếp nhất đời là đứa con gái độc nhất của mình vật lộn, quằn quại với cái chết cực kỳ đau đớn và thê thảm trong lửa. Kiệt tác được vẽ xong. Họa sĩ tự tử. Như vậy tức là nghệ thuật đối lập với cuộc sống?

Trong bài báo *Nghệ thuật và những điều khác*, Akutagava viết: "Để sáng tạo một tác phẩm không phải tầm thường, nhà nghệ sĩ không dừng lại ngay trước cả việc hiến tâm hồn mình cho quỷ. Tất nhiên tôi cũng sẽ không dừng lại trước điều đó". Thế nhưng, ngay cả những lời như thế này của Akutagava được một số nhà nghiên cứu Nhật Bản đánh giá như là bằng chứng chứng tỏ ông đối lập nghệ thuật và cuộc sống lại cũng còn nói đến một khía cạnh rất quan trọng: sự ám ảnh của nghệ thuật. Nhà nghệ sĩ sẵn sàng hiến dâng đời mình cho nghệ thuật song không phải là sáng tạo tác phẩm đi ngược lại với cuộc sống. Hai cái đó không phải là một. Akutagava không phải nói tới việc nhà nghệ sĩ được phép làm mọi thứ cho nghệ thuật, mà là phải biết giới hạn trong việc được phép lựa chọn phương tiện chứ không theo thứ triết lý: mục đích biện hộ cho phương tiện. Mục đích của họa sĩ Iôixikiđê đã đạt là vẽ được một kiệt tác. Song phương tiện ông tìm đến là sai lầm và điều đó dẫn ông ta đến cái chết. Lôgic chính là ở chỗ ấy.

Trong mối quan hệ giữa nghệ sĩ - nghệ thuật - con gái họa sĩ, nhiều người chỉ chú ý đến tuyến nghệ thuật và con gái họa sĩ - nạn nhân của nghệ thuật, hay nói cách khác đi khi có đụng độ giữa nghệ thuật và cuộc sống thì cuộc sống sẽ chết - mà lại không đếm xỉa đến tuyến quan hệ giữa

nghệ sĩ và nghệ thuật. Ở đây không nên quên rằng khi biến mạng sống của đứa con gái mình thành nạn nhân của nghệ thuật, tức để khẳng định nghệ thuật đứng trên cuộc sống thì chính họa sĩ lôixikhidê đang tự giết mình. Và điều đó không có nghĩa là đưa cuộc sống của bản thân mình lên bàn thờ nghệ thuật, mà ngược lại là bằng chứng không thể sống, nếu anh đối lập nghệ thuật và cuộc sống. Đó mới là điều cốt tử của nghệ thuật.

Còn một khía cạnh khác nữa cũng rất đáng quan tâm. Cụ Lớn muốn biến con gái họa sĩ thành tì thiếp của mình. Do đó trước mắt nhà họa sĩ xuất hiện một vấn đề nan giải, không phải là chuyện sự sống và cái chết của đứa con gái mà là điều khác kia: cái chết của đứa con gái vì nghệ thuật hay vì ý muốn quái gở của Cụ Lớn. Cụ Lớn ở đây là hiện thân của quyền lực bao giờ cũng thù địch với nghệ thuật, là hiện thân "cái ác của xã hội tư bản, của chế độ quan liêu".

Truyện ngắn *Những nỗi thống khổ của địa ngục* có thể coi là cương lĩnh nghệ thuật của Akutagava. Phải mất ròng rã ba tháng trời làm việc liên tục, cật lực, ông mới hoàn thành được tác phẩm ấy. Dường như tất cả đều được ông nghiền ngẫm suy nghĩ sâu sắc, toàn diện và được viết lên bằng bút pháp sắc sảo, tinh tế, uẩn súc và gây được một ấn tượng mạnh mẽ.

Cũng thời kỳ này đề tài về tính vị kỷ của con người được ông viết qua nhiều truyện, song nổi bật nhất là *Sợi tơ nhện* (sử dụng mẩu chuyện ngụ ngôn do Grusenca kể cho Ahiōsa trong tiểu thuyết *Anh em Karamaróp* của Đôtxtôiépki), được chuyển thành một thứ truyện ngụ ngôn mang màu sắc Phật giáo. Vì một việc thiện hết sức nhỏ nhoi mà tên cướp Kandata đã làm từ xưa, đức Phật muốn cứu thoát hắn khỏi địa ngục bằng việc thả một sợi tơ nhện xuống cho hắn

bám vào để từ cội âm phủ lên dương thế. Song một khi đã chiếm được sợi tơ cứu mạng, lập tức hắn trở thành một kẻ tư hữu vị kỷ đến tận nhẫn và coi là kẻ thù bất cứ ai cũng muốn được cứu mạng như hắn. Và hắn phải trả giá cho tính vị kỷ đó còn bị đắt hơn xưa, vì vĩnh viễn hắn sẽ không bao giờ lập lại thời cơ ngàn năm có một để trở về với cuộc sống.

Truyện ngắn *Sợi tơ nhện* này được viết một cách hết sức cô đọng, súc tích và mang ý nghĩa triết lý sâu sắc. Chỉ có thể nhìn thấy khuôn mặt thật của con người một khi họ thách lớn lao đặt vào số phận họ. Vào khoảnh khắc ấy thì cả cái thiện lẫn cái ác, cả lòng vị tha lẫn vị kỷ mới bộc lộ ra với sức mạnh đặc biệt của nó. Truyện luôn đặt con người trước thử thách như vậy và vạch ra mặt này hay mặt khác của tâm hồn anh ta. Thử hỏi có cái gì khủng khiếp hơn địa ngục? Thử hỏi có cái gì mỏng manh hơn một sợi tơ nhện mà tên cướp Kandata đang bấu vào để thoát khỏi nơi địa ngục? Nhưng vẫn có thể thoát khỏi nó. Chỉ có điều kiện mới làm cho sợi tơ mỏng manh đó thành vũng chắc, song chỉ cần một chút xiu lòng vị kỷ, động chạm đến, lập tức nó đứt ngay.

Liên tiếp trong hai năm 1920-1921, Akutagava cho ra đời hai tập truyện ngắn *Chiếc đèn lồng kỳ diệu* và *Những đóa hoa từ ban đêm* mang tính chất quá độ chuyển sang những đề tài hiện tại chứ không cần vay mượn, tìm kiếm ở quá khứ.

Vào đầu những năm 20, khi phong trào cách mạng trong đó có phong trào của giới trí thức tiến bộ Nhật Bản phát triển, Akutagava đặc biệt quan tâm theo dõi. Các hiện tượng của cao trào cách mạng là những sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống tinh thần của nhà văn.

Chuyến đi Trung Quốc của ông (1921) với tư cách là

phóng viên tờ báo "Ôxaca Mainiti" đã góp phần hình thành những quan điểm chính trị của ông. Không thể khẳng định rằng sau khi từ Trung Quốc trở về, Akutagava trở thành nhà xã hội, song phải thừa nhận rằng sau khi tận mắt chứng kiến những cuộc đấu tranh chính trị nảy lửa ở Trung Quốc, dường như ông đã có điều kiện đánh giá tỉnh táo và đáng tin hơn những sự kiện chính trị, xã hội diễn ra tại Nhật Bản.

Và trong giai đoạn sáng tác cuối đời ông (1921-1927) Akutagava đã tìm tới những đề tài hiện đại rộng lớn khi sáng tác ra một loạt tác phẩm mang tính chất xã hội sâu sắc, chuyển từ việc phê phán sự không hoàn thiện của cá nhân tới sự không hoàn thiện của hệ thống xã hội nói chung. Trong giai đoạn sáng tác cuối cùng này, Akutagava đã hiểu thấu rằng bản chất con người không phải là cái gì trừu tượng vốn có trong mỗi cá nhân riêng biệt, mà là "tổng hòa của tất cả các mối quan hệ xã hội" như Mác nói. Chính trong giai đoạn này Akutagava đã nói một câu nổi tiếng: "Chủ nghĩa xã hội không phải là đối tượng để tranh luận xem nó là hợp pháp hay không. Chủ nghĩa xã hội là tất yếu". Dĩ nhiên ông tiếp nhận những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội với tư cách một nhà nhân đạo chủ nghĩa hơn là một nhà xã hội chủ nghĩa thực sự.

Tháng 5 năm 1923, ông cho ra đời tập truyện ngắn thứ sáu *Chiếc áo dài mùa xuân* - một tập sách biểu thị mối quan tâm lớn lao đối với những vấn đề xã hội. Chỉ có một vài truyện lấy cốt truyện từ thời cổ, còn lại là hiện đại.

Truyện ngắn *Trong rừng trúc* vay mượn từ truyện cổ mang tên: *Về người đàn ông cùng với vợ đến tỉnh Tamba bị trôi ở núi Oeiama như thế nào*. Hầu như Akutagava không thay đổi gì cốt truyện vay mượn đó. Chỉ có điều ông đã khai

thác những góc nhỏ bí ẩn, thâm kín của tâm hồn con người, và chính vì để làm điều đó, ông cần có một cốt truyện bí hiểm. Song mục đích của ông không chỉ kể các sự kiện (như cốt truyện cổ) mà là để vạch rõ những vận động tâm hồn của mỗi nhân vật, khám phá ra bản chất của họ và rồi xuất phát từ bản chất ấy mà nêu lên lý do những hành vi của họ. Đặc trưng tâm lý là điều ta không thấy trong truyện cổ trên. Để chỉ ra không những các nhân vật xử sự ra sao mà còn khám phá nguyên nhân thâm kín, những điều uẩn khúc về mặt tâm lý của các hành động nhân vật Akutagava đã đưa ra ba cách kiến giải, của người chồng, của người vợ và của tên cướp. Cả ba cách kiến giải đó về cơ bản, sự kiện không có gì thay đổi: gặp gỡ - cưỡng bức - án mạng. Song mỗi người trình bày theo cách của mình xuất phát từ bản chất của họ. Chỉ đến lúc đỉnh điểm - khi xảy ra án mạng - thì được kể khác nhau. Trên thực tế không có gì khác biệt giữa kiến giải của tên cướp - giết người chồng trong danh dự một cách hảo hán - với kiến giải của người chồng - đối mặt với tên cướp một cách cao thượng rồi tự sát. Còn kiến giải của người vợ thì như sự sát hại người chồng một cách tượng trưng bằng hành vi của mình. Hơn nữa, cách kiến giải về án mạng nếu phân tích rộng hơn, tức xem nó không chỉ là một hành động về thể chất, mà cả hành động tác động tinh thần thì có thể coi ba cách kiến giải trên vẫn có sự tương đồng. Chính tên cướp cũng đã nói toạc ra rằng: phải coi là kẻ sát nhân không chỉ là hán, mà là tất cả những kẻ đã gieo rắc cái ác trong xã hội, những kẻ đã giết không phải chính con người mà là tâm hồn con người. Khi đó tuy máu không đổ ra nhưng con người đó cũng coi như đã bị giết.

Trong cốt truyện cũ hầu như vắng bóng tính cách nhân

vật. Họa chăng chỉ thấy lơ mơ đôi chút tính chất phác của người chồng, sự lầu cá của tên cướp, và người vợ thiếu bản sắc. Tác giả khuyết danh dắt dẫn câu chuyện điem nhiên, lạnh lùng về các sự kiện. Còn Akutagava thì ngược lại. Mỗi cách kiến giải thông qua sự tiếp nhận của nhân vật này hay nhân vật khác trở thành bi kịch gay gắt, và cái chính là cùng một sự kiện được trình bày bằng ba bản vẽ khác nhau thu nhỏ lại đã biến thành sự khám phá sâu sắc các tính cách được nhà văn vẽ lên. Các kiến giải đó trở thành phương tiện khám phá về mặt tâm lý nhân vật.

Nếu như không kể đến những tiểu luận viết vào những năm cuối đời thì có thể coi truyện vừa *Đất nước của các thủy dân* của Akutagava là tác phẩm có tính chất tổng kết, biểu lộ kết quả những tìm tòi về mặt tư tưởng và sáng tác của Akutagava. Mười hai năm trôi, kể từ khi truyện ngắn nổi tiếng đầu tiên *Cổng thành Raxiômôn* (1915) cho đến truyện vừa này (ra đời tháng 3-1927 - chỉ bốn tháng trước khi ông qua đời) là quá trình Akutagava đi từ sự khám phá những thói tật của con người đến những thói tật của xã hội nói chung. Có thể xem đây là truyện biếm họa xuất sắc nhất của Akutagava với nhiều thủ pháp châm biếm, hài hước, trào lộng dả kích được sử dụng triệt để và khéo léo để vạch rõ ràng, toàn diện tính chất xã hội tư sản Nhật Bản.

Khi bản dịch truyện *Đất nước của các thủy dân* ra tiếng Anh được công bố (tháng 8-1947) tờ tạp chí *Time* đã có một bài bình luận nhan đề: "Giuylivơ trong bộ kimônô", với nhận xét sau: "Sự châm biếm của Akutagava hay đến mức không thể ngờ rằng đó lại là sự châm biếm của người Nhật". Và quả thật trong văn học Nhật Bản rất hiếm tác phẩm mang tính chất trào phúng đặc sắc và độc đáo như tác phẩm này.

Đất nước của các thủy dân ghi lại câu chuyện của một bệnh nhân tâm thần mang số hiệu hai mươi ba, kể lại gần như mọi mặt cuộc sống của loài Kappa - một thú sinh vật mang màu sắc huyền thoại sống dưới nước như những con ếch lớn có đôi mắt như người. Cái ý nghĩ sử dụng loài Kappa để thể hiện một cách châm biếm những thói tật của con người, những thói tật của xã hội tư bản đã xuất hiện ở Akutagava từ năm năm trước với truyện ngắn mang tên *Kappa* in tháng năm 1922. Đến truyện vừa *Đất nước của các thủy dân* ông đã nhân hóa sinh vật huyền thoại này một cách sinh động: Kappa là hình ảnh của con người bị tha hóa và thế giới của chúng là hình ảnh của xã hội tư sản Nhật Bản.

Nhưng cách đánh giá tác phẩm quan trọng này của Akutagava ở Nhật Bản rất khác nhau. Không ít nhà nghiên cứu cho rằng "Đất nước của các thủy dân" gần như là một tác phẩm tự thuật, rằng tư tưởng của nó không vượt ra khỏi khuôn khổ thế giới nội tâm của chính Akutagava, rằng nó chỉ là một tác phẩm hài hước vô thưởng vô phạt về một vài mặt trong cuộc sống mà chủ yếu là cuộc sống riêng. Quả thực trong tác phẩm này cũng có nhân vật có vẻ gần gũi với Akutagava. Đó là thi sĩ Tôốc. Tôốc đã tự tử và khẳng định rằng tự tử là vô nghĩa lý. Tự tử không tránh khỏi đau khổ, bởi vì nó chẳng thay đổi gì cả. Mọi thứ vẫn như cũ. Linh hồn của Tôốc hiện lên ở buổi lễ cầu hồn đã nói rằng ông ta dự định tự kết liễu đời mình ở thế giới bên kia bằng "tự phục sinh". Thế sau đó thì sao? Lại tự tử nữa chẳng? Sự tồn tại của con người thật vô nghĩa. Akutagava đã đi tới kết luận thật khủng khiếp như vậy cũng có thể xem như một tiên cảm cho tấn bi kịch của đời ông trong chế độ tư bản. Song đây cũng chỉ là một khía cạnh của tác phẩm.

Đất nước của các thủy dân vượt khỏi khuôn khổ cái tôi tác giả, nó là một tác phẩm trào phúng phê phán quyết liệt xã hội tư sản Nhật Bản hiện đại, dù Akutagava không phải là người đầu tiên phát minh ra kiểu đất nước tưởng tượng và trình bày ý kiến riêng của mình dưới dạng châm biếm. Nó đã từng có nguồn gốc từ Phrăngxơ và Swif, cũng như trong truyền thống Nhật Bản.

Akutagava không cần phải tiến hành cuộc chu du vào xứ sở của *Đất nước của các thủy dân* để khẳng định sự tồn tại của cái vòng luẩn quẩn. Nước Nhật là nước Nhật. "Cái ác do chế độ tư bản sinh ra sẽ còn sống chừng nào chủ nghĩa tư bản còn sống". Qua tác phẩm này, Akutagava biểu thị hết sức rõ nét tính chất phi lý, phản tự nhiên của cơ cấu và nếp sống xã hội đang thống trị nước Nhật. Dần dần qua từng trang tác phẩm, bạn đọc mỗi lúc được thêm nhận chân cái bộ mặt thật của một quốc gia phát xít, quân phiệt đã chà đạp và làm lộn nhào mọi khái niệm cơ bản nhất của cuộc sống. Và rồi, hầu như các mặt trái của xã hội tư sản Nhật Bản được mổ xẻ, phanh phui ra rất rõ ràng bằng ngòi bút châm biếm hết sức sắc sảo và sâu cay: từ quan niệm về chủng loại theo triết lý siêu nhân của Nisơ, từ những quan niệm về nghệ thuật thuần túy cho đến các mặt luân lý, đạo đức, ái tình, tôn giáo, luật pháp, xã hội, chính trị, chiến tranh v.v... Chính từ những điều đã nói ở trên, có nhà nghiên cứu đã cho rằng: *Đất nước của các thủy dân* là một kiệt tác, và đó là tác phẩm hoang đường hiện thực nhất của Akutagava.

*

* *

Trong cuộc đời văn chương ngắn ngủi của mình, Akutagava luôn luôn đi tìm kiếm tình cảm chân chính của

con người - lòng nhân hậu, sự vô tư, tính trung thực. Tiếc rằng những điều hay gặp hơn trong xã hội tư sản Nhật Bản lại là những cái khác - sự tính toán lạnh lùng, sự dè tiện và giả dối. Đâu phải lỗi tại ông một khi trong tay ông chiếc bút vẽ mềm mại lại được thay bằng con dao mổ của nhà phẫu thuật. Không chấp nhận cái ác của xã hội, lòng mong muốn chiến thắng cái ác đó và nhận thức về sự bất lực trong việc thực hiện lòng mong muốn thiết tha ấy của mình chẳng khác nào cái tam giác bị kịch mà Akutagava không có khả năng thoát ra là nguyên nhân chính dẫn đến cái chết bi đát của ông. Ngày hai mươi một tháng bảy năm 1927, ông uống thuốc ngủ tự tử khi mới bước vào tuổi ba mươi sáu, và mới chính thức ở trên văn đàn mười hai năm.

Cuốn *Bách khoa toàn thư văn học Nhật Bản* (1954) đã viết những dòng sau:

"Cái chết của ông (tức Akutagava) là kết thúc cao cả sự nghiệp sáng tạo của ông, và đã đưa lại sự trong sáng đặc biệt cho niềm vinh quang nghệ thuật của ông. Việc ông tự tử đã vượt khỏi khuôn khổ cá nhân, và nó được tiếp nhận như *menmento mori* như một lời cảnh tỉnh nghiêm khắc đối với đông đảo giới trí thức còn đang dao động trong việc chọn đường"

Người dịch

MỤC LỤC

Cổng thành Raxiômôn	5
Kêxa và Môritô	16
Sợi tơ nhện	30
Những nỗi thống khổ của địa ngục	37
Vụ án mạng thế kỷ "Ánh sáng"	84
Người chồng có văn hóa	103
Niềm tin của Bixây	136
Đức Chúa ở Nam Kinh	140
Mùa Thu	158
Đứa con bị bỏ rơi	180
Trong rừng trúc	189
Cúi chào	204
Cuốn tiểu thuyết ái tình	212
Đất nước của các thủy dân	224
Những lời của người Pichmê	298
Cuộc đối thoại trong bóng tối	326
Đôi nét về Akutagava và truyện ngắn của ông	344

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGÔ VĂN PHÚ

Biên tập:

VŨ ĐÌNH BÌNH

Vẽ bìa:

HOÀNG HÀ

Sửa bản in:

PHONG VŨ

Đại lý phát hành:

Nhà sách Đông Tây, 32 Bà Triệu, Hà Nội.

ĐT: 8251374 Fax: (84-4) 8251374

Nhà sách Đông Tây I, 446 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội.

ĐT: 7731436 Fax: (84-4) 7731436

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Akutagava

Phong Vũ dịch

Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 6 Nguyễn Du, Hà Nội.

Akutagava là nhà văn nổi tiếng của Nhật Bản, đã từng quen biết với bạn đọc Việt Nam qua tập truyện *Trong rừng trúc*. Tuyển tập những truyện ngắn lần này của ông do Phong Vũ chọn dịch và giới thiệu.

In 800 cuốn tại Nhà in Khoa học và Công nghệ

Giấy phép xuất bản số: 371/CXB cấp ngày 3/ 5/1999

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2000

Akutagawa

tuyển tập
truyện ngắn



Ms 340.192

Giá : 31.000đ